

TIẾT II

CÁC GIÁO HUẤN LÝ THUYẾT VÀ TRIẾT HỌC 1881-1883

Bức Thư Số 9

Nhận ngày mừng 8 tháng 7 năm 1881.

Hoan nghênh người bạn tốt và tác giả xuất sắc, hoan nghênh con trở lại! Khi cầm bức thư của con trong tay, ta thấy vui sướng khi kinh nghiệm riêng của con với nhóm được “Tuyển lựa” ở Luân đôn đã tỏ ra thành công đến như thế. Nhưng ta tiên đoán rằng trong tương lai, con sẽ còn trở thành một hiện thân của dấu chấm hỏi nhiều hơn bây giờ nữa. Con hãy coi chừng ! Nếu các câu hỏi của con tỏ ra quá sớm so với quyền hạn của nó, thì thay vì nhận được câu trả lời của ta dưới dạng thuần khiết, con sẽ thấy chúng bị biến đổi thành một mớ chuyện lảm cẩm. Ta đã đi quá xa đến mức lỡ lời khi vượt quá giới hạn của những đề tài bị cấm; đến mức mà ta không thể tránh khỏi cảm thấy – khó chịu xiết bao – giống như con giun ngày hôm qua khi đứng trước “Tảng đá Đòi đòi” là Đức Văn Minh Đại Đế. Tất cả chúng ta đều phải bị *bị mất* trước khi có thể tiến lên phía trước, bằng không thì chúng ta vẫn cứ ở ngoài vòng.

Và bây giờ còn quyền sách của con ra sao ? ^[1] *Một khắc đồng hồ của Rabelais* đang điểm và ta thấy nếu mình không hoàn toàn bị phá sản, thì cũng hơi run với ý tưởng là tập sách đầu tiên cần phải trả góp tỏ ra là đạt dưới điểm trung bình; cái giá phải trả - vốn không thỏa đáng đối với vốn liếng nghèo nàn của ta; bản thân ta vì *lợi ích chung* đã phải lấn sang lãnh vực khủng khiếp, “con đã đi đến đó và không thể đi thêm nữa”, cơn giận dữ của Đức Văn Minh Đại Đế đã làm tràn ngập bài vở của ta bằng mực xanh! Ta hi vọng rằng con sẽ không làm ta phải lung lay “địa vị của mình”.

Quả đúng như vậy. Đó là vì ta đã quá mơ hồ ý thức được con rất sốt ruột đối với ta. Ta có ý thức rất rõ rệt là con không cần như vậy. Một trong những nhu cầu bất hạnh của cuộc sống là những yêu cầu tối thượng đôi khi buộc người ta bề ngoài phải *quên đi* những ràng buộc của tình bạn để không nuốt lời hứa của mình, và phải biết trì hoãn đẹp sang một bên những mong mỏi quá sốt ruột của những kẻ sơ cơ vốn không quan trọng là bao. Một nhu cầu mà ta gọi là tối thượng chính là nhu cầu về hạnh phúc tương lai của con; việc thực hiện giấc mơ mà con đã mơ chung với S. M. Giấc mơ đó - liệu ta có thể gọi nó là một linh ảnh chẳng giữa con và bà K. ^[2] . Tại sao lại quên đi Hội Thông Thiên Học? – “là toàn bộ một kế hoạch rộng lớn để phô bày triết lý huyền bí học ra cho thế giới”. Thật vậy, sẽ có lúc phải đến, và lúc này cũng không còn xa nữa – khi tất cả các con đã hiểu ngay được những giai đoạn xét theo bề ngoài là mâu thuẫn của những sự biểu lộ đó và sự thật hiển nhiên buộc các con phải dung hòa chúng. Trong khi đó, hiện nay con nên nhớ rằng trường hợp này không đến nỗi như vậy:

^[1] Quyền Thế giới Huyền bí của ông Sinnett vừa mới được xuất bản.

^[2] Anna B. Kingsford là một nhà thần linh học người Anh đã đóng một vai trò đáng kể trong Hội Thông Thiên Học ở Anh và sau này là Chi Trưởng của Chi bộ Luân đôn. Người ta biết bà nhiều nhất qua tác phẩm “Con đường Toàn bích” được xuất bản lần đầu tiên năm 1881.

chính vì chúng ta đang chơi một trò chơi nguy hiểm mà tiền cọc là linh hồn của con người, cho nên ta yêu cầu con hãy kiên nhẫn. Con nên nhớ rằng ta phải trông chừng “Linh hồn” con cũng như linh hồn của ta, ta đề nghị làm như thế với bất cứ giá nào, cho dù có nguy cơ bị con hiểu lầm cũng như ta đã từng bị ông Hume hiểu lầm. Công việc này còn khó khăn hơn nữa do ta là người duy nhất cặm cụi canh tác trên cánh đồng và chùng nào mà ta không có thể chứng minh cho bậc thượng cấp của mình thấy rằng con ít ra cũng làm được việc và có một lòng chân thành đúng đắn. Vì ta không được thượng cấp giúp đỡ, cho nên con cũng không dễ gì mà có được sự giúp đỡ nơi cái Hội mà con hoạt động trong đó và con cố sức gây phong trào nơi đó. Trong một thời gian nào đó, con cũng chẳng thấy được có điều gì vui nơi những người trực tiếp liên quan tới việc này. Bà già đang bị đau yếu, thần kinh của bà đang căng thẳng như một sợi dây đàn; bộ óc của bà đã bị kiệt sức. H. S. O. đã đi xa rồi – bị *lưu đày* – và đang chiến đấu đòi về để *cứu rỗi* – ông đã gây nhiều tổn hại hơn mức con tưởng qua sự không kín miệng của mình ở Simla – và lập nên các trường phái Thông Thiên Học. Ông Hume đã một lần hứa hẹn trở thành một nhà vô địch chiến đấu trong Trận chiến của Ánh sáng chống lại Bóng tối – giờ đây lại giữ một thái độ trung lập về mặt vũ trang thật là ngoạn mục. Sau khi đã khám phá ra một cách dị thường rằng chúng ta là một đoàn thể những tu sĩ dòng Tên từ thời tiền hồng thủy đã hóa thạch – đã tự đăng quang bằng thuật hùng biện, ông chỉ còn biết buộc tội chúng ta là đã ngăn chặn thư từ của ông liên lạc với H. P. B. Tuy nhiên, ông còn cảm thấy một chút an ủi khi nghĩ rằng “ông sẽ có được một sự tranh luận thú vị ở *đâu đó* (có lẽ nơi hội điều loại học Angel Linnean) với một đảng được thể hiện qua danh xưng Koothoomi”. Quả thật là người bạn trí thức của chúng ta, một khi đã là bạn của nhau, thì có thể thốt ra hàng loạt những từ ngữ đủ để làm nổi lên một chiếc tàu chở quân đội với biết bao điều dối trá về thuật hùng biện. Tuy nhiên ta vẫn tôn trọng ông . . . Kế tiếp nữa là ai nào? C. C. Massey phải chăng ? Nhưng thế thì ông là một người cha bất hạnh của khoảng một nửa tá những đứa con hoang là thằng nhai ranh. Ông là một người bạn tận tụy nhất, quyến rũ nhất, một nhà thần bí sâu sắc, một người hào phóng có tâm hồn cao thượng, một nhà quý tộc chính hiệu (theo thiên hạ nói) giống như vàng thật không sợ lửa; ông đạt đủ điều kiện để trở thành một *sinh viên* huyền bí học, nhưng bạn thân mến ơi, ông chưa đủ điều kiện để trở thành một bậc *cao đồ*. Dù sao đi nữa, bí mật của ông là của riêng ông, và ta không có quyền tiết lộ. Còn Tiến sĩ Wyld thì sao ? Đó là một Ki Tô hữu cốt cán. Còn Hood thì sao? Đó là một người có bản chất dịu dàng (theo như con nói), một người mơ mộng, một người lý tưởng về các vấn đề thần bí, thế nhưng không phải là một hành giả. Còn S. Moses thì sao? Ở đây này. S. M. hầu như đã làm xáo trộn con thuyền Thông Thiên Học đã được thả nổi cách đây ba năm và y đã dùng hết sức mình làm đi làm lại, bắt chấp vong linh hướng dẫn của mình là Hoàng đế tức vong linh mang dấu +. Con nghi ngờ ư ? Con hãy lắng nghe đây.

Y có một bản chất rất kỳ quái, hi hữu. Y có năng lực về thông linh và huyền bí rất nhiều; nhưng năng lực này còn yên ngủ, còn tiềm tàng bên trong y mà y không hề biết tới. Cách đây chừng 8 năm, Hoàng đế đã để cho y sáng mắt ra và làm cho tinh thần y bốc lên cao. Từ lúc đó trở đi, y có được một cuộc sống mới, một kiếp sống hai mặt, nhưng bản chất của y không hề thay đổi. Vốn xuất thân là một sinh viên thần học cho nên y có một tâm trí lúc nào cũng đầy nghi vấn. Trước kia y đi đến núi Athos, tu nhập thất trong một tu viện, nghiên cứu tôn giáo Đông phương của Hi Lạp, chính ở đó

mà lần đầu tiên y được “*Vong linh* hướng dẫn” chú ý. Dĩ nhiên là khoa thần học giải nghi của Hi Lạp không thể giải quyết được những nghi vấn của y, cho nên y hồi hải đi tới La mã – giáo hội La mã cũng chẳng thỏa mãn được y bao nhiêu. Từ đó trở đi, y lang thang sang nước Đức với những kết quả cũng tiêu cực như vậy. Sau khi đã từ bỏ thần học Ki Tô Giáo khô khan, y vẫn không từ bỏ người giả sử là đã sáng lập ra nó, y cần có một lý tưởng và y tìm thấy nó nơi đây này. Đối với y, Chúa Jesus là một thực tại, một đấng đã từng nhập thể, nay là một *Chon linh* đã thoát xác, ngài “cung cấp cho y bằng chứng về lý lịch cá nhân của mình” mà theo y nghĩ không kém gì các “*Vong linh*” khác kể cả Hoàng đế. Tuy nhiên, cái Tinh thần bôn chôn của y không thể hoàn toàn chấp nhận tôn giáo của Chúa Jesus cùng với lời lẽ của ngài được ghi chép trong Thánh kinh mà S. M. tin là đúng sự thật. *Hoàng đế*, mà số phận sau này cũng được chuyển giao như vậy, ở trong một tình trạng cũng không khá gì hơn. Tâm trí của y quá thực tế. Một khi đã được ghi khắc lên đó, thì việc xóa những chữ được khắc vào *titanium* còn dễ hơn việc xóa những ấn tượng được ghi khắc vào bộ óc của y.

Bất cứ khi nào chịu ảnh hưởng của *Hoàng đế*, thì S. M. đều sống động với những thực tại của Huyền bí học, và sự ưu việt của Khoa Huyền bí học đối với Thần linh học. Ngay khi bị bỏ mặc một mình và chịu sự hướng dẫn độc hại của những người mà y tin tưởng rằng đã đồng nhất hóa với các *Vong hồn* thoát xác – thì tất cả lại lộn xộn ! Đầu óc của y chẳng chấp nhận một điều gợi ý nào, một lý luận nào ngoại trừ của chính mình, cũng như tất cả những điều thuộc thuyết Thần linh học. Khi những xiềng xích xưa cũ của thần học đã rơi rụng, thì y cứ tưởng mình là một kẻ tự do. Nhưng chỉ vài tháng sau, thì y đã trở thành một kẻ tâm thường nô lệ cho và là công cụ của các “*Vong linh*”. Chỉ khi đứng đối diện với *Bản ngã bên trong* thì y mới nhận ra được sự thật là có một điều gì đó còn cao cả hơn câu chuyện huyền thoại của các *Vong linh* giả hiệu. Chính vào lúc đó mà lần đầu tiên y nghe tiếng nói của *Hoàng đế* mà theo cách diễn tả của y “giống như tiếng nói của Đức Chúa Trời nhấn nhủ với Bản ngã bên trong của mình”. Trải qua năm tháng, y dần dần quen thuộc với tiếng nói này, thế nhưng y rất thường khi không quan tâm tới nó. Có một câu hỏi đơn giản là: Liệu Hoàng đế có khiến cho ý chí của S. M. phải hoàn toàn tuân phục ý chí của mình vào lúc này không; liệu y có tin, thậm chí có *biết* rằng mình được như vậy không ? Những qui luật minh triết và không thể vi phạm cấm chúng ta, các vị cao đồ (nghĩa là các *Chon linh* đang hiện thân) không được ép buộc một người khác có ý chí yếu hơn hoàn toàn tuân phục ý chí mình vì con người sinh ra vốn được tự do. Việc dùng ý chí ép buộc người khác là cách thức mà các “*Huỳnh đệ Bóng tối*” ưa cầu cứu tới, đó là những Pháp sư phù thủy, những Âm ma; nhưng có một ngoại lệ đặc biệt là các *Chon linh* Hành tinh *cao siêu nhất*, các ngài không còn có thể sai lầm nữa. Nhưng các đấng này chỉ xuất hiện trên Trái đất vào lúc bắt đầu một giống dân *mới*, vào buổi giao thời hoặc lúc kết thúc hai đầu mút của một chu kỳ lớn, và các ngài chỉ ở lại với con người không lâu hơn mức cần thiết để cho các chân lý vĩnh hằng mà các ngài giảng dạy được ghi khắc ép buộc lên tâm trí mềm dẻo của giống người mới để bảo đảm cho những chân lý này không bị thất truyền trong những thời gian sau và không bị những thế hệ sau này lãng quên đi. Sứ mệnh của các *Chon linh* Hành tinh là chỉ trời lên NỐT CHỦ ÂM CỦA CHÂN LÝ. Một khi ngài đã điều động sức chấn động của chủ âm này chạy dọc theo lộ trình của nó không gián đoạn, xuyên suốt chuỗi mắt xích của giống dân cho tới lúc kết thúc chu kỳ - cư dân các cõi cao nhất có người ở đã biến mất khỏi bề mặt trái đất – thì mới có

sự phục sinh sau đây của xác thịt. Những chấn động của Chân lý Nguyên sơ là điều mà các triết gia gọi là các “ý niệm bẩm sinh”.

Hoàng đế đã nhắc đi nhắc lại với y rằng chỉ có “trong huyền bí học thôi thì y mới có thể tìm kiếm và tìm thấy một giai đoạn chân lý mà y chưa biết”. Nhưng điều này không hề ngăn cản S. M. quay lưng đi với huyền bí học bất cứ khi nào thuyết huyền bí học mâu thuẫn với một trong những ý niệm Thần linh học mà y đã chấp nhận là tiên kiến. Đối với y, thuật đồng cốt giống như bản Hiến chương của sự tự do của Linh hồn, giống như sự phục sinh của cái chết Tâm linh. Y chỉ được phép hưởng thụ nó chừng nào mà nó còn cần cho việc xác nhận đức tin của y, y được hứa hẹn là điều bất bình thường sẽ nhường chỗ cho điều bình thường, y được lệnh chuẩn bị để đến lúc Bản ngã bên trong y sẽ có ý thức được về sự tồn tại độc lập tâm linh của mình, sẽ hành động và nói chuyện trực diện với vị Huân sư, sẽ sống cuộc sống của mình trong các Cõi Tâm linh một cách bình thường tuyệt nhiên không có thuật đồng cốt cả bên ngoài lẫn bên trong. Thế nhưng, một khi có ý thức về điều mà ông gọi là “tác động của Vong linh từ bên ngoài” thì y không còn phân biệt được ảo giác với sự thật nữa, không phân biệt được điều giả với điều thật: đôi khi y lẫn lộn các Tinh linh Ngũ hành với các Âm ma, lẫn lộn Chơn linh hiện thân với Chơn linh đã thoát xác, mặc dù “Tiếng nói của Đức Chúa Trời” thường nhấn nhủ và cảnh báo y về “các vong linh lượn lờ bên trên cõi của Trái đất”. Y tin chắc rằng mình luôn luôn hành động theo sự hướng dẫn của Hoàng đế và các vong linh lượn lờ đến với y như thế cũng là được phép của “vong linh hướng dẫn” y. Có cả một trường hợp bà H. P. B. có mặt do sự đồng ý của Hoàng đế và làm sao mà con có thể dung hòa được những điều mâu thuẫn như vậy? Kể từ năm 1876, theo lệnh trực tiếp, bà H. P. B. có ra sức làm cho y thức tỉnh với điều đang diễn ra xung quanh và nơi chính y. Việc bà phải hành động hoặc là theo hoặc là *chống lại* với ý chí của Hoàng đế - y ắt phải biết như vậy vì trong trường hợp chống lại ý chí Hoàng đế bà ắt khoe khoang là mình mạnh hơn, có nhiều quyền năng hơn “vong linh hướng dẫn” chưa bao giờ phản đối sự xâm nhập này. Thế mà điều gì đã xảy ra vậy? Năm 1876, khi viết thư cho bà từ đảo Wight, bàn về một linh ảnh kéo dài trong hơn 48 giờ đồng hồ liên tiếp mà y có được trong khi vẫn đang đi đi lại lại, nói chuyện như thường lệ nhưng không nhớ được bất cứ một điều gì xảy ra bên ngoài, y yêu cầu bà hãy nói cho y biết liệu đây là một linh ảnh hay là một ảo giác. Thế tại sao y không hỏi Hoàng đế? “Bà có thể nói cho tôi biết vì bà có ở đó mà” y nói trong thư như vậy . . . “Bà đã thay đổi, thế nhưng bà vẫn là chính mình nếu bà có một *Bản ngã* . . . Tôi giả sử rằng bà có, nhưng tôi cũng chẳng tò mò chuyện đó làm chi” . . . Trong một dịp khác, y thấy bà ở trong thư viện của chính y, nhìn nhìn y, tiến lại gần y và làm một số dấu của Hội Tam điểm mà y có biết. Y thừa nhận rằng y “trông thấy bà cũng rõ rệt như khi y thấy Massey vốn có mặt ở đó”. Y còn thấy bà nhiều dịp khác nữa, đôi khi biết đó là H. P. B., mặc dù không nhận ra được bà. Đối với tôi xét theo dáng vẻ, cũng như những bức thư của bà, đôi khi bà có vẻ rất khác lạ, thái độ tâm trí của bà cũng rất khác thường đến nỗi mà tôi có thể hoàn toàn quan niệm rằng bà là một mớ các Thực thể (người có thẩm quyền nói với tôi như vậy) . . . Tôi *tuyệt đối* tin tưởng vào bà”. Trong mỗi bức thư, y đều hô hoán lên là có một bậc “Huynh trưởng *sống động*” đã nói dứt khoát với y rằng có một người chịu trách nhiệm về y mà y kịch liệt phản đối. Khi được giúp đỡ xuất ra khỏi thể xác *vật chất*, vắng mặt trong thể xác hàng giờ và đôi khi hàng ngày, mà bộ máy trống rỗng của y vẫn chạy đều đều trong thời gian đó được điều hành từ xa do

một ảnh hưởng *ngoại lai sống động* – thì ngay khi trở về y bắt đầu làm việc với một ấn tượng không thể xóa nhòa rằng lúc nào mình cũng là một cái xác của đáng thông tuệ *khác*, một Chơn linh đã thoát xác nhưng bây giờ không hiện thân nữa, *sự thật* chưa một lần nào chói rạng trong tâm trí y. Ông có viết thư cho bà rằng: “Hoàng đế đã vượt xa ý tưởng của bà về thuật đồng cốt. Hoàng đế bảo rằng không có sự mâu thuẫn thực sự nào giữa một người đồng cốt và một bậc cao đồ”. Nếu y dùng từ “nhà thấu thị” thay vì là “người đồng cốt”, thì ý tưởng này ắt đã trở nên chính xác hơn, vì một người hiếm khi nào là một cao đồ nếu khi mới sinh ra không phải là một nhà thấu thị bẩm sinh. Lại nữa, vào tháng 9 năm 1875, y chẳng biết gì về các Huynh đệ Bóng tối là những Kẻ thù vĩ đại nhất, độc ác nhất và (tại sao lại không dám thú nhận) nhiều tiềm năng nhất^[1] của chúng ta. Vào năm đó, y thực thà hỏi bà già liệu Bulwer có vừa ăn những miếng thịt lợn tái (chưa chín) vừa mơ mộng khi y mô tả về “các Kẻ giữ cửa chặn ngõ xấu xí” chẳng. Bà có trả lời: “Bạn hãy sẵn sàng đi, trong vòng 12 tháng sắp tới bạn sẽ phải giáp mặt và chiến đấu với nó”. Vào tháng 10 năm 1876, kẻ giữ cửa chặn ngõ bắt đầu công việc đối với y. Trong thư y có viết: “Tôi đang chiến đấu, một trận giáp lá cà với cả một đạo quân tà ma trong vòng 3 tuần vừa qua. Những đêm đen của tôi trở nên xấu xa khi chúng hành hạ, cám dỗ và đưa ra những gợi ý tục tằn đối với tôi. Tôi thấy chúng lẩn quẩn quanh mình, đăm đăm nhìn vào tôi, nói bá láp bá xàm vào tai tôi, tru tréo lên và cười nhạo cười nhử ! Mọi hình thức gợi ý tục tĩu, gây nghi ngờ hoang mang, làm cho phát điên và hù nhát cho giật mình đều giáng xuống tôi . . . Bây giờ tôi có thể hiểu được Kẻ giữ cửa chặn ngõ của Zanon . . . Tôi không chịu chao đảo đâu . . . Sự cám dỗ của chúng bắt đầu yếu đi, chúng ít hiện diện cận kề tôi hơn, và cũng ít khủng bố hơn . . .”

Có một đêm, bà phủ phục trước mặt Thượng cấp (là một trong số ít người mà chúng sợ) cầu khẩn ngài hãy nhón tay làm phúc, kéo S. M. sẽ chết, và Hội Thông Thiên Học sẽ mất đối tượng tốt nhất của mình. Câu trả lời là: “Y phải bị thử thách”. Y tưởng tượng rằng *Hoàng đế* vong linh mang dấu +, đã gửi những người cám dỗ tới vì chính y (S. M.), là một trong những ông Thánh Thomases phải *thấy* mới tin; y *không* tin rằng vong linh mang dấu + có thể giúp cho những kẻ cám dỗ đến với y. Nếu y phải được giám sát, thì y không thể trục xuất được các kẻ cám dỗ đi, trừ phi nạn nhân (tức là kẻ sơ cơ) tỏ ra là người mạnh mẽ nhất. Nhưng phải chăng những kẻ tà ma mang hình người này liên minh với Âm ma để chuẩn bị y cho một cuộc sống mới mà y nghĩ rằng mình sẽ phải chịu ? Hiện thân của những ảnh hưởng bất lợi này đã cản trở Bản ngã bên trong của y phấn đấu để được tự do và tiến bộ, chúng sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa nếu y khuất phục được chúng một cách thành công qua việc khẳng định Ý CHÍ độc lập của mình, qua việc từ bỏ thuật đồng cốt và ý chí *thụ động*. Thế nhưng chúng đã trở lại.

Con có nói “Hoàng đế (tức vong linh mang dấu +) chắc chắn không phải là thể phách của y và chắc chắn hơn nữa, Hoàng đế không xuất phát từ một thể giới thấp hơn thể giới chúng ta vì đó không phải là một Vong linh vương vòng tục lụy”. Chưa ai nói y làm một điều gì giống như thế. H. P. B. chưa bao giờ nói với con rằng Hoàng đế là *thể phách* của S. M., nhưng Hoàng đế thường nhầm lẫn coi như mình là *Chơn ngã* của S. M., là *atman* thiêng liêng của y chứ không phải là *Linga Sarira* tức là thể phách của y, hoặc là *Kama rupa*, cái *ảo thân* độc lập. Lại nữa, vong linh mang dấu + không thể

^[1] Chẳng hiểu có phải là nhiều quyền năng nhất hay chẳng ?

cải lại y, vong linh mang dấu + không thể không biết gì về sự thật mà S. M. rất thường trình bày sai lạc, vong linh mang dấu + không thể rao giảng Khoa huyền bí học để rồi lại bênh vực thuyết đồng cốt, ngay cả dưới dạng cao siêu nhất mà đệ tử của mình mô tả. Thuật đồng cốt là không bình thường. Khi được phát triển thêm nữa, thì điều không bình thường phải nhường chỗ cho điều bình thường, những vong linh *kiểm soát* phải bị gạt bỏ và sự vắng lời thụ động không còn cần thiết nữa, lúc bấy giờ người đồng tử học cách sử dụng ý chí của mình, vận dụng quyền năng của chính mình và trở thành một bậc cao đồ. Tiến trình này là một trong những sự phát triển mà kẻ sơ cơ phải đi cho đến cùng. Chừng nào mà y còn phải trải qua những sự xuất thần năm thì mười họa, y không thể là một cao đồ được. S. M. trải qua hai phần ba thời gian trong trạng thái Xuất thần.

Còn về câu hỏi của con “liệu Hoàng đế có phải là một “Chơn linh Hành tinh” và liệu một Chơn linh Hành tinh có lâm phạm mang xác người chăng”, trước hết ta xin nói rằng không thể có một Chơn linh Hành tinh nào đã từng mang xác vật chất mà con gọi thuộc về loài người. Khi Đức Phật vĩ đại của chúng ta – là đáng bảo trợ cho mọi bậc cao đồ, là đáng cải cách và thiết lập điển chế của hệ thống huyền bí học – đã là người đầu tiên đạt được *Niết Bàn* trên trần thế, thì ngài trở thành một Chơn linh Hành tinh, nghĩa là tinh thần của ngài có thể cùng một lúc vân du trong không gian liên tinh tú *với ý thức trọn vẹn* và ngài tiếp tục tùy ý ngự trên Trái đất trong thể xác nguyên thủy cá biệt của ngài. Đó là vì khi Chơn ngã thiêng liêng đã hoàn toàn giải thoát khỏi vật chất, thì nó có thể tùy ý tạo ra một điều trong nội giới thay thế cho chính nó và rời bỏ hình hài con người trong hàng ngày, hàng tuần, đôi khi hàng năm mà tuyệt nhiên không làm ảnh hưởng gì tới nguyên sinh khí tức tâm trí phạm trần của cơ thể. Nhân tiện xin nói, đây là dạng cao nhất của quả vị cao đồ mà con người có thể hi vọng đạt được trên hành tinh này. Nhưng nó cũng hiếm hoi như chính các Đức Phật, vị Khobilgan cuối cùng đạt tới quả vị Phật là Tsong-ka-pa ở Kokonor (vào thế kỷ XIV) ngài là đáng cải cách Lạt ma giáo bí truyền cũng như Lạt ma giáo dung tục. Có nhiều đáng đã “phá được ngã chấp”, nhưng rất ít người một khi đã phá được ngã chấp lại có thể hoàn toàn vận dụng được *Nirira namastaka* khi hoàn toàn ở bên ngoài thể xác. Đối với một số người sự sống *hữu thức* nơi Tinh thần cũng khó khăn chẳng kém gì sự bơi lội đối với một số thể xác. Mặc dù cơ thể con người nói chung là nhẹ hơn nước, và mặc dù mọi người đều sinh ra có năng khiếu bơi, nhưng rất ít người phát triển được cái thuật bước trên nước đến nổi mà việc chết chìm là tai nạn thường xuyên nhất. Chơn linh Hành tinh thuộc loại đó (giống như Đức Phật) có thể tùy ý chuyển sang các thể xác khác làm bằng loại vật chất tinh anh hơn hoặc thô trực hơn và ở nơi những vùng khác trong Vũ trụ. Có nhiều cấp và bậc khác, nhưng không có một cấp *riêng rẽ* và được cấu tạo một cách vĩnh hằng nào bao gồm các Chơn linh Hành tinh. Liệu Hoàng đế có phải là một “Chơn linh Hành tinh” đang hiện thể hoặc đã thoát xác thì ta không có quyền tự do nói ra, cũng giống như bản thân y không có quyền nói với S. M., ta là ai hoặc có thể là ai, hoặc thậm chí H. P. B. là ai. Nếu chính Hoàng đế quyết định im lặng về vấn đề này, thì S. M. không có quyền hỏi *ta*. Nhưng thế thì anh bạn S. M. của ta ắt phải biết. Thật vậy, y tin rằng mình biết, đó là vì trong khi giao tiếp với nhân vật ấy, đã có một lúc mà vì không thỏa mãn với những lời quả quyết của vong linh mang dấu + hoặc vì không đồng ý tôn trọng ước muốn của vong linh này, theo đó Hoàng đế phải là một con người vô ngã, không ai biết tới ngoại trừ tước hiệu được giả định này,

thì S. M. có đấu tranh với Hoàng đế (giống như Jacob trong Thánh kinh) trong hàng tháng trời về vấn đề *lai lịch* của vong linh này. Thế là câu chuyện bịp bợm trong Thánh Kinh trở đi trở lại mãi: “Con xin ngài hãy cho con biết danh tính” và mặc dù được trả lời rằng: “Vì có làm sao con lại hỏi danh tính của ta”. Tên tuổi thì có ích lợi gì? Hoàng đế cho phép S. M. coi mình như là một cái tủ đựng quần áo. Thế mà giờ đây y lại bằng lòng, vì y đã “thấy Chúa Trời mặt đối mặt”; sau khi đã chiến đấu và thấy rằng mình không thắng được thì y bèn nói: “Hãy để cho ta đi” và bắt buộc phải đạt tới sự thỏa hiệp với những điều kiện mà S. M. đã đề ra giống như Jacob trong Thánh kinh. Muốn biết thêm chi tiết con nên theo lời khuyên của ta mà đặt ra câu hỏi với bạn của con. Tại sao y lại “bồn chồn trông đợi” câu trả lời của ta vì y thừa biết về vong linh mang dấu + mà? Phải chăng vì “Vong linh” *có một ngày kia đã kể cho y một câu chuyện, một chuyện kỳ quặc mà y không thể tiết lộ về bản thân mình được và cảm y không được nhắc tới nó?* Y còn muốn gì nữa ? Cái sự kiện đó mà y tìm cách học hỏi thông qua ta về thực chất của vong linh mang dấu +, chính là một bằng chứng hùng hồn tự thân nó cho thấy rằng vong linh này không chắc chắn về lai lịch của mình như y tin tưởng hoặc đúng hơn là làm cho người khác tin tưởng. Hay đây chỉ là vấn đề một cái bình phong? Biết thế nào là đúng?

Ta có thể trả lời con về điều mà ta đã nói cho G. Th. Fechner vào một ngày nào đó, khi y muốn biết quan điểm của người Ấn độ về điều mà y đã viết ra: “Con có lý . . . ‘mọi viên kim cương, mọi tinh thể, mọi cây cối và mọi ngôi sao đều có hồn riêng của mình, chứ đừng nói chỉ tới con người và con thú . . .’ ‘có một huyền giai các loại hồn từ dạng vật chất thấp nhất lên mãi tới Hồn Thế giới’, nhưng con sẽ sai lầm khi thêm vào điều nói trên sự quả quyết rằng ‘vong linh của người quá cố có liên lạc thông linh *trực tiếp* với các Linh hồn vẫn còn liên kết với một xác người’ vì điều này không hề xảy ra”. Chỉ có vị trí tương đối của các thế giới có người ở trong Thái dương hệ mới ngăn ngừa một khả năng như thế xảy ra. Đó là vì ta tin rằng con đã từ bỏ cái ý tưởng kỳ quặc – là kết quả tự nhiên của việc được huấn luyện theo Ki Tô Giáo trước kia – theo đó không thể có những trí thông minh của *con người* ở nơi những vùng *thuần túy tâm linh*. Bấy giờ con sẽ dễ dàng hiểu được sự sai trái của các Ki Tô hữu – họ đốt cháy những linh hồn *phi vật chất* trong một địa ngục *vật chất* theo kiểu cối trần – cũng như lỗi lầm của những nhà thần linh học có giáo dục hơn, họ tự ru ngủ mình bằng cách suy nghĩ là bất cứ một công dân nào trong hai thế giới tương quan tương duyên trực tiếp với thế giới ta, đều có thể liên lạc được với họ. Cho dù các Tinh thần thuần túy có thể là tinh anh và đã tẩy trừ khỏi vật chất thô, thì họ vẫn còn phải chịu các luật vật chất trên cối trần và trong vũ trụ. Cho dù họ có thể bắc cầu vượt qua vực thẳm ngăn cách thế giới của họ với thế giới của ta thì họ cũng không được phép. *Họ có thể đến viếng thăm cõi của Chơn linh*, nhưng Chơn linh không thể giáng xuống với ta. Các ngài có thể thu hút, nhưng các ngài không thể bị thu hút, cực tính Tâm linh của các ngài là một khó khăn trên đường đi mà ta không vượt qua được. (Nhân tiện xin nói, con không được tin tưởng quyển *Nữ thần Isis lộ diện* theo sát từng chữ một. Quyển sách này chẳng qua chỉ là một nỗ lực toan tính làm cho các nhà Thần linh học khỏi chú tâm tới những quan niệm tiên kiến của mình về thực trạng của sự vật. Tác giả của nó được lệnh ám chỉ và nêu rõ theo chiều hướng đúng đắn bảo rằng sự vật *không phải là gì*, chứ không bảo sự vật là gì. Mặc dù có sửa bản in thử, nhưng vẫn có một vài lỗi lầm thực sự đã lên vào được ở các trang in chẳng hạn như trang 1, chương I, quyển I, trong

đó người ta để cho Bản thể thiêng liêng là phân thân của Adam thay vì ngược lại mới đúng).

Một khi đã khởi đầu thuận lợi về đề tài này, thì ta cố gắng giải thích cho con rõ đâu là chỗ không thể được. Lúc đó ta sẽ trả lời cho con về cả Chơn linh Hành tinh lẫn các “Vong linh” trong phòng lên đồng.

Chu kỳ tồn tại thông minh bắt đầu nơi các thể giới hoặc *hành tinh* cao nhất – thuật ngữ “cao nhất” ở đây có nghĩa là hoàn toàn nhất về mặt tâm linh. Khi tiến hóa ra từ vật chất vũ trụ - vốn có *akasa*, môi trường nguyên sơ chứ không phải là môi trường mềm dẻo thứ cấp, tức là chất Ether mà Khoa học đã phỏng đoán theo bản năng, mặc dù chưa chứng minh được phần còn lại – con người trước hết tiến hóa từ loại *vật chất* này ở trạng thái tinh vi nhất, xuất hiện trước ngưỡng cửa của Vĩnh hằng với vai trò là một Thực thể hoàn toàn *Tinh anh* chứ không phải là một Thực thể Tâm linh, nghĩa là một Chơn linh Hành tinh. Y chỉ mới thoát thai từ Bản thể Thế giới Tâm linh và đại đồng vũ trụ - tức *Anima Mundi* của người Hi Lạp, tức là điều mà nhân loại trong khi suy thoái về mặt tâm linh, đã làm bại hoại thành ra một Thượng đế nhân hình thần thoại. Từ đó trở đi, vào giai đoạn này, con người Tinh thần cùng lắm cũng chỉ là một Quyền năng *tác động*, một Nguyên khí *bất di bất dịch* vì thế cho nên *không biết suy tư* (thuật ngữ “bất di bất dịch” lại được dùng ở đây để biểu thị cái trạng thái nhất thời, tính bất di bất dịch ở đây chỉ được áp dụng cho các nguyên khí bên trong vốn sẽ bị triệt tiêu và biến mất ngay khi tia lửa của vật chất nơi y bắt đầu công tác Tiến hóa và chuyển hóa theo chu kỳ). Sau đó khi giáng xuống tỉ lệ với việc vật chất càng ngày càng tăng thì y sẽ càng ngày càng khẳng định tính hoạt động của mình. Thế mà tập đoàn các thể giới tinh tú (bao gồm cả bầu hành tinh trái đất) có những thực thể thông minh sống trên đó, có thể được so sánh với một tinh cầu hoặc đúng hơn là một vòng ngoại luân tạo ra bởi những vòng giống như một sợi dây xích bao gồm các thể giới tương quan tương duyên với nhau mà toàn thể biểu diễn một chuỗi vô tận tưởng tượng. Sự tiến hóa của con người qua suốt tổng thể này – từ điểm khởi đầu cho tới điểm kết thúc, hội tụ ở điểm cao nhất của chu vi – chính là điều mà ta gọi là *Maha Yuga* tức Chu kỳ Lớn, tức là *Kuklos*, cái đầu của nó bị khuất trong cái vương miện Tinh thần *tuyệt đối*, còn điểm thấp nhất của nó trên chu vi là vật chất *tuyệt đối* nghĩa là cái điểm nơi mà nguyên khí *hoạt động* không còn tác động nữa. Nếu dùng một thuật ngữ quen thuộc hơn, thì ta sẽ gọi Đại Chu kỳ là *Đại Vũ trụ*, còn các thành phần của nó tức các thể giới tương quan tương duyên là *Tiểu Vũ trụ*, lúc bấy giờ ta sẽ thấy rõ ngụ ý của các nhà huyền bí học khi biểu diễn mỗi tiểu vũ trụ là một bản sao hoàn hảo của đại vũ trụ. Chu kỳ Lớn là Nguyên hình của chu kỳ nhỏ và vì thế, đến lượt mỗi thể giới tinh tú đều có chu kỳ Tiến hóa của riêng mình bắt đầu bằng một bản chất tinh anh hơn và kết thúc bằng một bản chất có tính cách vật chất hơn hoặc thô trực hơn. Khi giáng xuống, mỗi thể giới tự nhiên là biểu hiện ra một cách mờ nhạt hơn để rồi ở *điểm đối chân* trở thành vật chất *tuyệt đối*. Vì bị thôi thúc bởi xung lực tuần hoàn không cưỡng nổi, cho nên Chơn linh Hành tinh phải giáng xuống trước khi ngài có thể thăng lên trở lại. Trong lộ trình này ngài phải băng qua toàn thể cái thang Tiến hóa, không để bỏ sót một bậc thang nào, khi tạm dừng lại ở mỗi thể giới tinh tú thì ngài coi đó là một trạm nghỉ chân, ngoài ra cái chu kỳ không thể tránh khỏi phải lần lượt ghé vào mỗi thể giới tinh tú đặc thù đó để hoàn thành ở đó “*chu kỳ sống*” của chính mình, nghĩa là ngài phải trở lại luân hồi nhiều lần khi chưa hoàn tất chu kỳ sống của mình ở đó, giống như khi

người ta chết đi mà chưa tới tuổi có lý trí (quyển *Nữ thần Isis lộ diện* đã nêu rõ một cách chính xác như vậy). Cho đến nay, ý tưởng của bà Kingsford theo đó Bản ngã con người phải luân hồi liên tiếp qua nhiều hình hài con người là đúng sự thật. Còn về việc nó phải tái sinh trong hình hài của con thú sau khi đã nhập thể xác *người*, thì đó là kết quả của việc bà diễn tả các sự vật và các ý tưởng một cách lơ mơ, chỉ là một NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÁC THÔI, cứ như vậy mãi. Tại sao bà lại lẫn lộn “Linh hồn với Tinh thần”, lại không chịu phân biệt hồn thú với hồn linh, không phân biệt được *Jivatma* (tức *Linga Sarira*) với *Kama rupa* (tức *Atma Rupa*) hai thứ này là hai thứ khác nhau, giống như thể xác khác với tâm trí, và *tâm trí* lại khác với *tư tưởng*. Điều xảy ra là như sau. Có thể nói là sau khi vòng vòng dọc theo vòng cung của chu kỳ bên trong chu kỳ đó (sự quay vòng trong một ngày và trong một năm của Trái đất là một ví dụ minh họa điển hình của việc này), khi con người Tinh thần đạt tới hành tinh ta (vốn là một hành tinh thấp nhất) thì ở mỗi một trạm nghỉ chân nó đã mất đi một phần tinh anh để thu thêm được một phần vật chất, cả tinh thần lẫn vật chất đều trở nên hoàn toàn quân bình nơi con người. Nhưng rồi y phải hoàn thành chu kỳ trên Trái đất, và trong tiến trình giáng hạ tiến hóa, tức tiến hóa theo chiều đi xuống, vật chất bao giờ cũng phấn đấu để trấn áp tinh thần, khi đạt tới điểm thấp nhất của cuộc hành trình, Chơn linh Hành tinh đã từng có thời là tinh anh thấy mình rút cuộc chỉ thu gọn lại thành ra cái mà Khoa học đồng ý gọi là con người Nguyên sơ hay nguyên thủy, sống giữa một thiên nhiên cũng nguyên thủy xét về mặt địa chất học, vì thiên nhiên vật thể vẫn theo bết gót con người sinh lý cũng như con người tâm linh trong đời sinh hoạt theo chu kỳ của y. Ở mức đó, THIÊN LUẬT vĩ đại bắt đầu công việc tuyển chọn của mình. Vật chất hoàn toàn tách rời khỏi tinh thần bèn bị đùn sang một thế giới còn thấp hơn nữa trở thành “GATI” thứ sáu, tức là “đường luân hồi” bao gồm các thế giới khoáng vật, thực vật và các hình thái động vật nguyên sơ. Từ đó trở đi, vật chất đặt căn bản nơi lò luyện thiên nhiên bèn diễn biến theo kiểu *không có linh hồn*, trở về với Suối nguồn Đất Mẹ; còn các Chơn ngã đã được tẩy trược khỏi mọi cặn bã lại có thể tiến bộ thêm một lần nữa. Lúc bấy giờ chính các Bản ngã lạc hậu sẽ bị tiêu diệt hàng triệu người. Đó là giờ phút long trọng của “sự sống còn của kẻ nào thích hợp nhất” và những kẻ không thích hợp sẽ bị hủy diệt. Như vậy, chỉ có vật chất (tức con người vật chất) mới bị bắt buộc (do sức nặng của chính mình) giáng xuống tận đáy của “vòng tròn thiết yếu” để rồi khoác lấy các hình thái động vật nơi đó, còn kẻ chiến thắng trong cuộc chạy đua qua khắp các thế giới (tức là Chơn ngã Tâm linh) sẽ lại thăng lên từ ngôi sao này sang ngôi sao khác, từ thế giới này sang thế giới khác, cứ vòng vòng tiến lên để lại trở thành Chơn linh Hành tinh đã từng có lần tinh anh rồi còn tiến cao hơn nữa để cuối cùng đạt tới khởi điểm ban đầu và từ đó hòa nhập vào điều BÍ NHIỆM. Chưa một bậc cao đồ nào đã từng thâm nhập vượt khỏi bức màn vật chất Vũ trụ nguyên thủy. Linh ảnh cao nhất, hoàn hảo nhất chỉ giới hạn vào thế giới *Hình thể* và *Vật chất* thôi.

Nhưng lời giải thích của ta không chấm dứt ở đây. Con muốn biết tại sao dường như vô cùng khó khăn (nếu không phải là hoàn toàn không thể được) khi các Chơn linh thanh tịnh đã *thoát xác* muốn giao tiếp với con người thông qua các đồng tử tức là qua *Thuật Giáng Ma*. Ta xin nói đó là –

- (a) Vì có những bầu không khí đối lập lẫn lộn bao quanh các thế giới này.
- (b) Vì các tình huống về sinh lý và tâm linh hoàn toàn không giống nhau.

(c) Vì cái chuỗi thể giới mà ta vừa nói với con chẳng những là một *vòng ngoài luân* mà còn là quỹ đạo của các kiếp sinh tồn theo hình ellipse; giống như mọi hình ellipse, nó chẳng những có một mà còn có tới hai *tiêu điểm*, hai điểm này không bao giờ tiền lại gần nhau được: Con người là một tiêu điểm của ellipse đó và Chơn linh thuần túy là một tiêu điểm kia.

Về điều này con có thể phản đối. Ta không thể giúp gì được con, cũng chẳng thay đổi được sự kiện, và lại còn có một trở ngại khác mạnh mẽ hơn nhiều. Giống như một chuỗi tràng hạt bao gồm các hạt đen và trắng luân phiên nhau, cũng vậy, chuỗi mắt xích các thể giới được bao gồm bởi các thể giới NGUYÊN NHÂN và các thể giới HẬU QUẢ, thể giới hậu quả là kết quả trực tiếp của thể giới nguyên nhân. Như vậy hiển nhiên là mỗi bầu hành tinh Nguyên nhân (Trái đất của ta là một cái bầu đỏ) chẳng những có tương quan tương duyên với và bị bao bọc bởi, mà còn thực sự bị ngăn cách với bầu hành tinh kế cận nó nhất – là bầu Nhân quả cao hơn – do có một bầu khí quyển không thể xuyên thấu được (xét theo nghĩa tâm linh) bao gồm các hiệu quả giáp ranh với, thậm chí dính mắc với, nhưng không bao giờ hòa lẫn với bầu hành tinh kế tiếp của mình: đó là vì một bầu hoạt động, còn bầu kia thì thụ động, thể giới nguyên nhân là *ương*, còn thể giới hậu quả là *âm*. Sự chống đối thụ động này chỉ có thể khắc phục được với những điều kiện mà các nhà Thần linh học uyên bác nhất không hề có một ý niệm nào. Có thể nói rằng mọi chuyển động đều mang cực tính, thật khó mà diễn tả được ngụ ý của ta về vấn đề này, nhưng ta sẽ đi tới cùng. Ta biết mình không thể chứng minh cho con thấy những điều đối với chúng ta là những sự thật có tính chất công lý dưới một dạng nào đó ngoại trừ việc đưa ra một định đề luận lý đơn giản; muốn làm như vậy chỉ có các bậc Thấu thị cao siêu nhất mới có thể chứng tỏ được chúng một cách tuyệt đối và dứt khoát. Nhưng dù sao đi nữa, ta cũng cung cấp cho con tư liệu để suy gẫm.

Các bầu hành tinh trung gian, vì chỉ là hình bóng được phóng chiếu ra của các Thể giới Nguyên nhân, cho nên bị các thể giới nguyên nhân làm cho âm hóa ^[1]. Chúng là những trạm nghỉ chân lớn, những trạm nơi mà các *Bản ngã có Ngã thức* mới mẻ – tức là con cháu tự sinh hóa của các Bản ngã đã thoát xác và già nua trên hành tinh ta – được thai nghén ở đó. Trước khi con phượng hoàng mới (tái sinh ra từ đồng tro tàn của tổ phụ) có thể bay lên cao hơn tới một thể giới tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn, và có tính chất tâm linh hơn – vẫn còn là một thể giới vật chất – thì nó phải trải qua (có thể nói) là tiến trình của sự sinh ra mới mẻ. Và cũng giống như trên trái đất, nơi mà hai phần ba trẻ con hoặc là chết ngay khi mới sinh ra hoặc là chết yểu, thì các “thể giới hậu quả” cũng vậy. Trên trái đất, chính những khiếm khuyết về mặt sinh lý và tâm trí là những tội lỗi mà con cháu phải chịu thay cho tổ phụ của mình, thì chính nơi miền đất u minh đó, những chiếc bào thai Bản ngã mới mẻ song còn chưa có ý thức cũng trở thành chính nạn nhân của sự vi phạm thiên luật của *Bản ngã* xưa cũ, *ngiệp báo* – phước và tội – sẽ dặt ra số phận tương lai của nó. Bản thân mến, trong thể giới đó chúng ta chỉ thấy có những guồng máy xưa kia đã là con người giờ đây đang vô ý thức tự tung tự tác, là những hồn người đang ở trong giai đoạn chuyển tiếp với những năng khiếu và cá tính đang yên ngủ giống như một con bướm nằm trong một cái vỏ kén và các nhà Thần linh học lại muốn chúng phải ăn nói một cách biết điều. Đôi khi bị cuốn hút vào trong cái vòng xoáy của dòng *sinh hoạt đồng cốt* bất bình thường, chúng bèn trở thành

^[1] Chẳng biết có phải là trở thành âm so với các thể giới nguyên nhân hay chẳng?

những tiếng vọng vô ý thức của những tư tưởng và ý niệm đã kết tinh xung quanh những người hiện diện ở đó. Mọi đầu óc *thực tế* có chủ đích rõ ràng đều có thể hóa giải được những hiệu quả thứ cấp như vậy trong một phòng lên đồng. Thế giới bên dưới chúng ta còn tồi tệ hơn ta tưởng. Ít ra thì thế giới của chúng ta cũng còn vô hại, nó bị gây ra tội lỗi do xáo trộn hơn là chủ động gây tội, thế giới bên dưới chúng ta vì được phép giữ lại trọn vẹn ý thức cả trăm lần mang tính vật chất hơn, cho nên nguy hiểm một cách tích cực. Các khái niệm về địa ngục và luyện ngục, về thiên đường và sự phục sinh đều là những tiếng vọng bị xuyên tạc, bị biếm họa của một Sự Thật duy nhất nguyên sơ, đã được đem ra giảng dạy cho nhân loại vào buổi ấu thời do bậc Sư giả Nguyên thủy – tức là Chơn linh Hành tinh mà ta có đề cập tới ở mặt sau của trang thứ 3 – việc còn hoài niệm tới nó được con người thể hiện là một đáng đã được Tuyền chọn của dân Chaldea, là Osiris của người Ai cập, là thần Vishnu, là các vị Phật đầu tiên và v. v. . .

Thế giới hiệu quả thấp hơn chúng ta là cõi của những Tư tưởng bị méo mó như thế của những hình ảnh và quan niệm có tính chất vật dục nhất với các vị thần linh nhân hình là sản phẩm của đầu óc đầy vật dục của con người thuộc về những dân tộc chưa bao giờ vượt lên *thứ tính* của mình trên trần thế. Con nên nhớ rằng tư tưởng là một sự vật, nó có sự bền bỉ, sự cố kết và sự sống của riêng mình, nó là những thực thể có thật; thì những gì còn lại sẽ trở nên rõ ràng ngay. Khi bị thoát xác thì con người (đã tạo ra những hình tư tưởng đó) tự nhiên là sẽ bị thu hút về những tạo vật của mình, bị cuốn hút do cái vực xoáy nước mà chính tay y đã đào nên. . . Nhưng ta phải dừng lại ở đây, vì cả một pho sách cũng khó lòng đầy đủ để giải thích được tất cả những gì mà ta phải nói trong bức thư này.

Xét về việc con ngạc nhiên là cái nhìn của ba thần bí gia “còn lâu mới đồng nhất với nhau”, sự kiện này chứng tỏ điều gì? Phải chăng họ được giáo huấn bởi những Chơn linh minh triết, thanh tịnh và *đã thoát xác* – cho dù những đáng này cách xa trần thế của ta vì ở trên một cõi cao hơn – cho nên các giáo huấn không thể đồng nhất với nhau? Thắc mắc nảy sinh là: “Liệu các Vong linh có bất đồng ý kiến với nhau như con người chẳng?” Được thôi, vậy thì giáo huấn của họ - thậm chí của bậc cao nhất trong số họ vì đó là những vong linh “hướng dẫn” ba nhà Thấu thị vĩ đại nhất ở Luân đôn – cũng không có thẩm quyền gì nhiều hơn thẩm quyền của phạm phu. “Nhưng họ có thể thuộc về các cõi khác chứ?” Được thôi, nếu ở các cõi khác mà người ta trình bày những giáo lý mâu thuẫn thì những giáo lý này không thể chứa đựng Sự Thật, vì Sự Thật chỉ có *Một* và không thể thừa nhận những quan niệm hoàn toàn đối nghịch nhau; và các Chơn linh thuần túy không thể sai lầm vì họ thấy chân tướng của sự vật mà không phải xuyên qua bức màn vật chất. Thế thì, nếu chúng ta để cho những khía cạnh hoặc bộ phận khác nhau của Chân lý Tổng thể được quan sát bởi những tác nhân hoặc những đáng thông tuệ khác nhau, mỗi tác nhân trong những hoàn cảnh khác nhau, chẳng hạn như nhiều bộ phận của cùng một phong cảnh triển khai ra trước mắt nhiều người khác nhau, ở những khoảng cách khác nhau và có những góc nhìn khác nhau. Nếu chúng ta công nhận sự kiện có nhiều tác nhân khác nhau (chẳng hạn như các huynh đệ cá biệt) cố gắng phát triển *Bản ngã* của những cá nhân khác nhau, mà không dùng ý chí của chính mình áp chế ý chí của những cá nhân kia (vì điều này bị cấm), mà chỉ lợi dụng những công năng đặc dị về mặt thể chất, đạo đức và trí thức của những cá nhân đó; ngoài ra nếu chúng ta kể thêm vô số ảnh hưởng vũ trụ vốn làm méo

mó và lệch lạc mọi nỗ lực để đạt được các mục đích rõ rệt; hơn nữa, nếu chúng ta nhớ rằng các Huynh đệ Bóng tối luôn luôn gây ra sự thù hận trực tiếp khiến cho bộ óc của kẻ sơ cơ bị mờ ám đi và phân vân, thì ta nghĩ rằng chúng ta chẳng khó khăn gì cũng hiểu được tại sao phải có việc tiến bộ về mặt tâm linh mà trong một mức độ nào đó lại khiến cho những cá nhân khác nhau có những kết luận và lý thuyết xét theo biểu kiến là khác nhau.

Sau khi đã thú nhận với con rằng ta không có quyền can thiệp vào các bí mật và kế hoạch của Hoàng đế, thì ta cũng phải nói rằng tuy nhiên cho đến nay, y đã tỏ ra là người khôn ngoan nhất đối với chúng ta. Nếu chính sách của chúng ta giống nhau, chẳng hạn như nếu ta cho phép con suy diễn và tin tưởng (mà không xác định rõ rệt điều gì về bản thân ta) rằng ta là một “thiên thần đã thoát xác” – một Chơn linh có bản thể trong suốt như điện, xuất phát từ một vùng hoang đường Siêu Tinh tú – thì chúng ta ắt sẽ cả đôi bên đều sung sướng hơn. Bản thân con ắt đã không đến nỗi nhúc nhủ về việc “liệu các tác nhân loại này có luôn luôn cần thiết chẳng” và ta cũng thấy mình khỏi cần phải cảm thấy khó chịu vì đã từ chối một người bạn có dịp “phỏng vấn cá nhân và liên lạc *trực tiếp* với ta”. Con có thể đã ngấm ngấm tin tưởng bất cứ điều gì xuất phát từ ta, và ta cảm thấy ít chịu trách nhiệm về con hơn đối với các “đấng HƯỚNG DẪN ta”. Tuy nhiên, thời gian sẽ chứng tỏ chúng ta có thể hoặc không thể làm được gì theo chiều hướng này. Quyền sách đã được xuất bản rồi ^[1], và chúng ta phải kiên nhẫn chờ đợi kết quả của *phát súng nghiêm túc đầu tiên* nhắm bắn vào quân thù. Hai quyển *Pháp Thuật* và *Nữ thần Isis lộ diện* đều xuất phát từ những người đàn bà và người ta tin rằng các nhà Thần linh học chẳng bao giờ hi vọng sẽ nghiêm túc nghe sự điều trần của những bà này. Thoạt tiên, tác dụng của phát súng bắn đó cũng tai hại đúng mức, vì khẩu súng sẽ bị giật lùi lại, còn viên đạn bị dội lại sẽ bắn trúng tác giả và vị anh hùng khiêm tốn rất có thể là không nao núng, nhưng nó cũng phớt qua bà già, lại làm dấy lên sự la ó của báo chí Anh Ấn trong năm vừa qua. Những kẻ Hợm hĩnh và Trăn tráo trong văn học sẽ hùng hục làm việc trút tới tấp lên đầu bà những lời móc họng, lời châm biếm và lời gây gổ - mặc dù nó chỉ nhắm vào con thôi, vì Tổng Biên Tập của báo *Tiền Phong* còn lâu mới được các đồng nghiệp Ấn Độ thương mến. Các tờ báo của nhà Thần linh học đã mở ra chiến dịch này ở Luân đôn và các tổng biên tập người Mỹ của tờ báo Cơ quan của các “Thiên thần” cũng bắt chước làm theo những vong linh “Kiểm soát” trên trời tuôn ra những *xì căng đan lớn* mà họ tuyển lựa kỹ càng. Một số nhà khoa học – ít nhất cũng là những người hâm mộ khoa học, những tên ký sinh chỉ phoi nǎng mà dám mơ mộng rằng mình chính là mặt trời – rất có thể không tha thứ cho con về câu nói (thật ra rất nịnh bợ) xếp hàng sự hiểu biết của một người Ấn Độ nghèo nàn vô danh tiểu tốt “Cho đến nay vượt xa hơn cả khoa học và triết học của Âu Tây mà chỉ có những đại diện phóng khoáng nhất của khoa học và triết học mới có thể hiểu được sự tồn tại của quyền năng đó nơi con người” v. v. . . Nhưng thế nghĩa là sao ? Có nghĩa là tất cả đã được tiên đoán sẵn và đang được mong đợi. Khi lời ong tiếng ve và tiếng chuông rè rè đầu tiên của sự chỉ trích bất lợi đã im đi, thì những người biết suy tư sẽ đọc quyển sách này và suy đi gẫm lại vì họ chưa bao giờ suy gẫm những nỗ lực có tính chất khoa học nhất của Wallace và Crookes ^[2] nhằm

^[1] Quyền Thế giới Huyền bí.

^[2] Alfred Russel Wallace và ngài William Crookes. Crookes là một khoa học gia lỗi lạc người Anh và là hội viên Hội Hoàng gia Anh. Có lúc ông đã từng là một trong năm cố vấn của Hội

hòa giải khoa học hiện đại với các Vong linh; hạt giống nhỏ bé sẽ tăng trưởng và sinh sôi nảy nở.

Trong khi đó, ta không quên lời hứa đối với con dâu. Ngay khi đã an nghỉ trong phòng ngủ của con, ta sẽ cố gắng và ^[1] . . .

Ta hi vọng rằng sẽ được phép làm nhiều điều cho con. Nếu qua nhiều thế hệ, chúng ta đã “không để cho thế giới biết được những Tri thức của mình”, thì đó là vì thế giới hoàn toàn không thích đáng với tri thức đó; và nếu mặc dù đã được đưa ra những bằng chứng, mà thế giới vẫn bác bỏ những bằng chứng này, thì chúng ta đang ở Cuối cái chu kỳ một lần nữa phải lui vào ẩn dật trong cô tịch và im hơi lặng tiếng . . . Chúng ta đã đề nghị khai quật những địa tầng sơ khai có người ở, bản chất gốc của y và làm bộc lộ ra những sự phức tạp kỳ diệu của Bản ngã bên trong y – đây là một điều mà khoa sinh lý học hoặc ngay cả tâm lý học xét theo biểu hiện tối hậu cũng chưa bao giờ đạt được – và đã chứng tỏ điều này một cách khoa học. Đối với họ thì chẳng có gì quan trọng nếu những cuộc khai quật đã đi quá sâu, những tảng đá quá gồ ghề và sắc bén đến nỗi mà khi đào vào trong đó thì đại dương sâu thẳm không đáy làm cho hầu hết chúng ta đều mất mạng trong cuộc thám hiểm nguy nan ấy; đó là vì chính chúng ta mới là những kẻ lặn xuống sâu với vai trò tiên phong, còn các khoa học gia chẳng qua chỉ ăn sẵn bữa cỗ mà chúng ta đã dọn ra. Sứ mệnh của chúng ta là lặn sâu xuống và mang lên mặt biển những viên ngọc trai Chân lý, còn sứ mệnh của họ là lau chùi sạch sẽ và cẩn những viên ngọc trai đó vào trong chuỗi hạt xoàn khoa học và nếu họ từ chối không chịu sờ vào cái vỏ sò xấu xí đó, khẳng khái cho rằng không có và *không thể* có bất kỳ viên ngọc trai quý báu nào bên trong đó, thì một lần nữa chúng ta đành phải tay không còn có trách nhiệm đối với loài người nữa. Trải qua bao nhiêu thế hệ, bậc cao đồ đã xây dựng một đền thờ gồm những viên đá bất tử, một cái Tháp không lồ TƯ TƯỞNG VÔ BIÊN mà người không lồ trú ngụ trong đó; thế nhưng nếu cần thì nó chỉ ở một mình thôi và chỉ chịu chui ra vào cuối mỗi chu kỳ để mời gọi những người được tuyển lựa trong đám nhân loại hợp tác với người khổng lồ; đến lượt người này sẽ giúp cho ta làm giác ngộ được kẻ mê tín dị đoan, và chúng ta sẽ tiếp tục công việc định kỳ này của mình; chúng ta sẽ không cho phép mình bị bối rối trong những nỗ lực nhân ái cho đến ngày mà nền móng của một lục địa tư tưởng mới đã được xây dựng vững chắc đến nỗi không một sự chống đối hoặc ác ý vô minh nào do bàn tay đen tối của các Huynh đệ Bóng tối lung lay được.

Nhưng cho tới ngày chiến thắng cuối cùng ấy, thì phải có một người nào đó chịu hi sinh, mặc dù chúng ta chỉ chấp nhận những nạn nhân tự nguyện. Nhiệm vụ bạc bẽo đã khiến cho bà ta phải sống một cách hạ lưu và thê lương trong sự đổ nát của môi trường khốn khổ, bị hiểu lầm và bị cô lập: nhưng bà sẽ được tưởng thưởng ở thế giới bên kia vì chúng ta sẽ không bao giờ vô ơn. Bạn thân mến, xét về bậc Cao đồ - không phải *thuộc loại như ta* mà còn cao cấp hơn nữa - Con có thể kết thúc quyển sách của con bằng những dòng thơ sau đây trong bài “Kẻ mơ mộng Tỉnh táo” của Tennyson – chắc con không biết thi sĩ này –

Thông Thiên Học. Ông đã khám phá được nhiều điều đáng kể về cái mà ông gọi là vật chất phát quang; mãi về sau này, trong những bức thư, Chơn sư có nói rằng chính việc ông nghiên cứu về huyền bí học đã khiến cho ông khám phá được như vậy.

^[1] Ở đây có 3 dòng trong bức thư nguyên bản xét theo biểu kiến đã bị người viết thư xóa bỏ hoàn toàn.

“Làm sao con có thể biết được y ? Con vẫn còn ở trong.
Cái vòng chật hẹp; còn y hầu như đã đạt tới cái vòng cuối cùng, với một vùng
ngọn lửa trắng tinh,
Tinh khôi mà không tỏa nhiệt vào trong một bầu không khí rộng lớn hơn,
Đốt cháy thiêu một bầu trời xanh đen,
Trùm lên và bao quanh mọi sinh linh khác . . .”

Ta phải kết thúc bức thư thôi. Vậy thì con hãy nhớ vào ngày 17 tháng 7 và ^[1]. . .
các thực tại cao siêu nhất sẽ đến với con. Tạm biệt con.

Thân ái,
K. H.

Bức Thư Số 10 ^[2]

NHỮNG CHÚ THÍCH CỦA CHON SƯ K. H. VỀ “CHƯƠNG SƠ KHỞI” TỰA ĐỀ
LÀ “THƯỢNG ĐẾ” CỦA ÔNG HUME MÀ ÔNG DỰ TÍNH DÙNG LÀM LỜI NÓI ĐẦU
CHO PHẦN TRÌNH BÀY VỀ TRIẾT LÝ HUYỀN BÍ HỌC (TÓM TẮT).

Nhận ở Simla tháng 9 năm 1882.

Triết lý của chúng ta cũng như chúng ta không tin vào một vị Thượng Đế chứ
đừng nói tới một người mà đại danh từ về ngài cần có một chữ H. Triết lý của chúng ta
là theo định nghĩa của Hobbes. Đó chủ yếu là khoa học của các hậu quả do các nguyên
nhân gây ra và khoa học về các nguyên nhân gây ra hậu quả và vì nó cũng là khoa học
về các sự việc được suy ra từ nguyên lý thứ nhất theo như Bacon định nghĩa; trước khi
chúng ta thừa nhận bất kỳ một nguyên lý nào như thế thì chúng ta phải biết nó và
không có quyền thừa nhận ngay cả sự khả hữu của nó. Toàn bộ lời giải thích của con
vốn dựa vào một sự thừa nhận duy nhất chỉ vì muốn dùng nó để lập luận vào tháng 10
vừa qua. Người ta bảo con rằng kiến thức của chúng ta chỉ hạn chế trong thái dương hệ
này thôi: vì thế cho nên với tư cách là những triết gia muốn là mình xứng đáng với tôn
danh này, chúng ta không thể chối bỏ hoặc là xác nhận sự tồn tại của điều mà con gọi
là một đẳng thông tuệ tối cao và toàn năng thuộc loại *vượt ngoài* giới hạn của thái
dương hệ này. Nhưng nếu một sự tồn tại như thế không tuyệt đối là không thể có, song
le nếu sự đồng nhất của các định luật thiên nhiên không bị vi phạm ở giới hạn đó (vượt
ngoài thái dương hệ) thì chúng ta quả quyết rằng điều này khó lòng mà xảy ra. Tuy
nhiên chúng ta mạnh mẽ bác bỏ lập trường của phái Bất khả tri xét theo chiều hướng
này và nhất là khi xét về thái dương hệ. Giáo lý của chúng ta không hề biết tới thỏa
hiệp. Nó hoặc là xác nhận hoặc là bác bỏ, vì lúc nào nó cũng chỉ giảng dạy những điều
nó biết là sự thật. Do đó, chúng ta chối bỏ Thượng Đế vừa với tư cách là một triết gia
vừa với vai trò là một Phật tử. Chúng ta biết có những chơn linh hành tinh và các chơn

^[1] Ở đây lại có 6 dòng trong nguyên bản bị gạch đi.

^[2] Được chép từ một bản sao có chữ viết tay của ông Sinnett. Chú thích của Ban Biên Tập.

linh tinh thần khác, và chúng ta biết trong thái dương hệ của chúng ta không có một điều gì là Thượng Đế, cho dù là hữu ngã hay vô ngã. Parabrahm không phải là Thượng Đế mà là định luật tuyệt đối bất di bất dịch, còn Iswar là tác dụng của Vô minh và Hảo huyền, tức là Avidya dựa trên Maya. Từ “Thượng Đế” được phát minh ra để chỉ định nguyên nhân mà không ai biết đối với những hậu quả mà con người hoặc là ngưỡng mộ hoặc là sợ sệt vì không hiểu được chúng, vì chúng ta khẳng định cũng như có thể chứng tỏ điều mà chúng ta khẳng định – nghĩa là có biết cái nguyên nhân đó và những nguyên nhân khác – cho nên chúng ta có lập trường quả quyết cho rằng đằng sau cái hậu quả đó không hề có Thượng Đế hoặc các vị Thần linh.

Ý tưởng về Thượng Đế không phải là một ý niệm bẩm sinh mà là một ý niệm thụ đắc và chúng ta chỉ có một điều duy nhất chung với thần học, đó là chúng ta tiết lộ điều vô hạn. Nhưng trong khi chúng ta gán các nguyên nhân – *vật chất, thiên nhiên, có thể cảm nhận được và biết được* (ít nhất là đối với chúng ta) – cho mọi hiện tượng vốn xuất phát từ không gian vô hạn và vô biên, và từ kỳ gian cũng như sự vận động, thì các nhà hữu thần lại gán cho chúng những nguyên nhân *tâm linh, siêu tự nhiên*, không thể hiểu được và chẳng ai biết. Thượng Đế của các nhà Thần học chỉ là một quyền năng hư ảo, *một con ma chó sói* (theo cách diễn tả của Holbach) một quyền năng vốn chưa bao giờ biểu hiện ra. Mục đích chính của chúng ta là giải thoát nhân loại ra khỏi cơn ác mộng này, dạy cho họ có đức hạnh vị đức hạnh và sống trên đời này mà chỉ dựa vào chính mình thay vì dựa dẫm vào một cái nạng thần học, điều mà trong không biết bao thời đại đã là nguyên nhân trực tiếp của hầu hết mọi nỗi khổ khổ của con người. Người ta có thể gọi chúng là những kẻ phiếm thần chứ KHÔNG BAO GIỜ là những kẻ bất khả tri. Nếu người ta sẵn lòng chấp nhận SỰ SỐNG NHẤT NHƯ của chúng ta (vốn bất di bất dịch và vô thức trong thời gian vĩnh hằng) coi đó là Thượng Đế thì họ cứ làm như thế và như vậy cứ duy trì một việc gọi tên sai lầm còn không lỗ hơn nữa. Nhưng vậy thì họ phải nói theo Spinoza rằng không có và không thể quan niệm được bất kỳ chất liệu nào khác hơn là Thượng Đế; hoặc theo như cái nhà triết học bất hạnh và nổi tiếng đó phát biểu trong mệnh đề thứ mười bốn của mình (chẳng ai dám quan niệm có thể có chất liệu trước khi có Thượng Đế) và như vậy là trở thành một kẻ Phiếm thần . . . Có ai ngoại trừ một nhà Thần học cứ áp ủ lấy điều bí nhiệm và chủ nghĩa siêu tự nhiên phi lý nhất mà lại có thể tưởng tượng ra được một đấng tự tại tất yếu là vô hạn và toàn hiện *bên ngoài* vũ trụ *vô biên* biểu lộ của chúng ta. Từ vô biên chẳng qua chỉ là một từ phủ định loại trừ ý tưởng là có biên giới. Hiện nhiên là một đấng độc lập và toàn hiện không thể bị hạn chế bởi bất kỳ điều gì ở bên ngoài bản thân. Không có điều gì khác ở bên ngoài ngài ngay cả hư không nữa, vậy thì lấy đâu mà có chỗ cho vật chất? Lấy đâu mà có chỗ cho cái vũ trụ biểu lộ ngay cả khi vũ trụ này là hữu hạn? Nếu chúng ta hỏi nhà hữu thần là Thượng Đế của họ có phải là hư không, không gian hay vật chất chẳng, thì họ sẽ trả lời là không. Thế mà họ lại chủ trương rằng Thượng Đế của họ thấm nhuần vật chất mặc dù bản thân ngài không phải là vật chất. Khi nói tới Sự Sống Nhất Như, chúng ta cũng bảo rằng nó thấm nhuần, thậm chí còn là bản thể của mọi nguyên tử vật chất; vì thế cho nên nó chẳng những tương ứng với vật chất mà còn có mọi tính chất của vật chất nữa, vì vậy nó *chính là vật chất*. Năm ngoái con cứ hỏi đi hỏi lại rằng làm thế nào mà trí thông minh lại thoát thai từ hoặc bắt nguồn từ sự không thông minh? Làm thế nào mà một loài người rất thông minh (con người là đỉnh cao của lý trí) lại có thể tiến hóa từ một lực hoặc một

định luật mù quáng và không thông minh! Nhưng một khi chúng ta lý luận theo đường lối này, thì đến lượt ta có thể thắc mắc rằng làm thế nào mà những kẻ ngu độn bẩm sinh, những con thú không biết lý luận và những “tạo vật” khác lại được sáng tạo ra bởi (hoặc tiến hóa ra từ) Minh Triết tuyệt đối, nếu minh triết này là một đấng thông minh biết suy nghĩ, là đấng tạo ra Vũ trụ và cai quản Vũ trụ? Làm thế nào đây? Tiến sĩ Clarke nó nêu ra thắc mắc này khi khảo sát bằng chứng về sự tồn tại của một Đấng Thiêng liêng. “Thượng Đế đã tạo ra mắt, sao ngài lại không thấy? Thượng Đế đã tạo ra tai, sao ngài lại không nghe? Nhưng nếu theo cái kiểu lý luận này thì họ ắt phải công nhận rằng khi tạo ra một kẻ ngu độn thì Thượng Đế chính là một kẻ ngu độn; người nào đã tạo ra biết bao nhiêu thực thể không có lý trí, biết bao nhiêu con quái vật về thể chất và luân lý, thì người đó ắt phải là một kẻ không có lý trí . . . Chúng ta không phải là môn đồ của phái Bất nhị, nhưng giáo huấn của chúng ta về sự sống nhất như lại giống hệt như giáo huấn của các môn đồ phái Bất nhị về Parabrahm. Và không một môn đồ phái Bất nhị nào thực sự lão luyện về triết học mà lại tự xưng là một kẻ theo thuyết Bất khả tri, vì y biết rằng mình chính là Parabrahm và đồng nhất về mọi phương diện với sự sống và linh hồn vũ trụ - đại vũ trụ cũng chính là tiểu vũ trụ và y biết rằng không có Thượng Đế nào tách rời khỏi chính mình, không có một đấng sáng tạo nào là tự thể. Sau khi đã tìm ra thuyết Ngô Đạo, thì chúng ta không thể quay lưng lại với nó mà trở nên bất Ngô Đạo. . . Nếu chúng ta phải thừa nhận rằng ngay cả các đấng Dhyana Chohan cao cấp nhất cũng có thể sai lầm do bị hão huyền, thì quả thật chẳng có một thực tại nào đối với chúng ta và khoa huyền bí học ắt cũng là một điều huyền hoặc vĩ đại giống như Thượng Đế vậy. Nếu có một sự phi lý khi chối bỏ điều mà chúng ta không biết thì sự phi lý đó còn quá quắc hơn nữa khi ta gán cho nó những định luật mà chẳng ai biết.

Theo khoa luận lý học, thì “tính không” là một điều mà ta có thể thật sự chối bỏ được hết và có thể thật sự chẳng khẳng định được gì. Vì vậy, ý niệm về một tính không cho dù là hữu hạn hay vô hạn quả là một điều mâu thuẫn ngay từ trong thuật ngữ. Thế mà theo các nhà thần học thì “Thượng Đế, đấng tự tại lại là một đấng bất diệt, bất biến, đơn giản nhất; ngài không có bộ phận, không có hình hài, không vận động, không chia chẻ được hoặc không có bất kỳ tính chất nào khác mà ta tìm thấy nơi vật chất. Đó là vì tất cả những điều nêu trên rành rành và tất yếu hàm ý là có sự hữu hạn về khái niệm này, do đó nó hoàn toàn không tương thích với sự vô hạn hoàn toàn”. Vì vậy Thượng Đế mà người ta đưa ra để cho thế kỷ 19 tôn thờ thiếu mọi tính chất để cho tâm trí con người có thể bám vào đó mà phán xét. Thật vậy, thế nào là một đấng mà người ta *chẳng* khẳng định được điều gì để rồi không tức khắc bị cãi ngược lại. Thánh kinh của họ, sự Khải huyền của họ đã làm tiêu tan mọi sự hoàn hảo về đạo đức mà họ chông chất lên ngài trừ phi họ quả thật gọi những phẩm chất đó là sự hoàn hảo trong khi mọi người khác có lý trí và có lương tri lại gọi những phẩm chất đó là không hoàn hảo, là những thói xấu ghê tởm và sự độc ác tàn bạo. Hơn nữa, ai đọc những kinh điển Phật Giáo của chúng ta viết cho đám quần chúng mê tín dị đoan đều không thể tìm thấy trong đó một *con ác quỷ* ưa trả thù, bất công, độc ác và ngu dốt như là tên bạo chúa trên thiên đường mà các Ki Tô hữu xỉ xúp vái lạy một cách nô lệ, còn các nhà thần học chông chất lên lên vị bạo chúa đó những điều hoàn hảo để rồi bị cãi ngược lại ở bất cứ trang nào trong Thánh Kinh. Thật vậy và đúng như vậy, thần học của con đã

tạo ra Thượng Đế để rồi lại xé ngài ra từng mảnh vụn. Giáo hội của con là thần Saturn trong thần thoại, để con cái ra rồi lại nuốt nó ngẫu nhiên.

(*Trí tuệ Vũ trụ*) – Một vài sự suy gẫm và lập luận ắt phải ủng hộ mọi ý niệm mới – chẳng hạn như chắc chắn là người ta sẽ trách cứ chúng ta về những điều mâu thuẫn biểu kiến sau đây. (1) Chúng ta chối bỏ sự tồn tại của một Thượng Đế hữu thức biết suy nghĩ dựa trên cơ sở là một Thượng Đế như thế phải có điều kiện, bị hạn chế và phải bị thay đổi, vì thế cho nên *không thể* vô hạn. (2) Nếu người ta biểu diễn Thượng Đế là một đẳng độc lập vĩnh hằng và bất biến mà không có một chút xíu vật chất nào nơi bản thân thì chúng ta trả lời rằng đó không phải là một đẳng mà là một định luật, một nguyên lý mù quáng bất di bất dịch. Thế mà họ ắt sẽ bảo rằng chúng ta tin vào các đẳng Dhyana, tức các Chơn linh Hành tinh và còn phú cho các ngài một trí tuệ vũ trụ nữa, vậy thì chúng ta *phải giải thích điều này*.

Lập luận của chúng ta có thể tóm tắt như sau:

(1) Chúng ta chối bỏ cái mệnh đề phi lý theo đó ngay cả trong một vũ trụ vô biên và vĩnh hằng cũng có thể có hai sự tồn tại toàn hiện, vô hạn và vĩnh hằng.

(2) Vật chất mà chúng ta biết là vĩnh hằng; nghĩa là nó vốn không có sự bắt đầu (vô thủy) (a) vì vật chất chính là Thiên nhiên (b) vì điều mà tự thân không thể tự tiêu diệt và không thể bị cái gì khác tiêu diệt thì tất yếu là phải tồn tại, và vì vậy nó không thể bắt đầu tồn tại mà cũng không thể ngưng tồn tại (c) vì kinh nghiệm tích lũy trong biết bao nhiêu thời đại và khoa học chính xác đã cho chúng ta biết rằng vật chất (tức thiên nhiên) tác động do chính năng lượng đặc thù của mình, sao cho một nguyên tử nào có một lúc nào ở trạng thái tuyệt đối yên nghỉ, vì vậy nó ắt phải luôn luôn tồn tại, nghĩa là vật liệu của nó cứ thay đổi hình tướng, các sự tổ hợp và các tính chất, nhưng các nguyên lý hoặc các yếu tố của nó vẫn hoàn toàn bất diệt.

(3) Xét về Thượng Đế - vì không ai đã từng một lúc nào đó thấy được ngài - nếu ngài không phải là chính bản thể hoặc bản chất của cái vật chất vĩnh hằng vô biên này, là năng lượng và sự vận động của vật chất đó, cho nên chúng ta coi ngài là vĩnh hằng, vô hạn, hoặc thậm chí là tự tại. Chúng ta từ chối không công nhận một đẳng hoặc một sự tồn tại mà chúng ta tuyệt nhiên chẳng biết gì, bởi vì (a) không có chỗ đứng cho ngài trong khi có sự hiện diện của cái vật chất mà chúng ta biết rất rõ các phẩm chất và tính chất không thể chối cãi được (b) bởi vì nếu ngài chỉ là một bộ phận của cái vật chất đó thì thật là nực cười khi quả quyết rằng ngài làm cho vận động và cai quản điều mà ngài vốn chỉ là một bộ phận tùy thuộc (c) bởi vì nếu người ta bảo chúng ta rằng Thượng Đế là tinh thần thuần túy tự tại độc lập với vật chất, một đẳng thiêng liêng ở bên ngoài vũ trụ thì chúng ta trả lời rằng khi thừa nhận ngay cả việc có thể có một điều bất khả hữu như thế (nghĩa là việc ngài có tồn tại) thì chúng ta vẫn chủ trương rằng một tinh thần thuần túy phi vật chất không thể nào là một đẳng cai quản có ý thức và thông minh, và ngài cũng không thể có bất kỳ thuộc tính nào mà thần học gán cho ngài, vậy là một Thượng Đế như thế rốt cuộc lại chẳng qua chỉ là một lực mù quáng. Trí thông tuệ mà người ta thấy nơi các đẳng Dhyana Chohan của chúng ta là một năng lực chỉ có thể thuộc về các đẳng có linh hồn hoặc có tổ chức cho dù vật liệu để tổ chức các ngài có tế vi hoặc vô hình đến đâu đi chăng nữa. Trí thông tuệ thì cần phải có suy nghĩ, mà muốn suy nghĩ thì phải có ý tưởng, ý tưởng giả định rằng có các giác quan tiếp nhận vật chất trên cõi trần, thế mà làm sao bất cứ vật gì thuộc về vật chất lại có thể thuộc về tinh thần thuần túy? Nếu người ta phản đối rằng tư tưởng không thể là

một tính chất của vật chất, thì chúng ta sẽ hỏi rằng lý do tại sao? Chúng ta phải có một bằng chứng không thể bác bỏ được về giả định này trước khi chúng ta có thể chấp nhận nó. Đối với nhà thần học, chúng ta xin nêu thắc mắc rằng vì Thượng Đế được giả định là đáng sáng tạo ra muôn loài cho nên liệu có điều gì ngăn cản được Thượng Đế phú cho vật chất cái năng lực suy tư. Khi người ta trả lời rằng hiển nhiên ngài không thích làm như vậy, rằng đó là một điều bí nhiệm và không thể được, thì chúng ta ắt khăng khăng lập luận rằng tại sao vật chất lại không thể tạo ra tinh thần và tư tưởng hơn là tinh thần hoặc tư tưởng của Thượng Đế tạo ra vật chất.

Khi đầu khầu trước bí nhiệm về tâm trí, chúng ta không cúi đầu khoanh tay vì chúng ta *đã giải quyết nó cách đây biết bao nhiêu thời đại*. Khi kinh thường bác bỏ thuyết hữu thần, chúng ta cũng bác bỏ thuyết tự động, vốn dạy rằng các trạng thái tâm thức được tạo ra do sự sắp xếp các phân tử của bộ óc; và chúng ta cũng chẳng tôn trọng là bao cái giả thuyết khác theo đó tâm thức tạo ra sự vận động của các phân tử. Thế thì chúng ta tin vào cái gì? Được thôi, chúng ta tin vào cái điều mà nhiều người chế nhạo tức là *Nhiên tố* (Xem bài “Lực và vật chất là gì?” *Tạp chí Nhà Thông Thiên Học* số tháng 9) và tin vào điều mà số nhà vật lý học gọi là *nisus*, sự vận động không ngừng mặc dù hoàn toàn không cảm nhận được đối với các giác quan thông thường hoặc là nỗ lực mà một vật thể này tác động lên một vật thể khác – mạch động của vật chất trơ, tức là sự sống của vật chất. Cơ thể của các Chơn linh Hành tinh được tạo ra từ cái mà Priestley và những người khác gọi là *Nhiên tố* và chúng ta gọi nó bằng một tên khác - ở trạng thái thứ bảy cao siêu nhất, tinh chất này tạo thành cái loại vật chất cấu tạo nên cơ thể của các đẳng Dhyana cao siêu nhất và thanh tịnh nhất, còn cái dạng thấp nhất và thô trực nhất của *nhiên tố* này (vẫn còn không ai nắm bắt được đến nỗi khoa học gọi nó là năng lượng và lực) được dùng làm một lớp vỏ dành cho các Chơn linh Hành tinh cấp một tức cấp thấp nhất. Nói cách khác, chúng ta chỉ tin vào **VẬT CHẤT** thôi, vật chất với vai trò là thiên nhiên hữu hình và vật chất dưới dạng vô hình là loại Proteus (nguyên chất) toàn năng, toàn hiện và không ai thấy được, sự sống của nguyên chất này chính là sự vận động không ngừng, thiên nhiên đã thu hút sự sống này vì thiên nhiên là tổng thể lớn lao mà bên ngoài nó không điều gì có thể tồn tại được. Đó là vì Bilfinger thật sự có khăng định rằng: “vận động là một cách thức tồn tại vốn tất yếu là bắt nguồn từ bản thể của vật chất; vật chất đó vận động do chính những năng lượng đặc thù của riêng mình; sự vận động của vật chất là do lực vốn có hữu nơi vật chất; đủ thứ sự vận động và các hiện tượng do đó mà ra đều thoát thai từ đủ thứ tính chất của những thuộc tính và những tổ hợp mà ta thấy trong vật chất bản sơ”; thiên nhiên lắp ghép sự vận động của vật chất bản sơ đó khiến cho khoa học của các con hiểu biết về nó còn kém hơn một người Tây Tạng cỡi con Yak hiểu biết về siêu hình học của Kant.

Vậy thì sự tồn tại của vật chất là một sự kiện; sự tồn tại của vận động cũng là một sự kiện nữa, còn sự kiện thứ ba là việc chúng tự tại, vĩnh hằng và bất diệt. Còn ý tưởng về tinh thần thuần túy trên cương vị là một Đấng hoặc một Thực thể - con muốn gọi là gì cũng được – chỉ là một điều huyền hoặc, một điều phi lý khổng lồ.

Ý kiến của chúng ta về điều Ác. Điều Ác *tự thân* nó không tồn tại mà chẳng qua chỉ là không có điều thiện, và điều ác chỉ tồn tại đối với kẻ nào là nạn nhân của nó. Nó bắt nguồn từ hai nguyên nhân và có một nguyên nhân độc lập trong thiên nhiên cũng chẳng kém gì đối với điều thiện. Thiên nhiên vốn không hề có ác ý hoặc thiện tâm; nó

chỉ tuân theo những định luật bất di bất dịch, ba hồi thì nó ban cho ta sự sống và vui sướng, ba hồi thì nó gây cho ta sự chết và sự đau khổ và nó hủy diệt hết những gì mình tạo ra. Thiên nhiên có một thuốc giải độc dành cho mọi loại chất độc và các định luật của nó có một phần thưởng dành cho mọi sự đau khổ. Con bướm bị con chim nuốt chửng lại trở thành con chim đó, và con chim nhỏ bé bị một con thú giết chết lại nhập vào một dạng sống cao hơn. Đây chẳng qua chỉ là định luật mù quáng về tính tất yếu và sự thích ứng mãi mãi của các sự vật, vì vậy ta có thể gọi nó là điều Ác trong Thiên nhiên. Điều ác thực sự bắt nguồn từ trí thông minh của con người và nguồn gốc của điều ác hoàn toàn là do con người có lý trí tự tách rời mình ra khỏi Thiên nhiên. Vậy thì chỉ có loài người thôi mới là nguồn gốc thực sự của điều ác. Điều ác là sự quá trớn của điều thiện, là con đẻ của lòng ích kỷ và tham lam của con người. Con hãy suy nghĩ thâm trầm rồi con sẽ tìm thấy rằng, ngoại trừ sự chết ra – vốn không phải là điều ác mà là một định luật cần thiết, còn các tai nạn bao giờ cũng được tưởng thưởng trong một kiếp vị lai – thì *nguồn gốc* của mọi điều ác cho dù lớn hay nhỏ đều là ở nơi hành động của con người, ở nơi con người mà trí thông minh biến y thành ra một tác nhân tự do duy nhất trong Thiên nhiên. Thiên nhiên không hề tạo ra bệnh tật mà chính con người mới gây ra bệnh. Sứ mệnh và vận mệnh của con người trong cơ cấu tổ chức của thiên nhiên là phải chết một cách tự nhiên do tuổi già; ngoại trừ tai nạn ra, thì không một người đã man nào hoặc một con dã thú nào bị chết do bệnh tật. Thực phẩm, quan hệ tình dục, nước uống tất cả là những nhu yếu phẩm tự nhiên của sự sống. Thế nhưng chúng trở nên quá trớn thì sẽ gây ra bệnh tật, khốn khổ, đau khổ cả về tâm trí lẫn thể chất, và sự đau khổ về thể chất được truyền lại cho các thế hệ tương lai chính là điều ác lớn lao nhất dành cho hậu duệ của những kẻ phạm tội. Tham vọng, lòng ham muốn mưu tìm hạnh phúc và tiện nghi cho những người mà chúng ta yêu thương bằng cách theo đuổi danh vọng và của cải đều là những tình cảm tự nhiên đáng khen, nhưng khi chúng biến con người thành ra một tên bạo chúa độc ác tham lam, một kẻ bủn xỉn, một kẻ ích kỷ duy ngã, thì chúng tạo ra không biết bao nhiêu là khốn khổ cho những người xung quanh y, cho cả các quốc gia cũng như cho các cá nhân. Vậy thì tất cả những điều này (thực phẩm, của cải tham vọng và cả ngàn thứ khác mà chúng ta không đề cập tới) đều trở thành nguồn gốc và nguyên nhân của điều ác cho dù nó quá thừa mứa hoặc là quá thiếu thốn. Khi trở thành một kẻ tham ăn, một người trụy lạc, một tên bạo chúa, thì con đã trở thành kẻ gây ra những bệnh tật, đau khổ và khốn khổ cho loài người. Nếu thiếu tất cả mọi điều đó thì con lại bị đói khát, bị khinh thường, coi như *không phải là người* thuộc về đại đa số quần chúng và các đồng bào của con sẽ làm cho con đau khổ trọn cả đời. Vì vậy ta không được trách cứ thiên nhiên hoặc một Đấng Thiêng liêng tưởng tượng nào mà phải trách cứ bản chất con người đã trở nên dễ tiện do *lòng ích kỷ*. Con hãy suy gẫm lấy một vài từ này; con hãy soạn thảo ra mọi nguyên nhân của điều ác mà con nghĩ ra được và con hãy truy nguyên nó tới tận cội nguồn, thì con ắt đã giải quyết được *một phần ba* vấn đề điều ác. Và bây giờ, sau khi đã nhân nhượng đúng mức đối với những điều ác vốn tự nhiên và không thể tránh khỏi – ta thách đố vô số các nhà siêu hình học Tây phương hãy xem có bao nhiêu điều đáng được gọi là điều ác và có thể truy nguyên trực tiếp tới một nguyên nhân độc lập – ta ắt vạch ra điều ác lớn nhất, là nguyên nhân chính của gần như hai phần ba số điều ác vốn đeo đuổi con người mãi từ khi nguyên nhân đó trở thành một thứ quyền lực. Đó chính là tôn giáo dưới bất kỳ dạng nào và ở bất kỳ quốc gia nào. Đó là giai cấp tăng lữ, giới

tu sĩ và các giáo hội; con người phải tìm ra nguồn gốc của vô số điều ác (vốn là tai ách lớn của loài người và hầu như đã đè bẹp loài người) nơi chính những ảo tưởng mà con người coi là linh thiêng. Sự vô minh tạo ra các Thần linh để cho kẻ xảo quyệt lợi dụng cơ hội. Con hãy nhìn xem Ấn Độ, Ki Tô giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo và Bái vật giáo. Chính sự bịp bợm của giới tu sĩ đã khiến cho các Thần linh trở nên khủng khiếp đối với con người, chính tôn giáo đã khiến cho y trở thành một kẻ ngu tín ích kỷ, kẻ cuồng tín vốn thù ghét toàn thể loài người, ngoại trừ những người thuộc về giáo phái của mình; giáo phái này chẳng làm cho y tốt đẹp hơn hoặc có đạo đức hơn. Chính niềm tin vào Thượng Đế và các Thần linh đã biến hai phần ba nhân loại trở thành nô lệ của một dúm những người lừa gạt họ qua việc giả vờ cứu chuộc họ. Phải chăng con người sẵn sàng phạm bất kỳ loại điều ác nào nếu người ta bảo y rằng Thượng Đế hoặc các Thần linh đòi hỏi các tội ác đó – thế là y tự nguyện trở thành nạn nhân của một vị Thượng Đế hão huyền, là nô lệ hèn hạ của các giáo sĩ xảo quyệt? Người nông dân ở Ai Nhĩ Lan, Ý và Slavon sẽ chịu đói và thấy gia đình mình cũng đói khát, thiếu cơm ăn áo mặc để cung phụng thực phẩm và quần áo cho vị tuyên úy và giáo hoàng. Trải qua hai ngàn năm, Ấn Độ đã rên siết dưới gánh nặng của chế độ giai cấp, chỉ có người Bà la môn mới phê phỡn trên những cánh đồng lúa phì nhiêu và ngày nay tín đồ của đảng Christ và của Mahomet lại tàn sát nhau nhân danh sự vinh quang lớn lao hơn trong các thần thoại của riêng mình. Con hãy nhớ rằng tổng số điều khốn khổ của loài người sẽ chẳng bao giờ giảm đi được ngày nào mà thành phần ưu tú của loài người còn chưa nhân danh Sự Thật, đạo đức và lòng từ bi bác ái để dẹp tan những bàn thờ dành cho các vị thần linh giả mạo.

Nếu người ta phản đối rằng chúng ta cũng có những đền thờ cũng có những tu sĩ và các vị lạt ma của chúng ta cũng sống dựa vào lòng từ bi bác ái . . . thì xin họ biết cho rằng những đối tượng nêu trên không có gì chung với lại những thứ tương đương của phương Tây, ngoại trừ cái tên gọi bên ngoài. Như vậy, trong đền thờ của chúng ta người ta không thờ cúng một vị Thượng Đế hoặc thần linh nào mà chỉ kỷ niệm tam bảo là con người vĩ đại nhất, thánh thiện nhất đã từng sống trên cõi đời này. Nếu các lạt ma của chúng ta (để tôn vinh hội đoàn Huynh đệ các *Ti khuru* mà chính vị thầy cao cả của chúng ta đã lập nên) đi ra cho thế nhân cấp dưỡng thì bất quá chỉ có 5 cho tới 25 ngàn người được *Tăng già* cấp dưỡng và chăm sóc (Tăng già là Hội đoàn Huynh đệ các tu sĩ lạt ma) còn tu viện lạt ma sẽ cung cấp cho nhu cầu của những người nghèo, người đau ốm, người hoạn nạn. Các lạt ma của chúng ta chỉ nhận thực phẩm chứ không bao giờ nhận tiền và ở nơi những đền thờ này người ta thuyết pháp giảng cho chúng sinh biết nguồn gốc của điều ác. Ở đó, người ta dạy cho chúng sinh Tứ diệu đế và Thập nhị nhân duyên để cho họ có được một giải pháp về vấn đề nguồn gốc của điều khổ và việc diệt khổ.

Con hãy đọc và rón hiểu kinh điển Đại thừa không phải với tâm trí đầy thành kiến của phương Tây mà là với tinh thần trực giác và sự thật của điều mà Đấng Toàn Giác đã tuyên thuyết trong pháp hội thứ nhất. Ta xin dịch cho con như sau:

“Vào thời Đức Thế Tôn ở tại Uruvela, trên bờ sông Neranjarā, ngài ngồi dưới cội Bồ đề sau đó ngài đạt được Chánh Đẳng Chánh Giác (tam niệt tam bồ đề) đến hết ngày thứ bảy, sau khi đã định trí vào Thập nhị nhân duyên thì ngài bèn tuyên thuyết như sau: Từ Vô minh sinh ra Hành tức tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Từ Hành sinh ra Thức, từ Thức sinh ra Danh Sắc, từ

Danh Sắc sinh ra Lục Nhập (của 6 giác quan, chỉ đấng giác ngộ mới có giác quan thứ 7), từ Lục Nhập sinh ra Thọ, từ Thọ sinh ra Ái (kama hay tanha) từ Ái sinh ra Thủ, từ Thủ rồi tới Hữu, Hữu rồi tới Sinh, Sinh rồi tới Lão, Lão rồi tới Tử, tới phiền não, tới than thở, tới đau khổ, tới chán nản và tới thất vọng. Lại nữa do diệt Vô minh mà Hành bị diệt, rồi Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Thọ, Ái rồi Thủ, Hữu, Sinh, Lão, Tử, phiền não, rên rỉ, đau, khổ chán nản và sự thất vọng cũng bị tiêu diệt luôn. Thế là không còn trọn khối đau khổ nữa”.

Vì biết điều này cho nên Đấng Thế Tôn mới tuyên thuyết long trọng như sau:

“Khi vị Tỳ khưu đang tham thiền đã thấu rõ được thực tướng của các sự vật, khi mọi nghi ngờ của y đều nhòa đi vì y đã học biết được thực tướng đó và nguyên nhân của nó. Do Vô minh mới sinh ra mọi điều ác. Do hiểu biết mới chấm dứt được toàn khối khổ đau này; lúc bấy giờ, người Bà la môn đang tham thiền bèn phá tan được đoàn quân Ma vương giống như mặt trời đang soi sáng trên bầu trời”.

Ở đây, tham thiền có nghĩa là các tính chất siêu nhân (chứ không phải siêu tự nhiên) tức là quả vị La hán với thần thông cao nhất là lậu tận thông.

Chép lại từ Simla ngày 28 tháng 9 năm 1882.

Bức Thư 11 ^[1]

Do A. O. H. nhận được ngày 30 tháng 6 năm 1882.

Chỉ nội sự thận trọng thôi cũng khiến cho ta phải nghi ngại khi nghĩ tới việc đảm nhiệm vai trò mới là một “huấn sư”. Nếu Chơn sư M. thỏa mãn con được bao nhiêu thì ta e rằng ta còn ít thỏa mãn hơn nữa, vì ngoài việc tự kiểm chế trong khi giải thích (có cả ngàn điều mà ta đã thề là giữ im lặng không tiết lộ) ta lại có ít thời giờ khả dụng hơn hẳn so với Chơn sư M. Tuy nhiên, ta sẽ cố gắng hết sức mình. Thiên hạ không được nói rằng ta không nhận ra ý muốn chân thành hiện nay của con tỏ ra hữu dụng cho Hội Thông Thiên Học do đó thì hữu dụng cho Nhân loại, bởi vì ta miễn cảm một cách sâu sắc với sự kiện là ở Ấn Độ không có ai khá hơn con được trừ liệu là sẽ phá tan được bức màn sương mù mê tín dị đoan và sự sai lầm của quần chúng bằng cách soi sáng cho những điều u ám nhất. Nhưng trước khi ta trả lời câu hỏi của con và giải thích giáo lý của chúng ta thêm nữa, thì ta phải nói dài dòng để dẫn nhập cho những câu trả lời của mình. Trước hết và lại một lần nữa, ta xin con lưu ý tới khó khăn ghê gớm khi muốn tìm ra những từ thích hợp trong tiếng Anh để diễn đạt cho tâm trí của những người Âu Tây có giáo dục, ngay cả chỉ một ý niệm gần đúng về đủ thứ đề tài mà chúng ta phải bàn tới. Để minh họa cho ngụ ý của mình, ta sẽ gạch dưới bằng mực đỏ những từ chuyên môn mà các Khoa học gia của con chọn dùng, hơn nữa lại hoàn toàn gây hiểu lầm chẳng những khi được ứng dụng vào những đề tài siêu việt như ta đang xét, mà ngay cả khi họ sử dụng chúng trong hệ thống tư tưởng của riêng mình.

Muốn hiểu được những câu trả lời của ta, trước hết con phải coi *Bản Thể* vĩnh hằng chơn như (Swabhāvat) không phải là một yếu tố phức hợp mà con gọi là tinh

^[1] Chép lại từ một bản sao có chữ viết tay của ông Sinnett. Chú thích của Người Biên Tập.

thần-vật chất, song lại là yếu tố duy nhất mà tiếng Anh không có tên gọi. Nó vừa thụ động vừa chủ động, là *Bản thể Tinh thần* thuần túy ở trạng thái tuyệt đối cực tịnh, nó còn là vật chất thuần túy ở trạng thái hữu hạn và có điều kiện, ngay cả khi coi nó như một chất khí không cân đo được hay cái ẩn số vĩ đại mà khoa học đã bằng lòng gọi là *Lực*. Khi các thi sĩ nói tới “đại dương vô bờ bến bất di bất dịch” thì ta phải coi thuật ngữ này chẳng qua chỉ là một nghịch lý đùa giỡn, vì chúng ta quả quyết rằng chẳng có điều chi là bất di bất dịch, ít ra là trong phạm vi Thái dương hệ của chúng ta. Các nhà hữu thần và Ki Tô hữu bảo rằng bất di bất dịch “là một thuộc tính của Thượng Đế”, thế mà ngay tức khắc họ lại phú cho Thượng Đế mọi tính chất và thuộc tính khả hoán và khả biến, khả tri cũng như bất khả tri, để rồi tin rằng mình đã giải quyết được vấn đề không giải quyết được là phép cầu phương. Về điều này chúng ta xin trả lời rằng nếu điều mà các nhà hữu thần gọi là Thượng Đế (còn khoa học gọi là “*Lực*” và “*Thế năng*”) mà trở nên bất di bất dịch chỉ nội trong một lúc thôi ngay cả trong khi có Đại Chu Kỳ Hoại Không (một thời kỳ mà nghe nói ngay cả Brahma, kiến trúc sư kiến tạo ra thế giới cũng phải hòa lẫn vào trạng thái vô hữu) thì ắt sẽ không thể có chu kỳ thành trụ và chỉ còn mỗi một không gian ngự trị một cách vô ý thức và tối cao trong thời gian vĩnh hằng. Tuy nhiên, phái Hữu thần khi nói tới tính bất di bất dịch, khả hoán thì cũng đâu có gì phi lý hơn khoa học duy vật khi nói tới “*thế năng tiềm tàng*” và tính bất diệt của vật chất cũng như *lực*. Liệu ta phải tin có điều gì bất diệt chẳng ? Phải chăng có một điều gì đó vô hình làm cho vật chất vận động, tức là năng lượng của các vật thể đang vận động ! Liệu khoa học hiện đại có biết gì chẳng về *lực* hay hơn nữa là các *lực* tự thân nó vốn là nguyên nhân hay các nguyên nhân của sự vận động? Làm thế nào có thể có được một điều như *thế năng* nghĩa là một năng lượng có công suất tiềm tàng *không hoạt động* vì nó *chỉ* là năng lượng *khi nó đang làm cho vật chất vận động* và nếu nó đã từng không còn làm cho vật chất vận động nữa thì nó ắt không còn tồn tại và thế là bản thân vật chất cũng biến mất luôn? Phải chăng *lực* là một từ hay ho hơn ? Cách đây 35 năm, Tiến sĩ Mayer có nêu ra một giả thuyết mà giờ đây người ta chấp nhận làm một công lý tiên đề theo đó cũng như vật chất, *lực* (theo nghĩa của khoa học hiện đại) là *bất diệt*, điều này nghĩa là khi nó không còn biểu lộ dưới một dạng nào đó, thì nó vẫn còn tồn tại và chỉ *chuyển sang một dạng khác*. Thế mà các khoa học gia của con vẫn chưa tìm thấy chỉ một ví dụ thôi trong đó *lực* này được chuyển hóa thành *lực* kia và ông Tyndall có nói với đối thủ rằng: “không có trường hợp nào mà *lực* tạo ra sự chuyển động bị hủy diệt đi hoặc biến thành bất kỳ điều gì khác”. Hơn nữa ta biết ơn khoa học hiện đại vì đã có một sự khám phá mới mẻ theo đó có tồn tại một hệ thức định lượng giữa động năng tạo ra một điều gì đó và “cái điều gì đó” mới được tạo ra. Chắc chắn là có tồn tại một hệ thức định lượng giữa nhân và quả, giữa số năng lượng được dùng để đâm vỡ mũi người lân cận mình và thiệt hại gây ra cho cái mũi đó, nhưng điều này không giải quyết được một chút nào thêm nữa cái bí nhiệm về điều mà họ bằng lòng gọi là những mối tương quan, vì người ta có thể dễ dàng chứng tỏ được (dựa trên thẩm quyền của chính khoa học đó) rằng sự vận động hoặc năng lượng vốn là bất diệt và các *lực* vật lý không thể được chuyển đổi lẫn nhau theo một cách nào đó. Ta sẽ kiểm tra họ bằng thuật ngữ của chính khoa học và ta sẽ thử xem các thuyết của họ liệu có được dự tính để dùng làm một hàng rào cản trở “các thuyết gây sững sốt” của chúng ta chẳng. Vì ta đang chuẩn bị xiển dương một giáo huấn ngược hẳn với giáo huấn của họ, cho nên ta phải dọn dẹp ngay cái bãi đất đồ đầy rác của khoa học, kéo

những điều mà ta phải nói ra sẽ bị trút vào một mảnh đất quá vương vís và chỉ làm mọc lên những cỏ dại. Raleigh có nói: “*cái vật chất nguyên sơ* tiềm tàng và tưởng tượng này không thể tồn tại mà không có hình tướng” và ông thật đúng trong chừng mực là cái *vật chất nguyên sơ* đó của khoa học chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của họ thôi. Liệu họ có thể bảo rằng cùng một số năng lượng đã luôn luôn làm cho vật chất trong Vũ trụ vận động? Chắc chắn là không, chừng nào mà họ còn dạy rằng khi các nguyên tố của vũ trụ vật chất (các nguyên tố vốn trước hết phải biểu lộ ở trạng thái thể hơi chưa phối hợp) được hợp nhất lại, thì số năng lượng làm cho vật chất vận động phải lớn gấp một triệu lần so với hiện nay khi *trái đất của chúng ta đang nguội đi*. Đó là vì lượng nhiệt vốn được sản sinh ra do tiến trình tạo dựng vũ trụ kinh khủng này ắt biến đi đâu bây giờ? Họ bảo rằng biến vào trong những vùng không gian chưa có gì chiếm chỗ. Được thôi, nhưng nếu nó mãi mãi rời khỏi *vũ trụ vật chất* và năng lượng tác động lên trái đất chưa bao giờ và chẳng có lúc nào giống hệt như nhau, thì làm sao họ cứ khẳng định quả quyết rằng “số năng lượng không đổi” đó, cái thể năng mà một vật thể đôi khi có thể vận dụng, cái LỰC vốn truyền từ một vật thể này sang một vật thể khác để tạo ra sự vận động; thể mà chẳng có gì “bị hủy diệt hoặc biến thành một thứ gì khác”. Người ta trả lời rằng hơn nữa “chúng ta vẫn còn chủ trương rằng nó vốn là bất diệt, trong khi nó vẫn còn *liên kết với vật chất*, thì nó không bao giờ có thể ngừng tồn tại hoặc giảm đi hoặc tăng lên”. Chúng ta hãy liệu xem có đúng như thế chẳng? Ta ném một viên gạch lên cho một người thợ nề đang bận xây cái mái của một đền thờ. Y chụp lấy viên gạch và dùng xi măng gắn nó vào mái đền thờ. Lực hấp dẫn trọng trường đã thắng được năng lượng đẩy khiến cho viên gạch chuyển động lên phía trên, cũng như động năng của viên gạch đang vọt lên cao cho tới khi nó *không lên cao được nữa*. Vào lúc đó, nó bị chụp lấy và gắn cứng vào mái đền thờ. Bây giờ không một lực thiên nhiên nào làm cho nó chuyển động được, vì vậy nó không còn thể năng nữa. Chuyển động và động năng của viên gạch đi lên đã hoàn toàn bị *tiêu diệt*. Còn một ví dụ khác từ trong chính sách giáo khoa của họ. Con hãy bắn một khẩu súng từ dưới chân đồi và viên đạn bị kẹp vào trong một khe nứt bằng đá ở *trên* đồi đó. Trong một thời gian dài vô tận thì cũng không một lực thiên nhiên nào có thể làm cho viên đạn chuyển động được nữa, như vậy là viên đạn mất hết thể năng của mình chẳng khác gì cục gạch nêu trên. “Mọi sự chuyển động và năng lượng mà lực hấp dẫn trọng trường đã lấy ra khỏi viên đạn đang bay lên trên đã hoàn toàn bị tiêu diệt, không có một chuyển động hoặc năng lượng nào khác nối tiếp, thể mà lực hấp dẫn trọng trường cũng chẳng nhận thêm được năng lượng gia tăng”. Vậy đâu có đúng là năng lượng vốn bất diệt ! Thế còn cái điều mà vị có thẩm quyền lớn của con dạy cho thế giới biết rằng: “không có một trường hợp nào mà lực tạo ra sự chuyển động lại bị tiêu diệt hoặc biến thành bất cứ điều gì khác?”

Ta hoàn toàn biết con sẽ trả lời ra sao, nhưng ta vẫn cung cấp cho con những ví dụ minh họa này chỉ để chứng tỏ rằng các nhà khoa học đã dùng những thuật ngữ gây hiểu lầm xiết bao, các thuyết của họ vốn không chắc chắn và dễ ngã nghiêng xiết bao, cuối cùng là giáo huấn của họ vốn *không rốt ráo* xiết bao. Ta xin đưa ra một lời phản đối khác. Họ dạy rằng mọi lực vật lý mang những tên đặc biệt chẳng hạn như hấp dẫn trọng trường, quán tính, lực cố kết, ánh sáng, nhiệt, điện, từ, ái lực hóa học, đều chuyển đổi được cho nhau? Nếu thế thì lực tác dụng phải ngừng tồn tại khi lực được tạo ra trở nên biểu lộ. “Một viên đạn đại bác đang bay chỉ chuyển theo lực quán tính

cổ hữu của riêng mình”. Khi nó bắn trúng mục tiêu thì nó tạo ra nhiệt và những tác dụng khác, nhưng lực quán tính của nó tuyệt nhiên không bị giảm đi. Nó vẫn cần một số năng lượng để khởi động trở lại với cùng một vận tốc giống hệt như thoát kỳ thủy. Chúng ta có thể lập lại quá trình này cả ngàn lần và chừng nào mà lượng vật chất vẫn còn y nguyên thì lực quán tính vẫn còn y nguyên về mặt định lượng. Trường hợp hấp dẫn trọng trường cũng như thế. Một viên thạch rơi xuống và tạo ra nhiệt. Người ta cho rằng hấp dẫn trọng trường chịu trách nhiệm về điều này, nhưng lực hấp dẫn trọng trường đối với một vật thể đang bị rơi đâu có giảm đi. *Ái lực hóa học* thu hút và giữ cho các vi tử vật chất kết hợp với nhau, sự va chạm của các vi tử này tạo ra nhiệt. Liệu ái lực hóa học có biến thành nhiệt chăng? Tuyệt nhiên không, vì khi hút các vi tử lại với nhau, bất cứ lúc nào mà khi chúng tách rời ra xa nhau, thì nó chỉ chứng tỏ được rằng ái lực hóa học *không hề* giảm đi, vì nó giữ cho các vi tử kết hợp chặt chẽ với nhau vẫn như bao giờ. Họ nói rằng nhiệt sản sinh ra điện, thế nhưng trong quá trình này họ không thấy nhiệt bị giảm đi. Họ bảo chúng ta rằng điện sinh nhiệt? Điện kể cho thấy rằng dòng điện chạy qua một vật dẫn điện tôi chẳng hạn như sợi dây bằng bạch kim và làm nóng sợi dây này lên. Chính xác là vẫn có cùng một lượng điện đó, điện không hề mất đi cũng *chẳng giảm đi*. Vậy thì cái gì đã biến thành nhiệt? Lại nữa, người ta bảo rằng điện sinh ra từ. Trên bàn ở phía trước mặt ta có những điện kế nguyên sơ mà các đệ tử cứ lảng vảng gần đó tron cả ngày để phục hồi những quyền năng mới chớm nở của mình. Ta chẳng thấy điện tích trữ trong đó giảm đi chút nào. Các đệ tử được từ hóa, nhưng từ lực của họ hoặc đúng hơn là từ lực của *những thanh kim loại của họ* không phải là điện dưới một hình thức khác. Điều này cũng giống như ngọn lửa của một ngàn cây nến được thổi vào ngọn lửa của cái đèn *Fo*, không phải là ngọn lửa của đèn này. Vì vậy, nếu do ánh sáng nhá nhem chập chờn của khoa học hiện đại mà người ta đưa ra một tiên đề công lý như sau: “Trong các quá trình của sự sống thì phải có *sự chuyển đổi* chứ không bao giờ có *sự sáng tạo* ra vật chất hoặc lực” (sự vận động hữu cơ của Tiến sĩ J. R. Mayer liên quan tới sự dinh dưỡng), thì đối với chúng ta điều này chỉ đúng có một nửa. Đó chẳng phải là *sự chuyển đổi* cũng chẳng phải là *sự sáng tạo*, mà là một điều gì đó khoa học còn chưa có tên gọi.

Có lẽ giờ đây con đã sẵn sàng hiểu rõ hơn khó khăn mà chúng ta phải đương đầu. Khoa học hiện đại là đồng minh lý tưởng nhất của chúng ta. Thế nhưng khoa học này cũng thường tạo ra vũ khí để bắn vỡ đầu chúng ta. Tuy nhiên con phải nhớ rằng (a) chúng ta chỉ thừa nhận có một nguyên tố *duy nhất* trong Thiên nhiên (cho dù là về tâm linh hay về vật thể) bên ngoài nguyên tố này không hề có Thiên nhiên vì nó chính là *Thiên nhiên* ^[1] và chính là *Akasa* thấm nhuần khắp cả *không gian* và quả thật chính là không gian, nó mạch động như đang ngủ say trong chu kỳ hoại không, và nó chính là Chất thiên biến vạn hóa trong vũ trụ, là Thiên nhiên hằng hoạt động trong chu kỳ thành trụ; (b) vì vậy, tinh thần và vật chất chỉ là *một*, chỉ là một biến thể của các trạng thái chứ không phải là *các bản thể*, và triết gia người Hi Lạp vốn quả quyết rằng Vũ trụ là một con thú khổng lồ, triết gia đó đã thâm nhập vào ý nghĩa biểu tượng nhất nguyên Pythagore (một trở thành hai, rồi hai trở thành ba Δ và cuối cùng sau khi đã trở

^[1] Không phải theo nghĩa *Natus* là “sinh ra”, mà Thiên nhiên là tổng số vạn hữu kể cả hữu hình lẫn vô hình, kể cả hình tướng lẫn tâm trí, là khối tập hợp những nguyên nhân và hậu quả đã biết và chưa biết, tóm lại là vũ trụ vô hạn và không do ai sáng tạo ra, vô chung và vô thủy.

thành tứ linh tức hình vuông toàn bích thì nó lại ngoại bao hình *số 4* đó và nội bao hình *số ba* đó  để tạo thành thất linh – như vậy là triết gia này đã tiến xa hơn tất cả các nhà khoa học hiện nay; (c) các ý niệm của chúng ta về “vật chất vũ trụ” vốn ngược hẳn các ý niệm của khoa học Tây phương. Biết đâu con nhớ được tất cả những điều này thì chúng ta ắt thành công trong việc truyền thụ cho con ít ra là những tiên đề công lý sơ bộ của triết lý bí truyền chính xác hơn bao giờ hết. Huynh đệ thân mến, con đừng sợ, cuộc đời con sẽ không mòn mỏi đi đâu và con sẽ không chết trước khi con hoàn tất được sứ mệnh của mình. Ta không thể nói gì *thêm được nữa* ngoài việc cho con biết rằng Đức Văn Minh Đại Đế đã cho phép ta dành thời giờ rỗi rảnh để giáo huấn những kẻ nào sẵn lòng học, và con đã làm việc đủ để “viết” ra những Mảnh vụn chân lý của mình cứ cách quãng hai hoặc ba tháng. Thời giờ của ta *bị hạn chế rất nhiều*, thế nhưng ta có thể làm điều mà mình có thể làm được. Nhưng ta *không* hứa hẹn điều gì ngoài những điều này. Ta phải giữ im lặng về các đấng Dhyana Chohan, và ta cũng không thể truyền thụ cho con những bí mật liên quan tới những người của cuộc tuần hoàn thứ bảy. Người ta không thể nhận biết được giai kỳ cao siêu của thực thể con người trên hành tinh này chỉ bằng cách thu lượm kiến thức không thôi. Những bộ sách với thông tin hoàn hảo nhất cũng không thể tiết lộ cho con người biết được sinh hoạt của những cõi cao. Người ta phải tri thức được các sự kiện tâm linh bằng cách trải qua kinh nghiệm cá nhân và thực sự quan sát vì Tyndall có diễn tả rằng: “Khi ta nhìn trực tiếp vào các sự kiện thì thấy chúng thật là sống động, còn khi ta chuyển chúng thành ra ngôn ngữ thì chúng bị mất hết một nửa nhựa sống”. Và vì con công nhận cái nguyên tắc lớn là tự thân mình quan sát và con cũng nhanh chóng ứng dụng những gì mà con đã thụ đắc được dưới dạng thông tin hữu ích, cho nên có lẽ vì thế mà Thầy của ta tức là Đức Văn Minh Đại Đế xưa nay chưa từng khoan nhượng, cuối cùng đã cho phép ta dành một phần thời giờ (trong một chừng mực nào đó) cho sự tiến bộ của Hội Thông Thiên Học Chiết Trung Simla. Nhưng ta chỉ có *một mình* còn các con lại nhiều người và ngoại trừ Chon sur M. ra thì chẳng có ai trong các Huynh đệ Đồng môn của ta chịu giúp ta làm việc này, ngay cả Huynh trưởng người Hi Lạp bán Âu Tây của ta, chỉ mới cách đây vài ngày, cũng đã nhận xét rằng: “Chừng nào mà mọi người Thông Thiên Học Chiết Trung trên Đồi Simla trở thành một môn đồ thờ thần Jupiter thì ngài mới xét tới chuyện làm việc giúp cho họ”. Và con biết rằng có rất ít hi vọng đạt được điều đó. Con người mưu tìm sự hiểu biết cho đến khi họ chết mòn chết mỏi, thế mà họ cũng chẳng nóng lòng đem sự hiểu biết đó ra giúp đỡ cho những người lân cận mình, vì thế cho nên mới phát sinh ra một sự lạnh lùng, một sự thờ ơ đối với nhau khiến cho kẻ có nhiều *sự hiểu biết* đâm ra tương kỵ với chính mình (tiền hậu bất nhất) và bất hòa với môi trường xung quanh. Khi xét theo quan điểm của chúng ta thì điều ác còn lớn lao hơn về khía cạnh tâm linh so với khía cạnh vật chất của con người: vì vậy ta chân thành cảm ơn con và muốn thúc đẩy con hãy chú ý tới một lộ trình sao cho nó giúp con thật sự tiến bộ và đạt được những kết quả rộng lớn hơn bằng cách biến tri thức của con thành ra một sự giáo huấn thường xuyên dưới dạng các bài báo và những tập sách nhỏ.

Nhưng để đạt được mục tiêu mà con đề ra (nghĩa là để hiểu rõ được những thuyết cực kỳ bí hiểm và thoát tiên là không thể hiểu nổi trong giáo lý huyền bí của chúng ta) con đừng bao giờ để cho sự thanh thản trong tâm trí mình bị xáo trộn ở những giờ con miệt mài với công tác văn chương, cũng như trước khi con khởi sự làm việc. Chính những linh ảnh thu thập được từ cõi vô hình muốn biểu diễn được trong thế giới hữu

hình thì phải được phản ánh trên cái bề mặt thanh thản và bình lặng của cái tâm trí điềm nhiên. Bằng không thì con sẽ hoài công khi tìm kiếm những linh ảnh này, đó là những tia chớp lóe đột ngột sáng lên giúp con giải quyết được biết bao những vấn đề lặt vặt và chỉ có nó mới đưa được sự thật ra trước cặp mắt của linh hồn. Chúng ta phải khư khư bảo vệ cái bình diện trí tuệ của mình thoát khỏi mọi ảnh hưởng bất lợi mà ngày nào cũng cứ lộ ra trong khi chúng ta phải trải qua cuộc sống trên trần thế.

Trong nhiều bức thư của con có nêu ra nhiều câu hỏi, nhưng ta chỉ có thể trả lời một ít thôi. Về phần Eglinton, ta xin con hãy chờ đợi những diễn biến khác. Còn về phần phu nhân tử tế của con, thì câu hỏi này có tính cách nghiêm túc hơn và ta không có thể đảm đương trách nhiệm làm cho phu nhân con thay đổi ĐỘT NGỘT chế độ ăn uống của mình theo như con gợi ý. Bà có thể từ bỏ thịt vào bất cứ lúc nào mà không có gì tai hại, còn về phần rượu mà bà H. từ lâu đã dùng để bồi dưỡng cho thần kinh hệ của mình, thì chính con cũng biết những hậu quả tai hại có thể gây ra cho một thể chất yếu đuối khi nó thỉnh thoảng bị lấy mất chất kích thích nó. Cuộc sống trên cõi trần của bạn không phải là một cuộc sống thực dựa trên lượng dự trữ sinh lực mà là một cuộc sống giả tạo dựa vào rượu cho dù số lượng nhỏ đến đâu đi chăng nữa. Trong khi một thể chất mạnh mẽ có thể bình phục sau cú chấn động đầu tiên của một sự thay đổi theo như con đề nghị, thì có nguy cơ là phu nhân của con sẽ rơi vào tình trạng suy thoái. Bà cũng bị như vậy nếu chất bồi dưỡng chính của bà là thuốc phiện hay thạch tín. Ta cũng lại chẳng hứa hẹn điều gì mà ta có thể làm được theo chiều hướng này. Còn về “việc đàm đạo với con và dạy dỗ con thông qua ánh sáng tinh tú ư?” Một sự phát triển thần nhĩ của con (con gọi thần thông nghe được những âm thanh huyền bí là như thế đó) tuyệt nhiên không dễ dàng như con tưởng đâu. Chẳng ai đã từng bao giờ làm dìm điều này cho bất kỳ người nào trong chúng ta, vì có một qui tắc sắt thép là muốn đạt được một quyền năng nào thì *bản thân người ta phải thụ đắc nó*. Chỉ khi ta đã thụ đắc và sẵn sàng sử dụng được những quyền năng nằm cam lạng yên nghỉ dưới dạng tiềm tàng giống như những bánh xe và cỗ máy đồng hồ bên trong một cái hộp phát ra nhạc hiệu; thì lúc bấy giờ người ta mới có thể dễ dàng lên giây thiều và khiến cho cỗ máy hoạt động. Dĩ nhiên, *giờ đây* con có nhiều cơ may mở ra trước mắt mình hơn là người bạn ăn thịt của con là ông Sinnett, giả sử như ông từ bỏ việc ăn thịt thì ông ta vẫn còn cảm thấy thèm thuồng một loại thức ăn như thế, một sự thèm thuồng mà ông không kiểm soát nổi, trở ngại này cũng giống như thế trong trường hợp khác. Thế nhưng mọi người có thiên hướng thành khẩn thực tế đều *có thể* thu đạt được quyền năng này. Mục đích tối hậu của nó là về vấn đề này không có sự phân biệt nào giữa người và người, khác hơn sự phân biệt khi mặt trời chiếu sáng cho người này và người kia, hay không khí cung cấp sinh lực cho người này và người kia. Trước mắt con có mọi quyền năng của thiên nhiên, *con xài được thứ nào thì cứ xài*.

Ta sẽ suy nghĩ lại lời đề nghị của con về cái hộp. Phải có một sáng kiến nào đó để ngăn không cho cái hộp phóng điện đi một khi nó đã được tích điện, cho dù chỉ là trong lúc thông quá hay lúc sau này. Ta sẽ xem xét và tham khảo ý kiến hoặc đúng hơn là xin phép. Nhưng ta phải nói rằng ý kiến này thật là ghê tởm đối với chúng ta cũng như mọi điều nào khác nhằm thử nghiệm các vong linh và thuật đồng cốt. Cho đến nay, chúng ta thích dùng những phương tiện tự nhiên, chẳng hạn như trong lần vừa qua chuyển thư của ta cho con. Một trong các đệ tử của Chơn sư M. bỏ bức thư vào trong cái chồi trồng hoa cho con, nơi mà ông ta đã tàng hình để đột nhập vào đó mà

không ai thấy, cũng như nhiều lần ông ta đã đột nhập vào viện bảo tàng và những căn phòng khác của con mà tất cả chúng con chẳng ai hay biết gì, trong khi và sau khi “Bà Già” còn ở đó. Nhưng nếu Chon sư M. không bảo ông ta làm như vậy, thì ông ta *chẳng bao giờ* làm đâu, và vì lý do đó mà thư của con gửi cho ta vẫn cứ bị cứ bỏ lẩn lóc chẳng ai để mắt tới. Bạn thân mến, con có một tình cảm bất công đối với Huynh trưởng của ta vì ngài có nhiều hảo tâm và quyền năng hơn ta – ít ra thì ngài cũng không bị ràng buộc và hạn chế như ta. Ta đã yêu cầu H. P. B. gửi cho con một số bức thư triết học của một nhà Thông Thiên Học người Hòa lan ở Penang, một người mà ta đang quan tâm tới: con đang yêu cầu có thêm việc nữa thì việc đây này. Đó là những bản dịch nguyên bản gồm những phần của Schopenhauer vốn rất tương cận với giáo lý của *Chư La hán* của chúng ta. Tiếng Anh thì không hay lắm về mặt thành ngữ, nhưng tài liệu này lại có giá trị. Nếu con sẵn lòng sử dụng bất kỳ bộ phận nào trong tài liệu này, thì ta khuyên con nên bắt đầu liên lạc thư từ trực tiếp với ông Sanders, là Hội viên Hội Thông Thiên Học và là người dịch tài liệu này. Uy tín triết học của Schopenhauer đã lừng lẫy ở các quốc gia phương Tây cho nên thật là tốt cho việc giáo huấn nếu con đối chiếu hoặc chú thích thêm giáo huấn của ông ta về ý chí v. v. . . với giáo huấn của chúng ta mà con đã nhận được. Thật vậy, ta sẵn sàng duyệt lại 50 hoặc 60 trang bản thảo của con rồi viết chú thích bên lề. Con hãy cố gắng thực hiện điều này bằng bất kỳ phương tiện nào rồi gửi chúng đến cho ta hoặc là thông qua “Deb” bé nhỏ tức Damodar và Chon sư Djual Kool sẽ truyền chúng đi. Trong vài ngày nữa, có lẽ là ngày mai, ta sẽ thoải mái trả lời hai câu hỏi của con.

Trong khi chờ đợi, ta vẫn là người Thầy thân thương của con.

K. H.

Tái Bút: Bản dịch bằng tiếng Tây Tạng chưa có sẵn.

Bức Thư Số 12

Nhận tháng hai năm 1882

Giả thuyết của con gần sự thật hơn giả thuyết của ông Hume. Có hai yếu tố mà con phải xét tới (a) là một thời kỳ cố định và (b) là một tốc độ phát triển cố định đã được điều chỉnh khít khao với thời kỳ đó. Mặc dù một Mahayuga hầu như dài vô hạn ^[1] song nó vẫn là một thời kỳ hữu hạn, và nội trong thời kỳ đó, toàn thể trật tự phát triển phải được hoàn tất hoặc diễn tả theo ngôn ngữ huyền bí học, thì Tinh thần phải giáng xuống vào trong vật chất rồi lại tái xuất lộ từ trong vật chất. Một chuỗi tràng hạt mà mỗi hạt là một thế giới, đó là một minh họa đã trở nên quen thuộc đối với con. Con cũng đã suy gẫm về xung lực sống bắt đầu với mỗi *Chu kỳ thành trụ* để triển khai ra thế giới thứ nhất trong các thế giới này, làm cho nó hoàn hảo, lần lượt làm cho nó là nơi trú ngụ của mọi dạng sinh linh tinh anh. Sau khi đã hoàn tất trên thế giới thứ nhất

^[1] Cũng giống như một thời kỳ mà ta thường gọi là một chu kỳ thành trụ. Nó là một khối tập hợp bao gồm 4 Yugas tức 4 nguơn, mỗi nguơn gồm 4.320.000 năm mặt trời; đó là một ngày của Brahma trong hệ thống Bà la môn giáo.

này bảy chu kỳ (tức là bảy cuộc tiến hóa phát triển) qua mỗi giới, con biết rằng khi đi xuống vòng cung, nó cũng tiến hóa như vậy ra một thế giới mới thuộc dãy hành tinh rồi lại làm hoàn chỉnh thế giới này, rồi lại bỏ thế giới đó mà đi. Nó cứ thế tiếp tục, tiếp tục và tiếp tục mãi cho tới khi nó đã trải qua cuộc tuần hoàn gồm bảy giai đoạn chu kỳ thế giới dọc theo dãy hành tinh để Mahayuga chấm dứt. Thế rồi *lại có* sự hỗn mang tức là *Chu kỳ hoại không*. Khi xung lực sống này (và vòng tiến hóa thứ 7 và cuối cùng chuyển từ hành tinh này sang hành tinh khác) di chuyển đi thì nó bỏ lại đằng sau mình những hành tinh hấp hối và chẳng bao lâu là “những hành tinh *chết*”.

Con người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 7 vừa qua vừa mới chuyển sang một bầu hành tinh kế tiếp thì bầu hành tinh trước đó với mọi sự sống khoáng vật, thực vật và động vật (ngoại trừ con người) bắt đầu dần dần chết đi. Khi loài vi động vật cuối cùng xuất ra thì nó bèn bị tiêu diệt hoặc nói theo H. P. B. là nó bị tắt ngúm (đó là *chu kỳ hoại không thứ yếu* hoặc một phần). Khi con người tinh thần đã đạt tới hạt cuối cùng trong chuỗi hạt dãy hành tinh và chuyển vào Niết Bàn *tối hậu*, thì thế giới cuối cùng này cũng biến mất hoặc chuyển vào tình trạng nội giới. Như vậy là trong các thiên hà tinh tú, bao giờ cũng có sự sinh ra và chết đi của các thế giới luôn luôn nối tiếp nhau theo tiến trình trật tự của Qui Luật tự nhiên. Và như ta đã nói, hạt cuối cùng được xỏ trên chuỗi tràng hạt là “Mahayuga”.

Khi chu kỳ cuối cùng có người ở đã được trái đất đông đúc này hoàn tất, thì nhân loại đạt tới giai đoạn làm Phật dưới dạng tập thể và chuyển ra khỏi sự tồn tại nơi ngoại giới để nhập vào bí nhiệm Niết Bàn – lúc bấy giờ “đã đến lúc” điều hữu hình trở thành điều vô hình, điều cụ thể lại trở về trạng thái tản mát thành từng nguyên tử trước khi chu kỳ bắt đầu.

Nhưng các thế giới đã chết mà xung lực đang tiến bước bỏ lại đằng sau *không hề* tiếp tục *chết*. Chuyển động là trật tự vĩnh hằng của các sự vật và ái lực hoặc sức hút là người giúp nó mọi việc. Sự xáo trộn của cuộc sống lại tái kết hợp các nguyên tử và nó sẽ làm khởi động hành tinh đang trơ lì khi đến đúng lúc. Mặc dù mọi lực vẫn còn ở *nguyên trạng*, và giờ đây đang yên ngủ, thế nhưng khi đến đúng lúc, nó sẽ được tụ tập trở lại để chuẩn bị cho một chu kỳ mới khai sinh ra loài người, khai sinh ra một điều gì đó còn cao siêu hơn các chủng loại về vật thể và đạo đức so với *chu kỳ thành trụ* trước kia. Và các “nguyên tử vũ trụ của nó vốn đã ở một trạng thái biến dị rồi” (nghĩa là *khác nhau* về chuyển động và hiệu quả trong việc tạo ra lực theo nghĩa cơ học), vẫn còn ở *nguyên trạng* cũng như các bầu hành tinh và mọi điều khác nữa trong tiến trình tạo lập. Đây là “giả thuyết hoàn toàn phù hợp với chú giải của con cũng như của ta”. Đó là vì sự phát triển của hành tinh cũng tiến bộ theo sự tiến hóa của con người hoặc của giống dân, khi đã tới lúc *Chu kỳ hoại không* bắt kịp chuỗi thế giới ở những giai đoạn tiến hóa lần lượt, nghĩa là mỗi thế giới đã đạt tới một trong các thời kỳ tiến bộ theo nhịp tiến hóa – thì mỗi thế giới bèn dừng lại ở đó cho tới khi xung lực từ bên ngoài của *chu kỳ thành trụ* kế tiếp phát động nó trở lại từ chính điểm đó giống như một cái đồng hồ đã bị ngưng chạy, nay chạy trở lại. Vì vậy, tôi phải dùng từ “đã biến dị”.

Vào lúc Chu kỳ hoại không xảy ra, không một con người, con thú hoặc ngay cả loài thực vật nào sẽ còn sống để mà chứng kiến điều đó, nhưng sẽ còn có trái đất hoặc những bầu hành tinh với các giới khoáng vật trên đó và tất cả những hành tinh này đều bị tan rã về mặt vật thể trong chu kỳ hoại không, nhưng không bị tiêu diệt. Đó là vì chúng vẫn còn có địa vị của mình trong trình tự tiến hóa, và “vốn liếng riêng” của

chúng sẽ từ nội giới xuất hiện trở lại khi chúng đã tìm được điểm chính xác để từ đó tiến lên tiếp tục theo chuỗi hành tinh gồm “các hình thể đã biểu lộ”. Như ta biết, điều này được lập đi lập lại mãi mãi trong một thời kỳ VĨNH HẰNG. Mỗi con người trong chúng ta đều đã trải qua vòng tiến hóa không ngừng này và sẽ lập đi lập lại mãi. Việc mỗi con người đi chệch ra lộ trình của mình cùng với tốc độ tiến bộ của y từ thời kỳ Niết Bàn này sang thời kỳ Niết Bàn khác đều bị chi phối bởi những nguyên nhân chính y đã tạo ra do những hoàn cảnh khẩn cấp mà chính y bị vướng mắc vào đó.

Bức tranh này về một thời kỳ hoạt động mãi mãi đó có thể làm khiếp sợ tâm trí nào vốn quen thuộc với việc trông mong một kiếp sống an dưỡng đời đời. Nhưng quan niệm của họ vẫn được ủng hộ bởi bất kỳ điều tương tự nào trong thiên nhiên – và mặc dù ta có thể không biết gì về Khoa học phương Tây của con, liệu ta có thể nói rằng – chính giáo huấn của Khoa học phương Tây cũng không ủng hộ nó. Chúng ta biết rằng các thời kỳ hoạt động và yên nghỉ nối tiếp nhau đối với vạn vật trong thiên nhiên, từ đại vũ trụ tức là các thái dương hệ xuống mãi tới con người và trái đất sinh ra nó, với các mùa hoạt động nối tiếp bởi các mùa yên nghỉ; tóm lại trọn cả thiên nhiên cũng như mọi sinh linh được tạo ra đều phải có thời gian hồi sức. Chon ngã tâm linh tức Chon thần, vốn bắt đầu vòng xoay của chu kỳ đi xuống và đi lên. Cũng giống như vậy, các thời kỳ xen giữa “mỗi cuộc tuần hoàn” lớn của *chu kỳ thành trụ* đều kéo dài một cách tỉ lệ để tưởng thưởng cho hàng ngàn kiếp sống đã trải qua trên các bầu hành tinh khác nhau; trong khi thời gian dành cho phần giữa mỗi khi “các giống dân sinh ra” tức là *chu kỳ thế giới* theo cách gọi của con cũng đủ dài để bù trừ cho bất kỳ kiếp sống đấu tranh và khốn khổ nào trong cái khoảng thời gian mà sự cực lạc hữu thức trải qua sau khi Bản ngã tái sinh. Kẻ nào đề nghị việc quan niệm tới một *thời kỳ vĩnh hằng* cực lạc hoặc đau khổ để hóa giải nó bằng những hành vi có thể quan niệm được về công hay tội của một thực thể vốn có thể chỉ sống một thế kỷ hoặc ngay cả một ngàn năm bằng xương bằng thịt, kẻ đó ắt chưa bao giờ thấu hiểu được cái thực tại dễ sợ của từ ngữ Thời kỳ Vĩnh hằng, và cũng chẳng hề suy gẫm về định luật hoàn toàn công bình và quân bình vốn xuyên suốt vạn vật. Ta có thể sẽ ban thêm cho con một số giáo huấn, chúng sẽ cho con thấy một sự công bình xít sao biết bao nhiêu đã được dành cho con người cũng như những thứ phục vụ cho con người và ta hi vọng rằng nó sẽ soi sáng thêm nữa cho vấn đề gây tranh cãi là điều thiện và điều ác.

Giờ đây để cho nỗ lực của ta viết bức thư này đạt đỉnh cao, ta có thể trả một món nợ cũ bằng cách trả lời một câu hỏi cũ mà con đã nêu ra về các kiếp của trái đất. Chon sư Koothumi đã trả lời một số câu hỏi của con – ít ra là ngài đã bắt đầu viết thư ngày hôm qua, nhưng phải tạm ngưng do những bốn phận khác, nhưng dù sao đi nữa ta cũng có thể giúp ngài. Ta tin rằng con sẽ không cảm thấy khó khăn nhiều – không nhiều như mức cho đến nay – mới hiểu được bức thư của ta. Ta đã trở thành một người viết rất chân phương từ khi ngài quở trách ta đã làm con mất thời giờ quý báu vì những nét chữ nguệch ngoạc của ta. Lời quở trách của ngài đã đánh trúng tim đen, và như con thấy đây, ta đã sửa lại thói xấu của mình.

Ta hãy thử xem Khoa học phương Tây ắt phải nói gì về Dân tộc học và những vấn đề khác. Sau đây có trình bày ngắn gọn những kết luận mới nhất mà các nhà bác học ở phương Tây dường như đã đạt tới. Ta đánh bạo gạch dưới bằng bút chì xanh những thuyết nào thậm chí chỉ gần đúng thôi ^[1].

^[1] Những đoạn này được gạch dưới trong chính văn.

(1) Những dấu vết xưa nhất của con người mà họ có thể tìm thấy hóa ra lại biến mất khi chấm dứt một thời kỳ mà các lớp hóa thạch chỉ cung ứng được manh mối vốn có những di tích này.

(2) Bắt đầu từ đó, họ thấy có 4 giống người đã lần lượt cư ngụ nơi Âu châu (a) giống người thuộc sông Drift – là những người săn bắn mạnh khỏe (biết đâu chừng lại là Nimrod ?), họ ***cư ngụ tại vùng lúc bấy giờ có khí hậu bán nhiệt đới ở Tây Âu***, họ dùng những phương tiện làm bằng đá đẽo thuộc loại sơ khai nhất và họ ***sống đồng thời với loài tê giác và loài khổng tượng***. (b) cái gọi là người ăn lông ở lỗ, một giống người đã phát triển trong thời kỳ băng hà (***các nhà bác học nói rằng những người Esquimaux hiện nay là loại hình duy nhất của giống người trên***) và có những vũ khí và các dụng cụ làm bằng đá đẽo tinh vi hơn vì họ đã vẽ ra những bức tranh rất chính xác về đủ loại thú vật mà họ đã quen thuộc, chỉ nhờ vào những viên đá lửa chuốt nhọn để khắc lên trên những sừng con linh dương, khắc lên xương và lên đá (c) giống người thứ ba – là những người thuộc thời kỳ Cổ thạch, ta thấy họ có những dụng cụ làm bằng đá mài. Họ biết xây nhà, đóng thuyền bè, làm đồ gốm, tóm lại – họ là những người cư ngụ trên hồ ở Thụy sĩ; và cuối cùng là (d) giống người thứ tư xuất hiện, có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Á. Đây là những người Aryans có nước da màu sáng, họ kết hôn lẫn lộn với tàn tích của những người Iberians có nước da đen – mà giờ đây tiêu biểu là người Basques da ngăm ngăm đen ở Tây ban nha. Đây là một giống dân mà các nhà bác học coi là thủy tổ của các dân tộc Âu Tây hiện đại.

(3) Hơn nữa, các nhà bác học còn nói thêm rằng con người ở vùng sông Drift có trước thời kỳ băng hà mà khoa địa chất học gọi là ***Hồng tích kỳ***, và bắt nguồn cách đây khoảng 240.000 năm, trong khi nhân loại nói chung (xem Geikie, Dawkins, Fiske và những người khác) đã ***ở Âu châu ít nhất là 100.000 năm trước đó***.

Chỉ trừ một ngoại lệ duy nhất, còn các kết luận của họ đều sai lầm. Trong mọi trường hợp, họ đã tiến tới gần mục đích nhưng lại không bắn trúng đích. Có tới 5 giống dân chứ không phải chỉ có 4 giống dân; và chúng ta là giống dân thứ 5 sống cùng với những tàn tích của giống dân thứ tư (một sự tiến hóa hoàn toàn hơn nữa tức một giống dân khác chỉ xuất hiện với mỗi cuộc tuần hoàn theo đại chu kỳ); trong khi đó, giống dân đầu tiên xuất hiện trên trái đất không phải chỉ cách đây có nửa triệu năm (theo thuyết của Fiske) – mà tới hàng nhiều triệu năm. Thuyết khoa học mới nhất chính là thuyết của các giáo sư người Đức và người Mỹ, họ nói thông qua Fiske như sau: “Chúng ta thấy con người sống trên trái đất có lẽ chỉ mới được nửa triệu năm, lúc đó xét theo mọi ý định và mọi mục đích thì y vẫn còn *câm lặng*”.

Fiske vừa đúng vừa sai. Ông nói đúng về giống người đã từng có lúc “câm lặng”, vì người ta cần tới những thời kỳ dài im lặng thì mới tiến hóa được và mới hiểu nhau được bằng ngôn ngữ, từ những lời rên rỉ và những tiếng cần nhằn đầu tiên khiến cho con người vượt lên trên loài thú giống người cao siêu nhất (đây là một giống người giờ đây đã tuyệt chủng, vì “thiên nhiên đã đóng cửa lại” mỗi khi nó tiến lên, hiểu theo hơn một nghĩa) mãi cho tới ngôn ngữ đơn âm tiết đầu tiên của loài người. Nhưng Fiske lại sai khi nói tất cả những điều còn lại.

Nhân tiện, con nên đặt tới một sự đồng ý với nhau nào đó về những thuật ngữ được sử dụng khi bàn về các cuộc tiến hóa theo chu kỳ. Thuật ngữ của chúng ta không thể dịch ra được, và nếu con không hiểu toàn bộ hệ thống của chúng ta (điều này không thể có được với những người chưa phải là các điểm đạo đồ chính qui) thì nó

cũng chẳng gợi ý được gì xác định cho con nhận biết được ngoại trừ việc gây ra lẫn lộn chẳng hạn như trong trường hợp các thuật ngữ “Linh hồn” và “Tinh thần” mà mọi tác giả về siêu hình học, nhất là các nhà Thần linh học, thường gặp phải.

Con phải kiên nhẫn với Subba Row. Con hãy dành cho y nhiều thời giờ. Hiện nay y đang ở trong giai đoạn ù lì và không nên làm rộn y. Ta sẽ bảo y không được bỏ lơ con, nhưng y rất ghen và coi việc dạy cho một người Anh là một sự báng bổ.

M. của con

Tái Bút – Chữ viết của ta đã đẹp hơn nhưng giấy viết khá mỏng nên ta không thể tận dụng được thuật viết chữ. Ta không thể viết tiếng Anh bằng một cái cọ vẽ; làm như vậy còn tồi hơn nhiều.

Bức Thư Số 13

Nhận tháng giêng năm 1882.

(1) Con quan niệm rằng vào lúc kết thúc một chu kỳ hoạt động không, xung lực do các đấng Dhyana Chohans phát động không phát triển từ trạng thái hỗn mang một sự kè cậ của các thể giới ngay cùng một lúc mà là lần lượt. Việc hiểu biết cách thức khiến cho mỗi một trong những sự nối tiếp này thoát thai từ cái trước nó do tác động của xung lực nguyên thủy, có thể được trì hoãn mãi cho tới sau khi con có thể nhận ra được sự vận hành của toàn thể bộ máy – chu kỳ của các thể giới – sau khi mọi bộ phận đã bước vào tồn tại.

(1) Con đã quan niệm chính xác. Không có điều gì trong thiên nhiên đột ngột bước vào tồn tại, tất cả đều phải chịu tuân theo cùng một luật là tiến hóa từ từ. Chỉ cần con một lần nhận ra được tiến trình của chu kỳ *lớn* của một bầu hành tinh, thì con sẽ nhận ra được tất cả. Một người này cũng sinh ra giống như một người khác, một giống dân này phát triển, tiến hóa rồi suy vong giống như một giống dân khác và mọi giống dân khác. Thiên nhiên vẫn theo kiểu ngựa quen đường cũ kể từ việc “sáng tạo” ra một vũ trụ xuống mãi tới việc tạo ra một con muỗi. Khi nghiên cứu về vũ trụ khởi nguyên luận bí truyền, con hãy dùng đôi mắt tâm linh quan sát tiến trình sinh lý của việc con người sinh ra. Con hãy tiến từ nhân tới quả và trong quá trình đó, con hãy xác lập những sự tương tự giữa việc một con người sinh ra và một thể giới sinh ra. Trong học thuyết của ta, con sẽ thấy cần phải có phương pháp tổng hợp; con sẽ phải bao gồm hết tổng thể - nghĩa là hòa lẫn *đại vũ trụ* với tiểu vũ trụ - trước khi con có thể nghiên cứu các bộ phận một cách riêng rẽ hoặc phân tích chúng có lợi cho sự hiểu biết của con. Vũ trụ học là khoa sinh lý học của vũ trụ đã được tâm linh hóa vì chỉ có một luật duy nhất.

(2) Xét phần giữa của một thời kỳ hoạt động giữa 2 chu kỳ hoạt động không, nghĩa là một chu kỳ thành trụ, theo con hiểu thì điều sau đây xảy ra. Các nguyên tử được phân

cực ở vùng cao nhất của dòng lưu xuất tâm linh ở đằng sau bức màn vật chất vũ trụ nguyên sơ. Xung lực từ điển vốn đã hoàn thành kết quả này bèn lướt từ một dạng khoáng vật này sang một dạng khoáng vật khác bên trong bầu hành tinh thứ nhất mãi cho tới khi đã hết chu kỳ tồn tại trong giới này thuộc bầu hành tinh thứ nhất, thì nó mới giáng xuống vào bầu hành tinh thứ 2 trong một dòng hấp lực.

(2) Khi đã được phân cực trong tiến trình chuyển động và khi Lực không thể chống chọi nổi thúc đẩy nó bước vào hoạt động. Trong Vũ trụ khởi nguyên luận và công tác của thiên nhiên, các lực dương và âm, tức hoạt động và thụ động tương ứng với các nguyên khí dương và âm. “Dòng lưu xuất tâm linh” của con không bắt nguồn từ “đằng sau bức màn” mà là hạt giống dương từ bức màn vật chất vũ trụ rơi xuống. Nguyên khí hoạt động bị nguyên khí thụ động thu hút và con Đại Xà (biểu hiệu hình con rắn của sự vĩnh hằng) đút cái đuôi vào miệng để nhờ đó tạo thành một vòng tròn (tức là các chu kỳ trong thời gian vĩnh hằng) trong việc nguyên khí âm không ngừng bị nguyên khí dương theo đuổi. Vì vậy mới có biểu hiệu *lingam*, *phallus* và *kteis*. Thuộc tính chính yếu và duy nhất của nguyên khí tâm linh vũ trụ - là đáng ban cấp sự sống vô thức nhưng bao giờ cũng hoạt động - là bành trướng và gieo rắc; thuộc tính chính yếu và duy nhất của nguyên khí vật chất vũ trụ là tụ tập lại và làm thụ thai. Vốn mang tính vô thức và không tồn tại khi tách rời nhau, chúng trở thành có ý thức và sự sống khi kết hợp với nhau. Vì thế cho nên ta lại có Brahma, từ nguyên là “brih”, tiếng Bắc phạn có nghĩa là “bành trướng, tăng trưởng hoặc đơm hoa kết trái”; Brahma chẳng qua chỉ là lực *bành trướng* làm linh hoạt của thiên nhiên trong sự tiến hóa vĩnh hằng.

(3) Phải chăng các thể giới hiệu quả xen vào giữa các thể giới hoạt động trong dãy hành tinh đi xuống?

(3) Các thể giới hiệu quả không phải là các cõi hay nơi chốn. Chúng là hình bóng của các thể giới nguyên nhân, là *hồn* của chúng - cũng giống như con người, các thể giới có bảy nguyên khí vốn phát triển và tăng trưởng đồng thời với thể xác. Như vậy là *cơ thể* của con người được gắn chặt vào và vẫn còn lại mãi mãi bên trong cơ thể của hành tinh trái đất; nguyên sinh khí *jivatma* cá biệt (điều mà sinh lý học gọi là *sinh khí*) sau khi chết bèn trở về cội nguồn của nó tức là *Fohat*; *thể phách* của y sẽ bị thu hút vào *Akasa*; *thể vía* của y sẽ hòa lẫn trở lại với *Sakti* của vũ trụ, là *Lực Ý Chí* tức năng lượng vũ trụ; “Sinh hồn” của y vốn được vay mượn từ thần khí của *Trí tuệ Vũ trụ* sẽ trở về với các đáng Dhyana Chohans; nguyên khí thứ 6 của y - cho dù bị thu hút vào hoặc thấy ra khỏi cái khuôn của Nguyên khí Thụ động Vĩ đại - ắt vẫn còn ở trong lãnh vực của riêng mình - hoặc là một phần của vật liệu thô trực, hoặc là một thực thể đã biệt lập ngã tính được tái sinh lại trong một thể giới nguyên nhân cao hơn. Nguyên khí thứ 7 của y sẽ mang nó đi lên tới *Devachan* và theo sau *Bản ngã* mới đi tới nơi tái sinh . . .

(4) Xung lực từ điển vốn chưa thể quan niệm là một cá thể - nhập vào bầu hành tinh thứ 2 trong cùng một giới khoáng vật giống như nó thuộc về bầu hành tinh thứ nhất và trải qua vòng tiến hóa của các kiếp khoáng vật. Ở đó, rồi chuyển sang bầu hành tinh thứ 3, trái đất của ta vẫn còn là một bầu hành tinh cần thiết cho nó. Vì vậy

nó phải chuyển sang dãy hành tinh đi lên, rồi từ bầu hành tinh cao nhất của dãy này chuyển thành giới thực vật của bầu hành tinh thứ nhất.

Nếu không có bất kỳ xung lực sáng tạo mới mẻ nào từ bên trên giáng xuống, thì đời sinh hoạt của nó vòng quanh chu kỳ các thế giới với vai trò là một nguyên khí khoáng vật đã phát triển được một số sức hút mới hoặc sự phân cực khiến cho nó có được hình dạng thực vật thấp thời nhất. Dưới dạng thực vật, nó lần lượt trải qua chu kỳ các thế giới mà toàn thể vẫn là một vòng thiết yếu (vì cho đến nay người ta không thể qui trách nhiệm cho một cá thể vô ý thức, do đó vào bất kỳ giai đoạn tiến triển nào, nó không thể làm bất cứ điều gì để tuyển lựa con đường phân kỳ này hay con đường phân kỳ khác). Vậy thì phải chăng có một điều gì đó trong sự sống của ngay cả một loài thực vật, mặc dù không phải là trách nhiệm, vẫn có thể đưa nó tiến lên hoặc khiến nó rút xuống trong giai đoạn tiến triển tới hạn này ? Sau khi đã hoàn tất trọn cả chu kỳ với vai trò là một loài thực vật, cá thể tăng trưởng, bành trướng sang một mạch mới thành ra một hình tượng động vật.

(4) Sự tiến hóa của các thế giới không thể được xem xét tách rời khỏi sự tiến hóa của vạn vật được tạo ra hoặc là tồn tại trong những thế giới đó. Các quan niệm mà con chấp nhận về quan niệm vũ trụ luận – cho dù theo quan điểm của thần học hay quan điểm của khoa học - cũng không thể khiến cho con giải được chỉ một bài toán về nhân chủng học hoặc ngay cả dân tộc học, và chúng sẽ cản đường con bất cứ khi nào con ra sức giải bài toán về các giống dân trên hành tinh này. Khi một con người bắt đầu nói về sự sáng tạo và nguồn gốc của con người, thì y không ngừng húc đầu vào các sự kiện. Nếu con cứ tiếp tục bảo rằng : “Hành tinh trái đất và con người được sáng tạo ra”, thì con sẽ phải chiến đấu chống lại những *sự kiện đã được xác lập* mãi mãi, phải phân tích và mất thời giờ về những chi tiết tầm phào và không bao giờ có thể lĩnh hội được toàn thể. Nhưng một khi con công nhận rằng trái đất và chính chúng ta chẳng phải là *sự sáng tạo* như tảng băng sơn giờ đây có trước mặt ta (trong nhà Chơn sư K. H.) cả trái đất lẫn con người đều là các *trạng thái* trong một thời gian cho sẵn sự xuất hiện hiện nay của chúng – về mặt địa chất học và nhân chủng học – chỉ là phù du và chỉ là một trạng thái đồng thời với cái giai đoạn tiến hóa mà chúng đã đạt được trong chu kỳ đi xuống, thì tất cả sẽ trở nên đơn giản. Con sẽ dễ dàng hiểu được người ta có ý muốn nói gì qua cụm từ yếu tố hoặc nguyên khí “*duy nhất*” trong vũ trụ và là nguyên khí *thur hùng lưỡng tính*, con rắn *Ananta* bảy đầu của Vishnu, *con Rắn Lớn* bao quanh Đức Phật – tức con rồng lớn vĩnh hằng dùng cái đầu *hoạt động* cắn lấy cái đuôi *thụ động* để phân thân ra thành các thế giới, chúng sinh và sự vật. Con mới hiểu được lý do tại sao nhà triết học đầu tiên tuyên bố rằng **TẤT CẢ đều là Hảo huyền và trong chu kỳ hoại không *lớn*, chỉ có một nguyên khí duy nhất yên nghỉ là “*đêm đen của Brahma*” . . .**

Giờ con hãy thử nghĩ xem khi *con Rắn* thức dậy sẽ ra sao. Nó phì ra một hơi thở nặng nề, và luồng thần khí này được phóng đi dọc theo sợi dây bao quanh *Không gian* giống như một cú sốc điện. Con hãy đi tới cái dương cầm và biểu diễn âm vực thấp của những phím có bảy nốt nhạc thuộc bát độ thấp từ trên và xuống dưới. Con hãy bắt đầu bằng *pianissimo*, *crescendo* từ phím thứ nhất rồi đánh *fortissimo* trên nốt nhạc *thấp*, cuối cùng trở lại *diminuendo*, để rút ra nốt nhạc cuối cùng từ nốt nhạc cuối cùng của con, một âm thanh chỉ nghe thoảng được mà

thôi gọi là “*morendo pianissimo*” (muốn minh họa ta đã may mắn tìm thấy từ này được in trong một bản nhạc trong cái tủ treo quần áo cũ của Chơn sư K. H.). Đối với con, nốt nhạc đầu tiên và cuối cùng biểu diễn bầu hành tinh đầu tiên và cuối cùng trong chu kỳ tiến hóa là những nốt nhạc cao nhất ! Còn nốt nhạc mà con chỉ trỗi lên có *một lần* chính là hành tinh của chúng ta. Nên nhớ rằng con phải đảo ngược thứ tự trên dương cầm: con phải bắt đầu bằng nốt nhạc thứ bảy chứ không phải nốt nhạc thứ nhất. Bảy nguyên âm mà các lễ sư Ai cập ngâm lên đối với bảy tia sáng mặt trời mọc mà Memnon đáp ứng với chỉ có nghĩa là điều này mà thôi. *Nguyên Sinh Khí* duy nhất lúc hoạt động cũng chạy theo *những mạch* mà ngay cả khoa vật lý học cũng biết tới. Nó chạy một vòng trong cơ thể con người, nơi mà cái đầu biểu diễn và đối với Tiểu vũ trụ (thế giới vật chất cõi trần) nó chính là cái đỉnh của chu kỳ đối với Đại vũ trụ (tức thế giới của các Lực tâm linh vũ trụ) và cứ thế tạo lập ra các thế giới qua “các vòng thiết yếu” lớn đi xuống rồi đi lên. Tất cả đều là một Qui luật duy nhất. Con người có bảy nguyên khí, y mang theo mầm mống của những nguyên khí này từ lúc sinh ra đời. Một hành tinh hoặc một thế giới cũng vậy. Từ đầu chí cuối, mọi bầu hành tinh đều có thế giới hiệu quả, việc đi qua những thế giới này sẽ cung ứng một nơi chốn an nghỉ tối hậu cho mỗi một của các nguyên khí của con người – ngoại trừ nguyên khí thứ 7. Thế giới số A được sinh ra và cùng với nó (bám chặt giống như những con hà bám vào đáy của một cái tàu đang chuyển động), các sinh linh từ thần khí sự sống đầu tiên trong bầu khí quyển, từ những mầm mống cho đến nay vẫn trơ trơ, giờ đây được làm cho linh hoạt do chuyển động đầu tiên của bầu hành tinh. Giới khoáng vật bắt đầu từ bầu hành tinh A và trải suốt vòng tiến hóa của giới khoáng vật. Vào lúc điều này đã được hoàn tất, thì bầu hành tinh B bước vào tồn tại nơi ngoại giới và thu hút lấy *sự sống* đã hoàn tất vòng tiến hóa trước bầu hành tinh A và đã trở nên *dur thừa* (suối nguồn sự sống vẫn không bao giờ cạn kiệt, vì nó thật sự là một con Nhện có số kiếp phải giăng tơ đời đời, ngoại trừ những chu kỳ hoại không). Rồi tới sự sống thực vật trên bầu hành tinh A và tiến trình giống như vậy lại xảy ra. Trong lộ trình đi xuống, *sự sống* càng ngày càng trở nên thô trước mang tính vật chất hơn; trong lộ trình đi lên, sự sống trở nên mờ nhạt hơn. Không đâu – không có và không thể có bất kỳ trách nhiệm nào cho tới khi vật chất và tinh thần đã được thăng bằng với nhau một cách thích hợp. Lên mãi tới con người, “sự sống” không có trách nhiệm dưới bất kỳ dạng nào, cũng giống như cái phôi thai trong tử cung bà mẹ không có trách nhiệm khi trải qua mọi dạng sự sống – là một khoáng vật, một thực vật, một động vật và cuối cùng trở thành *Con Người*.

(5) Sinh hồn tức nguyên khí thứ 5 từ đâu mà ra ? Phải chăng tiềm năng của nó ngay từ đầu đã ở nơi xung lực từ điểm nguyên sơ vốn cấu thành loài khoáng vật hoặc vào mỗi sự chuyển tiếp từ thế giới vừa qua trên vòng cung đi lên chuyển sang bầu hành tinh thứ nhất, có thể nói rằng nó đã băng qua một đại dương tinh thần và hấp thụ một nguyên khí mới mẻ nào chăng?

(5) Như con thấy, nguyên khí *thứ 5* này được tiến hóa ra từ *bên trong* chính con người, con có nêu rõ rằng con người có “tiềm năng” của tất cả bảy nguyên khí dưới dạng một mầm mống ngay từ khi y xuất hiện trong thế giới nguyên nhân

thứ nhất với vai trò là một thần khí tinh anh để rồi ngưng tụ lại và rắn chắc lên cùng với bầu hành tinh khai sinh ra nó.

Tinh thần hoặc SỰ SỐNG không thể phân chia được và khi chúng ta nói tới nguyên khí thứ 7, thì chúng ta không có ý muốn nói phẩm tính, số lượng hoặc hình thái, mà đúng hơn là có ý muốn nói tới khoảng *không gian* chiếm cứ vùng *đại dương* tinh thần này do các kết quả hoặc hiệu quả (rất có phúc lợi vì tất cả những thứ này đều cộng tác với thiên nhiên) được ghi khắc lên đó.

(6) Từ loài động vật cao nhất không có hình dáng con người trong bầu hành tinh I, làm cách nào mà nó chuyển sang bầu hành tinh II ? Không thể quan niệm nổi việc nó có thể giáng xuống hình thái động vật thấp nhất ở đó, nhưng nếu không như vậy, thì làm sao nó có thể trải qua toàn bộ vòng đời lần lượt trên mỗi hành tinh?

Nếu nó trải qua chu kỳ theo hình xoắn ốc (nghĩa là từ hình thái 1 của bầu hành tinh I tới hình thái 1 của hành tinh II v.v. . . – rồi tới hình thái thứ 2 của bầu hành tinh I, II, III v.v. . . rồi tới hình thái 3 của bầu hành tinh . . . nth) thì dường như con thấy rằng qui tắc đó cũng phải được áp dụng cho cái cá thể thực vật và khoáng vật nếu chúng có như vậy, thế nhưng một số điều mà con được biết dường như phủ nhận điều này. **(Hãy nêu rõ chúng ra đi rồi chúng sẽ được trả lời và giải thích).**

Tuy nhiên trong lúc này, con phải làm việc dựa vào giải thích đó.

(Sau khi đã trải qua chu kỳ dưới dạng con thú cao nhất, thì sinh hồn trong lần kế tiếp nhúng chìm vào trong bầu đại dương tinh thần, ắt thu được nguyên khí thứ 7 vốn phú cho nó nguyên khí thứ 6. Điều này xác định tương lai của nó trên trái đất và vào lúc kết liễu cuộc đời trái đất thì sự sống đã có đủ sinh lực để duy trì một sức hút của riêng mình đối với nguyên khí thứ 7, hoặc mất nguyên khí thứ 7 và không còn tồn tại với vai trò là một thực thể riêng biệt. **Tất là những điều nêu trên đều là quan niệm sai lầm).**

Nguyên khí thứ 7 luôn luôn tồn tại dưới dạng một lực tiềm tàng trong mỗi một nguyên khí - ngay cả trong thể xác. Với vai trò là *Tổng thể* trong đại vũ trụ, nó hiện diện ngay ở bầu hành tinh *thấp nhất*, nhưng chẳng có gì ở đó để đồng hóa nó với chính nó.

(6) Tại sao lại “không thể quan niệm” được ư. Hình dáng con thú cao nhất nơi hành tinh số I hoặc A vốn *không có trách nhiệm*, vì không có sự suy thoái nào để cho nó phải hòa nhập vào bầu hành tinh số 2 tức B với vai trò là thành phần bé nhỏ nhất của bầu hành tinh đó. Tuy tiến trình đi lên, con người thấy ngay cả dạng con thú thấp nhất ở đó – mặc dù còn cao hơn là chính y đặt được trên trái đất (con đã được cho biết như vậy). Làm thế nào mà con biết được loài người, loài thú và ngay cả sự sống ở giai đoạn sơ khai ở đó lại không cao hơn ở đây cả ngàn lần? Ngoài ra, mọi giới (và chúng ta có bảy giới, trong khi các con chỉ có ba giới thôi) đều được chia nhỏ ra thành *bảy cấp* hoặc *bảy lớp*. Xét về mặt vật thể, con người là một hợp phần của mọi người và xét về mặt tâm linh, cá thể của y không tồi tệ hơn khi bị giam cầm trong lớp vỏ là một con kiến so với khi bị giam cầm trong lớp vỏ một ông vua. Hình dáng *bên ngoài* của thể xác không làm ô danh hoặc làm ô uế năm nguyên khí, mà chỉ có sự bại hoại của *tâm trí* mới gây ra hậu quả nêu trên, vậy thì vào cuộc tuần hoàn thứ 4, khi con người đã làm chủ trọn vẹn được năng lượng cảm *Dục* và đã hoàn toàn chín muồi, thì con người mới

trở nên có trách nhiệm trọn vẹn, cũng như vào *cuộc tuần hoàn thứ 6*, con người có thể trở thành một *Đức Phật* và vào *cuộc tuần hoàn thứ 7*, trước khi Chu kỳ hoại không xảy ra, con người có thể trở thành một “Dhyan Chohan”. Loài khoáng vật, thực vật, người thú, tất cả các loài này phải trải qua *bảy* cuộc tuần hoàn trong thời kỳ trái đất đang hoạt động tức là một *Maha Yuga*. Ở đây, ta sẽ không đi sâu vào chi tiết về sự tiến hóa của loài khoáng vật và thực vật mà ta chỉ chú ý tới con người hoặc *người thú* thôi. Y khởi sự đi xuống với vai trò là một thực thể tâm linh – một nguyên khí thứ 7 vô ý thức (một *Parabrahman tương phản với lại* *Parabrahman*) với các mầm mống của sáu nguyên khí khác đang tiềm tàng yên ngủ nơi y. Y trở nên cứng rắn hơn ở mỗi bầu hành tinh – sáu nguyên khí kia của y khi trải qua các thể giới hiệu quả cùng với hình dáng bên ngoài của y nơi các thể giới nguyên nhân (chúng ta có những tên gọi khác dành cho những thể giới hoặc giai đoạn này trên vòng cung đi xuống), khi đến tới hành tinh trái đất thì y chẳng qua chỉ là một chùm tia sáng chói lọi chiếu xuống một bầu hành tinh vẫn còn tinh nguyên chưa bị ô uế (vì loài người và mọi sinh linh trên trái đất đều gia tăng mức độ vật chất của mình theo kịp với bầu hành tinh). Vào giai đoạn đó, hành tinh trái đất giống như đầu của một đứa trẻ mới sinh – mềm mại, có những đặc tính chưa xác định và là một con người – một *Adam* trước khi *thần khí sự sống được phả vào lỗ mũi của y* (Xin trích dẫn những lời vụng về trong Thánh kinh của con để cho con hiểu rõ hơn). Đối với con người và thiên nhiên trên hành tinh trái đất thì đó là ngày *thứ nhất* (Xem truyền thuyết đã bị xuyên tạc trong Thánh kinh của con). Con người thứ Nhất xuất hiện ở đỉnh của vòng tròn bao gồm các bầu hành tinh cho tới bầu hành tinh thứ nhất, sau khi đã hoàn tất *bảy* cuộc tuần hoàn hoặc chu kỳ trải qua hai giới (mà con đã biết) và thế là người ta bảo rằng con người được tạo ra vào ngày thứ 8 (Xem Thánh kinh, chương II; hãy chú ý các câu thơ 5 và 6 và hãy nghĩ xem nó có nghĩa là gì khi người ta dùng từ “sương mù” – và hãy chú ý câu thơ số 7 trong đó cái người đã tạo hình ra LUẬT Vũ trụ vĩ đại được các tín đồ Ki tô giáo và Do thái giáo gọi là “Thượng Đế”, còn các môn đồ kinh Kaballah hiểu rằng đó là sự *Tiến hoá*. Trong cuộc tuần hoàn thứ nhất này, “người thú” vẫn trải qua chu kỳ của mình theo vòng xoắn ốc (con diễn tả như vậy). Trên vòng cung đi xuống - y *khởi hành từ đó sau khi đã hoàn tất cuộc tuần hoàn thứ 7 của kiếp sống động vật* trong số *bảy* cuộc tuần hoàn của riêng mình – y phải nhập vào mỗi bầu hành tinh không phải với vai trò là một *con thú hạ đẳng* theo như con hiểu mà với vai trò là một *con người hạ đẳng*, vì trong chu kỳ có trước cuộc tuần hoàn của mình với vai trò là một con người, y đã hoàn thành nó với vai trò là loại hình thú vật cao nhất. Trong Thánh kinh, chương I, các câu thơ 25 và 26 sau khi Thượng Đế đã tạo ra *tất cả* thì ngài có bảo rằng: “Chúng ta hãy làm con người theo hình ảnh của mình” v. v. . . và ngài đã tạo ra con người là một *con khỉ thú rừng lưỡng tính* (đã tuyệt chủng trên hành tinh của ta) nó thông minh nhất trong loài thú vật và con cháu của nó ta còn thấy nơi loài động vật giống người ngày nay. Liệu con có thể bác bỏ khả năng là trong bầu hành tinh kế tiếp sẽ có những con thú giống người cao cấp, còn thông minh hơn cả một số người ở dưới đây – chẳng hạn như những người dã man, giống người lùn ở Phi châu và người Veddahs ở Tích lan? Nhưng con người không phải trải qua những “sự suy thoái” như thế ngay khi y đã đạt tới giai đoạn thứ tư trong

các vòng tiến hóa tuần hoàn. Giống như các *sinh linh* hạ đẳng trong các cuộc tiến hóa thứ nhất, nhì và thứ 3, và trong khi y còn là một hợp phần vô trách nhiệm của vật chất *thuần túy* phối hợp với tinh thần *thuần túy* (không một yếu tố nào cho đến nay đã bị làm ô uế do ý thức được những mục đích và ứng dụng khả hữu của chúng) xuất phát từ bầu hành tinh số I, nơi mà y đã thực hiện vòng tiến hóa *cục bộ* gồm bảy phần từ lớp thấp nhất thuộc chủng loại *cao nhất* (chẳng hạn như loài thú giống người) mãi cho tới con người sơ khai, thì y chắc chắn là đã nhập vào bầu hành tinh số 2 với vai trò là một *con khỉ* (từ con khỉ được dùng để cho con hiểu rõ hơn) vào cuộc tuần hoàn hoặc giai đoạn này, cá tính của y vẫn yên ngủ nơi chính y chẳng khác gì một bào thai trong thời kỳ thai nghén. Y không có ý thức, không có cảm giác, vì y chỉ bắt đầu là một con người tinh anh sơ khai và đổ bộ lên hành tinh này với vai trò là một con người vật thể nguyên sơ. Cho đến nay, đó chỉ là việc chuyển sang một chuyển động máy móc, ý chí và ý thức đồng thời cũng là sự tự quyết và bị nhiều nguyên nhân xác định; ý chí của con người, trí thông minh của y và ý thức của y sẽ chỉ được khơi hoạt khi nguyên khí thứ tư của y là *Kama* đã chín muồi và đã hoàn chỉnh do được lần lượt tiếp xúc với *Kamas* tức lực cấp năng lượng của mọi hình tướng mà con người đã trải qua trong ba cuộc tuần hoàn trước kia. Loài người hiện nay đang ở vào cuộc tuần hoàn *thứ tư*; (Chú ý : loài người được coi là một chủng loại chứ không phải là một GIỐNG DÂN) thuộc về chu kỳ tiến hóa *sau chu kỳ hoại không* và cũng như nó có nhiều giống dân khác nhau, cũng vậy, các thực thể cá biệt thuộc loài người – một cách hoàn toàn vô ý thức – cũng thực hiện các chu kỳ trên trái đất gồm bảy giai đoạn *cục bộ*; vì vậy mới có sự khác nhau rất nhiều về mức độ thông minh, nghị lực v.v. . . của họ. Thế mà Luật Nhân Quả sẽ theo gót mỗi cá thể trên vòng cung đi lên để tùy theo đó mà báo đáp, có khi phải chết. Con người hoặc thực thể hoàn chỉnh đã đạt được sự toàn bích trọn vẹn rồi (nghĩa là mỗi một trong bảy nguyên khí của ngài đã chín muồi) ắt sẽ không còn tái sinh ở đây nữa. Chu kỳ cục bộ trên trái đất của ngài đã hoàn tất và ngài hoặc là phải tiến lên tiếp hoặc là bị tiêu diệt với vai trò là một cá thể (các thực thể chưa hoàn chỉnh phải được tái sinh hoặc luân hồi tiếp) ^[1]. Vào cuộc tuần hoàn thứ 5, sau khi có được Niết Bàn một phần, khi đã đạt tới tột đỉnh của chu kỳ lớn, thì từ đó trở đi các ngài sẽ phải chịu trách nhiệm giáng xuống từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác, vì các ngài phải xuất hiện trên trái đất với vai trò là một giống dân còn hoàn hảo và tri thức hơn nữa. Lộ trình đi xuống này còn chưa bắt đầu nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ xảy ra, chỉ có điều là biết bao nhiêu người - ôi biết bao nhiêu người sẽ bị hủy diệt khi các ngài giáng lâm!

Những điều nói trên là *qui luật*. Các Đức Phật và các Hóa thân là những trường hợp ngoại lệ, vì thật ra chúng ta còn có *một số Hóa thân* vẫn còn ở lại với chúng ta trên trần thế.

(7) Sinh hồn, sau khi đã lần lượt trải qua chu kỳ tuần hoàn, có thể nói là mất đi cái trón trước kia đã mang nó đi qua con đường phân ly đi xuống để rồi bị gián đoạn ở

^[1] Nhân tiện, ta sẽ viết lại cho con các trang từ 345 tới 357 trong quyển I của bộ *Nữ thần Isis lộ diện*, chúng đã bị Olcott làm cho lung tung và lộn xộn rất nhiều, ông ta cứ nghĩ rằng mình đang cải thiện được nó.

đây, sa đọa vào hạ giới trong một chu kỳ tương đối ngắn ngủi khiến cho cá tính bị tiêu diệt.

Nhưng điều này ắt chỉ xảy ra với sinh hồn nào trong khi kết hợp với tinh thần, còn chưa phát triển được nguyên khí thứ 6 trường cửu, nếu nó đã phát triển được nguyên khí rồi, và nếu nguyên khí thứ 6, khi cuốn hút về phía mình cá tính của con người hoàn chỉnh, đã làm tàn úa nguyên khí thứ 5 hạ đẳng, qua việc nêu trên – giống như đóa hoa của cây Lô hội khi mọc ra ắt làm héo úa những chiếc lá đi - thì sinh hồn ắt đã không có đủ sức kết dính để nhập vào một kiếp mới nơi hạ giới và chẳng bao lâu sẽ bị tan biến trong cõi bị thu hút bởi trái đất.

(7) Nếu xem xét lại những quan niệm của con về những điều mà ta đã trình bày với con như trên thì giờ đây con sẽ hiểu được rõ rệt hơn.

Toàn thể cá tính được tập trung nơi ba nguyên khí giữa tức là các nguyên khí thứ 3, 4 và 5. Trong khi sống trên cõi trần, chính nguyên khí thứ 4 là trung tâm năng lượng, là ý chí, là tụ điểm của tất cả. Ông Hume đã định nghĩa sự khác nhau giữa phạm ngã và cá tính một cách rất hoàn hảo. Phạm ngã hiếm khi mà còn sống sót, còn cá tính vẫn trải qua tiến trình bảy lần đi lên và bảy lần đi xuống một cách thành công, đã hấp thu hết vào nơi chính mình năng lượng sự sống vĩnh hằng vốn chỉ có nơi nguyên khí thứ 7 để rồi hòa lẫn ba nguyên khí (thứ 4, thứ 5 và thứ 7) thành ra một nguyên khí duy nhất là nguyên khí thứ 6. Những bậc nào đã thành tựu được công trình nêu trên đều trở thành các vị Phật, các Dhyana Chohans v.v. . . Mục tiêu chính yếu của những sự phấn đấu và *điểm đạo* của chúng ta chính là thành tựu được sự hiệp nhất này ngay khi vẫn còn ở trên trần thế. Những bậc nào đã thành tựu được như vậy, chẳng có gì phải lo sợ trong khi trải qua các cuộc tuần hoàn thứ 5, thứ 6 và thứ 7. Nhưng đây là một điều bí nhiệm. Chơn sư K. H. thân thương của chúng ta đang trên đường đạt tới mục tiêu đó – mục tiêu cao nhất đối với tất cả mọi người trên bầu hành tinh này.

Ta phải cảm ơn con, vì những điều con đã làm cho hai người bạn của chúng ta. *Chúng ta xin tri ân các con.*

M.

Trong một thời gian ngắn nữa, con sẽ không nghe nói tới ta hoặc không được nghe ta nói. **CON HÃY CHUẨN BỊ.**

Bức Thư Số 14^[1]

Nhận ngày mùng 9 tháng 7 năm 1882

(1) Chúng con hiểu rằng chu kỳ thiết yếu có loài người của Thái dương hệ của chúng ta bao gồm 13 bầu hành tinh ở ngoại giới, trong đó bầu của chúng ta là bầu thấp

^[1] Được chép lại từ một bản sao theo chữ viết tay của ông Sinnett – Chú thích của Ban Biên Tập.

nhất, 6 bầu bên trên bầu trái đất thuộc chu kỳ đi lên và 6 bầu thuộc chu kỳ đi xuống cùng với một bầu thứ 14 còn thấp hơn trái đất ta nữa. Điều này có đúng hay không?

(1) Con số không hoàn toàn chính xác. Có 7 bầu nơi ngoại giới và 7 bầu ở nội giới (Ta vừa mới được phép cung cấp cho con, con số chính xác lần đầu tiên), các thể giới nguyên nhân và hậu quả. Bảy bầu nơi ngoại giới bao gồm trái đất chiếm điểm ngoặt thấp nhất nơi tinh thần-vật chất quân bình với nhau. Nhưng con đừng bận tâm tính toán ngay cả dựa vào cơ sở chính xác này, vì nó chỉ làm con rối trí, bởi vì con số bảy có vô số nhánh nhóc (số bảy là một trong những bí nhiệm lớn nhất của chúng ta), con số này có liên hệ mật thiết và tương quan tương duyên với bảy nguyên khí trong Thiên Nhiên và con người - con số này là con số duy nhất mà ta được phép cung cấp cho con. Điều mà ta có thể tiết lộ thì ta đã thực hiện trong một bức thư vừa mới được hoàn tất.

(2) Chúng con hiểu rằng bên dưới con người, thầy không chỉ tính ba giới như chúng con tính (gồm giới khoáng vật, giới thực vật và giới động vật) mà có bảy giới. Xin thầy vui lòng liệt kê và giải thích những giới này.

(2) Bên dưới con người có ba vùng ở ngoại giới và ba vùng ở nội giới cùng với con người là giới thứ bảy. Hai trong số ba vùng ngoại giới thì chẳng ai ngoại trừ một điểm đạo đồ có thể quan niệm được; giới thứ ba là giới nội địa - ở bên dưới vỏ quả đất mà thầy có thể nêu tên nhưng cảm thấy khó lòng diễn tả. Trước bảy giới này còn có bảy giới khác và nhiều tổ hợp cùng với giai đoạn gồm bảy thành phần.

(3) Chúng con hiểu rằng chơn thần bắt đầu ở thể giới cao nhất trong chuỗi hành tinh đi xuống, xuất hiện ở đó trong một lớp vỏ khoáng vật, rồi trải qua một loạt bảy lớp vỏ biểu diễn bảy lớp hợp thành giới khoáng vật. Sau khi làm như thế nó lại chuyển qua bầu hành tinh kế tiếp và cũng làm như vậy (Ta cố ý chẳng nói gì về các thể giới kết quả nơi mà do đã có được sự phát triển, nó tiếp thu kết quả mà nó đã trải qua trong thể giới vừa qua và chuẩn bị cần thiết cho thể giới kế tiếp) rồi cứ thế trải qua 13 bầu, tạo thành tổng cộng 91 kiếp khoáng vật. (a) điều này có đúng chẳng? (b) nếu đúng, đâu là các lớp mà chúng con phải tính đến trong giới khoáng vật? (c) làm thế nào mà chơn thần thoát ra khỏi một lớp vỏ này để nhập vào một lớp vỏ khác; trong trường hợp các kiếp thực vật và kiếp động vật thì loài cây cỏ và loài động vật có chết đi nhưng theo như chúng con biết thì loài khoáng vật không chết, vậy thì làm thế nào chơn thần trong cuộc tuần hoàn thứ nhất lại ra khỏi một kiếp khoáng vật này để nhập vào một kiếp khoáng vật khác nữa? (d) và phải chăng mọi phân tử riêng biệt của loài khoáng vật chính là một chơn thần hay chỉ những nhóm phân tử có cấu trúc xác định mà chúng ta quan sát được chẳng hạn như các tinh thể, mới là chơn thần?

(3) Đúng vậy; trong chuỗi thể giới của chúng ta, nó bắt đầu ở bầu "A" của các hành tinh đi xuống rồi trải qua mọi cuộc tiến hóa và tổ hợp sơ cấp của ba giới đầu tiên nó bèn chui vào lớp vỏ dưới hình dáng loài khoáng vật thứ nhất (trong cái mà ta gọi là giống dân khi nói về con người và cái mà ta có thể gọi là lớp khi nói chung) thuộc lớp I - ở đó. Chỉ có điều là nó trải qua 7 thay vì trải qua 13 bầu ngay cả khi chúng ta đã bỏ qua những "thể giới kết quả" trung gian. Sau khi đã trải qua 7 lớp lớn gồm các kiếp khoáng vật (đây là một từ rất hay) với 7 nhánh

nhóc – chơn thần bèn khai sinh ra giới thực vật và chuyển sang hành tinh kế tiếp là hành tinh “B”.

(a) Như con thấy hiện nay, ngoại trừ phần con số. (b) ta tin rằng các nhà địa chất của chúng con chia loài khoáng vật ra thành ba nhóm lớn – sa thạch, đá hoa cương và phần; tức là đá trầm tích, đá lửa và đá hữu cơ - tùy theo đặc tính vật lý của loài khoáng vật. Cũng như các nhà tâm lý học và thần linh học chia con người thành bộ ba: thể xác, linh hồn và tinh thần. Phương pháp của thầy khác hẳn. Thầy chia loài khoáng vật (cũng như các giới khác) theo các tính chất huyền bí của chúng, nghĩa là theo tỷ lệ tương đối của bảy nguyên khí vũ trụ mà chúng chứa đựng. Ta rất tiếc phải từ chối con nhưng không thể và không được phép trả lời câu hỏi của con. Tuy nhiên, để cho con dễ dàng có được một thuật ngữ đơn giản, ta khuyên con nên nghiên cứu rất ráo bảy nguyên khí nơi con người, và thế là ^[1] chia bảy lớp lớn các khoáng vật tương ứng theo đó. Chẳng hạn như, nhóm trầm tích ắt tương ứng với thể hợp chất (nói về mặt hóa học) của con người tức nguyên khí thứ nhất; lớp đá hữu cơ tương ứng với nguyên khí thứ nhì (có một số người gọi là nguyên khí thứ ba) tức jiva, v.v. và v. v. Con phải vận dụng trực giác trong trường hợp đó. Nhờ vậy con cũng có thể trực giác được ngay cả một vài sự thật về tính chất của chúng. Ta rất vui lòng giúp con, nhưng mọi việc phải được tiết lộ từ từ. (c) Bằng cách *thẩm thấu* huyền bí. Loài cây cỏ và động vật bỏ xác khi đã tới số. Loài khoáng vật cũng tới số nhưng chỉ trong những thời kỳ dài hơn nhiều, vì cơ thể rắn như đá của nó có tính cách trường cửu hơn. Nó chết vào lúc cuối chu kỳ *thành trụ*, tức là lúc kết thúc một cuộc "Tuần hoàn" theo như con gọi. Điều này được giải thích trong bức thư mà ta đang chuẩn bị viết cho con. (d) Mọi phân tử đều là một bộ phận của Sự Sống Vũ Trụ. Linh hồn con người (nguyên khí thứ 4 và 5) chẳng qua là một hợp phần bao gồm các thực thể đã tiến hóa trong giới thấp hơn. Sự phong phú hoặc chiếm ưu thế của hợp phần này đối với hợp phần kia thường xác định bản năng và sự đam mê của một người trừ phi những thứ này bị kèm chế do ảnh hưởng xoa dịu và tinh thần hóa của nguyên khí thứ sáu.

(4) Xin thầy lưu ý, chúng con gọi là Chu Kỳ Lớn mà chơn thần phải thực hiện trong giới khoáng vật là một "cuộc tuần hoàn" bao gồm 13 (7) trạm, tức là các thể giới ngoại cảnh ít nhiều có tính cách vật chất. Ở mỗi một trong những trạm này, nó hoàn thành cái mà chúng con gọi là một "chu kỳ thể giới", bao gồm bảy kiếp khoáng vật, mỗi kiếp trải qua trong một lớp thuộc bảy lớp của giới khoáng vật. Liệu thuật ngữ có thể chấp nhận được và có chính xác không?

(4) Ta tin rằng nó sẽ gây ra một sự lẫn lộn thêm nữa. Chúng ta đã đồng ý gọi một Cuộc Tuần Hoàn là một sự di chuyển của một chơn thần từ bầu "A" sang bầu "Z" (hay "G") qua một lớp vỏ trong mỗi một và tất cả bốn giới - nghĩa là giới khoáng vật, giới thực vật, giới động vật, giới nhân loại hoặc giới Thiên thần. Thuật ngữ "Chu kỳ thể giới" là chính xác. Chơn sư M. khẩn thiết khuyên Ông Sinnett nên đồng ý về thuật ngữ trước khi tiến hành thêm nữa. Đến nay chúng ta đã ban cho các con một ít sự kiện tản mạn dưới hình thức lậu và nguyên lý lậu. Nhưng giờ đây vì con có vẻ thật sự quyết tâm nghiên cứu và sử dụng triết lý của

^[1] Chẳng biết có phải là “thể rời” hay chẳng! – Chú thích của Ban Biên Tập.

chúng ta một cách nghiêm túc – cho nên đã đến lúc chúng ta bắt đầu làm việc một cách nghiêm túc. Cho dù việc chúng ta bắt buộc phải từ chối không dạy các bạn con có được một tuệ giác về Toán Học Cao Cấp thì chẳng có lý do gì để cho chúng ta có thể từ chối dạy môn Số Học. Chơn thần chẳng những chỉ thực hiện các "chu kỳ thế giới" bao gồm bảy kiếp khoáng vật chủ yếu, kiếp thực vật, kiếp động vật (?) và kiếp con người – mà nó còn thực hiện vô số chu kỳ phụ tức là vòng xoắn phụ, tất cả đều theo chuỗi số bảy. Cũng giống như nhà địa chất học chia vỏ quả đất thành các phân bộ lớn, phân bộ nhỏ, ngăn nhỏ và vùng; cũng như nhà thực vật học chia cây cỏ ra thành các dòng, các lớp và các loài; cũng như nhà động vật học chia các đối tượng của mình thành ra các lớp, các dòng và họ. Cũng vậy chúng ta có những sự phân loại độc đoán và thuật ngữ riêng của mình. Nhưng ngoài việc tất cả những điều này con không hiểu nổi, người ta phải viết ra hết bộ sách này đến bộ sách khác trích từ bộ Thánh thư Kiu-te ^[1] v. v. . . . thì mới diễn giải được. Việc bình luận những điều này còn tệ hơn nữa, phần bình luận đầy dẫy những phép tính toán học bí hiểm nhất mà hầu hết chìa khóa của chúng chỉ các bậc chơn sư cao cấp mới nắm được, vì chúng trình bày vô số những biểu hiện nơi cõi hiện tượng qua những phép chiếu trác diện của cùng một lực duy nhất, cho nên chúng lại càng bí hiểm. Vì thế ta ngờ rằng hiện nay chẳng biết ta có thể cung cấp được cho con điều gì ngoại trừ một ý niệm căn bản hay chuẩn mực. Dù sao đi nữa, ta cũng sẽ cố gắng hết sức mình.

(5) Chúng con hiểu rằng trong mỗi một giới thuộc sáu giới khác, chơn thần cũng thực hiện một cuộc tuần hoàn hoàn chỉnh, ở mỗi cuộc tuần hoàn nó dừng lại nơi mỗi một trong 13 trạm, ở mỗi trạm đó, nó hoàn thành một chu kỳ thế giới bao gồm bảy kiếp, mỗi kiếp trải qua một trong bảy lớp mà mỗi một trong sáu giới nêu trên được chia thành. Điều này có đúng không ? Và nếu đúng, thì xin thầy chỉ giáo cho chúng con bảy lớp thuộc sáu giới này.

(5) Nếu con có ý muốn nói một giới là một trong bảy giới hoặc bảy vùng của trái đất - và ta cũng chẳng thấy nó có nghĩa gì khác hơn - thì câu hỏi này đã được trả lời ở câu hỏi số 2 rồi và nếu thế thì 5 trong số 7 giới đã được liệt kê rồi. Hai giới đầu tiên cũng như giới thứ ba, có liên quan đến cuộc tiến hóa của các tinh linh ngũ hành và giới nội địa.

(6) Nếu chúng con hiểu đúng thì tổng số kiếp trước khi có chu kỳ con người là 637. Điều này có chính xác không ? Hoặc là có bảy kiếp trong mỗi lớp thuộc mỗi giới, tức là 4.459 ? Hoặc là con số tổng cộng ra sao và chia như thế nào ? Còn một điều nữa. Trong các giới hạ đẳng có thể nói là số kiếp sống thì bất biến hoặc liệu nó có biến thiên không, và nếu nó biến thiên thì như thế nào, tại sao, và trong giới hạn nào?

(6) Vì không được phép chỉ giáo cho con toàn bộ sự thật, hoặc tiết lộ con số các phân số riêng biệt, cho nên ta không thể thỏa mãn con bằng cách cung cấp con số tổng cộng. Con thân mến, hãy yên chí rằng đối với kẻ nào không ra sức trở

^[1] Tác phẩm huyền bí học của Tây Tạng, nghe nói bao gồm 35 quyển tài liệu phổ thông và 7 quyển tài liệu bí truyền cùng với chừng 14 quyển bình luận. Các câu kinh trong Thiên Thư của bộ Giáo Lý Bí Nhiệm bao gồm trong quyển I của phần Bình luận về 7 trang sách bí mật của bộ Kiu-te. Chú thích của Ban Biên Tập.

thành một huyền bí gia thực hành, thì những con số này chẳng có gì quan trọng. Ngay cả những đệ tử cao cấp của ta cũng bị từ chối những chi tiết này cho tới lúc họ được điểm đạo thành chơn sư. Những con số mà ta đã nói được đan xen với những bí nhiệm tâm lý sâu sắc nhất đến nỗi mà việc tiết lộ chìa khóa của những con số này sẽ đặt quyền lực thần tượng vào trong tầm sử dụng của mọi kẻ thông minh đọc sách con. Ta chỉ có thể nói với con rằng trong vòng Chu kỳ Thành Trụ của Thái dương hệ thì con số kiếp sống hoặc sinh hoạt của chơn thần là cố định, nhưng có những biến thiên cục bộ trong số các hệ thống thứ yếu, các thế giới cá biệt, các cuộc tuần hoàn và các chu kỳ thế giới tùy theo trường hợp. Về phương diện này, con cũng nên nhớ rằng phạm ngã con người thường bị xóa nhòa đi trong khi các thực thể (dù là đơn chất hay hợp chất) hoàn thành mọi vòng thiết yếu^[1] chính và phụ dưới bất cứ hình thức nào.

(7) Cho đến nay, chúng con hi vọng rằng mình cũng khá đúng, nhưng khi xét đến con người thì chúng con lại bị rối trí.

(7) Chẳng lấy gì làm lạ, vì ta không cung cấp cho con thông tin chính xác.

(7a) Phải chăng chơn thần đóng vai trò con người (từ loài khỉ người trở lên), thực hiện một hay bảy cuộc tuần hoàn theo định nghĩa nêu trên ? Chúng con suy đoán là bảy.

(7a) Với vai trò là người khỉ, con người thực hiện cũng nhiều cuộc tuần hoàn và nhiều chu kỳ thế giới như mọi giống dân hoặc lớp khác, nghĩa là y hoàn thành một cuộc tuần hoàn nơi mỗi hành tinh đi từ A tới Z, trải qua bảy giống dân chính gồm những người giống như khỉ và những giống dân phụ nhiều như vậy v.v. (Xem phần chú thích bổ sung) so với giống dân mà ta vừa kể.

(7b) Vào mỗi *cuộc tuần hoàn* phải chăng *chu kỳ thế giới* bao gồm bảy kiếp sống trong bảy giống dân (vị chi là 49 kiếp) hay chỉ có bảy kiếp sống trong một giống dân ? Chúng con không chắc thầy dùng từ giống dân như thế nào, liệu chỉ có một giống dân dành cho mỗi trạm của mỗi cuộc tuần hoàn, nghĩa là một giống dân dành cho mỗi chu kỳ thế giới hay là có bảy giống dân (với bảy chi chủng và một kiếp trong mỗi chi chủng trong trường hợp khác) trong mỗi chu kỳ thế giới ? Hơn nữa, vì thầy dùng nhóm từ "và trải qua mỗi một chu kỳ này, Con Người phải tiến hóa trước khi y chuyển sang giống dân cao hơn kế tiếp và điều này diễn ra bảy lần", chúng con cũng không chắc có bảy kiếp sống trong mỗi chi chủng theo như thầy gọi, hoặc là giống dân phụ theo như chúng con gọi, nếu thầy thích. Vậy là giờ đây có thể có bảy cuộc tuần hoàn, mỗi cuộc tuần hoàn bao gồm bảy giống dân, mỗi giống dân bao gồm bảy giống dân phụ, mỗi giống dân phụ bao gồm bảy kiếp vị chi là $13 \times 7 \times 7 \times 7 \times 7 = 31.213$ kiếp, hoặc là một cuộc tuần hoàn có bảy giống dân, một giống dân có bảy giống dân phụ, mỗi giống dân phụ chỉ có một kiếp vị chi là $13 \times 7 \times 7 = 637$ kiếp, hoặc cùng lắm là 4.459 kiếp. Ở đây xin thầy vui lòng chỉ giáo, nêu rõ con số bình thường các kiếp sống (con số chính xác sẽ biến thiên do không tính tới những kẻ ngu đần, con nít v. v. . .) và chia như thế nào.

(7b) Theo như ta đã mô tả giống dân ở trên, nghĩa là ở mỗi hành tinh - kể cả trái đất – con người phải thực hiện bảy chu kỳ thế giới trải qua bảy giống dân

^[1] Không biết có phải là “chu kỳ thiết yếu” hay chăng ? Chú thích của Ban Biên Tập.

(mỗi chu kỳ thế giới trong một giống dân) và bảy lần bảy nhánh nhóc. Có bảy giống dân chính và bảy giống dân phụ tức nhánh nhóc. Giáo lý của ta coi nhân chủng học là một giấc mơ rộng tuếch phi lý của những kẻ cuồng tín và giáo lý chỉ giới hạn vào dân tộc học. Có thể thuật ngữ của ta còn thiếu sót; trong trường hợp như thế con được toàn quyền thay đổi. Điều mà ta gọi là "giống dân" thì có lẽ con gọi là "dòng dõi" mặc dù thuật ngữ giống dân phụ diễn tả tốt hơn điều chúng ta muốn nói so với thuật ngữ họ hoặc phân bộ của loài người. Tuy nhiên cho đến nay, để chỉ giáo cho con, ta xin nói rằng có một kiếp trong mỗi một giống dân chính của bảy giống dân chính; có bảy kiếp trong mỗi một giống dân phụ của 49 giống dân phụ – tức là $7 \times 7 \times 7 = 343$ và thêm 7 nữa. Thế rồi tới một loạt các kiếp sống trong các giống dân nhánh nhóc và chi chủng khiến cho tổng số kiếp con người ở mỗi trạm hoặc ở mỗi hành tinh là 777. Nguyên lý gia tộc và giảm tộc được áp dụng như thế để loại bỏ mọi dòng dõi thấp kém và chỉ để lại một dòng dõi cao siêu duy nhất cho chu kỳ thế giới cuối cùng. Ta không cần chia nhiều con số hàng triệu năm mà con người trải qua trên một hành tinh. Ta hãy chỉ xét một triệu năm thôi - khoa học giờ đây đang ngờ (phỏng đoán) như vậy và chấp nhận con số này - để biểu diễn toàn thể kỳ hạn của con người trên trái đất trong Cuộc Tuần Hoàn này; cứ giả dụ là mỗi kiếp sống trung bình kéo dài một thế kỷ, ta ắt thấy rằng trong cuộc tuần hoàn này, trong khi y trải qua mọi kiếp sống trên hành tinh ta chỉ có 77.700 năm thôi, thì y đã sống trong các bầu hành tinh nội giới tới 922.300 năm. Điều này chẳng gây phần khởi bao nhiêu đối với những nhà nghiên cứu về luân hồi hiện đại có tính cách cực đoan vốn nhớ được nhiều kiếp trước của mình.

Nếu con sa đà vào bất kỳ phép tính toán nào, thì đừng quên rằng chúng ta chỉ tính toán dựa vào những kiếp sống bình thường có ý thức và có trách nhiệm. Chúng ta chẳng nói tới những sự thất bại trong Thiên Nhiên qua sự sẩy thai, ngu dần bẩm sinh, trẻ con chết lúc còn nhỏ (dưới 7 tuổi) mà cũng không nói tới những ngoại lệ (ta không thể nói được). Và lại con nên nhớ rằng kiếp sống trung bình của con người biến thiên rất nhiều tùy theo mỗi Cuộc Tuần Hoàn, mặc dù ta bắt buộc giữ lại thông tin về nhiều vấn đề, thế nhưng nếu con tự thân giải đoán bất kỳ bài toán nào, thì ta sẽ có bốn phần nói cho con biết. Con hãy thử cố gắng giải bài toán về 777 kiếp.

(8) Chơn sư M. nói toàn thể nhân loại đều thuộc về cuộc tuần hoàn thứ tư. Cuộc tuần hoàn thứ năm còn chưa bắt đầu, nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu. Liệu ngài có lỡ lời chăng? Nếu không, thì khi đối chiếu điều này với những nhận xét hiện nay của thầy, chúng con suy đoán rằng toàn thể nhân loại nhất loạt thuộc về cuộc tuần hoàn thứ tư (mặc dù ở một chỗ khác thầy dường như có nói với chúng con rằng nhân loại đang thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm). Thầy có nói những người cao siêu nhất hiện nay trên trái đất thuộc về giống dân phụ thứ nhất của giống dân chính thứ năm, còn đa số thuộc về giống dân phụ thứ bảy của giống dân chính thứ tư cùng với tàn tích của các giống dân phụ khác thuộc giống dân thứ tư và giống dân phụ thứ bảy của giống dân chính thứ ba. Xin thầy chỉ giáo cho chúng con về điều này.

(8) Chơn sư M. biết rất ít tiếng Anh và *không thích* viết lách. Nhưng ngay đến ta cũng rất có thể phải diễn đạt như vậy. Một vài giọt mưa không thể làm nên

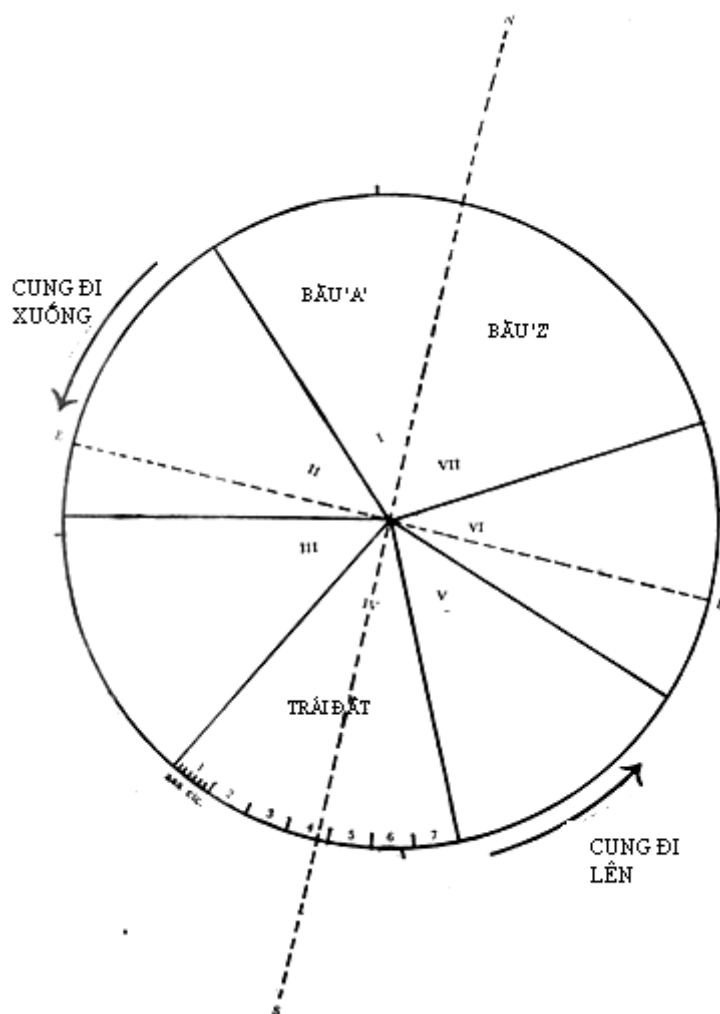
một cơn gió mùa mặc dù chúng báo điềm có gió mùa. Cuộc tuần hoàn thứ năm chưa bắt đầu trên trái đất, ta không được lẫn lộn các giống dân chính và giống dân phụ của một cuộc tuần hoàn này với giống dân chính và giống dân phụ của cuộc tuần hoàn khác. Có thể nói rằng nhân loại thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm đã “bắt đầu” khi trên hành tinh trước hành tinh chúng ta không còn một người nào thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm và trên trái đất không còn người nào thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư. Con cũng nên biết rằng những người cá biệt của cuộc tuần hoàn thứ năm (họ rất hiếm và rất ít) đã đến với chúng ta trên cương vị là *những kẻ tiên phong* chứ không khai sinh ra đám con cháu thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm trên trái đất. Plato và Khổng tử là những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm và Đức Thế Tôn là người của cuộc tuần hoàn thứ sáu (trong bức thư sắp tới ta sẽ nói về bí nhiệm hoặc hóa thân của ngài) và thậm chí con của Đức Phật Thích Ca chẳng qua cũng chỉ là một người của cuộc tuần hoàn thứ tư.

Những thuật ngữ thần bí của chúng ta khi được dịch lại một cách vụng về từ tiếng Bắc Phạn sang tiếng Anh cũng gây bối rối cho chúng ta chẳng khác gì cho các con - nhất là đối với Chơn sư M. Nếu khi viết thư cho con, một người trong nhóm chúng ta không chấp bút *trên cương vị một chơn sư* viết từ đầu đến cuối qua khả năng của mình thì ngài cũng hoàn toàn có thể “lỡ lời” như bất kỳ người nào khác. Không đâu, chúng ta không ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm, mà những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ năm chỉ mới giáng lâm trong vòng vài ngàn năm vừa qua. Nhưng một khoảng thời gian nhỏ bé như vậy thì có thấm vào đâu so với ngay cả một triệu trong số nhiều triệu năm bao trùm giai đoạn con người ở trên trái đất trong một cuộc tuần hoàn?

K.H.

Con hãy xem xét cẩn thận một vài điều bổ sung mà ta cung cấp cho con trên những tờ giấy để trắng. Damodar đã nhận được lệnh gửi cho con bức thư số 3 trong các bức thư của Terry^[1] - đây là một nguồn tài liệu quý báu dành cho quyển sách nhỏ số 3 của “Các Mảnh vụn Chân lý Huyền bí”.

^[1] William Terry là một hội viên của Hội Thông Thiên Học Úc. Ông đã điều tra khá nhiều ý tưởng của Thông Thiên Học vốn dường như quan trọng đến nỗi mà thuyết phục được Sinnett và Hume phải trả lời dài dãi. Loạt bài “Các Mảnh vụn Chân lý Huyền bí” thoát đầu là được triển khai từ việc trao đổi thư tín này. Chú thích của Ban Biên Tập.



CON NGƯỜI TRÊN MỘT HÀNH TINH

Hình này biểu diễn một cách gần đúng sự phát triển của nhân loại trên một hành tinh – chẳng hạn như trái đất của chúng ta. Con người tiến hóa qua bảy giống dân chính tức căn chủng; 49 giống dân thứ yếu; và các giống dân phụ tức nhánh nhóc, các chi chủng xuất phát từ các nhánh nhóc không được trình bày ở đây.

Mũi tên biểu thị hướng của xung lực tiến hóa.

I, II, III, IV . . . là bảy giống dân chính tức căn chủng.

1, 2, 3 . . . là các giống dân thứ yếu.

a, a, a là các giống dân phụ tức nhánh nhóc.

N, là điểm đầu và điểm cuối của sự tiến hóa trên hành tinh.

S, là điểm trục mà sự phát triển được thăng bằng tức là tự điều chỉnh trong mỗi sự tiến hóa của giống dân.

E, là các điểm xích đạo nơi mà trên cung đi xuống, trí năng thăng lướt được tính linh, và trên cung đi lên, tính linh vượt trội hơn trí năng.

(Chú thích: Phần trên do Chơn sư D.K. vẽ - phần còn lại do Chơn sư K.H. vẽ - A.P.S. chú thích)

Tái bút: Trong khi vội vã, D.J.K. đã làm cho cái hình hơi nghiêng một chút, lệch ra khỏi trục thẳng đứng nhưng nó cũng được dùng làm một bảng ghi nhớ gần đúng. Chơn sự vẽ nó để biểu diễn sự phát triển chỉ trên một hành tinh thôi; nhưng ta đã thêm vào một hai từ để cho nó cũng áp dụng được (quả thật như vậy) cho trọn cả một dãy hành tinh trong chu kỳ thành trụ.

K.H.

Chú thích Bổ sung

Bất cứ khi nào có bất kỳ vấn đề tiến hóa hoặc phát triển của một giới được trình bày cho con, thì con nên luôn luôn nhớ rằng bất cứ điều gì cũng tuân theo qui tắc một chuỗi gồm bảy phần cùng với những sự tương ứng và những sự tương quan trong khắp thiên nhiên.

Trong sự tiến hóa của con người, có một điểm cao nhất, một điểm thấp nhất, một vòng cung đi xuống và một vòng cung đi lên. Vì chính "Tinh Thần" tự biến thành "vật chất" và (chứ không phải "vật chất" thăng lên - mà) vật chất lại *tan biến thành ra tinh thần*, dĩ nhiên là cuộc tiến hóa của giống dân thứ nhất và giống dân cuối cùng trên một hành tinh (như trong mỗi cuộc tuần hoàn) phải có tính cách tinh anh hơn, tâm linh hơn. Cuộc tiến hóa của giống dân thứ tư tức giống dân thấp nhất, phải có tính chất vật thể nhất (dĩ nhiên là càng ngày càng tiến triển qua mỗi cuộc tuần hoàn) và đồng thời - vì trí tuệ vật thể là biểu lộ giả trang của trí tuệ tâm linh cho nên - mỗi giống dân tiến hóa trong vòng cung đi xuống phải thông minh xét về mặt vật thể so với giống dân trước nó, và mỗi giống dân trên vòng cung đi lên phải có một dạng trí tuệ tinh anh hơn pha lẫn với trực giác tâm linh.

Sau một chu kỳ thành trụ của *thái dương hệ*, giống dân thứ nhất (tức dòng dõi) của cuộc tuần hoàn thứ nhất (xin hãy đợi bức thư sắp tới của ta trước khi con có thể bị rối trí hoặc bối rối trở lại - bức thư này sẽ giải thích được nhiều điều), bây giờ phải là giống dân người-thần linh có một hình dạng hầu như không thể sờ thấy được, và đúng là như thế; nhưng vậy thì lại xuất hiện một khó khăn khi sinh viên muốn dung hòa sự kiện này với sự tiến hóa của con người từ *con vật* - cho dù con vật đó có hình dạng cao siêu đến đâu đi nữa trong đám con thú giống hình người. Thế nhưng việc này vẫn có thể dung hòa được đối với ai cứ sùng đạo, tin tưởng vào sự tương tự nghiêm xác giữa công trình của hai thế giới, thế giới hữu hình và thế giới vô hình - mà thực ra chỉ là một thế giới duy nhất vì có thể nói rằng thế giới này đang hoạt động bên trong chính nó. Thế mà phải có - ắt phải có những sự "thất bại" trong các giống dân tinh anh bao gồm nhiều lớp Dhyana Chohan tức Thiên thần cũng như là các lớp con người. Nhưng vì những sự thất bại này đã tiến quá xa và đã được tâm linh hóa cho nên ta không thể cưỡng bách đẩy lùi nó từ quả vị Dhyana Chohan vào trong vòng xoáy của một sự tiến hóa nguyên thủy mới thông qua các giới hạ đẳng- cho nên điều này phải xảy ra. Khi một thái dương hệ mới đã đến lúc phải tiến hóa, thì những Dhyana Chohan này (nên nhớ ẩn dụ của Ấn Độ về các *Thiên Thần Sa Đọa* bị Siva ném vào trong

Andarah ^[1], vốn được Parabrahm cho phép coi nó là một trạng thái trung gian mà các thiên thần có thể dọn mình nơi đó qua một loạt sự tái sinh trong cõi đó để đạt được một trạng thái cao siêu hơn - một sự phục sinh mới mẻ) được sinh ra do sự du nhập “dẫn đầu” của các tinh linh ngũ hành và vẫn còn là một lực tâm linh tiềm tàng hoặc không hoạt động trong hào quang của bầu thế giới mới sinh ra thuộc một thái dương hệ mới cho tới khi đạt đến giai đoạn tiến hóa của loài người. Lúc bấy giờ Nghiệp quả mới sờ gáy họ và họ phải chấp nhận uống giọt cuối cùng trong cái chén đắng của sự báo phục. Lúc đó họ trở thành một Lực hoạt động, và hòa lẫn với các Tinh linh Ngũ hành, tức các thực thể tiến hóa của giới động vật thuần túy dần dần phát triển lên thành loại hình con người viên mãn. Trong sự hòa lẫn này, họ đành chịu mất trí tuệ cao siêu và tính linh của loài thiên thần để rồi đạt được nó lại vào lúc chấm dứt chu kỳ thế giới thứ bảy của cuộc tuần hoàn thứ bảy.

Vậy là ta có:

Cuộc tuần hoàn thứ nhất - Một thực thể tinh anh - *không thông minh*, nhưng có tính chất siêu tâm linh. Trong mỗi một các giống dân, giống dân phụ và giống dân thứ yếu tiếp theo sau, con người càng ngày càng trở nên một thực thể có một lớp vỏ bọc tức là đã nhập thể nhưng cơ bản là vẫn còn có tính chất tinh anh. Giống như loài động vật và loài thực vật, y phát triển những cơ thể quái dị tương ứng với môi trường thô trực xung quanh.

Cuộc tuần hoàn thứ hai - Y vẫn còn khổng lồ và tinh anh, nhưng có cơ thể trở nên rắn chắc và cô đọng hơn - một con người có tính chất vật thể hơn, song trí tuệ vẫn còn kém hơn tâm linh; tâm trí phát triển tiến hóa chậm chạp và khó khăn hơn bộ khung vật thể, tâm trí không thể phát triển nhanh như cơ thể.

Cuộc tuần hoàn thứ ba - Giờ đây y có một cơ thể hoàn toàn cụ thể và rắn chắc; thoát tiên là hình dáng của một con khỉ khổng lồ, thông minh hơn (hoặc đúng hơn là xảo quyệt) so với tính linh. Đó là vì trên vòng cung đi xuống, giờ đây y đã đạt tới mức tính linh nguyên thủy của mình bị lu mờ đi hoặc che bóng do tâm trí vừa mới sinh ra. Trong phân nửa cuối cùng của cuộc tuần hoàn thứ ba này, dáng vóc khổng lồ của y đã giảm bớt, cơ thể của y có cấu trúc được cải thiện (có lẽ kính hiển vi giúp ta chứng minh được điều này) và y trở thành một thực thể thuần lý hơn – mặc dù vẫn còn có tính cách là một con khỉ hơn là một con người Thiên thần.

Cuộc tuần hoàn thứ tư – Trong cuộc tuần hoàn này trí năng đã phát triển nhảy vọt. Trên bầu hành tinh của ta, các giống dân câm lặng sẽ có được ngôn ngữ của loài người; từ giống dân thứ tư trở đi ngôn ngữ đã được hoàn hảo và kiến thức về các sự vật trên cõi hồng trần gia tăng. Ở điểm giữa đường này của cuộc tuần hoàn thứ tư Nhân Loại đi qua *điểm trục của vòng chu kỳ thành trụ thứ yếu*. (Hơn nữa, ở điểm giữa của mọi cuộc tiến hóa căn chủng thuộc mỗi cuộc tuần hoàn, con người trải qua đường xích đạo thuộc lộ trình trên hành tinh đó, qui tắc này cũng áp dụng cho trọn cả cuộc tiến hóa tức bảy cuộc tuần hoàn của chu kỳ thành trụ thứ yếu – 7 cuộc tuần hoàn chia cho 2 bằng 3 cuộc tuần hoàn rưỡi). Vậy là ở điểm này, thế giới đầy nhun nhúc những kết quả của hoạt động trí thức,

^[1] Không biết có phải là Antarah (trạng thái trung gian) hay chăng? Chú thích của Ban Biên Tập.

còn *tâm linh thì sa sút*. Trong nửa đầu tiên của giống dân thứ tư, khoa học, nghệ thuật, văn chương và triết học được khai sinh ra, tàn lụi ở quốc gia này, thì lại tái sinh qua quốc gia khác, nền văn minh và sự phát triển trí thức xoay vòng theo những chu kỳ gồm bảy vòng giống như những thứ khác; trong khi đó chỉ ở nửa sau của giống dân thứ tư thì Chơn Ngã mới bắt đầu cuộc đấu tranh thực sự với thể xác và tâm trí để biểu lộ những quyền năng siêu việt của mình. Ai sẽ giúp một tay trong cuộc đấu tranh vĩ đại sắp tới đó? Ai nào? Hạnh phúc thay cho kẻ nào giúp một tay.

Cuộc tuần hoàn thứ năm – Cũng vẫn là sự phát triển tương đối, và vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh.

Cuộc tuần hoàn thứ sáu.

Cuộc tuần hoàn thứ bảy.

Chúng ta không cần nói về những điều này.

Bức Thư Số 15 ^[1]

Nhận được ngày 10 tháng 7 năm 1882.

(1) Phải chăng mọi dạng khoáng vật, thực vật, cây cối, động vật, luôn luôn bao hàm cái tiềm năng phát triển thành một tinh linh hành tinh? Hiện nay, ở trái đất này có chẳng một tinh chất hoặc tinh linh hoặc linh hồn - tên gọi không quan trọng - trong mỗi khoáng vật v.v. . . ?

(1) Luôn luôn là như vậy, chỉ có điều là đúng hơn ta nên gọi nó là mầm mống của một thực thể tương lai, nó đã là mầm mống đó từ bao lâu rồi; ta hãy xét phôi thai người; từ lúc bắt đầu đậu thai cho tới khi hết tháng thụ thai thứ 7, phôi thai người lập lại trên qui mô nhỏ các chu kỳ khoáng vật, thực vật và động vật mà nó trải qua trong các lớp vỏ trước kia, và chỉ trong vòng hai tháng cuối cùng, thì nó phát triển thành thực thể con người tương lai. Quá trình này chỉ hoàn tất khi đưa trẻ vào khoảng bảy tuổi. Thế nhưng nó đã tồn tại bất tăng bất giảm trong vòng a tăng tỉ kiếp trước khi nó vạch đường tiến lên *trải qua* và *bên trong* tử cung của bà mẹ thiên nhiên cũng giống như hiện nay nó phát triển trong lòng bà mẹ trên trần gian. Một triết gia bác học có nói rất đúng rằng ông tin vào trực giác của mình nhiều hơn các phán quyết của khoa học hiện đại, "Các giai đoạn tồn tại bên trong tử cung của con người thể hiện một bản ghi chép cô đọng một số trang còn thiếu trong lịch sử Trái đất." Như vậy con phải nhìn lại các thực thể động vật, thực vật và khoáng vật. Con phải xét mỗi thực thể này ở mức khởi đầu trong chu kỳ thành trụ với vai trò là nguyên tử vũ trụ nguyên thủy đã bị biến dị bởi cơn xao xuyến đầu tiên của thần khí sự sống thuộc chu kỳ thành trụ. Đó là vì tiềm năng mà rút cuộc phát triển thành một tinh linh hành tinh hoàn chỉnh vốn ẩn núp vào trong và quả thực cái nguyên tử vũ trụ nguyên thủy ấy khi bị "ái lực hóa học" thu hút khiến cho nó phải kết hợp với những nguyên tử khác giống như mình thì sớm muộn gì khối nguyên tử kết hợp đó sẽ trở thành một bầu hành tinh

^[1] Được chép từ một bản sao có chữ viết tay của Ông Sinnett. Chú thích của Ban Biên Tập.

có người ở sau khi lần lượt trải qua các giai đoạn đám mây tinh vân, cụm tinh vân hình xoắn ốc và hình cầu sương mù lửa, ngưng tụ lại, rắn chắc lại, co rút lại và nguội lạnh lại thành ra một hành tinh. Nhưng con nên lưu ý rằng, không phải mọi bầu hành tinh đều “có người ở”. Ta chỉ nêu rõ sự kiện này mà không bàn dài dòng thêm nữa về phương diện này. Khó khăn lớn khi muốn lĩnh hội ý tưởng nêu trên vốn ở nơi việc ta không thể tạo được một quan niệm trí tuệ ít nhiều hoàn chỉnh về công việc của một nguyên tố duy nhất, về việc tất yếu là nó có mặt trong mọi nguyên tử không đo lường được và sau đó nó không ngừng tăng trưởng một cách hầu như vô hạn sinh hóa ra thành các trung tâm hoạt động mới mà tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới số lượng nguyên tử ban đầu. Ta hãy thử xét một khối tập hợp các nguyên tử được dự định dùng để tạo thành bầu hành tinh của ta và rồi theo dõi một cách tổng quan công tác chuyên biệt của những nguyên tử đó. Ta sẽ gọi nguyên tử nguyên thủy là A. Đây không phải là một trung tâm hoạt động có giới hạn mà là khởi điểm của một vòng xoắn tiến hóa trong chu kỳ thành trụ khai sinh ra những trung tâm mới mà ta có thể gọi là B, C, D, v.v. một cách vô hạn. Mỗi một các điểm được viết chữ hoa này lại khai sinh ra những trung tâm thứ yếu a, b, c, d, v.v. . . và trong diễn trình tiến hóa thăng thượng và tiến hóa giáng hạ, sớm muộn gì a, b, c, cũng sẽ phát triển thành A, B, C, v.v. . . và như vậy tạo thành gốc rễ hoặc là các nguyên nhân khai sinh ra các dòng mới, giống mới, lớp mới, v.v. . . cho đến vô hạn. Thế mà nguyên tử nguyên thủy A cùng với các nguyên tử đồng hành của nó, cũng như các nguyên tử phái sinh a, b, c không hề mất một tí lực nguyên thủy của mình hoặc tính chất sự sống của mình khi các nguyên tử phái sinh của chúng đã được tiến hóa ra. Như ta đã trình bày trong bức thư của mình lực đó không hề được biến đổi thành ra một điều gì khác nữa, mà khi mỗi trung tâm hoạt động mới được phát triển từ bên trong chúng nó, thì lực đó lại sinh sôi nảy nở vô hạn mà không hề bị mất đi một phần tử nhỏ có bản chất của nó dù về mặt số lượng hay chất lượng. Thế nhưng khi nó tiến hóa, nó vẫn thu gặt được một điều gì đó thêm vào sau mỗi lần biến dị. Cái gọi là “thần lực” này quả thật tỏ ra là bất hoại nhưng nó không tương quan và không thể bị chuyển đổi theo nghĩa mà các Hội viên Hội Hoàng Gia chấp nhận. Đúng hơn thì ta có thể bảo nó tăng trưởng và phát triển thành ra một điều gì nữa, trong khi tiềm năng của chính nó thì tuyệt nhiên lại không hề bị ảnh hưởng bởi sự biến đổi đó. Ta cũng không nên gọi nó là thần lực, vì thần lực chẳng qua là thuộc tính của Yin-sin (Yin-sin tức dạng thức tồn tại duy nhất, cũng chính là Adi-Buddhi hoặc Pháp thân, bản thể thần bí tản mạn khắp vũ trụ) khi biểu lộ trong thế giới hiện tượng của các giác quan, nghĩa là chẳng qua chỉ là Fohat mà ta đã quen thuộc. Về phương diện này con hãy xem bài viết của Subba Row “Các giáo lý Bí truyền của những vị La hán dòng Aryen” bàn về các nguyên khí thất bội của con người, đây là bài phê bình của ông đối với tác phẩm “Các Mảnh Vụn” của con trang 94 và 95. Người Bà la môn được điểm đạo gọi nó (Yin-sin và Fohat) là Brahman và Sakti khi biểu lộ ra thành lực. Có lẽ chúng ta sẽ gần đúng hơn khi gọi nó là *sự sống vô hạn*, là cội nguồn của mọi sự sống hữu hình và vô hình, là một bản thể không bao giờ cạn kiệt, hằng hiện hữu, nói tóm lại là Swabhavat (Swabhavat theo áp dụng vũ trụ là Fohat khi biểu lộ trong khắp cả thế giới hiện tượng của ta, hoặc đúng hơn là trong vũ trụ nhìn thấy được, vì vậy mà nó bị hạn chế). Nó là

prakritti khi hoạt động, nirvritti khi thụ động. Nếu muốn con có thể gọi nó là Sakti hoặc Parabrahm và nói theo các môn đồ phái Bất Nhị (Subba Row là một môn đồ đó) rằng Parabrahm cộng với Maya trở thành *Iswar* tức là nguyên khí sáng tạo – đây là một quyền năng thường được gọi là Thượng Đế vốn biến mất và chết đi với toàn thể chúng sinh khi chu kỳ hoại không đã đến. Hoặc con có thể về phe với các triết gia Phật giáo Bắc tông để gọi nó là *Adi-Buddhi* trí thông tuệ tuyệt đối và tối cao thâm nhuần vạn vật cùng với Đấng Thiêng Liêng biểu lộ theo chu kỳ của mình – là “*Avalokitesvara*” (một bản chất thông tuệ trong chu kỳ thành trụ đạt tốt đỉnh là loài người) – đây là tên gọi thần bí mà chúng ta dành cho các tập đoàn Dhyana Chohans (chú ý các Dhyana Chohans thái dương hệ tức là tập đoàn này thuộc về thái dương hệ của ta thôi), tập đoàn này tiêu biểu cho cội nguồn mẹ, khối tập hợp các trí thông tuệ đã, đang và sẽ tồn tại cho dù thuộc dãy hành tinh có người ở hay là thuộc về bất kỳ bộ phận nào khác trong thái dương hệ, và theo sự tương tự điều này sẽ khiến cho ta thấy rằng đến lượt *Adi-Buddhi* (chính tên gọi này được dịch ra theo nghĩa đen có hàm ý như vậy) lại là trí tuệ tổng hợp của các trí tuệ vũ trụ bao gồm cả trí tuệ của các vị Dhyana Chohans thuộc cấp cao nhất. Đây là tất cả những gì mà hiện nay ta dám nói với con về đề tài đặc biệt này, vì ta e rằng mình vượt quá giới hạn. Vì vậy, bất cứ khi nào ta nói về loài người mà không chỉ định rõ rệt thì con phải hiểu rằng ta chẳng những có ý muốn nói nhân loại thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư như chúng ta thấy trong hạt bụi này của không gian (trái đất) mà còn là toàn thể các tập đoàn đã được tiến hóa.

Đúng vậy, trong bức thư của ta đã mô tả rằng chỉ có một nguyên tố duy nhất và người ta không thể hiểu được hệ thống của chúng ta nếu trước đó không ghi khắc vào tâm trí một quan niệm đúng đắn. Vì vậy con phải thứ lỗi cho ta nếu ta bàn dài dòng về chủ đề này nhiều hơn mức dường như là cần thiết, nhưng nếu ta không thấu hiểu được sự kiện nguyên sơ vĩ đại này thì ta ắt không thể hiểu được phần còn lại. Vậy thì nguyên tố này nói về mặt siêu hình học chính là thể cốt duy nhất tức nguyên nhân thường trụ của mọi biểu lộ trong vũ trụ hiện tượng. Cô nhân có nói tới 5 nguyên tố mà ta có thể nhận biết được (đó là dĩ thái, gió, lửa, nước, đất) và một nguyên tố mà ta không thể nhận biết được (vì chưa được điểm đạo) đó là nguyên khí thứ 6 của vũ trụ - ta có thể gọi nó là Purush Sakti; trong khi đó việc nói tới nguyên khí thứ 7 bên ngoài phạm vi thánh điện có thể bị phạt tội chết. Nhưng cả 5 nguyên tố này chẳng qua chỉ là những khía cạnh đã biến dị của nguyên tố duy nhất. Con người là một thực thể gồm 7 phần bao nhiêu thì vũ trụ là một thực thể gồm 7 phần bấy nhiêu – tiểu vũ trụ thất bội đối với đại vũ trụ thất bội chẳng qua chỉ là giọt nước mưa đối với đám mây mà từ đó nó rút xuống và nó sẽ trở lại sau khi hết một vòng chu chuyển. Trong cái này có bao hàm biết bao nhiêu khuynh hướng tiến hóa của gió, lửa, nước v. v. . . (từ tình trạng thuần túy trừu tượng xuống mãi tới tình trạng cụ thể) trong khi cái sau được gọi là các nguyên tố, biểu thị việc chúng có thể tạo ra những tiềm năng làm biến đổi vô số hình dáng để cho vạn vật tiến hóa. Ta hãy biểu diễn số lượng còn ẩn là X, số lượng này là một nguyên khí bất di bất dịch, vĩnh hằng duy nhất, còn A, B, C, D, E, là 5 trong số 6 nguyên khí thứ yếu tức thành phần của nguyên khí duy nhất; nghĩa là các nguyên khí đất, nước, lửa, gió và dĩ thái (akasa). Theo thứ tự tính linh và bắt đầu từ nguyên khí thấp nhất. Có một nguyên khí thứ 6 tương ứng với

nguyên khí thứ 6 *Buddhi* nơi con người (để tránh nhầm lẫn ta nên nhớ rằng khi xét vấn đề từ phía vòng cung đi xuống, tổng thể trừu tượng tức nguyên khí vĩnh hằng sẽ được đánh số 1, còn vũ trụ hiện tượng được đánh số 7, cho dù nguyên khí này thuộc về con người hay vũ trụ - khi xét từ phía vòng cung đi lên, thì thứ tự đánh số sẽ ngược hẳn lại) nhưng chúng ta không được phép gọi tên nó ngoại trừ trong phạm vi các điểm đạo đồ. Tuy nhiên ta có thể nói bóng gió rằng nó có liên quan tới tiến trình trí tuệ cao siêu nhất, chúng ta hãy gọi nó là N, ngoài những điều này ra, ẩn sau mọi hoạt động của vũ trụ hiện tượng còn có một xung lực cung cấp năng lượng xuất phát từ X mà chúng ta gọi là Y. Do đó biểu thị theo đại số học, phương trình của chúng ta sẽ là $A+B+C+D+E+N+Y = X$. Có thể nói rằng mỗi một trong 6 chữ này biểu diễn phần tinh thần tức phần trừu tượng của điều mà con gọi là các nguyên tố (cái tiếng Anh nghèo nàn của con không cung cấp cho ta một từ nào khác) phần tinh thần này kiểm soát toàn bộ đường lối tiến hóa suốt toàn thể chu kỳ thành trụ trong địa hạt của riêng mình. Đó là *nguyên nhân* làm linh hoạt, cung cấp năng lượng, thúc đẩy, mang lại sự tiến hóa ẩn sau vô số biểu lộ hiện tượng thuộc địa hạt đó trong Thiên Nhiên. Ta hãy quang diễn ý tưởng này bằng một ví dụ thôi. Ta hãy xét lửa. D – nguyên khí lửa nguyên sơ ẩn nơi X – là nguyên tố tối hậu của mọi biểu lộ hiện tượng của lửa trên mọi bầu hành tinh thuộc dãy hành tinh. Các nguyên nhân gần là những tác nhân lửa thứ cấp đã tiến hóa vốn lần lượt kiểm soát *bảy* dòng giống của lửa trên mỗi hành tinh (mỗi nguyên tố gồm có *bảy* nguyên khí, mỗi nguyên khí lại có *bảy* nguyên khí phụ và những tác nhân thứ cấp này trước khi làm như thế đến lượt nó lại trở thành các nguyên nhân sơ cấp). D là một hợp chất gồm 7 phần mà phần cao nhất là tinh thần thuần túy. Theo như ta thấy nó trên bầu hành tinh này thì nó đang ở trong tình trạng vật chất nhất, thô trực nhất, cũng thô thiển theo cách thức của nó giống như con người thô thiển trong xác phàm. Trong bầu hành tinh ngay trước bầu trái đất, lửa không thô như ở đây, trong bầu trước nữa nó lại càng tinh vi hơn. Như vậy, hiện thể của ngọn lửa càng ngày càng tinh vi và có tính cách tinh thần, càng ít tính thô trực và vật chất khi càng ở trên một hành tinh có trước. Ở bầu hành tinh đầu tiên trong một dãy hành tinh của chu kỳ thành trụ, lửa xuất hiện là một ánh quang huy hầu như thuần khiết nơi ngoại giới tức là Maha *Buddhi*, nguyên khí thứ 6 của *ánh sáng vĩnh hằng*. Bầu hành tinh của ta vì ở đáy của vòng cung nơi mà vật chất cũng như tinh thần biểu lộ dưới dạng thô trực nhất, cho nên khi nguyên tố lửa biểu lộ trên bầu hành tinh tiếp sau bầu trái đất trên vòng cung đi lên, thì nó sẽ ít thô trực hơn như ta thấy hiện nay, phẩm chất tâm linh của nó sẽ đồng nhất với phẩm chất tâm linh mà lửa có được trên bầu hành tinh có trước bầu trái đất thuộc vòng cung đi xuống; bầu hành tinh thứ nhì thuộc vòng cung đi lên sẽ có phẩm chất tương ứng với phẩm chất của bầu hành tinh thứ nhì trước bầu hành tinh ta thuộc vòng cung đi xuống v. v. . . Trên mỗi bầu hành tinh thuộc dãy hành tinh, có 7 biểu lộ của lửa mà biểu lộ thứ nhất xét về thứ tự sẽ có phẩm chất tâm linh sánh được với biểu lộ cuối cùng của bầu hành tinh ngay trước nó: con có thể suy diễn rằng tiến trình này sẽ bị đảo ngược khi ta ở vòng cung đối nghịch. Đến lượt hàng hà sa số những biểu lộ chuyên biệt của 6 nguyên tố vũ trụ này lại chẳng qua chỉ là những chồi, nhánh, hoặc nhánh con của cùng một “Cây Hằng Sống” nguyên thủy duy nhất.

Ta hãy xét cây sự sống phổ hệ của Darwin bao gồm loài người và các loài khác, và hãy luôn luôn nhớ câu ngạn ngữ minh triết thời xưa “Trên sao, dưới vậy”. Đó là hệ thống những điều tương ứng trong vũ trụ, con hãy cố gắng hiểu được nó bằng phép tương tự. Như vậy con ắt thấy rằng, ngày nay trên bầu hành tinh trái đất, trong mọi khoáng vật v. v. . . đều có một tinh linh như thế. Ta sẽ không nói nhiều thêm nữa. Mỗi hạt cát, mỗi tảng hoặc mỏm đá hoa cương đều là cái tinh linh ấy bị tinh thể hóa hoặc hóa thạch. Con ngần ngại ư ? Con hãy xem một quyển sách vỡ lòng về địa chất học để thấy khoa học khẳng định rằng các khoáng vật đã được tạo lập và tăng trưởng như thế nào. Đây là nguồn gốc của một viên đá, cho dù là đá trầm tích hay đá núi lửa ? Hãy xét một mẫu đá hoa cương hoặc sa thạch và con sẽ thấy rằng loài đá này bao gồm các tinh thể, còn loài đá kia bao gồm các hạt thuộc đủ chủng loại đá (các đá hữu cơ được tạo ra từ di tích của các loài cây cỏ và động vật đã từng sống thời xưa, sẽ không phục vụ cho mục đích hiện nay của chúng ta, chúng là di tích của những cuộc tiến hóa sau này trong khi chúng ta chỉ quan tâm tới các cuộc tiến hóa nguyên thủy). Thế mà thành phần cấu tạo của đá trầm tích và đá núi lửa như sau; đá trầm tích được cấu tạo từ cát, sỏi và bùn, đá núi lửa được cấu tạo từ dung nham. Thế thì ta chỉ việc truy nguyên hai thứ này. Ta tìm thấy gì ở đây. Ta tìm thấy rằng một loại đá bao gồm 3 nguyên tố hoặc chính xác hơn là 3 trong nhiều biểu lộ của một nguyên tố *duy nhất* (đó là đất, nước và lửa), còn loại đá kia cũng được cấu tạo giống như vậy (mặc dù trong những điều kiện khác hẳn) từ vật chất vũ trụ - các *vật liệu nguyên thủy* tưởng tượng mà bản thân nó cũng là một trong các biểu lộ (tức là nguyên khí thứ 6) của nguyên tố duy nhất. Vậy thì tại sao chúng ta lại có thể nghi ngờ việc một loài khoáng vật có chứa trong nó một điểm linh quang của *Đấng Nhất Như* cũng giống như mọi vật khác trong thiên nhiên hữu hình này?

(2) Khi pralaya (chu kỳ hoại không) bắt đầu thì Chơn linh nào chưa tiến lên tới thành một con người sẽ ra sao đây ?

(2) . . . chu kỳ cần thiết để hoàn thành 7 chu kỳ thế giới cục bộ tức chu kỳ của trái đất (đó là Chu kỳ thế giới) – chứ đừng nói tới 7 cuộc tuần hoàn trong các chu kỳ thành trụ thứ yếu rồi được nối tiếp bởi 7 chu kỳ hoại không thứ yếu – việc hoàn tất cái gọi là chu kỳ khoáng vật dài hơn rất nhiều so với việc hoàn tất chu kỳ của bất kỳ giới nào khác. Con có thể suy diễn bằng phép tương tự, theo đó mọi bầu hành tinh trước khi đạt tới thời kỳ trưởng thành đều phải trải qua một thời kỳ tạo lập cũng bao gồm 7 phần. Định luật trong Thiên nhiên vốn đồng nhất; sự thụ thai, hoài thai, sinh ra, tiến hóa và phát triển của đứa trẻ chỉ khác với các chu kỳ của quả địa cầu về mức độ lớn lao mà thôi. Quả địa cầu có hai thời kỳ mọc rừng và tạo lập hệ mao mạch – những loài đá đầu tiên của nó cũng bị rơi rụng đi để nhường chỗ cho loài đá mới; loài dương xỉ và loài rong rêu có trước khi rừng mọc lên, các nguyên tử trong cơ thể thay đổi theo *mỗi* chu kỳ 7 năm bao nhiêu thì quả địa cầu cũng đổi mới các địa tầng của mình qua mỗi 7 chu kỳ bấy nhiêu. Một mặt cắt qua phần mỏ than ở mũi Breton cho ta thấy có 7 lớp đất cổ xưa với các di tích của rất nhiều khu rừng và nếu người ta đào sâu thêm nữa thì lại tìm thấy 7 mặt cắt khác . . .

Có 3 loại chu kỳ hoại không và chu kỳ thành trụ.

- 1- Đại chu kỳ hoại không và đại chu kỳ thành trụ của vũ trụ.
- 2- Chu kỳ hoại không và chu kỳ thành trụ của Thái dương hệ.
- 3- Chu kỳ hoại không và chu kỳ thành trụ thứ yếu.

Khi chu kỳ hoại không thứ nhất đã chấm dứt thì chu kỳ thành trụ của vũ trụ bắt đầu. Bây giờ toàn thể vũ trụ lại được tái tiến hóa *trở lại*. Khi xảy ra chu kỳ hoại không của thái dương hệ thì nó chỉ ảnh hưởng tới thái dương hệ ấy mà thôi. Một chu kỳ hoại không của thái dương hệ bằng 7 chu kỳ hoại không thứ yếu. Chu kỳ hoại không thứ yếu nêu trong mục số 3 ở trên chỉ liên quan tới dãy hành tinh nhỏ bé của chúng ta cho dù bầu hành tinh có người ở hay không. Trái đất của ta thuộc về một dãy hành tinh đó.

Ngoài ra, trong một chu kỳ hoại không thứ yếu, có một tình trạng *yên nghỉ* của hành tinh (hoặc nói theo các nhà thiên văn học là “sự chết” của hành tinh, chẳng hạn như sự chết của mặt trăng hiện nay) trong đó cơ thể rắn như đá của hành tinh vẫn sống còn nhưng xung lực sự sống đã đi đâu mất. Chẳng hạn như ta tưởng tượng rằng trái đất là một hành tinh trong một nhóm gồm 7 hành tinh, tức thế giới có người ở được bố trí ít nhiều theo hình bầu dục (ellipse). Trái đất của chúng ta ở ngay điểm trung ương thấp nhất của quỹ đạo tiến hóa, nghĩa là mới nửa chừng xuân, chúng ta gọi bầu hành tinh thứ nhất là A, còn bầu hành tinh cuối cùng là Z. Sau mỗi chu kỳ hoại không của thái dương hệ, có một sự hủy diệt *hoàn toàn* thái dương hệ của ta, và sau mỗi chu kỳ hoại không của thái dương hệ thì lại bắt đầu sự tái tạo lập tuyệt đối nội ngoại giới của thái dương hệ ta. Và mỗi lần xảy ra điều đó thì vạn vật lại hoàn chỉnh hơn trước.

Thế mà xung lực sự sống mới đạt tới “A” (hoặc đúng hơn là điều được dự kiến sẽ trở thành “A” và cho tới nay chỉ là một hạt bụi trong vũ trụ. Một trung tâm được tạo lập trong vật chất dạng tinh vân của các bụi thuộc thái dương hệ ngưng tụ lại sau khi đã được tản mát trong không gian, lần lượt có một loạt 3 cuộc tiến hóa xảy ra mà mắt phàm không thấy được, đó là 3 giống tinh linh ngũ hành tức các lực trong thiên nhiên đang tiến hóa: nói cách khác, sinh hồn của bầu hành tinh tương lai được tạo nên, hoặc nói theo kiểu môn đồ kinh Kaballah thì các tinh linh đất, tinh linh nước và tinh linh lửa được tạo ra. Vậy là ta có thể quang diễn sự tương ứng giữa bà mẹ là quả địa cầu và đứa con của bà là con người. Cả hai đều có 7 nguyên khí. Trên Bầu hành tinh các tinh linh ngũ hành (có tổng cộng 7 loài tinh linh) tạo thành (a), một thể thô trực, (b) một thể phách (linga sarira), (c) nguyên sinh khí (jiva), (d) nguyên khí thứ tư kama rupa được tạo lập do xung lực sáng tạo tác động từ tâm ra tới ngoại vi, (e) nguyên khí thứ 5 (sinh hồn tức Manas, trí tuệ vật thể) được thể hiện qua giới thực vật đang ở trạng thái mầm mống và giới động vật, (f) nguyên khí thứ 6 (tức hồn thiêng Buddhi) thể hiện qua giới nhân loại, (g) và nguyên khí thứ 7 (Atma) ở trong một lớp phim Akasa đã được linh hóa bao quanh bầu trái đất. Khi 3 cuộc tiến hóa này đã hoàn tất thì bầu hành tinh hữu hình bắt đầu được hình thành. Giới khoáng vật là giới thứ tư trong trọn cả dãy, nhưng lại là giới đầu tiên trong giai đoạn này bèn dẫn đường đầu tiên. Nó chỉ ngưng tụ thành những loại giống như hơi nước, mềm và dẻo, và chỉ trở nên rắn chắc cụ thể trong chu kỳ thế giới thứ 7. Khi chu kỳ này đã hoàn tất thì nó phóng chiếu tinh chất của mình sang qua bầu hành tinh B – vốn đã trải qua những giai đoạn tạo lập sơ khởi để rồi cuộc tiến hóa của khoáng vật

lại bắt đầu trên hành tinh đó. Trong tình hình này, cuộc tiến hóa của giới thực vật lại bắt đầu trên bầu hành tinh A. Khi cuộc tiến hóa thực vật đã trải qua chu kỳ thế giới thứ 7, thì tinh chất của nó lại chuyển sang bầu hành tinh B. Vào lúc đó, tinh chất của giới khoáng vật lại di chuyển sang bầu hành tinh C; còn mầm mống của giới động vật lại nhập vào bầu hành tinh A. Khi giới động vật đã tiến hóa qua 7 chu kỳ thế giới ở bầu hành tinh A thì nguyên khí của nó lại chuyển sang bầu hành tinh B, còn tinh chất của các giới thực vật và khoáng vật cứ tiếp tục tiến sang các bầu hành tinh kế tiếp. Lúc bấy giờ, con người nhập vào bầu hành tinh A, đó chỉ là một điềm báo trước tinh anh của một thực thể rắn chắc mà y được dự kiến trở thành trên bầu hành tinh trái đất. Khi tiến hóa ra 7 giống dân chính với nhiều nhánh nhóc là các giống dân phụ giống như các giới trước mình, y cũng hoàn tất 7 chu kỳ thế giới rồi lại lần lượt được chuyển sang mỗi một trong các hành tinh mãi cho tới bầu hành tinh Z. Ngay từ đầu, con người đã có đủ 7 nguyên khí bao hàm trong bản thể dưới dạng mầm mống nhưng chưa một nguyên khí nào được phát triển nếu ta so sánh y với một đứa trẻ thì cũng đúng thôi. Trong hàng ngàn câu chuyện ma đang lưu hành chẳng ai đã từng thấy một bóng ma của đứa trẻ, mặc dù óc tưởng tượng của một bà mẹ yêu thương có thể đã gọi ra cho bà hình ảnh của đứa trẻ đã qua đời thể hiện trong những giấc mơ. Điều này rất gợi ý. Trong mỗi cuộc tuần hoàn, con người khiến cho một trong 7 nguyên khí của mình phát triển trọn vẹn. Trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, tâm thức của y trên trái đất vốn trì độn, nhu nhược và lơ mơ đại khái giống như tâm thức của một đứa con nít. Khi y đạt tới trái đất trong cuộc tuần hoàn thứ hai, y đã trở nên có trách nhiệm đến một mức nào đó, và trong cuộc tuần hoàn thứ ba, y trở nên hoàn toàn có trách nhiệm. Vào mỗi giai đoạn và mỗi cuộc tuần hoàn, sự phát triển của y theo kịp bầu hành tinh mà y ở trên đó. Vòng cung đi xuống từ bầu hành tinh A tới trái đất được gọi là vòng cung bóng tối, vòng cung đi lên từ trái đất tới bầu hành tinh Z được gọi là vòng cung “ánh sáng”. . . Chúng ta, những con người của cuộc tuần hoàn thứ tư đã đạt tới nửa cuối của giống dân thứ 5 thuộc nhân loại của cuộc tuần hoàn thứ tư. Trong khi đó, những người (một số ít người tiên phong) của cuộc tuần hoàn thứ 5 mặc dù chỉ mới là giống dân thứ nhất (hoặc đúng hơn là lớp thứ nhất), đã vô cùng cao siêu hơn chúng ta về mặt tâm linh nếu không phải là về mặt trí thức, đó là vì khi phát triển hoàn chỉnh hoặc viên mãn được nguyên khí thứ 5 này (hồn trí thức) thì họ đã tiến gần hơn chúng ta đến tiếp xúc với nguyên khí thứ 6 Buddhi. Dĩ nhiên là có nhiều người bao gồm các cá thể đã biến dị ngay cả trong cuộc tuần hoàn thứ tư này đã phát triển mầm mống của các nguyên khí vì chúng không được phát triển đồng đều trong mọi người, nhưng qui tắc là giống như nêu trên.

. . . Con người đến bầu hành tinh “A” sau khi các giới khác đã đi rồi (nếu chia các giới ra làm 7 thì 4 giới cuối cùng là các giới mà khoa học công truyền chia làm 3. Chúng ta thêm giới con người hoặc giới Thiên thần vào 3 giới của khoa học công truyền. Những thực thể này lần lượt được ta chia ra thành loài còn ở trạng thái mầm mống, ở trạng thái bản năng, bản ý thức và có ý thức trọn vẹn). Khi mọi giới đã đạt tới bầu Z, thì chúng không còn tiến thêm nữa mà nhập trở lại vào bầu A trước con người, nhưng theo một luật giảm tốc tác động từ tâm điểm – tức trái đất - đi tới bầu Z và quân bình với một nguyên lý gia tốc trên vòng cung

đi xuống – thì chúng vừa mới hoàn thành sự tiến hóa riêng của mình về loài và chủng khi con người đạt tới sự phát triển cao nhất trên bầu hành tinh Z trong cuộc tuần hoàn này hoặc bất kỳ cuộc tuần hoàn khác. Ta thấy lý do là vì chúng cần một thời gian rất lớn để phát triển vô số chủng loại so sánh với con người, vì vậy tốc độ phát triển tương đối *trong các chu kỳ thế giới* dĩ nhiên là gia tăng khi chúng ta tiến lên vòng cung kể từ giới khoáng vật. Nhưng những tốc độ khác nhau này đã được hiệu chỉnh do con người dừng lại lâu hơn trong các bầu liên hành tinh để nghỉ ngơi dù sướng hay khổ, sao cho mọi giới đều hoàn tất công việc của mình cùng một lúc trên hành tinh Z. Chẳng hạn như trên bầu hành tinh chúng ta luật quân bình đang biểu lộ. Từ khi con người bắt đầu xuất hiện (cho dù có biết nói hay không) cho tới loài người hiện nay là một thực thể thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư và cuộc tuần hoàn thứ 5 sắp tới, thì ý định cấu trúc và tổ chức con người không hề thay đổi một cách triệt để, các đặc trưng dân tộc học, cho dù biến thiên đến đâu đi chăng nữa cũng không hề ảnh hưởng tới con người với vai trò là một *thực thể nhân loại*. Phần hóa thạch của con người hoặc bộ xương của y, cho dù thuộc thời kỳ là một nhánh động vật có vú mà đỉnh cao là con người hay là người khổng lồ một mắt hoặc là người lùn, đều chỉ cần nhìn thoáng qua một chút thì nhận ra ngay là di tích của một con người. Trong khi đó loài cây cỏ và động vật đã trở nên càng ngày càng không giống như thời xa xưa . . . Kế hoạch bao gồm nhiều chi tiết gồm 7 phần, thì con người ắt không thể nào hiểu nổi nếu y không có quyền năng phát triển các giác quan thứ 6 và thứ 7 của mình (các Chơn sư đã chứng tỏ được quyền năng này); trong những cuộc tuần hoàn thứ 6 và thứ 7, mọi người đều tự nhiên được phú cho những quyền năng này. Đức Phật Thích Ca – là một người của cuộc tuần hoàn thứ 6 - ắt đã không xuất hiện trong thời đại chúng ta, vì công đức mà ngài đã tích lũy được trong những kiếp trước thật là vô lượng, mà vì một điều *bí nhiệm* nào đó . . . cái cá thể không thể vượt qua nhân loại của cuộc tuần hoàn của mình nhiều hơn một bước, vì điều này không thể được, xét theo toán học; thật vậy, con có thể nói rằng: nếu suối nguồn sự sống tuôn chảy không ngừng thì bất cứ lúc nào trên trái đất cũng có con người thuộc đủ mọi cuộc tuần hoàn v. v. . . Việc nói bóng gió về kỳ nghỉ ngơi của hành tinh có thể xưa tan quan niệm sai lầm về đề mục này.

Khi con người đã được hoàn chỉnh *qua* một vòng tiến hóa cho sẵn trên bầu A, thì từ đó trở đi y bèn biến mất (giống như một vài loài động vật và thực vật). Bầu hành tinh này từ từ mất hết sinh lực và cuối cùng đạt tới giai đoạn giống như mặt trăng, nghĩa là bị chết, và như vậy vẫn còn tồn tại trong khi con người trải qua 7 chu kỳ thế giới trên bầu Z và trải qua thời kỳ liên chu kỳ trước khi bắt đầu cuộc tuần hoàn kế tiếp. Đối với mỗi bầu hành tinh đều lần lượt như thế cả.

Và bây giờ, vì con người chỉ mới bắt đầu chu kỳ thế giới thứ nhất trên bầu hành tinh Z, sau khi đã hoàn tất chu kỳ thế giới thứ 7 trên bầu hành tinh A, và vì khi bầu hành tinh A chết đi thì y bèn rời bỏ nó tiến sang bầu hành tinh B và vì y vẫn còn ở lại trong cõi liên chu kỳ sau bầu hành tinh Z, và vì y vẫn ở giữa hai bầu hành tinh cho tới khi xung lực lại kích thích cả dãy hành tinh, cho nên rõ ràng là chẳng ai có thể tiến trước quá một cuộc tuần hoàn so với đồng loại của mình. Chỉ có Đức Phật mới là một trường hợp ngoại lệ, vì đó là một *điều bí nhiệm*. Chúng ta coi những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đang trà trộn trong đám chúng ta vì

ta đang ở vào nửa cuối của chu kỳ thế giới trái đất gồm 7 phần. Trong nửa đầu, điều này không thể xảy ra, hằng hà sa số loài người thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư đã vượt trước chúng ta và hoàn tất 7 chu kỳ thế giới trên bầu hành tinh Z; họ đã có đủ thời gian để trải qua thời kỳ liên chu kỳ và lại bắt đầu cuộc tuần hoàn mới của mình để rồi hoạt động trên bầu hành tinh D của chúng ta. Nhưng làm sao lại có thể có những người thuộc các cuộc tuần hoàn 1, 2, 3, 6, và 7 ? Chúng ta biểu diễn ba nhóm người thuộc ba cuộc tuần hoàn đầu tiên, còn nhóm thứ 6 chỉ có thể giáng lâm trong những dịp hiếm hoi và quá sớm giống như Đức Phật (có điều là đã chuẩn bị sẵn sàng), còn nhóm thứ 7 thì chưa hề thấy tiến hóa ra ! Chúng ta đã truy nguyên con người từ một cuộc tuần hoàn này vào trong một trạng thái Niết Bàn giữa bầu hành tinh Z và bầu hành tinh A. Trong cuộc tuần hoàn vừa qua bầu hành tinh A đã bị bỏ mặc cho chết. Khi cuộc tuần hoàn mới bắt đầu thì nó tiếp thu được luồng lưu nhập sự sống mới làm cho nó linh hoạt trở lại và sản sinh ra mọi giới thuộc cấp cao hơn so với cuộc tuần hoàn vừa qua. Sau khi việc này đã được lập lại 7 lần thì có một chu kỳ hoại không thứ yếu, dãy hành tinh không bị hủy diệt do sự tan rã và tàn mác của các vi hạt mà chuyển sang *trạng thái ẩn náu*. Từ trạng thái này, đến lượt chúng sẽ xuất lộ trở lại trong chu kỳ gồm 7 phần kế tiếp. Bên trong một chu kỳ thái dương hệ (gồm một chu kỳ hoại không và một chu kỳ thành trụ) có xảy ra 7 chu kỳ nhỏ hơn trong vòng cung đi lên phát triển lũy tiến. Tóm lại, trong một cuộc tuần hoàn, có 7 chu kỳ thế giới của hành tinh hoặc trái đất đối với mỗi giới và một kỳ hoại không dành cho mỗi hành tinh. Các chu kỳ thành trụ thứ yếu bao gồm 7 cuộc tuần hoàn, 49 chu kỳ thế giới và 7 kỳ hoại không; các chu kỳ thành trụ thái dương hệ bao gồm 49 cuộc tuần hoàn v. v. .

Dikshita gọi các thời kỳ có chu kỳ hoại không và chu kỳ thành trụ là “Surya manwantara và Surya pralaya”. Tư tưởng đậm ra bối rối khi suy đoán xem có biết bao nhiêu chu kỳ hoại không thuộc thái dương hệ phải xảy ra trước khi đêm đen lớn của Vũ trụ xuất hiện. Nhưng điều này nhất định sẽ xảy ra . . .

Trong các chu kỳ hoại không thứ yếu, không hề có việc khởi sự trở lại, mà chỉ có việc khởi động trở lại những gì đã bị ngừng. Các giới thực vật và động vật – mà vào cuối chu kỳ thành trụ thứ yếu chỉ đạt được một sự phát triển riêng phần – không hề bị hủy diệt. Sự sống của chúng tức các thực thể có sự sống – nếu muốn con có thể gọi đó là *các chúng sinh* – cũng có được một đêm đen yên nghỉ tương ứng, chúng cũng có một Niết Bàn của riêng mình và tại sao những thực thể phôi thai và còn con nít này không thể có được ? Tất cả chúng đều giống như chúng ta, đều được sinh ra từ cùng một nguyên tố duy nhất . . . cũng như chúng ta có các Đấng Dhyana Chohans, cũng vậy chúng có nhiều tinh linh canh giữ của các giới và chúng cũng được chăm sóc theo toàn khối cũng như nhân loại được chăm sóc theo từng nhóm. Nguyên tố duy nhất chẳng những lấp đầy không gian mà còn chính là không gian, nhưng nó thấm nhuần mọi nguyên tử của vật chất vũ trụ.

Khi đã đến giờ của chu kỳ hoại không thái dương hệ - mặc dù sự tiến triển của con người trong cuộc tuần hoàn thứ 7 vừa qua cũng giống như vậy. Mỗi hành tinh, thay vì chuyển từ hữu hình sang vô hình khi bị con người rời bỏ, thì đến lượt hành tinh lại bị tiêu diệt. Khi cuộc tuần hoàn thứ 7 của chu kỳ thành trụ thứ

yếu thứ 7 bắt đầu thì mọi giới giờ đây đã đạt tới chu kỳ cuối cùng của mình, sau khi con người xuất ra thì trên mỗi hành tinh chỉ còn lại sự hão huyền của các hình tượng đã từng một lần sống động và tồn tại. Mỗi bước đi mà con người thực hiện trên vòng cung đi xuống và vòng cung đi lên khi chuyển từ Bầu hành tinh này sang Bầu hành tinh khác khiến cho hành tinh bị bỏ lại trở thành một cái vỏ kén trống rỗng. Khi con người ra đi, mọi giới với các thực thể của nó đều có một luồng xuất ra trong khi chờ đợi đến đúng lúc sẽ chuyển vào một hình thức cao hơn thì chúng tạm thời được tự do: cho tới ngày có được cuộc tiến hóa mới, chúng sẽ yên nghỉ trong giấc ngủ hôn thụy trong không gian mãi cho tới khi lại được cấp năng lượng linh hoạt trở lại trong chu kỳ thành trụ thái dương hệ mới. Các tinh linh ngũ hành xưa cũ sẽ yên nghỉ cho tới khi đến lượt chúng được triệu tập để tạo thành cơ thể của các thực thể khoáng vật, thực vật và động vật (trên một dãy hành tinh khác cao hơn) trên con đường trở thành các thực thể loài người (Xem Nữ thần Isis lộ diện) trong khi các thực thể ở dạng mầm mống của cái hình thức thấp nhất – vào lúc nói chung là đã hoàn hảo đó chỉ còn lại một ít thực thể kiểu này – sẽ treo lơ lửng trong không gian giống như những giọt nước thành linh chuyển thành những cụm băng tuyết nhỏ. Chúng sẽ chảy ra khi có hơi nóng đầu tiên của một chu kỳ thành trụ thái dương hệ để rồi trở thành linh hồn của các bầu hành tinh tương lai . . . sự yên nghỉ lâu dài liên hành tinh của con người đã tiếp ứng cho sự phát triển chậm chạp của giới thực vật . . . Khi đã đến chu kỳ hoại không của thái dương hệ thì toàn thể loài người đã được tẩy trừ sẽ hội nhập vào Niết Bàn và từ các trạng thái Niết Bàn liên thái dương hệ đó, họ sẽ được tái sinh trong những thái dương hệ cao hơn. Dãy hành tinh bị hủy diệt và biến mất giống như một cái bóng chiếu trên bức tường khi ánh sáng vụt tắt, chúng ta có mọi chỉ dẫn cho thấy rằng vào chính lúc này có một chu kỳ hoại không của thái dương hệ đang xảy ra, trong khi đó có hai chu kỳ hoại không thứ yếu đang chấm dứt ở đâu đó.

Vào lúc bắt đầu chu kỳ thành trụ của thái dương hệ, các yếu tố (cho đến nay vẫn thuộc nội giới) của thể giới vật chất hiện nay đang rải rác trong bụi vũ trụ - vốn nhận được xung lực từ các vị Dhyani Chohans mới của thái dương hệ mới (các đẳng cao nhất thuộc những đẳng thời xưa đã tiến cao hơn) sẽ tạo lập thành ra các gợn sóng nguyên thủy của sự sống rồi tách biệt nhau thành ra các trung tâm hoạt động dị biệt tổ hợp lại thành một bậc thang có phân cấp bao gồm 7 giai đoạn tiến hóa. Giống như bất kỳ tinh cầu nào khác trong không gian trước khi đạt tới mức độ vật chất cuối cùng – và giờ đây chẳng điều gì trên thế giới này có thể cung cấp cho con một ý niệm về trạng thái vật chất đó – trái đất của ta phải trải qua một giai bậc gồm 7 giai đoạn trọng trực. Ta cố tình dùng từ giai bậc vì âm giai toàn âm sẽ cung cấp cho ta một minh họa tốt nhất về chuyển động nhịp nhàng vĩnh viễn của chu kỳ đi xuống và chu kỳ đi lên của Swabbavat – nó được phân bậc theo các tông và nửa tông.

Trong số các hội viên uyên bác của Hội Thông Thiên Học, có một nhà Thông Thiên Học mặc dù không quen thuộc với giáo lý huyền bí của chúng ta, xong vẫn trực giác linh hội được ý niệm về chu kỳ hoại không của thái dương hệ và chu kỳ thành trụ vào lúc khởi đầu mà chỉ xuất phát từ các dữ liệu khoa học. Ta muốn nói tới nhà thiên văn học người Pháp nổi tiếng Flammarion – trong quyển “Sự

Phục Sinh và sự Chấm Dứt các Bầu thế giới” (Xem chương 4), ông nói như một nhà thấu thị thực sự. Sự thật giống như ông suy đoán chỉ cần thay đổi chút ít do sự lạnh giá của từng thế kỷ (đúng hơn là tuổi già và mất sinh lực) cùng với sự rắn đặc lại và khô cứng lại của các bầu hành tinh, đến một lúc nào đó từ khi khởi đầu, trái đất đạt tới mức trở thành một kết khối lỏng lẻo, thời kỳ sinh con đẻ cái đã qua rồi. Tất cả con cháu đều được nuôi dưỡng, kỳ hạn sống của nó đã chấm dứt. Từ nay trở đi “các khối cấu tạo nên nó không còn tuân theo qui luật kết dính và tự hợp vốn gắn bó chúng với nhau”. Và nó trở nên giống như một xác chết, bị phó mặc cho công tác hủy diệt, mặc kệ mỗi phân tử tạo thành nó tha hồ tách rời khỏi cơ thể một cách vĩnh viễn, để rồi trong tương lai bị cuốn hút vào trong vòng những ảnh hưởng mới. Sức hút của mặt trăng (nếu y biết được trọn vẹn tầm mức ảnh hưởng độc hại của nó) tự thân nó đảm nhiệm công tác hủy hoại bằng cách tạo ra một đợt sóng triều các vi hạt của trái đất thay vì là một trận thủy triều.

Y chỉ nhằm lẫn ở chỗ y tin rằng phải mất một thời gian lâu thì thái dương hệ mới bị hủy hoại: chúng ta được biết rằng sự hủy hoại này diễn ra trong một chớp mắt mà trước đó chẳng có nhiều điềm cảnh báo. Còn một sai lầm nữa là việc ông ta giả sử rằng trái đất sẽ rơi vào mặt trời. Vào lúc chu kỳ hoại không của thái dương hệ, chính mặt trời sẽ bị hủy hoại trước tiên.

. . . Khi càng đào sâu vào bản chất và bản thể của nguyên khí thứ 6 của vũ trụ và nơi con người, thì con sẽ càng đào sâu vào bí nhiệm lớn nhất của thế giới này – và tại sao không - ; chẳng lẽ con không bị nó bao vây sao? Đây là những biểu lộ quen thuộc của nó? Thuật thôi miên của Mesmer, lực Odd v. v. . . tất cả đều là các khía cạnh khác nhau của cùng một lực duy nhất có thể được áp dụng vào điều thiện cũng như điều ác.

Quả vị của một Chơn sư đánh dấu 7 giai đoạn mà ngài khám phá được bí mật của những nguyên khí thất bội trong thiên nhiên và nơi con người để rồi đánh thức được những quyền năng còn đang yên ngủ của mình.

Bức Thư Số 16 ^[1]

Nhận tháng 7 năm 1882.

(1) Những nhận xét được đính kèm vào một bức thư trong số *tạp chí Nhà Thông Thiên Học* vừa qua trang 226 cột 1, gây ấn tượng cho con là nó rất quan trọng và làm giảm khinh – con không muốn nói là mâu thuẫn với – nhiều điều mà chúng con cho đến nay đã được dạy bảo về Thần linh học. Chúng con đã nghe nói tới một hoàn cảnh sống tâm linh trong đó Bản ngã tái phát triển trải qua một kiếp sống hữu thức trong một thời gian trước khi luân hồi vào một thế giới khác, nhưng cho đến nay địa hạt của đề tài này đã bị lướt qua. Bây giờ đã có một số phát biểu minh bạch về nó, và những điều này gợi ý cho ta điều tra thêm nữa.

Trong trạng thái *Devachan* (con đã cho một người bạn mượn tờ *Nhà Thông Thiên Học*, nên không có nó trong tầm tay để tham chiếu lại, nhưng nếu con nhớ

^[1] Phần trả lời của Chơn sư K. H. cho những câu hỏi của ông Sinnett được in bằng chữ khổ to. Chú thích của Ban Biên Tập.

không làm thì đây chính là tên gọi của trạng thái tâm linh phúc lạc vừa được mô tả), Bản ngã mới vẫn giữ được trọn vẹn trí nhớ về cuộc sống trên trần thế xét theo biểu kiến. Liệu có phải thế chăng hay là con có hiểu lầm gì đó về đề tài này?

(1) Devachan tức “Tĩnh độ”, đã được Đức Phật mô tả *một cách ẩn dụ*. Ta có thể thấy những điều ngài nói trong “*Son Môn Nhất Động*”. Đức Như Lai thuyết :

“Vượt quá thế giới ta bà thấp vụn ức Phật quốc độ, có một cõi cực lạc tên là *Tĩnh độ* . . . Bao quanh cõi này có *bảy* lớp bao lơn (thất trùng lan thuẫn), *bảy* lớp màn che (thất trùng la võng), *bảy* hàng cây rung rinh (thất trùng hàng thọ); thánh địa này của chư La hán là cõi sở hóa của bậc Như Lai (Dhyan Chohans) và là nơi tu dưỡng của chư Bồ tát. Nó có *bảy* ao báu (thất bảo trì), ở giữa các ao này có nước trong như pha lê với *bảy* và *một* tính chất hoặc phẩm tính riêng biệt (bảy nguyên khí là phân thân của một nguyên khí DUY NHẤT) tức là bát công đức thủy. Hỡi Xá Lợi Phất, đây chính là Devachan. Hoa Ưu Đàm thiêng liêng của nó mọc rễ *trong bóng của mỗi trái đất* và nở hoa cho tất cả kẻ nào lên tới cõi này. Những kẻ nào vãng sinh vào cõi cực lạc này quả thật là có diễm phúc, họ không còn phải chịu phiền não hoặc đau khổ *trong chu kỳ đó nữa* . . . Vô lượng Chơn linh (Lha) đã lui tới đây để an dưỡng, để rồi *trở lại cõi của chính mình* ^[1] . Lại nữa, hỡi Xá Lợi Phất, ở cõi cực lạc đó có nhiều người đời nghiệp vãng sinh tức là các bậc A bệ bát trí” ^[2] v.v. . .

(2) Thế mà ngoại trừ sự kiện thời kỳ tồn tại trong Devachan chỉ là hữu hạn, có sự gần gũi tương tự rất nhiều giữa trạng thái này và cõi Thiên đường của tôn giáo thông thường (bỏ qua ý niệm nhân hình về Thượng Đế).

(2) Chắc chắn là *Bản ngã* mới, một khi tái sinh, vẫn giữ lại trong một thời gian – tỉ lệ với kiếp sống trên Trần thế - “ký ức hoàn toàn về cuộc sống trên trần thế” ^[3] (Xem câu hỏi trước của con). Nhưng nó không thể trở lại trần thế từ cõi Devachan, và cõi này – ngay cả bỏ đi “mọi ý niệm nhân hình về Thượng Đế” – cũng chẳng giống chút nào với cõi Thiên đường của bất kỳ tôn giáo nào khác; chính óc tưởng tượng văn học của H. P. B. đã gợi ý cho bà sự so sánh kỳ diệu này.

(3) Bây giờ tới vấn đề quan trọng là ai đi lên Thiên đường hoặc Devachan? Phải chăng chỉ có một ít người rất tốt có thể đạt được trạng thái này, hay là nhiều người không xấu lắm cũng đạt được – trong trường hợp của họ thì nó trải qua sau một thời gian dài ấp ủ hoặc tự sinh vô thức.

(3) Ai đi lên Devachan ư? Dĩ nhiên là phạm ngã nhưng đã được thánh hóa, tẩy trừ, trở nên linh thiêng. Mọi Bản ngã – tổ hợp của các nguyên khí thứ 6 và thứ 7 – sau thời kỳ tự sinh vô thức lại được tái sinh vào Devachan, tất nhiên là cũng vô tội và thanh tịnh như một đứa trẻ sơ sinh. Sự kiện y được tái sinh cho thấy rằng trong phạm ngã xưa cũ của y, phần thiện đã thắng lướt được phần ác. Và trong khi Nghiệp ác tạm thời được dẹp sang một bên để sẽ theo gót y trong kiếp luân hồi tương lai nơi trần thế, thì y chỉ mang theo mình thân nghiệp, khẩu

^[1] Những người chưa chấm dứt chu kỳ thế giới trên trái đất.

^[2] Theo sát nghĩa là những bậc bất thối chuyển-những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 7 v.v. .

^[3] Xem câu hỏi 1 ở trên.

ngiệp và ý nghiệp thiện để nhập vào Devachan. “Xấu” là một từ tương đối – con đã từng được nói nhiều lần trước đây như vậy – và Luật Báo Phục là luật duy nhất không hề sai lầm. Vì vậy tất cả những kẻ nào không sa lầy vào tội lỗi và thú tính không thể cứu chuộc nổi (thập ác ngũ nghịch) đều nhập vào Devachan. Họ sẽ phải trả tội của mình (dù là cố tình hay vô ý) sau này. Trong khi chờ đợi họ được tưởng thưởng, nhận *quả của những nguyên nhân* mà họ đã tạo ra.

Dĩ nhiên đó là một *trạng thái* có thể nói là *vô cùng ích kỷ*, trong trạng thái đó *Bản ngã* gặt hái được phần thưởng của *lòng vị tha* của mình trên trần thế. Y hoàn toàn đắm chìm vào trong sự cực lạc của mọi tình cảm cá nhân trên trần thế, những điều y ưa thích và ưa suy nghĩ và gặt hái được quả của những công trạng của mình (phước báu). Không một sự đau buồn, phiền não, thậm chí cả bóng dáng của một nỗi phiền muộn, có thể làm u ám được chân trời rực rỡ của hạnh phúc thuần túy của y: bởi vì *đây là một trạng thái “Huyền hoặc” luôn luôn*. . . Vì tri thức của *phàm ngã* con người trên trần thế chẳng qua chỉ là một giấc mơ phù du, cho nên ý thức đó cũng vẫn chỉ là một giấc mơ nơi Devachan – chỉ có điều là đã được tăng cường lên gấp trăm lần. Quả thật nó mạnh đến nỗi Bản ngã đang sung sướng không thể nhìn thấu qua được bức màn ảo ảnh để thấy những điều ác, những phiền muộn và những đau thương mà thân nhân của mình trên trần thế có thể phải gánh chịu. Nó sống trong giấc mơ ngọt ngào đó với những người thân thương của mình, cho dù họ đã quá cố hay còn sống trên trần thế. Nó lôi kéo những người thân lại gần mình, họ cũng hạnh phúc, cũng cực lạc và cũng vô tội như chính kẻ mơ mộng đã thoát xác. Thế nhưng, ngoại trừ những linh ảnh hiếm hoi, cư dân trên trái đất thô trực không cảm nhận được cõi này. Chính trong tình trạng này, một tình trạng hoàn toàn Hảo huyền, các Vong hồn hoặc Bản ngã tinh anh của những người nhạy cảm, thanh tịnh và biết yêu thương, khi hoạt động dưới ảnh hưởng của ảo lực đó, cứ nghĩ rằng người thân của mình giáng xuống với mình trên trần thế, trong khi thực ra chính Chơn linh của họ đã được nâng lên tới Chơn linh của những người nhập Devachan. Nhiều cuộc liên lạc tâm linh *nơi nội giới* – hầu hết là khi những người nhạy cảm có tâm trí thanh tịnh – là có thực; nhưng người đồng cốt *chưa được điểm đạo* khó lòng mà ghi khắc vào tâm trí mình những bức tranh chân thực và chính xác về điều mà mình trông thấy và nghe thấy. Một số hiện tượng tên là cơ bút (mặc dù hiếm hơn) cũng là có thực. Có thể nói rằng chơn linh của kẻ nhạy cảm bị mê mẩn do hào quang của Chơn linh nơi Devachan, trong một vài phút, bỗng trở nên *cái phàm ngã đã quá cố đó*, và viết theo nét chữ viết của phàm ngã đó, với ngôn ngữ và tư tưởng của phàm ngã đó chẳng khác gì lúc sinh thời. Hai chơn linh hòa nhập làm một, và trong những hiện tượng như thế, sự ưu thắng của chơn linh này đối với chơn linh kia ắt xác định sự ưu thắng của *phàm ngã* nào biểu hiện những đặc trưng trong những cuộc viết lách và “nói năng xuất thần” như thế. Điều mà con gọi là “sự cảm ứng” quả thực là sự đồng nhất rung động phân tử giữa phần tinh anh của đồng tử đang lâm phàm và phần tinh anh của phàm ngã đã bỏ xác. Ta vừa mới đề ý tới một bài báo viết về *khứu giác* của một vị giáo sư người Anh (mà ta yêu cầu được điểm lại trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* để có dịp nói mấy lời) và thấy trong ấy có một điều nào đó áp dụng được cho trường hợp này. Trong âm nhạc cũng như hai âm thanh khác nhau có thể tạo thành hợp âm mà vẫn phân biệt được một cách riêng

rẽ và sự hài âm hoặc không hài âm này còn tùy thuộc vào những rung động đồng bộ và những chu kỳ bổ sung; cũng vậy có một *sự cảm ứng* giữa đồng tử và vong linh “kiểm soát” khi các phần tử tinh anh của họ chuyển động hài hòa với nhau. Và vấn đề liệu sự truyền thông có phản ánh được tính đặc dị cá nhân của người này hay người khác sẽ được xác định qua cường độ tương đối của hai tập hợp chấn động trong sóng phức hợp của *Akasa*. Các xung chấn động càng ít đồng nhất bao nhiêu thì thông điệp nhận được càng ít tính cách tâm linh bấy nhiêu và càng có nhiều tính cách của người đồng tử bấy nhiêu. Vậy thì, con hãy đo lường trạng thái đạo đức của người đồng tử qua trạng thái đạo đức của vong linh thông tuệ giả sử là đang kiểm soát, thì những cuộc trắc nghiệm tính chân thật của con sẽ có kết quả mỹ mãn.

(4) Có chăng những sự biến thiên rất lớn bên trong giới hạn của cái gọi là trạng thái Devachan, sao cho tất cả đều ghé vào một trạng thái thích hợp với mình để rồi từ đó tái sinh vào một trạng thái cao hơn hoặc thấp hơn trong thế giới nguyên nhân kế tiếp? Việc đưa ra nhiều giả thuyết chẳng có ích lợi gì. Chúng con muốn có một ít thông tin để tiếp tục triển khai.

(4) Đúng vậy, các trạng thái của Devachan biến thiên rất nhiều, đúng như con nói. Cũng như trên trần thế có biết bao nhiêu sắc thái tri giác và biết bao nhiêu khả năng thẩm định phần thưởng đó, cũng vậy, cõi cực lạc có biết bao nhiêu là biến thiên. Đây là một cõi thiên đường tạo ý, trong trường hợp nào thì Bản ngã cũng tự xây dựng nên cõi của mình, tạo ra những khung cảnh với biết bao nhiêu những diễn biến và không biết cơ man nào mà kể những con người mà y mong mỗi tìm thấy trong một cõi cực lạc bù trừ như thế. Chính sự biến thiên này sẽ hướng dẫn *phạm ngã* phù du nhập vào cái dòng đưa đẩy y tái sinh vào một trạng thái cao hơn hoặc thấp hơn trong cõi nguyên nhân kế tiếp. Trong thiên nhiên mọi việc đều được điều chỉnh một cách hài hòa – nhất là trong nội giới – sao cho các bậc Như Lai (tức Dhyana Chohans) vốn hướng dẫn xung lực tiến hóa không thể phạm phải sai lầm.

(5) Cứ nhìn thẳng vào ý tưởng này thì đây chỉ là một trạng thái tâm linh thuần túy mà chỉ những thực thể có cuộc sống trần thế đã được tâm linh hóa cao độ mới hưởng được. Nhưng có vô số người rất tốt (về mặt đạo đức) song cuộc sống lại không được tâm linh hóa gì hết. Làm sao họ có thể thích ứng để vượt qua được thế giới bên kia mà vẫn nhớ rõ cuộc sống vừa qua để từ một trạng thái vật chất chuyển thành một trạng thái tồn tại tâm linh?

(5) Đó chỉ là một trạng thái tâm linh khi đối chiếu với “trạng thái vật chất” thô trực của chúng ta, và như trên đã nói, chính mức độ tâm linh này đã cấu thành và xác định “sự biến thiên” của tình trạng trong giới hạn của cõi Devachan. Một bà mẹ thuộc một bộ lạc dã man cũng không kém phần hạnh phúc so với một bà mẹ ở trong một lâu đài vương giả, khi cả hai đều nâng niu đứa con đã mất của mình trong vòng tay. Mặc dù với vai trò là các Bản ngã thực sự, trẻ con chết yểu (trước khi Thực thể thất bại đã được hoàn hảo) đều không tiến nhập Devachan, thế nhưng óc tưởng tượng thương yêu của bà mẹ vẫn tìm thấy được con mình ở đó, không thiếu bất cứ điều gì mà tấm lòng của bà hằng mong mỏi.

Cứ cho rằng đây chỉ là một giấc mơ, nhưng nói cho cùng thì chính cuộc sống nơi ngoại giới chẳng qua cũng chỉ là một viễn cảnh sống động của những điều không thực. Niềm khoái lạc mà một người da đỏ cảm nhận được trong “vùng đất săn bắn sung sướng” của mình nơi Cõi Mộng Mơ này cũng chẳng kém phần mãnh liệt hơn sự ngây ngất mà một *kẻ sành điệu* cảm nhận được khi đã trải qua biết bao nhiêu thời gian miệt mài hứng thú lắng nghe những Bản Giao Hưởng thiêng liêng do dàn đồng ca và dàn nhạc thiên thần tưởng tượng tấu lên. Vì người da đỏ không có lỗi nếu khi sinh ra là một “kẻ dã man”, y đã có bản năng giết chóc – mặc dù bản năng này gây ra sự chết của nhiều con vật vô tội – cho nên nếu y là một người cha, một người con, một người chồng biết thương yêu, thì chẳng có lý gì mà y không được hưởng phần thưởng *của mình*. Trường hợp này ắt khác hẳn, nếu cũng những hành vi tội ác đó được thực hiện bởi một người có giáo dục và văn minh chỉ vì ham mê trò thể thao. Kẻ dã man khi được tái sinh chỉ chiếm một vị trí thấp trên thang tiến hóa, vì y phát triển đạo đức còn chưa hoàn hảo, còn Nghiệp của kẻ văn minh sẽ bị thẩm đơm sự phạm pháp về mặt đạo đức. . .

Ngoại trừ bản ngã nào bị thu hút bởi luồng từ khí thô trực, rớt vào cái dòng đưa đẩy mình nhập vô “hành tinh Chết” – vệ tinh vật thể cũng như là tâm trí của trái đất – còn thì mọi người đều thích hợp để vượt qua tiến nhập vào một trạng thái “tâm linh” tương đối thích ứng với tình trạng trước kia về các sinh hoạt và tư tưởng của mình. Theo như ta biết và nhớ, thì H. P. B. có giải thích cho ông Hume biết rằng nguyên khí thứ 6 của con người (với vai trò là một điều gì đó thuần túy tâm linh) không thể tồn tại hoặc *có ý thức* nơi Devachan, nếu nó không đồng hóa một số những thuộc tính trí tuệ thuần túy và trù tượng hơn của nguyên khí thứ 5 tức *sinh hồn*, Manas (tâm trí) và trí nhớ. Khi con người chết đi, cái nguyên khí thứ nhì và thứ 3 cũng chết theo y; tam nguyên hạ đẳng biến mất, các nguyên khí thứ tư, 5, 6 và 7 tạo thành *tứ nguyên* còn sống sót (Xem lại trang 6 trong quyển “Các Mảnh vụn của Chơn lý huyền bí”^[1]). Từ đó trở đi có cuộc đấu tranh “một mất một còn” giữa các lưỡng nguyên Thượng đẳng và Hạ đẳng. Nếu lưỡng nguyên thượng đẳng thắng thế thì nguyên khí thứ 6 (sau khi đã thu hút được phần tinh hoa gồm những Điều Thiện của nguyên khí thứ 5, những tình cảm cao thượng, những hoài bão thánh thiện mặc dù vẫn còn *trần tục* và phần Tâm linh nhất của tâm trí) sẽ nối gót *bậc trưởng thượng* thiêng liêng của mình (nguyên khí thứ 7) nhập vào Trạng thái Tự sinh, còn nguyên khí thứ 5 và thứ tư vẫn câu kết với nhau thành một *ma hình* trống rỗng (cách diễn tả này hoàn toàn chính xác) để vẫn vơ trong bầu không khí của trái đất, đã mất đi hết một nửa trí nhớ cá nhân, còn bản năng thú tính lại được linh hoạt trọn vẹn trong một thời gian nào đó – tóm lại, đây là một “*Ám Ma*”. Đó chính là “vong linh hướng dẫn” của người đồng cốt bình thường. Mặt khác, nếu *Lưỡng Nguyên* Thượng đẳng bị đánh bại, thì chính nguyên khí thứ 5 mới đồng hóa hết những gì còn sót lại của ký ức *cá nhân* và nhận thức phạm ngã cũng như cá tính phạm ngã còn sót lại trong nguyên khí thứ 6. Nhưng sau khi bổ sung thêm vốn liếng này, nó không còn ở lại *Kama-Loka* nữa – đây là “cõi Dục vọng” tức bầu không khí của trái đất ta. Trong một thời gian rất ngắn ngủi, giống như một cọng rơm trôi nổi bên trong của

^[1] Có đăng trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* từ năm 1881 đến 1883. Chú thích của Ban Biên Tập.

những hấp lực xoáy nước và những hố nước trong Vực Xoáy Lớn, nó bị bắt lấy và cuốn hút vào vòng xoáy rộng lớn của Bản ngã con người. Trong khi đó, nguyên khí thứ 6 và nguyên khí thứ 7 (giờ đây là một CHON THẦN *cá biệt* thuần túy tâm linh, chẳng còn giữ lại điều gì của phàm ngã vừa qua) không trải qua thời kỳ “tự sinh” như thông lệ (vì chẳng có *phàm ngã* đã được tẩy trược nào để tái sinh), sau một thời gian ít nhiều kéo dài, an dưỡng trong Trạng thái vô ý thức nơi không gian vô biên, sẽ tìm đường tái sinh nơi một phàm ngã khác trên hành tinh kế tiếp. Khi đã đến thời kỳ “Tâm thức Cá biệt Viên mãn” – vốn có trước thời kỳ Tâm thức *Tuyệt đối* của *Đại Bát Niết Bàn* – sự sống *phàm ngã* đã mất đi này trở nên giống như một trang sách bị xé rời ra khỏi *Quyển Sách Lớn Hàng Sống* mà thậm chí không để lại một từ gián đoạn nào ghi dấu sự vắng mặt của mình. Chơn thần đã tẩy trược sẽ chẳng nhận thức được mà cũng chẳng nhớ ra cái kiếp sống đó trong hàng loạt các kiếp quá khứ của mình – lẽ ra nó sẽ nhận thức và nhớ được nếu nó đi tới Sắc giới – và việc thoảng nhìn về phía sau sẽ không khiến cho chơn thần nhận thức được ngay cả dấu hiệu nhỏ bé nhất biểu thị kiếp sống đó có tồn tại. Ánh sáng *Chánh đẳng Chánh giác tam niệu tam bồ đề* -

“... cái ánh sáng vốn chói lọi vượt ngoài tầm hữu hoại của ta, ánh sáng của mọi sinh linh nơi mọi thế giới” –

không tỏa chiếu lên các cuộc sống *phàm ngã* đó trong hàng loạt các kiếp đã qua.

Ta phải nói rằng, cũng may cho nhân loại, một sự xóa sạch một kiếp sống ra khỏi cái sổ bộ đời của sự Tự tại Vũ trụ không xảy ra thường xuyên đến mức tạo thành một tỉ lệ lớn. Thật vậy, giống như “kẻ dân đen bẩm sinh” thường được nhắc tới. Một sự việc như nêu trên chỉ là *một quái vật*, một điều ngoại lệ chứ không phải là thông lệ.

(6) Một trạng thái tâm linh (trong đó mọi vật đều hòa nhập vào nguyên khí thứ 6) tương thích như thế nào với cái ý thức về cuộc sống vật chất cá thể của phàm nhân mà ta phải gán cho Bản ngã nơi Devachan nếu y còn giữ được ý thức trên cõi trần mà trong phần Chú thích của tờ *Nhà Thông Thiên Học* có nêu rõ?

(6) Vấn đề này đã được giải thích đúng mức rồi, ta tin như vậy: các nguyên khí thứ 6 và thứ 7 tách rời khỏi các nguyên khí còn lại, cấu thành “Chơn thần” vĩnh hằng, bất tử, nhưng cũng vô ý thức. Muốn cho tâm thức tiềm tàng của nó, (nhất là ý thức về cá tính *phàm nhân*) trở nên linh hoạt, thì chơn thần cần phải có thêm những thuộc tính cao nhất của nguyên khí thứ 5 (sinh hồn); chính những thuộc tính này khiến cho *Bản ngã* tinh anh sống động và hưởng cực lạc nơi Devachan. Tinh thần, tức cái phân thân thuần túy của ĐẮNG NHẤT NHƯ – Đắng Nhất Như cùng với nguyên khí thứ 6 và thứ 7 tạo thành tam nguyên cao nhất; cả hai phân thân này đều chẳng thể nào đồng hóa được điều gì nếu nó không phải là điều tốt, thanh tịnh và thánh thiện; vì vậy, không một ký ức nhục dục, vật chất hoặc ô uế nào có thể theo gót ký ức đã được tẩy trược của *Bản ngã* để nhập vào cõi Cực lạc. Nghiệp báo của những ký ức về những thân nghiệp và ý nghiệp ác này sẽ sờ gáy Bản ngã khi nó thay đổi *phàm ngã* trong những thế giới

nguyên nhân tiếp sau. *Trong mọi trường hợp thì Chơn thần* tức “Cá thể Tâm linh” vẫn còn vô nhiễm. “Ở đó (trong sắc giới của Devachan) những người vãng sinh vào đây không phải chịu sự phiền não hoặc đau khổ, vì đây là Tịnh Độ. Mọi vùng trong Không gian đều có những cõi này (*Sakwalas*), nhưng cõi Cực Lạc là cõi thanh tịnh nhất”. Trong *Trí Độ Luận* có nói rằng: “nhờ vào sự thanh tịnh của phàm ngã và thành khẩn thiện định, chúng ta vượt qua được biên giới của Dục giới để nhập vào Sắc giới.

(7) Cho đến nay dù sao đi nữa, con cũng quan niệm rằng thời kỳ tự sinh giữa lúc Chết và cõi Devachan là rất dài. Thế mà nghe nói rằng trong một số trường hợp nó chỉ kéo dài có vài ngày và điều này có ám chỉ rằng không có trường hợp nào mà nó dài hơn vài năm. Điều trên dường như đã được nêu rõ ràng, nhưng con xin hỏi liệu thầy có thể xác định dứt khoát điều đó hay chăng vì nó là một điểm mấu chốt mà nhiều việc xoay quanh đó.

(7) Đây là một ví dụ điển hình khác của thói quen lộn xộn mà cái trí của bà H. P. B. cứ mắc phải. Bà nói về “Bardo” và thậm chí chẳng bảo cho độc giả biết rằng Bardo nghĩa là gì! Cũng như cái phòng viết lách của bà thập phần bừa bãi bao nhiêu thì cái trí của bà cũng lộn xộn bấy nhiêu khi chất chứa các ý tưởng một cách lộn tưng phèo khiến cho khi bà muốn diễn tả một điều gì, thì cái đuôi lại lòi ra trước cái đầu. “Bardo” chẳng đáng gì tới thời gian kéo dài mà con đang đề cập đến. “Bardo” (tức trung âm hay trung hữu) là thời kỳ giữa khi chết và lúc tái sinh và có thể kéo dài từ vài năm tới một thiên kiếp. Nó được chia ra thành 3 thời kỳ nhỏ, (1) - khi *Bản ngã* cắt đứt sợi dây hữu hoại để nhập vào *Kama-Loka*^[1] (cõi của các Âm ma); (2) – khi nó nhập vào “Trạng thái Tự sinh”; (3) – khi nó tái sinh vào *Sắc giới* của Devachan. Thời kỳ nhỏ (1) có thể kéo dài từ một vài phút tới một số năm – cụm từ “một số năm” có thể gây rối trí và hoàn toàn vô giá trị nếu không được giải thích rõ ràng thêm nữa; thời kỳ nhỏ (2) “rất dài” (như con nói), đôi khi còn dài hơn mức mà con tưởng tượng được, thế nhưng tỉ lệ với nghị lực tâm linh của *Bản ngã*; thời kỳ nhỏ (3) kéo dài tỉ lệ với Thiện NGHIỆP, sau đó *chơn thần* lại tái sinh luân hồi. Kinh *A-Hàm* có nói : “nơi tất cả các *Sắc giới* này, Chư thiên cũng phải sinh, lão, bệnh, tử, nghĩa là một *Bản ngã* được sinh ra ở đằng kia rồi lại bắt đầu tàn lụi và cuối cùng chết đi, tức là rớt vào cái trạng thái vô ý thức trước khi tái sinh. Và câu kinh kết thúc bằng những lời lẽ như sau: “Khi chư thiên xuất lộ từ các cõi trời này, họ lại nhập vào hạ giới”, nghĩa là họ rời bỏ một thể giới cực lạc để lại tái sinh vào một thể giới nguyên nhân.

(8) Trong trường hợp đó, giả sử rằng Devachan không chỉ là di sản của các Chơn sư và những người hầu như đạt được quả vị cao như thế, có một tình trạng tồn tại cũng giống như thể cõi Thiên đường thực sự đang tiếp diễn, từ đó vô số người đã quá cố có thể quan sát được sống trên trần thế!

(9) Và tình trạng này kéo dài bao lâu ? Phải chăng trạng thái cực lạc tinh thần này kéo dài hàng năm? hàng thập niên? hoặc hàng thế kỷ?

(8) Chắc chắn “Devachan không chỉ là các di sản của các Chơn sư” và dứt khoát là có một “cõi Thiên đường” – nếu con *muốn* dùng thuật ngữ thiên văn địa

^[1] Tiếng Tây Tạng là Yuh-Kai.

lý này của Ki Tô Giáo – dành cho “vô số người đã quá cố”. Nhưng “những người này” không thể *quan sát* được cuộc sống trên trần thế, vì lý do Luật Cực Lạc cộng với *Hảo huyền* mà ta đã trình bày ở trên.

(9) Trong hàng bao nhiêu năm, nhiều thập niên, nhiều thế kỷ và nhiều ngàn năm, đôi khi còn được nhân thêm với một điều gì nữa. Tất cả còn tùy thuộc vào thời gian kéo dài của Nghiệp. Con hãy đổ đầy dầu vào cái tách nhỏ của Đèn, và đổ dầu vào một bồn chứa nước của đô thị, rồi thắp sáng cả hai lên để xem cái nào cháy lâu hơn. *Bản ngã* giống như bắc đèn, còn Nghiệp là dầu, sự khác nhau về lượng dầu (trong cái tách và trong bồn chứa) gợi ý cho con thấy sự khác nhau rất nhiều về thời kỳ kéo dài của đủ thứ Nghiệp. Mỗi quả đều phải tỉ lệ với nhân và cũng vì thời hạn tồn tại nhập thể của con người chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ so với thời kỳ tồn tại giữa hai kiếp sống trong chu kỳ thành trụ, cho nên những tư tưởng, lời nói và hành động thiện của bất kỳ kiếp nào trong các “kiếp sống” trên quả đất đều là nhân gây ra quả, muốn thanh toán hết quả này thì cần phải nhiều thời gian hơn sự tiến triển của các nhân hữu quan. Vì vậy, khi con đọc thấy trong Bốn Sinh kinh và những chuyện *thần thoại* khác trong kinh điển Phật giáo, theo đó một hành động tốt có thể được tưởng thưởng bằng những Thiên kiếp (với nhiều chữ số) cực lạc. Con đừng mỉm cười trước sự thậm xưng phi lý đó mà hãy nhớ điều ta vừa nói. Con nên biết rằng từ một hạt giống nhỏ, đã nảy sinh ra một cái cây với sinh mạng kéo dài cho tới nay là 22 thế kỷ; ta có ý muốn nói tới cây Bồ đề Anuradha-pura. Con cũng đừng cười phá lên nếu đọc lướt qua *Pinda Dana* hoặc bất kỳ kinh Phật giáo nào có nói: “Giữa *Dục giới* và *Sắc giới* có một vùng là chỗ ngự của ‘Ma vương’ (Tử thần). Ma vương này đầy đam mê và nhục dục, chuyên môn hủy hoại chánh pháp, giống như viên đá nghiền nát lúa ^[1]. Cung điện của Ma vương rộng tới 7 ngàn do tuần vuông và bao quanh là một “lớp thành lũy gồm bảy tầng”, giờ đây con ắt cảm thấy sẵn lòng hiểu thấu ẩn dụ nêu trên. Cũng vậy, khi Beal hoặc Burnouf hoặc Rhys Davids, với một tâm hồn duy vật và đầu óc Ki Tô Giáo, đã ngâm thơ sa đà vào những bản dịch mà họ thường thực hiện, thì chúng ta cũng chẳng thù hằn lời bình luận của họ, vì họ có biết gì đâu. Nhưng những điều sau đây có thể nghĩa là gì: “Tên của cõi Trời” (đây là do dịch sai; *loka* không phải là *cõi Trời* mà là một cõi), cõi Dục vọng được gọi là Kama-Loka vì những người ở cõi này còn có những ham muốn, ăn, uống, ngủ và tình ái. Mặt khác, đây có thể được gọi là cõi của *năm* (?) lớp chúng sinh hữu tình, đó là Thiên, Nhân, A tu la, Súc sinh và Ngạ quỷ. (*kinh Lautan*, bản dịch của S. Beal). Điều này chỉ có nghĩa là nếu dịch giả khả kính đã quen thuộc với giáo lý chân thực nhiều hơn một chút, thì ông ta ắt đã (1) – chia Chư thiên ra thành 2 lớp, gọi là *Chư thiên sắc giới* và *Chư thiên vô sắc giới* (tức là các Dhyana Chohans có “*hình tướng*” hoặc thuộc ngoại giới và Dhyana Chohans “*không có hình tướng*” hoặc thuộc nội giới) và (2) - ắt cũng đã làm như thế với lớp “người”, vì có những *ma hình* và những “Mara rupa” – nghĩa là những cơ thể có số kiếp bị hủy diệt. Tất cả gồm có:

[1] Con thừa biết rằng Ma vương này là hình ảnh ẩn dụ của bầu hành tinh được gọi là “Bầu hành tinh Chết” – Đây là *vực nước xoáy* mà các sinh mạng có *số kiếp* bị hủy diệt phải biến mất vào đó. Cuộc đấu tranh này diễn ra ở giữa *Dục giới* và *Sắc giới*.

1- “*Chur thiên sắc giới*” – Dhyana Chohans ^[1] có hình tướng

xưa kia đã là người

2- “*Chur thiên vô sắc giới*” – Dhyana Chohans không có hình tướng

3- “*Hấp tinh quỷ*” – là loài ma quỷ (có 2 nguyên khí)

4- “*Mara rupa*” – có số kiếp phải chết (có 3 nguyên khí)

5- *Atula* – tinh linh ngũ hành có hình người.

sẽ là người

6- *Súc sinh* – tinh linh ngũ hành lớp 2, tức là tinh linh ngũ hành có hình thú vật

tương lai

7- *La Sát* – là hồn quỷ tức là các Hình dạng Tinh anh của các pháp sư phù thủy, những người đã đạt tới tột đỉnh tri thức về thuật bị cấm đoán. Dù đã chết hay còn sống, có thể nói là họ đã *lừa bịp* thiên nhiên; nhưng điều này chỉ tạm thời thôi – cho tới khi trái đất bước vào *thời kỳ hoại không*, sau đó dù muốn hay không họ cũng bị *tiêu diệt*.

Chính 7 nhóm này hợp thành những cách phân chia chính yếu của những Thực thể sống trong nội giới xung quanh chúng ta. Trong dòng dõi số 1 có những *đấng thông tuệ* cai quản thế giới Vật chất này; mặc dù rất thông minh nhưng các ngài chỉ là những công cụ mù quáng và ngoan ngoãn của Đấng Nhất Như, các ngài là những tác nhân hoạt động của một Nguyên khí Thụ động.

Vậy là hầu hết kinh điển Phật giáo đều bị dịch và thuyết giải sai lạc; thế nhưng mặc dù mớ lộn xộn các giáo lý và từ ngữ ấy, đối với kẻ nào dù chỉ biết một cách hời hợt giáo lý *chân thực*, thì y cũng đã dựa vào một cơ sở vững chắc rồi. Như vậy, chẳng hạn như; khi liệt kê 7 cõi của “*Kama-Loka*”, kinh *Hoa Nghiêm* có gọi cõi thứ 7 là “*Cõi Nghi Ngờ*”. Ta xin con nên nhớ cho tên gọi này vì nó sẽ được nhắc tới sau đây. Mọi “*thế giới*” như thế bên trong Cõi Hiệu Quả đều có một bậc Như Lai tức “*Dhyana Chohan*” hộ trì và giám sát, nhưng không can thiệp vào đó. Dĩ nhiên là trong số nhiều người thì các nhà thần linh học sẽ là những người đầu tiên bác bỏ và vứt giáo lý của chúng ta vào “*cõi âm phủ* những điều mê tín dị đoan bị chứng minh là sai”. Nếu chúng ta bảo đảm với họ rằng mỗi một trong “*Thế giới Trường hạ*” của họ đều có 7 nhà trọ với 7 “*chơn linh cai quản*” là “*thủ lĩnh*” của các *nhà trọ* này và gọi các “*thiên thần*” này là thánh Peters, thánh Johns và thánh Ernests thì họ sẽ giơ cả hai tay hai chân ra hoan nghênh chúng ta. Nhưng có ai nghe nói tới các Đấng Như Lai và Dhyana Chohans, các A tu la và Tinh linh Ngũ hành đâu ? Thật là chẳng đâu vào đâu ! Thế nhưng các bạn của chúng ta (ít nhất là ông Eglinton) đã hoan hỉ cho phép chúng ta có được một “*tri thức nào đó về Huyền Bí Học*” *(Xem tạp chí Ánh Sáng). Và thế là chỉ cần một chút xiu “*Tri thức*” này để phục vụ cho các con giờ đây cũng đủ giúp ta trả lời câu hỏi sau đây của con:

- Có chăng một trạng thái trung gian nào đó giữa sự cực lạc tinh thần Devachan và cuộc sống u hồn bơ vơ của những *tàn tích* âm ma bán ý thức của những người đã mất nguyên khí thứ 6 ? Bởi vì nếu có như vậy, thì điều này có thể cung cấp một *chỗ*

^[1] Con có thể tưởng tượng rằng các Chơn linh Hành tinh của quả đất không phải là các thực thể cao nhất, vì Subba Row, khi phê bình tác phẩm của Oxley có nói rằng: không một bậc Chơn sư Đông phương nào muốn mình bị so sánh với một thiên thần hoặc một vị Thần linh.

đúng tưởng tượng cho Ernests và Joeys của những người đồng cốt tâm linh, đó là loại “vong linh” kiểm soát khá hơn. Nếu đúng như thế thì chắc chắn là phải có một thế giới rất đông đúc mà từ đó ta có thể thông tin liên lạc “tâm linh” được?

- **Tiếc thay rằng không. Bạn ơi, ta không hề biết tới nó.** Từ “Tịnh độ” xuống cho mãi tới “Cõi Nghi Ngờ”, có rất nhiều Trạng thái Tâm linh, nhưng ta không hề biết có bất kỳ “trạng thái trung gian” nào giống như nêu trên. Ta đã bảo con có các Sakwalas (mặc dù ta không thể liệt kê chúng vì có làm như thế cũng chẳng ích lợi gì) và ta có nói tới địa ngục *A tỳ* - Địa ngục mà không ai có thể hi vọng trở về từ đó ^[1], và ta chẳng còn gì để nói nữa. “U hồn bơ vơ” phải làm hết sức mình. Ngay khi nó bước ra ngoài *Kama-Loka* để băng ngang qua “Kim kiều” dẫn tới “bầy Kim Sơn”, thì Bản ngã không còn có thể trò chuyện được nữa với các đồng cốt dễ dãi. Không một vị “Ernest” hoặc “Joey” nào đã từ *Sắc giới* – chứ đừng nói tới *Vô Sắc giới* – trở về chuyện trò vui vẻ với người trần tục.

Dĩ nhiên là có một loại *tàn tích* “khá hơn”, những “ma hình” hoặc những “kẻ ngao du trên trần thế” (ở đây người ta gọi họ là như vậy) không nhất thiết là *đều* xấu cả. Nhưng ngay cả những kẻ vốn dĩ tốt thì cũng có thể bị đám đồng cốt khiến cho tạm thời trở nên xấu. Dù sao đi nữa các ma hình vẫn cứ mặc xác vì chúng chẳng có gì để mất. Nhưng chúng ta đã quên mất một loại “Vong linh” khác tức là những *người tự tử* và những *người chết do tai nạn*. Cả hai loại người này đều có thể giao tiếp liên lạc và cả hai đều phải trả giá đắt cho những sự ghé thăm như vậy. Giờ đây ta lại phải giải thích ta có ý muốn nói gì. Được thôi, lớp người này là lớp mà các nhà Thần linh học người Pháp gọi là “Các Vong linh Đau khổ”. Họ là trường hợp ngoại lệ, vì họ phải ở lại trong sự thu hút của trái đất, nơi bầu khí quyển của nó – *Kama-Loka* – cho tới giờ phút cuối cùng của kỳ hạn tự nhiên mà sinh mạng họ lẽ ra được hưởng. Nói cách khác, đợt sóng tiến hóa đặc thù này phải chạy tuốt lên tới bờ biển của nó. Nhưng thật là một tội lỗi và sự độc ác khi làm hồi sinh trí nhớ của họ và tăng cường nỗi đau khổ của họ bằng cách cung cấp cho họ một cơ may sống một cuộc đời giả tạo, một cơ may *làm nặng thêm Nghiệp của họ* qua việc quyến rũ họ nhập vào những cánh cửa mở rộng (tức là các đồng cốt và những người nhạy cảm) vì họ sẽ lĩnh đủ hậu quả của thú vui đó. Ta xin giải thích. Những *người tự tử* (vốn điên rồ hi vọng rằng mình sẽ trốn lánh được cuộc đời) khi thấy rằng mình vẫn còn linh hoạt, thì nội cái sự linh hoạt đó thôi cũng đủ làm cho họ đau khổ rồi. Việc trừng phạt họ chính là làm tăng cường cái sự linh hoạt đó. Do hành động liều lĩnh họ đã bị mất cái nguyên khí thứ 6 và thứ 7 (mặc dù không bị mất mãi mãi vì họ có thể lấy lại được cả hai), thay vì chấp nhận hình phạt của mình để có được cơ may chuộc tội, họ lại thường bị làm cho *luyến tiếc cuộc sống* và bị cám dỗ bám víu lấy cuộc sống bằng những phương tiện đầy tội lỗi. Ở *Kama-Loka* (cõi các dục vọng cháy bỏng) họ có thể thỏa mãn những khát vọng trần tục của mình, nhưng phải chịu sống một *kiếp* tầm gửi và khi làm như thế đến lúc kết liễu kỳ hạn sống tự nhiên, họ thường bị mất *Chơn thần* mãi mãi. Còn về phần những người bị tai nạn, thì những người này còn ở trong một tình

^[1] Trong *A Tỳ Đạt Ma Luận* (siêu hình học của Phật giáo) chúng ta đọc thấy rằng: “Đức Phật có dạy rằng ở ngoại biên của mọi Sakwalas có một khoảng không đen tối, *không có ánh Mặt trời hoặc ánh trăng soi sáng* cho kẻ nào rớt vào đó. *Không thể có sự tái sinh* phát xuất từ đó, đó là *hàn băng Địa ngục*, đại Địa ngục”. Đây chính là Địa ngục A tỳ.

trạng tồi tệ hơn nữa. Nếu họ không phải là những người rất tốt và thanh tịnh để được cuốn hút ngay vào trong trạng thái Tiên Thiên *Tam muội* – nghĩa là rút vào một trạng thái ngủ ngon, một giấc ngủ với những giấc mơ đầy hứa hẹn, trong đó họ chẳng còn nhớ gì tới tai nạn nữa mà vui chơi sinh hoạt trong đám bạn bè quen thuộc và những khung cảnh quen thuộc, cho tới khi kỳ hạn sống tự nhiên của họ đã kết thúc, thì họ sẽ được tái sinh vào cõi Devachan – bằng không thì một số phận u ám đang chờ đón họ. Là những bóng ma bất hạnh nếu họ có đầy tội lỗi và đầy nhục dục, họ cứ đi lang thang (không giống như các *ma hình* vì mối liên hệ của họ với hai nguyên khí cao chưa hoàn toàn bị cắt đứt) cho tới khi giờ chết tự nhiên của họ đã điểm. Vì bị đột ngột dứt bỏ trong khi các nỗi đam mê trần tục còn đang sung mãn vốn trói buộc họ vào những khung cảnh quen thuộc, cho nên họ dễ bị cám dỗ bởi những cơ hội mà đám đồng cốt cung cấp nhằm thỏa mãn dục vọng của họ qua kiếp sống tầm gửi. Họ chính là *những hấp tinh quỷ, những yêu tinh râu xanh dục và cái ở thời trung cổ*. Đó là những con quỷ phạm ăn, phạm uống, đầy nhục dục, keo kiệt, những âm ma rất quỷ quyệt, hung bạo và độc ác, chúng kích động những nạn nhân của mình gây ra những tội ác ghê tởm và miệt mài say mê làm như thế ! Chẳng những chúng làm hại cho các nạn nhân của mình, mà những con ma cà rồng thông linh này còn bị dòng thác các xung lực địa ngục cuốn hút đi để rồi rút cuộc đến giờ phút đã định của kỳ hạn sống tự nhiên của mình, chúng bị bứt ra khỏi hào quang của trái đất để đọa vào các cõi mà đời đời chúng phải chịu vô cùng đau khổ để rồi kết cuộc bằng việc chịu hủy diệt hoàn toàn.

Nhưng nếu nạn nhân của tai nạn này không tốt lắm mà cũng chẳng xấu lắm. Chỉ là một kẻ thường thường bậc trung, thì điều sau đây có thể xảy ra với y. Một kẻ đồng cốt đồng thanh tương ứng với y sẽ tạo cho y một điều bất hảo nhất, tức là một sự tổ hợp mới các *Uẩn* tạo ra một ác *Nghiệp* mới. Nhưng trong trường hợp này ta xin mình giải cho con ta dùng từ *Nghiệp* với ý gì.

Về phương diện này, ta phải rào đón trước với con rằng, vì con dường như quan tâm tới đề tài này, cho nên tốt hơn là con nên thâm cứu hai giáo lý về *Nghiệp* và *Niết Bàn*. Nếu con không hoàn toàn quen thuộc với hai giáo điều này – vốn là chìa khóa kép của khoa siêu hình học Phật giáo A Tỳ Đạt Ma – thì con sẽ luôn luôn cảm thấy chới với khi muốn tìm hiểu phần còn lại. Chúng ta có nhiều loại *Nghiệp* và nhiều loại *Niết Bàn* với đủ thứ ứng dụng khác nhau dành cho Vũ trụ, thế giới, chư Thiên, chư Phật, chư Bồ tát, loài người và loài thú – loại thứ hai bao gồm 7 giới! *Nghiệp* và *Niết Bàn* chẳng qua chỉ là hai trong số bảy đại BÍ NHIỆM của khoa siêu hình học Phật giáo; nhưng các nhà Đông phương học lỗi lạc nhất chỉ mới biết được bốn trong số bảy bí nhiệm đó thôi và những gì họ biết rất là thiếu sót.

Nếu con hỏi một tu sĩ Phật giáo có học *Nghiệp* là gì? thì y sẽ bảo với con rằng *Nghiệp* là cái mà một Ki Tô hữu có thể gọi là Trời giúp (Thiên hựu chỉ theo một ý nghĩa nào đó thôi) và một tín đồ Hồi giáo gọi là *Kismet*, số phận hoặc định mệnh (lại chỉ theo một nghĩa nào đó mà thôi). Giáo điều chính yếu có dạy rằng ngay khi bất kỳ chúng hữu tình nào (cho dù thiên, nhân hay súc sinh) chết đi thì một chúng sinh mới lại được tạo ra và chúng sinh cũ lại tái xuất hiện trong một kiếp sống khác ở trên cùng một hành tinh hoặc một hành tinh khác, trong những tình

huống mà chúng sinh trước kia đã gây ra. Hoặc nói cách khác, thì *Nghiệp* là cái quyền năng dẫn dắt, còn *Ái* (tiếng Bắc phạn là Trishna, tiếng Nam phạn là Tanha) tức là cái lòng khao khát ham sống cuộc sống hữu tình, là cái lực hoặc năng lượng gắn đúng, cái kết quả hành động của con người hay con thú để từ những *Uẩn* ^[1] cũ tạo ra một nhóm *Uẩn* mới, hình thành chúng sinh mới và kiểm soát bản chất của kiếp sống tiếp theo. Hoặc diễn tả một cách rõ ràng hơn, chúng sinh *mới* được thưởng hay bị phạt dựa theo công và tội của chúng sinh *cũ*; Nghiệp tượng trưng cho một Quyển Sổ Kế Toán, trong đó mọi hành vi của con người dù thiện hay ác hay vô ký (vô thưởng vô phạt) đều được ghi chép cẩn thận vào hai cột có và nợ, có thể nói là do chính y, hoặc đúng hơn là do chính hành động của y. Trong lĩnh vực này, khi óc hư cấu đầy thi vị của Ki Tô Giáo tạo ra và thấy có một Thiên thần Hộ mệnh “Ghi chép Sổ sách” thì khoa luận lý nghiêm khắc và thực tế của Phật giáo (vốn nhận thấy rằng mỗi nhân đều cần phải tạo ra một quả) đã chứng tỏ mình thực sự tồn tại. Những kẻ chống đối Phật giáo đã nhấn mạnh tới việc bị giả sử là bất công khi bụng làm dạ chịu, kẻ gây án thì trốn thoát, còn nạn nhân vô tội thì lại bị trừng phạt vì kẻ làm và kẻ chịu là hai chúng sinh khác nhau. Sự thật là, trong khi xét theo một nghĩa nào đó, ta có thể thấy đúng là như vậy, thì khi xét theo một nghĩa khác, kẻ làm và kẻ chịu là *đồng nhất với nhau*. “Chúng sinh cũ” là tổ tiên duy nhất – vừa là cha vừa là mẹ - của *chúng sinh mới*. Thật vậy, chúng sinh cũ đã tạo ra và uốn nắn chúng sinh mới theo một ý nghĩa còn đúng thực hơn nhiều so với một người cha bằng xương bằng thịt và một khi con đã am tường được ý nghĩa của *Uẩn*, thì con sẽ hiểu ta có ý muốn nói gì.

Chính nhóm *Uẩn* đã tạo lập và cấu thành cá thể vật lý cũng như tâm lý mà ta gọi là con người (hoặc bất kỳ chúng sinh nào khác). Trong giáo lý công truyền, nhóm này gồm ngũ *Uẩn* là : *Sắc* – các tính chất hoặc thuộc tính vật chất, *Thọ* – các cảm giác, *Tưởng* – các ý niệm trừu tượng, *Hành* – các khuynh hướng cả về mặt vật lý lẫn tâm lý, và *Thức* – các quyền năng của tâm trí, một sự khuếch đại của *Uẩn* thứ tư, tức là các thiên bẩm về tâm trí, vật thể và đạo đức. Chúng ta còn thêm vào đó hai *Uẩn* nữa, mà bản chất và tên gọi của chúng, con có thể học sau. Hiện giờ chỉ cần cho con biết rằng hai *Uẩn* này có liên quan tới và tạo ra *Sakkayaditthi*, tức là “tà thuyết hoặc sự hão huyền của cá thể” và *Attavada* “giáo thuyết về Bản ngã”, cả hai *Uẩn* này (trong trường hợp nguyên khí thứ 5, anh hồn) đưa tới điều *hảo huyền* của tà thuyết và niềm tin tưởng vào hiệu lực của nghi thức và nghi lễ vô tích sự, tin vào hiệu lực của những lời cầu nguyện và sự chạy chọt lo lót thần linh.

Bây giờ ta hãy quay lại vấn đề sự đồng nhất giữa con người *cũ* và “Bản ngã” *mới*. Một lần nữa, ta xin nhắc con nhớ rằng ngay cả Khoa học cũng đã chấp nhận một sự kiện xưa như trái đất mà Đức Thế Tôn đã dạy rõ ^[2] - đó là: một người ở

[1] Ta nhận thấy rằng trong ấn bản kỳ 2 cũng như kỳ 1 của quyển Thế giới huyền bí của con đã có in sai từ Skandha, tức là *Uẩn* được phát âm là Shandba ở trang 130. Theo hiện trạng, ta diễn tả một cách rất độc đáo vì được giả sử là một Chơn sư.

[2] Xem A Tỳ Đạt Ma Câu Xá, phần kinh tạng hoặc bất cứ quyển sách nào khác của Phật giáo Bắc tông, tất cả đều cho rằng: Đức Phật Thích Ca tuyên thuyết rằng không một *Uẩn* nào là linh hồn thường trụ, vì cơ thể cứ thay đổi luôn luôn và không một con người, con thú hoặc cây cỏ nào cứ giống y hệt như nhau trong 2 ngày liên tiếp hoặc thậm chí 2 phút liên tiếp. Hỡi

bất kỳ tuổi nào, mặc dù vẫn y nguyên về mặt tâm lý song về mặt vật thể không còn giống hệt như lúc cách đây mấy năm (chúng ta nói rằng 7 năm và sẵn lòng quả quyết chứng tỏ nó) : nói theo Phật giáo thì các *Uẩn* của y đã thay đổi. Đồng thời các *Uẩn* không ngừng làm việc để chuẩn bị cho cái khuôn trù tượng, cái “tư gia” của chúng sinh *mới* trong tương lai. Được thôi, nếu cái con người 40 tuổi sẽ được hưởng hoặc phải chịu các hành động của con người 20 tuổi, thì cũng công bằng thôi khi các chúng sinh của một kiếp sống mới - vốn cốt yếu là đồng nhất với chúng sinh trước kia, vì nó là hậu quả và sự sáng tạo của chúng sinh cũ – chịu hậu quả của điều mà phàm ngã cũ đã sinh ra. Luật pháp Tây phương của con trừng trị một đứa con trai vô tội của một người cha có tội bằng cách tước bỏ quyền lợi và tài sản mà y được thừa hưởng của bố. Xã hội văn minh của con bêu xấu đứa con gái vô tội của một bà mẹ phạm tội vô luân; Thành kinh và Giáo hội Ki Tô của con có dạy rằng “Đức Chúa Trời bắt con cháu đền thế hệ thứ ba và thứ tư phải chịu tội thay cho cha ông của mình” chẳng hóa ra là còn bất công và độc ác hơn bất kỳ điều gì mà Nghiệp hành xử hay sao? Thay vì phạt kẻ vô tội cùng với kẻ phạm tội, Nghiệp trả thù kẻ phạm tội và thưởng cho kẻ vô tội, điều này không một vua chuyên chế trong ba vua Tây phương của con như nêu trên đã từng nghĩ tới. Nhưng có lẽ đối với nhận xét về sinh lý học của chúng ta, thì những kẻ phản đối có thể trả lời rằng chỉ có cơ thể mới thay đổi, chỉ có sự biến đổi phân tử vốn chẳng đáng giá gì tới sự tiến hóa của tâm trí; các *Uẩn* chẳng những chỉ biểu diễn tính chất vật chất mà còn biểu diễn một tập hợp các tính chất tâm trí và đạo đức. Nhưng ta xin hỏi có hay chẳng một cảm giác, một ý tưởng trù tượng, một khuynh hướng tâm trí hoặc một quyền năng tâm trí nào mà người ta không thể gọi là một hiện tượng hoàn toàn không phải là phân tử? Thậm chí có thể nào có một cảm giác hoặc một tư tưởng trù tượng nhất vốn là *một điều gì đó* chứ không xuất phát từ *hư vô* hoặc là *hư vô* hay chẳng?

Thế mà, như ta đã nói, các nguyên nhân tạo ra “chúng sinh mới” và xác định bản chất của *Nghiệp* chính là Trishna tức Tanha (Ái), tức là khao khát sống cuộc sống hữu tình và *Thủ* tức là việc thực hiện hoặc hoàn tất *Trishna* tức lòng khao khát đó. Người đồng cốt giúp vào việc làm linh hoạt và phát triển *nguyên vẹn cả hai yếu tố này* (tức là Ái và Thủ) nơi một Âm ma, cho dù đó là một người tự tử hay một kẻ bị tai nạn ^[1]. Theo qui luật thì một người nào chết một cách tự nhiên sẽ còn ở lại trong khoảng từ “vài giờ tới vài năm ngắn ngủi” trong tầm thu hút của trái đất, nghĩa là ở *Kama-Loka*. Nhưng có những ngoại lệ trong trường hợp những người tự tử và nói chung là những người chết bất đắc kỳ tử. Vì thế cho nên, chẳng hạn như một Bản ngã có số kiếp phải sống tới 80 hay 90 tuổi, nhưng hoặc là tự tử hoặc là bị chết do tai nạn (giả sử rằng vào năm 20 tuổi), ắt sẽ trải qua *Kama-Loka* , không phải là trong vòng “vài năm”, mà trong trường hợp này là 60 hoặc 70 năm, với vai trò là một Âm ma, hoặc đúng hơn là một “kẻ ngao du trên trần thế”, vì đáng tiếc là y thậm chí cũng chẳng phải một “*ma hình*”. Để so sánh, ta thấy thật là hạnh phúc, ba lần hạnh phúc cho những kẻ nào là những

các Tì Khuru! Hãy nhớ rằng bên trong con người không hề có bất kỳ một nguyên khí thường trụ nào, và chỉ người đệ tử có minh triết thì khi nói “ngã thị” mới biết mình đang nói gì.

^[1] Chỉ có các Ma hình và các Tinh linh Ngũ hành là không bị độn chạm tới, mặc dù phần đạo đức của kẻ nhảy cảm tuyệt nhiên không thể được cải thiện qua sự giao tiếp ấy.

thực thể đã thoát xác mà được yên ngủ một giấc dài, sống mộng mơ trong lòng Không gian! Và thật khốn khổ cho những kẻ nào mà Ái thu hút họ tới những đồng cốt, và khốn khổ cho những kẻ đồng cốt cảm dỗ những kẻ kia để có được một tình trạng *Thủ* dễ dãi như vậy. Đó là vì khi nắm bắt những nạn nhân này và thỏa mãn lòng khao khát sống của họ, người đồng cốt đã góp phần vào việc phát triển nơi họ- quả thật y là nguyên nhân của – một tập hợp các *Uẩn* mới, một cơ thể mới với những khuynh hướng và đam mê tồi tệ hơn nhóm *Uẩn* mà họ đã bị mất. Như vậy là toàn thể tương lai của cơ thể mới này sẽ bị xác định chẳng những do ác Nghiệp của các *Uẩn* trước kia mà còn do Nghiệp của nhóm *Uẩn* mới thuộc về chúng sinh tương lai. Ta xin nói rằng chỉ cần những người đồng cốt và các nhà Thần linh học biết rằng khi ngất ngây đón tiếp một “vị vong linh hướng dẫn” mới mẻ, họ đã cảm dỗ vong linh này nhập vào một tình trạng *Thủ* sẽ tạo ra một loạt những điều ác khôn lường dành cho Bản ngã mới sẽ được sinh ra núp bóng những điều tồi tệ của nó và qua mỗi buổi lên đồng – nhất là buổi lên đồng hiện hình – họ đã nhân lên gấp bội những nguyên nhân khốn khổ, những nguyên nhân khiến cho bản ngã bất hạnh không có được sự phục sinh tinh thần, tức là sẽ bị tái sinh vào một kiếp còn tồi tệ hơn bao giờ hết; thì họ có lẽ sẽ ít hào phóng hơn qua tính hiếu khách của mình.

Vậy là giờ đây, con có thể hiểu được tại sao chúng ta lại mạnh mẽ chống đối Thần linh học và thuật đồng cốt, và cũng sẽ hiểu được tại sao để thỏa mãn cho ông Hume – ít nhất là theo một chiều hướng – ta lại gặp *rắc rối* với Đức Văn Minh Đại Đế, và kỳ diệu thay! cũng bị rắc rối với hai người Âu châu “còn trẻ có tên là” Scott và Banon^[1]. Để giúp vui cho con, ta sẽ yêu cầu H. P. B. gửi cho con kèm theo bức thư này một “trang bản thảo” của Banon, đó là một bài mà y kết luận bằng cách đả kích nặng nề bản ngã khiêm tốn của ta. Những bóng ma của A tu la đã khiến cho bà H. P. B. phải nổi cơn thịnh nộ khi đọc bài chỉ trích khá vô lễ này! Ta rất tiếc là bà đã không in nó ra, xét vì “danh dự gia đình” (theo cách diễn tả của “kẻ bị mất quyền thừa kế” tức Chơn sư D. K.). Còn về phần Đức Văn Minh Đại Đế thì vấn đề còn nghiêm trọng hơn nữa, và ngài rất bất mãn khi thấy ta đã cho phép Eglinton tin rằng đó là *chính ta*. Ngài đã cho phép chứng tỏ quyền năng này nơi *một người sống* để cho các nhà Thần linh học chứng kiến qua người đồng cốt của mình, nhưng ngài dành cho chúng ta việc hoạch định chương trình và các chi tiết, vì thế cho nên ngài bất mãn với những kết quả tầm phào. Bạn thân mến, ta xin nói rằng, ta cũng chẳng được tự do làm việc theo ý mình. Chẳng khác gì tình trạng của con về vấn đề tờ báo *Tiền Phong*. Ngoại trừ đáng *Chutuktus* cao nhất, không ai trong chúng ta là những vị chủ nhân thật sự. Nhưng ta đã đi lạc đề.

Và giờ đây, khi con đã được cho biết nhiều điều và đã được giải thích cặn kẽ, thì con cũng có thể đọc bức thư này cho người bạn bất khuất của chúng ta là bà Gordon. Những lý do được nêu ra có thể tạt một gáo nước lạnh vào lòng nhiệt thành với Thần linh học của bà, mặc dù ta cũng có một số lý do nghi ngờ điều này. Dù sao đi nữa, nó có thể cho bà thấy rằng chính chúng ta không chống lại

^[1] Ross Scott từ nước Anh du hành sang Ấn độ cùng với những nhà sáng lập Hội. Ông là Thư ký của Hội Thông Thiên Học Chiết Trung Simla. Banon là đại úy A. Banon, hội viên Hội Thông Thiên Học, một sĩ quan quân đội Anh. Chú thích của Ban Biên Tập.

Thần linh học *chân chính* mà chỉ chống lại thuật đồng cốt lung tung và những sự biểu lộ trên cõi trần – nhất là sự hiện hình và *sự nhập xác trong trạng thái xuất thần*. Chỉ cần các nhà Thần linh học hiểu được sự khác nhau giữa *Chơn ngã* và *phàm ngã*, giữa sự bất tử của *Chơn ngã* và sự trường sinh của *phàm ngã* cùng với một số sự thật khác, thì họ ắt đã dễ dàng bị thuyết phục khi thấy rằng các Huyền bí gia có thể hoàn toàn tin vào sự bất tử của *Chơn thần*, thế nhưng lại chối bỏ sự trường sinh của anh hồn (tức là hiện thể của *phàm ngã*); các ngài có thể tin chắc và bản thân các ngài có thể liên lạc tâm linh và giao tiếp với các Bản ngã đã *thoát xác* đang ở trong *Sắc giới*, thế nhưng lại chê cười ý tưởng điên rồ là có thể “bắt tay” một “Vong linh”! Cuối cùng, theo hiện trạng thì chính các nhà Huyền bí học và các nhà Thông Thiên Học mới là những người Thần linh học chân chính, còn các phái hiện đại khoác danh Thần linh học chẳng qua chỉ bao gồm những nhà hiện tượng học *duy vật*.

Và một khi mà chúng ta đang thảo luận về “chơn ngã” và “phàm ngã” thì thật kỳ lạ thay khi H. P. B. (muốn cho bộ óc của ông Hume khốn khổ bị hành hạ bởi những lời giải thích hỗn độn của bà), đã chẳng bao giờ nghĩ rằng đó cũng chính là cái giáo lý mà bà đã từng được dạy dỗ - cho tới khi bà đã được ông giải thích về sự khác nhau giữa chơn ngã và phàm ngã - : giáo lý đó là về *Duyên Giác Thừa* và *Trường Sinh Thừa*. Hai thuật ngữ mà ông Hume đưa ra chính là dịch theo sát nghĩa chính xác tiếng Nam phạn cũng như tiếng Bắc phạn, và ngay cả tiếng Trung quốc Tây Tạng – về việc có nhiều *phàm ngã* hòa lẫn vào một *Chơn ngã* duy nhất là một chuỗi dài các kiếp sống xuất phát từ cùng một CHƠN THẦN BẤT TỬ. Con ắt phải nhớ những thuật ngữ này như sau đây:

1- *Duyên Giác Thừa* (tiếng Nam phạn là *Paceka Yana*, tiếng Bắc phạn là *Pratyaka Yana*) theo nghĩa đen là “hiện thể cá nhân” tức *phàm ngã*, một tổ hợp của 5 nguyên khí thấp. Trong khi đó,

2- *Trường Sinh Thừa* (tiếng Nam phạn là *Amata Yana*, tiếng Bắc phạn là *Amrita Yana*) được dịch ra thành “hiện thể bất tử” tức *Chơn ngã*, tức linh hồn, tức Chơn thần bất tử, là một tổ hợp của các nguyên khí thứ 5, thứ 6 và thứ 7 ^[1].

- Đối với con dường như một trong những khó khăn lớn khi cố gắng tìm hiểu sự tiến triển của công việc cho đến nay loanh quanh ở chỗ chúng ta không biết cách *phân chia* bảy nguyên khí. Chúng con được bảo cho biết rằng đến lượt mỗi nguyên khí lại có 7 yếu tố: liệu thầy có thể dạy cho chúng con thêm một điều gì nữa nhất là về cấu tạo thất bội của các nguyên khí thứ tư và thứ 5 ? Hiển nhiên là bí mật của tương lai và nhiều hiện tượng thông linh ở đây trong lúc còn sống vốn ở nơi việc các nguyên khí này có thể được phân chia ra tiếp.

- Đúng vậy. Nhưng ta được phép hoài nghi, chẳng biết nếu được giải thích như mong muốn thì con có thể xóa bỏ được khó khăn chẳng và có thể thâm nhập được vào “bí mật của các hiện tượng thông linh” hay chẳng. Bạn thân mến, chính ta đã một hai lần cảm thấy thích thú khi nghe con chơi đàn dương cầm trong những khoảnh khắc yên lặng giữa lúc mặc lễ phục và lúc dùng cơm tối với thịt bò

^[1] Để tránh sự ngạc nhiên mới nữa và một sự lẫn lộn thêm nữa khi tiếp thu thông tin nguyên khí thứ 5 có đi kèm với nguyên khí thứ 6 và thứ 7. Xin vui lòng xem trở lại câu trả lời số 5 cũng trong bức thư này. Chú thích của Ban Biên Tập.

và rượu vang đỏ - con hãy cho ta biết liệu con có ưu ái ta một cách thoải mái như khi con đang nhảy *khúc luân vũ* với một trong những bản Sonate vĩ đại của Beethoven hay chăng? Con hãy làm ơn kiên nhẫn hơn nữa! Thế nhưng tuyệt nhiên ta sẽ không từ chối con. Con sẽ thấy các nguyên khí thứ tư và thứ 5 được chia ra thành những gốc rễ và những nhánh nhóc trên một tờ giấy để trắng đính kèm theo đây, nếu ta có thời giờ rảnh ^[1]. Và giờ đây, liệu con sẽ đề nghị không dùng tới những dấu chấm hỏi được bao lâu nữa ?

Thân ái,
K. H.

Tái Bút - Ta hi vọng rằng giờ đây ta đã gỡ bỏ được nguyên nhân chê trách – mặc dù ta đã trả lời cho con chậm trễ và tính cách của ta đã được xác lập lại. Hiện giờ chính con và ông Hume đã nhận được nhiều thông tin về triết học Á đông hơn bất kỳ mức nào khác đã từng được ban ra cho những kẻ *chưa được điểm đạo* trong phạm vi mà ta hiểu biết. Bạn thân mến, từ lâu rồi, sự minh mẫn của con đã gợi ý cho thấy rằng đó không phải là vì những đức tính cá nhân phối hợp của con – mặc dù ta phải thú nhận rằng ông Hume đã hối hả tuyên bố huênh hoang từ khi ông được *cải đạo* – hoặc những sự ưu ái của cá nhân ta cho các con, mà đó là vì những nguyên nhân khác rất hiển nhiên. Trong số tất cả những người đệ tử nửa vời của chúng ta, hai người các con rất có thể là sẽ sử dụng những sự kiện được ban ra vì ích lợi chung. Con phải coi là mình nhận được chúng để làm lợi cho toàn thể Hội Thông Thiên Học; con hãy suy đi gẫm lại, sử dụng đi sử dụng lại các sự kiện này theo nhiều cách và tất cả những cách nào tốt nhất. Nếu con (ông Sinnett) muốn làm hài lòng người bạn ở xuyên Hi Mã Lạp Sơn, thì con đừng để bất cứ tháng nào trôi qua mà không viết một *Mảnh Vụn* chân lý dù dài hay ngắn cho tạp chí nhà Thông Thiên Học để rồi ấn hành nó thành một tập sách nhỏ (vì con đã gọi tập sách này bằng tên đó). Con có thể ký tên là một “đệ tử tại gia của Chơn sư K. H.” hoặc theo bất cứ cách nào mà con chọn. Ta không dám yêu cầu ông Hume có được sự ưu ái giống như vậy, ông đã làm nhiều hơn mức ông được chia xẻ theo một chiều hướng khác.

Hiện nay, ta sẽ không trả lời câu hỏi của con về vấn đề tờ báo *Tiền Phong* ^[2]: cả hai phe đều phải nói một điều gì đó. Nhưng ít ra thì con đừng quyết định liều lĩnh. Chúng ta đang ở vào cuối *chu kỳ* và con có liên quan tới Hội Thông Thiên Học.

Nhờ vào Nghiệp báo thuận lợi của mình ta mới có ý định ngày mai sẽ trả lời bức thư riêng của ông Hume rất dài và tử tế. Gần đây, những bản thảo mà ta viết được rất nhiều cho thấy rằng ta đã có được chút ít thời gian rảnh; đáng vẻ loang lổ mực không đều và vá vúi của chúng cũng cho thấy rằng thời gian rảnh của ta chỉ là những khoảng thời gian ngắn, cứ bị ngắt quãng luôn luôn, và ta đã viết ở những nơi chốn bất thường đây đó dựa vào những tài liệu mà ta có thể thu thập được. Nhưng do THIÊN LUẬT cấm chúng ta dùng chút xíu quyền năng của

^[1] Ta *không* có thời giờ rảnh. Ta sẽ gửi bản này tới cho con một hoặc hai ngày sau nữa.

^[2] Đề cập tới những khó khăn mà ông Sinnett gặp phải liên quan tới những người chủ sở hữu của tờ báo *Tiền Phong*. Chú thích của Ban Biên Tập.

mình cho tới khi mọi phương tiện thông thường đã được thử qua và thất bại, bằng không thì, dĩ nhiên là ta có thể cung cấp cho con một “sự phóng hiện” đẹp để xét về thuật viết chữ và thuật sắp chữ. Ta tự an ủi mình về dáng vẻ khốn khổ của những bức thư của ta bằng cách nghĩ rằng có lẽ con sẽ không đánh giá thấp chúng vì những dấu hiệu này cho thấy cá nhân ta cũng chịu những sự phiền nhiễu dọc đường mà người Anh chúng con đã làm giảm thiểu đến mức *tối đa* bằng cách dùng tới nhiều loại máy móc. Quả đúng như phu nhân của con đã từng có lần nhận xét một cách tử tế, chúng đã tước bỏ một cách hữu hiệu nhất hơi hám của phép lạ, khiến cho chúng ta cũng giống như những con người bình thường, những thực thể có thể nghĩ bàn – đây là một suy gẫm rất khôn ngoan mà ta xin cảm ơn bà ấy.

H. P. B. đang thất vọng: Đức Văn Minh Đại Đế không cho phép Chơn sư M. để bà năm nay đi xa hơn vùng Đá Đen và Chơn sư M. rất lạnh nhạt ra lệnh cho bà phải lấy hành lý ra khỏi rương. Nếu có thể được, con hãy an ủi bà. Vả lại, bà thực sự muốn ở Bombay hơn ở Pendor; Olcott đang trên đường đi tới Tích lan, còn Damodar đã sắp xếp hành lý đi Poona trong vòng một tháng. Những sự khó khăn điên rồ và làm việc hùng hục đã làm suy sụp cấu tạo thể chất của y. Ta sẽ phải để mắt tới y và có lẽ phải mang y đi theo cùng ta, nếu xảy ra tình huống tồi tệ nhất.

Giờ đây, ta có thể cung cấp cho con một ít thông tin liên quan tới vấn đề rất thường được thảo luận về các hiện tượng mà chúng ta cho phép. Công tác ở Ai cập của những người đồng hương có phúc của con đã gây ra nhiều hậu quả cục bộ cho đoàn thể các Huyền bí gia vẫn còn ở lại đó và cho những gì mà các ngài đang canh giữ; hai trong số các chơn sư đã ở đó rồi, các ngài đã gia nhập hàng ngũ một số huynh đệ Druze, và còn ba chơn sư nữa đang trên đường tới đó. Ta được hiến cho đặc quyền dễ chịu trở thành một nhân chứng đối với cuộc tàn sát loài người, nhưng ta đã từ chối và cảm ơn. Lực lượng của chúng ta được dự trữ để đối phó với tình trạng khẩn cấp lớn lao như thế, vì thế cho nên chúng ta không dám phí phạm lực lượng để phô trương theo một thời thượng.

Trong vòng một tuần nữa sẽ có những nghi lễ tôn giáo mới, những quả bong bóng lấp lánh mới để giúp vui cho đám con nít, và một lần nữa ta sẽ lại bận rộn ngày đêm, sáng trưa và chiều. Đôi khi ta cảm thấy thoáng nuối tiếc sao Đấng Văn Minh Đại Đế lại không triển khai cái ý tưởng hay ho là cũng ban cho chúng ta một sự “xa xỉ” dưới dạng một chút thời giờ rảnh rỗi. Ôi, sự An Dưỡng tới hậu! Tình trạng Niết Bàn nơi mà người ta “hiệp nhất với Sự Sống, thế nhưng lại không sống”. Hỡi ơi ! sau khi bản thân đã nhận thức được rằng: -

“... linh hồn của Vạn Vật vốn dịu dàng,
Cái Tâm của Bản thể là sự An Dưỡng trên cõi trời”

thì người ta chỉ còn mong mỗi sự An Dưỡng đời đời!

Thân ái,
K. H.

Bức Thư Số 17 ^[1]

Nhận tháng 6 năm 1882

(1) Một số người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đã bắt đầu xuất hiện trên trái đất. Bằng cách nào ta có thể phân biệt họ với những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư trong kiếp thứ 7 của trái đất? Con giả sử rằng những người này thuộc kiếp thứ nhất của cuộc tuần hoàn thứ 5 và người ta đã tiến bộ ghê gớm khi những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đạt tới kiếp thứ 7.

(1) Những người Thấu thị bẩm sinh và những nhà thần nhãn bẩm sinh thuộc típ người như bà A. Kingsford và ông Maitland; những vị cao đồ thuộc bất kỳ xứ nào; những thiên tài cho dù về nghệ thuật, chính trị hoặc cải cách tôn giáo. Thế nhưng không có sự khác nhau rõ rệt nào về thể xác; hiện vẫn còn quá sớm và điều này sẽ xảy ra mãi về sau.

Hoàn toàn đúng như thế. Nếu con giờ tới Phụ Lục I ^[2], con sẽ tìm thấy lời giải thích của nó.

(2) Nhưng nếu một người thuộc típ thứ nhất của cuộc tuần hoàn thứ 5 ^[3] tận tụy với huyền bí học và trở thành một cao đồ, thì ngài có thể khỏi cần phải lâm phạm nữa trên trái đất không ?

(2) Không. Chỉ ngoại trừ Đức Phật – vì ngài là một người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 6 và ngài đã đi hết các giống dân một cách thành công trong những kiếp trước, cho nên ngài vượt qua ngay cả các bậc tiền bối của mình. Nhưng một người như ngài thì ta chỉ thấy được có một trong hàng tỉ người. Ngài khác thường về mặt diện mạo thể xác bao nhiêu thì cũng phi thường về mặt tính linh và trí thức bấy nhiêu. Thế nhưng ngay chính ngài cũng chỉ không cần luân hồi trên trái đất này nữa thôi; khi người cuối cùng trong số những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 6 của chu kỳ thế giới thứ 3 đã ra khỏi trái đất này, thì bậc Đại Đạo sư cũng phải lâm phạm trên một hành tinh khác. Chỉ có điều là vì ngài đã hi sinh sự an dưỡng và cực lạc ở Niết Bàn để cứu chuộc chúng sinh, cho nên ngài sẽ tái sinh nơi hành tinh cao nhất tức là chu kỳ thế giới thứ 7 của hành tinh bên trên hành tinh trái đất. Đến lúc đó ngài sẽ *hộ trì* cho (đúng hơn là ta nên nói: *ngài đã hộ trì rồi*) một cá nhân được chọn lựa; nói chung là người này sẽ làm đảo lộn văn minh của các quốc gia mỗi thế kỷ. Xem quyển *Nữ thần Isis lộ diện*, quyển I, trang 34 và 35, chương đầu tiên và chương cuối cùng của những trang này.

(3) Liệu có hay chăng bất kỳ sự khác nhau tâm linh cốt yếu nào giữa một người đàn ông và một người đàn bà, hoặc giới tính chỉ là một sự tình cờ của mỗi kiếp sinh ra – tương lai tối hậu của cá nhân có cung cấp những cơ hội đồng đều giống nhau chăng?

^[1] Trả lời của Chơn sư K. H. đối với những câu hỏi của ông Sinnett được in khổ chữ lớn.

^[2] Xem lại *Bức thư 18*.

^[3] Giả sử rằng điều này có nghĩa là giống dân thứ nhất của cuộc tuần hoàn thứ 5.

(3) Đúng như con nói, đây chỉ là một sự tình cờ. Nói chung thì đây là một sự may rủi, thế nhưng nó vẫn bị chi phối bởi biệt Nghiệp – những năng khiếu đạo đức, những đặc điểm và những hành vi trong kiếp trước.

(4) Theo như con hiểu thì giờ đây đa số những giai cấp thượng lưu của các xứ sở văn minh trên trái đất đều là những người thuộc “chu kỳ thế giới” thứ 7 (nghĩa là kiếp thứ 7 trên trái đất) của cuộc tuần hoàn thứ tư. Theo như con hiểu thì những người thổ dân châu Úc thuộc về một chu kỳ thế giới thấp hơn. Vậy đó là chu kỳ nào? Và phải chăng những giai cấp hạ lưu của xứ sở văn minh thuộc về đủ thứ chu kỳ thế giới hay thuộc về chu kỳ thế giới ngay bên dưới chu kỳ thứ 7? Và phải chăng mọi người đều thuộc về chu kỳ thế giới thứ 7 đều sinh ra trong giai cấp thượng lưu hay có thể có một số người sinh ra trong lớp người nghèo khổ?

(4) Không nhất thiết. Sự thanh lịch, sự lịch sự và việc giáo dục xuất sắc theo ý nghĩa mà con dùng, rất ít dính dáng tới lộ trình của Quy luật Thiên nhiên cao cấp. Ta hãy xét một người Phi châu thuộc chu kỳ thế giới thứ 7 hoặc một người Mông cổ thuộc chu kỳ thế giới thứ 5 và con có thể giáo dục y – nếu được tiến hành khi y còn trong nôi - và chỉ ngoại trừ dáng vẻ thể xác của y, con có thể biến đổi y thành ra một nhà quý tộc người Anh lịch lãm và xuất sắc nhất. Thế nhưng bề ngoài thì y vẫn *chỉ là* một con vẹt trí thức (Xem Phụ Lục số II).

(5) Bà Già có nói với con rằng đa số những người dân ở xứ này xét về một số phương diện thì chậm tiến hơn người Âu châu mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tâm linh hơn. Phải chăng họ thuộc về một chu kỳ thế giới thấp hơn của cùng một cuộc tuần hoàn hay là sự khác nhau mà ta đề cập tới có liên quan tới nguyên tắc các chu kỳ quốc gia chứ không dính dáng gì tới sự tiến bộ cá nhân?

(5) Hầu hết người dân Ấn độ đều thuộc về nhánh xưa nhất hoặc sớm nhất của Giống dân thứ 5. Để tiết kiệm cho công việc trả lời của ta, ta muốn Chơn sư M. kết thúc bức thư của ngài trả lời cho con bằng một bảng tóm tắt ngắn gọn thuyết khoa học mới nhất của các nhà bác học về Dân tộc học và Vạn vật học. Con hãy đọc những gì mà ngài viết rồi hãy giờ xem Phụ Lục số III của ta.

(6) Đây là ý nghĩa của việc “Ernest” và Eglinton có người hướng đạo khác? Phải chăng họ là những âm ma đã thu hút sinh lực của y một cách có ý thức hoặc là những tinh linh ngũ hành giả trang? Khi “Ernest” cầm lấy tờ giấy mỏng viết thư của “tờ báo Tiền Phong”, thì làm sao y xoay sở được nếu không dùng tới thuật đồng cốt?

(6) Ta có thể quả quyết với con rằng *bây giờ* thật không bỏ công khi nghiên cứu bản chất thật sự của những người như “Ernest”, “Joeys” và những “vong linh dẫn dắt khác”, trừ khi con đã làm quen với sự tiến triển *bằng hoại* do tàn tích của các tinh linh ngũ hành, cũng như sự tiến triển bằng hoại nơi những nguyên khí con người; bằng không thì thấy mình chơi với chẳng hiểu đó *thật sự* là gì. Không có những qui chế viết thành văn dành cho những việc này và những người này khó lòng có thể trông mong được bạn bè và những người hăm mộ tán dương vì nói đúng sự thật, vì biết giữ im lặng hoặc độ lượng. Nếu một số người có liên quan tới họ chẳng hạn như một số đồng cốt *mất linh hồn* thì sẽ có tình trạng như ngư tầm ngư, mã tầm mã. Bằng không thì tốt hơn là kính nhi viễn chi đối

với họ. Họ chỉ bị cuốn hút về những thứ giống như mình tức là những người đồng cốt và mối quan hệ của họ không được tạo lập tự nhiên mà bị *cưỡng chế* do những kẻ rao bán các hiện tượng phép lạ một cách điên rồ và đầy tội lỗi. Họ vừa là các âm ma vừa là các ma hình cùng lắm thì chỉ là một đám cãi cọ hạ đẳng, đầy ác ý, bại hoại. Bạn thân ơi, con muốn ôm đồm quá nhiều kiến thức ngay một lúc; con không thể chỉ cần một cú nhảy là vọt tới được mọi điều bí mật. Tuy nhiên con hãy xem phần Phụ Lục – đây quả thực là một bức thư.

Ta không biết Subba Row – y là đệ tử của Chơn sư M. – dù sao thì y cũng biết rất ít về ta. Thế nhưng ta biết rằng y sẽ *chẳng bao giờ* đồng ý đi Simla, nhưng nếu y được lệnh của Chơn sư Morya thì y sẽ dạy dỗ từ Madras, nghĩa là sẽ sửa những bản thảo của Chơn sư M. bình luận về những bản thảo này, trả lời những câu hỏi và tỏ ra rất hữu dụng. Y rất kính trọng và tôn sùng H. P. B.

K. H.

Bức Thư Số 18

Nhận tháng 6 năm 1882.

PHỤ LỤC

I. Mọi Chơn ngã đều phải hoàn thành một cuộc du hành tiến hóa vĩ đại, phải hoàn thành một tiến trình xoay chuyển khổng lồ. Trước hết vào ngay lúc bắt đầu vòng xoay chuyển của chu kỳ đại Thành trụ, từ đầu cho đến cuối các hành tinh có người ở, cũng như trên mỗi hành tinh, Chơn thần đều phải trải qua 7 giống dân liên tiếp. Từ hậu duệ cầm lạng của con khi (con khi này khác xa mẫu khi hiện nay mà ta biết) mãi cho tới giống dân *thứ 5* hiện nay (hoặc nói đúng hơn là một biến dạng của nó) và còn phải trải qua 2 giống dân nữa thì chơn thần mới không còn cần tới trái đất này để rồi chuyển sang bầu hành tinh khác càng ngày càng thăng lên cao . . . Nhưng chúng ta sẽ chỉ hạn chế chú tâm của mình tới bầu hành tinh này thôi. Mỗi một trong bảy giống dân có bảy nhánh phân ra từ Nhánh Gốc và con người lần lượt *phải* tiến hóa qua mỗi giống dân này trước khi y chuyển sang giống dân cao hơn kế tiếp, và cứ *bảy lần* như thế. Được thôi, bạn thân mến, con hãy rán mở to mắt ra để cảm thấy mình bối rối – sự thật là như thế đấy. Mỗi nhánh tiêu biểu cho nhiều mẫu người khác nhau – cả về mặt thể xác lẫn về mặt tinh thần – và không ai trong đám chúng ta có thể bỏ qua được một nấc thang nào trên thang tiến hóa đó. Đối với tất cả mọi người, *không hề* có sự luân hồi theo cách mà nhà Thấu thị người Luân đôn (bà A. K.) giảng dạy vì khoảng cách giữa hai lần *tái sinh* dài đến nỗi nó không cho phép bất kỳ ý tưởng hoang đường nào như thế. Con nên nhớ rằng, khi nói “con người” ta có ý muốn nói một người thuộc loại hình chúng ta, còn có hằng hà sa số các dãy hành tinh khác thuộc chu kỳ thành trụ - cả ở trong lẫn ở ngoài thái dương hệ ta – có chứa những thực thể thông minh – đỉnh cao của những thực thể tiến hóa này trong các dãy hành tinh, một số thấp hơn chúng ta về mặt vật thể và trí tuệ, một số khác vô cùng cao siêu hơn con người trên dãy hành tinh chúng ta, nhưng ngoài việc có nhắc tới họ, thì giờ đây ta không đề cập tới họ nữa.

Vậy thì trải qua mọi giống dân, con người phải 7 lần nhập vào rồi 7 lần xuất ra và phát triển trí năng lần lượt từ mức độ thấp nhất tới mức độ cao nhất. Tóm lại, chu kỳ trái đất của y với các chu kỳ thể giới và *tiểu* chu kỳ thể giới là đối thể chính xác của Đại Chu kỳ - chỉ có điều là thuộc qui mô nhỏ hơn. Ta lại nên nhớ rằng khoảng cách giữa các lần “luân hồi của các giống dân” đặc biệt này thật là to lớn, ngay cả kẻ đần độn nhất thuộc những người Bushmen ở Phi châu cũng gặt lấy phần thưởng Nghiệp báo của mình giống như huynh đệ người Bushmen 6 lần thông minh hơn mình.

Các nhà dân tộc học và nhân chủng học cũng nên nhớ kỷ luật thất bại này xuyên suốt mọi công trình thiên nhiên. Từ Cuvier – bậc thầy vĩ đại đã quá cố của Thần học Tin lành mà việc bị Thánh kinh nhồi sọ khiến ông chia loài người ra thành 3 chủng loại riêng biệt – mãi cho tới Blumenbach vốn chia loài người ra thành 5 chủng tộc thì tất cả đều sai lầm. Chỉ có Fritchard, ông đã đề nghị theo kiểu tiên tri là có 7 *chủng tộc*, thì mới gần sự thật hơn. Trong *tờ báo Tiên Phong* ngày 12 tháng 6 mà H. P. B. có chuyển tới cho ta, ta có đọc một bức thư của A. P. W.^[1] bàn về *Thuyết Khí* có trình bày rất tuyệt diệu giả thuyết của Darwin. Nếu bỏ đi một vài sai lầm thì đoạn cuối cùng ở trang 6 cột 1 có thể được coi là một *sự khai huyền* trong cả ngàn năm nếu người ta bảo tồn được nó. Hãy đọc 9 dòng kể từ dòng 21 (đếm từ dưới lên) thì con sẽ có được một *sự thật* mà ít nhà vạn vật học nào sẵn sàng chấp nhận được bằng chứng đó. Các giống dân thứ 5, thứ 6 và thứ 7 thuộc Cuộc tuần hoàn *thứ 5* mỗi giống dân nối tiếp nhau tiến hóa và có thể nói là bất kịp với các cuộc tuần hoàn của “Đại Chu kỳ” – cùng với giống dân thứ 5 của cuộc tuần hoàn thứ 5 đều có phô ra một sự khác nhau đáng kể về mặt thể chất, trí thức cũng như đạo đức so với “giống dân” thứ tư tức “kiếp sống thứ tư trên trần thế”; con thật là chính xác khi bảo rằng “đến lúc người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đạt kiếp thứ 7 thì đã có sự tiến bộ ghê gớm”.

II. Dù là giàu hay là nghèo, dù thuộc dòng dõi thượng lưu hay hạ lưu thì chẳng có gì ảnh hưởng được nó, vì đây chẳng qua là Nghiệp Quả của họ. Điều mà con gọi là nền văn minh chẳng dính dáng gì mấy tới sự tiến bộ. Chính con người nội tâm, tính linh, sự soi sáng cho bộ óc phàm nhờ vào ánh sáng của trí tuệ thiêng liêng mới là sự trải nghiệm. Thổ dân người Úc, người Esquimaux, người Bushmen, người Veddahs v. v. . . đều là các nhánh nhỏ đâm chồi nảy lộc từ cái Nhánh mà con gọi là “những người ăn lông ở lỗ” tức là giống dân *thứ 3* (theo Khoa học là giống dân thứ 2) đã tiến hóa trên hành tinh trái đất. Họ là tàn tích của những người ăn lông ở lỗ thuộc chu kỳ thể giới thứ 7, “tàn tích này không còn tăng trưởng nữa và là những dạng sống bị chặn lại có số kiếp cuối cùng sẽ bị hủy hoại trong cuộc đấu tranh sinh tồn” (theo lời *thông tín viên* của con).

Xem “Nữ thần Isis lộ diện” chương I “. . . Bản thể Thiêng liêng (Purusha) giống như một vòng cung ánh sáng” tiến hành việc tạo ra một vòng tròn – tức là dãy hành tinh của đại chu kỳ thành trụ, sau khi đã đạt tới đỉnh cao nhất (tức là khởi điểm) nó lại vòng xuống trở về trái đất (bầu hành tinh đầu tiên) mang một loại hình người cao hơn đạt tới vòng xoáy của nó – “như vậy tới 7 lần. Khi tới gần trái đất nó càng ngày càng mờ tối đi cho tới khi chạm mặt đất thì nó tối đen như đêm ba mươi” nghĩa là, đó là vật chất *xét theo bề ngoài*, còn Tinh thần tức Purusha bị che giấu bên dưới một cái áo giáp gồm 5 lớp tức 5 nguyên khí đầu tiên. Giờ đây con hãy xem 3 dòng được gạch dưới ở

^[1] Một đoạn trích đúng mức của bức thư này có xuất hiện trong quyển *Những giáo huấn sơ khởi của các Chơn sư* do Jinarajadasa biên tập, trang 19.

trang 5, nếu con đọc từ “loài người” là “giống dân”, và đọc từ “nền văn minh” là *sự Tiến hóa Tâm linh của giống dân đặc thù đó* thì con có được một sự thật mà người ta bắt buộc phải che giấu trong giai đoạn mò mẫm lúc đầu của Hội Thông Thiên Học.

Con hãy xem lại đoạn cuối cùng ở trang 13 và đoạn đầu tiên ở trang 14, và hãy để ý tới những hàng gạch dưới nói về Plato. Thế rồi con hãy xem trang 32, nên nhớ sự khác nhau giữa các *Chu kỳ thành trụ* được tính toán ở đây và các ĐẠI CHU KỲ THÀNH TRỤ (hoàn tất 7 cuộc tuần hoàn giữa hai chu kỳ hoại không) bao gồm 4 Yugas vòng đi vòng lại 7 lần, *mỗi lần là một giống dân*. Sau khi đã làm đến chỗ đó, con hãy cầm bút lên mà tính toán. Điều này khiến con phải thê thốt nhưng nó chẳng đáng bao nhiêu tới Nghiệp Quả của con: sự báng bổ trên đầu mỗi chót lưỡi thì nghiệp chẳng thêm nghe tới. Con hãy chú ý đọc về vấn đề này (không phải là chuyện thê thốt mà là chuyện tiến hóa) ở trang 301 cuối cùng “và bây giờ là một điều bí mật . . .”, rồi tiếp tục sang trang 304. “Nữ thần Isis” *chưa* vén hết bức màn bí mật, nhưng đã vén lên đủ để khiến cho trực giác của sinh viên có thể bổ sung được những điều mà y chỉ mới thoáng thấy. Trong món thập cẩm những điều trích dẫn từ đủ thứ chân lý về triết học và bí truyền mà người ta cố tính che giấu thì con hãy thử xem giáo lý của chúng ta giờ đây chỉ mới được giảng dạy một phần cho người Âu Tây lần đầu tiên.

III. Trong phần trả lời cho những chú thích của con, ta có nói hầu hết người dân Ấn độ - ngoại trừ những người Moguls thuộc giống dân Semite (?) – đều thuộc về nhánh xưa nhất của giống dân thứ 5 hiện nay, nó đã được tiến hóa ra ở Trung Á cách đây hơn một triệu năm. Khoa học Tây phương tìm được lý do vững chắc để bênh vực cho thuyết con người đã cư ngụ ở Âu châu 400.000 năm trước Công nguyên – điều này không thể làm cho con sững sốt đến mức ngăn không cho con tới nay không uống rượu vang vào bữa cơm tối. Thế nhưng Á châu cũng như Úc châu, Phi châu, Mỹ châu và những vùng ở Cực Bắc khác đều có những di tích của giống dân thứ tư, thậm chí của giống dân thứ 3 (tức là những người ăn lông ở lỗ và người Iberians). Đồng thời, chúng ta có nhiều người thuộc giống dân thứ 4 vào chu kỳ thế giới thứ 7 hơn là Âu châu và có nhiều những người thuộc chu kỳ thế giới thứ nhất thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5, nghĩa là xưa hơn cả những nhánh dân người Âu châu, cho nên dân tộc Ấn độ dĩ nhiên là phải xuất hiện trước. Việc họ “chậm tiến” hơn về văn minh và lịch sử không ảnh hưởng nhiều tới tính linh của họ, Nghiệp là một con thú vẫn đứng vững với những chiếc giày đi dọ dạc hội và những găng tay trắng bằng da dê, những chiếc nĩa và dao dùng trong bữa ăn, những vở nhạc kịch opera và những phòng khách lộng lẫy sẽ chẳng theo gót sự tiến hóa của con nhiều hơn những chiếc áo dài màu lá úa của những nhà Đạo đức học người Anh cản trở những người chủ sở hữu của chúng và những người mặc chúng sẽ sinh ra trong hàng ngũ những kẻ mà cho dù họ có muốn như thế nào đi chăng nữa thì những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 6 và thứ 7 trong tương lai cũng cứ coi họ là những “kẻ dã man” ăn thịt và uống rượu vào thời kỳ “Hội Hoàng gia Anh”. Muốn cho tên tuổi của con được bất tử thì tùy theo con có cưỡng bách được những giống dân cao siêu trong tương lai chia thời đại của chúng ta ra nhỏ hơn và gọi cái thời đại nhỏ là “Thời hồng tích kỳ của ông Sinnett”, nhưng không thể nào được như vậy, chừng nào mà con còn hùng hục làm việc với cảm tưởng rằng “mục đích mà chúng ta theo đuổi hiện nay sẽ đạt được bằng sự tự chế và sự điều độ đầy lý trí”. Khoa học Huyền bí là một cô bồ ghen tuông không cho phép bất kỳ bóng dáng buông thả nào; nó chẳng những “cấm chỉ” lộ trình bình thường của cuộc sống hôn nhân mà còn

cấm chỉ cả việc ăn thịt và *uống rượu* nữa. Ta e rằng các nhà khảo cổ học thuộc cuộc tuần hoàn thứ 7, khi đào bới và khai quật thành phố Pompeii tương lai ở Punjab (tức là Simla) thì một ngày kia thay vì tìm được những di chỉ quý báu của cái Hội Thông Thiên Học “Chiết Trung” thì chỉ vớt lên được một số di chỉ đã hóa đá hoặc giống thủy tinh của “cuộc sống xa xỉ”. Đây là lời tiên tri mới nhất đang được lưu hành ở Shigatse^[1].

Và giờ đây tới câu hỏi cuối cùng. Được thôi, như ta đã nói các “vong linh hướng dẫn” vừa là tinh linh ngũ hành vừa là âm ma, chẳng phải chỉ là tỉ lệ 50% và 50% một cách phải chăng mà thôi, mà còn chính là cái lớp bột trong cốc bia đồng cốt.

Có nhiều “sự mất mát” những tờ giấy mỏng viết thư xảy ra trong khi E. ở Calcutta trong bầu không khí xung quanh bà G., vì bà thường nhận được thư của con, vậy thì những tạo vật nào chuyên môn theo dõi sự khao khát thầm kín trong vô thức của ông E. ắt dễ dàng thu hút được những vi tử đã tan ra khác nữa ra khỏi cái hộp của con để tạo thành bản sao của bức thư. Ông là một người đồng cốt có năng lực và nếu như bản chất cố hữu tốt cũng những đức tính khác của ông không bị bù lại bởi lòng hiếu danh, sự lười biếng, sự ích kỷ, lòng ham tiền và những tính xấu khác của nền văn minh hiện đại cùng với việc hoàn toàn thiếu *ý chí*, thì ông ắt đã là một vị *Dugpa* siêu việt; theo như ta đã nói, ông ta xưng danh là “một người bạn tốt”, *tự nhiên* là chân thật, có thể kiểm soát được – ngược lại. Nếu có thể, ta sẽ cứu ông ra khỏi . . .

CHÚ THÍCH : Trong các ấn bản lần thứ nhất và thứ 2 có xuất hiện chú thích của Ban Biên Tập với nội dung là còn thiếu phần còn lại của Bức thư này. Một sinh viên giờ đây đã vạch rõ phần còn thiếu tức là Bức thư 63 (ML 95).

Bức Thư Số 19^[2]

Nhận được ngày 12 tháng 8 năm 1882.

Thật vậy, *được biết* rất rõ và được *khẳng định* một cách đáng tin cậy bởi các bậc cao đồ mà đối với các ngài –

“Không bức màn che nào che giấu được cõi Bồng Lai,
Cũng không có những ma hình khốn khổ nào bằng cát bụi trong suốt nửa vời;
Vì tất cả những gì làm mờ đi tầm nhìn của vong linh
Chính là lòng kiêu ngạo, sự hận thù và lòng tham dục . . .
(Lẽ ra không được công bố)

Bạn hỡi, đây là những trường hợp ngoại lệ. Những kẻ tự tử *có thể* và thường thường là được, nhưng đối với những người khác thì không. Người tốt và thanh tịnh ngủ một giấc mơ đầy hạnh phúc và yên tĩnh, tràn đầy những linh ảnh vui vẻ về cuộc sống trên trần thế, và không có ý thức gì về việc mình đã vượt ngoài cuộc sống đó.

^[1] Các Chơn sư phát âm tên gọi thị trấn này theo nhiều cách khác nhau. Chúng tôi đã thay thế nó bằng cách phát âm hiện đại.

^[2] Những Mảnh vụn có chữ viết tay của Chơn sư K. H.

Những người không tốt cũng không xấu sẽ ngủ một giấc không mộng mị, nhưng vẫn là một giấc ngủ yên tĩnh; còn kẻ độc ác thì tùy theo sự thô trực của mình sẽ phải chịu cơn đau quần quai của một cơn ác mộng kéo dài hàng năm trời: tư tưởng của họ biến thành những sự việc sống động; những cơn đam mê độc ác của họ trở thành thực chất và họ nhận lại mọi nỗi khốn khổ trút lên đầu mình những gì mà họ đã trút qua người khác lúc sinh thời. Nếu được mô tả đầy đủ thì thực tại này còn cung cấp cho ta một bi kịch khủng khiếp hơn nhiều so với vở *Inferno* mà Dante đã từng tưởng tượng ra.

Bức Thư Số 20A ^[1]

Nhận tháng 8 năm 1882

10 [X]

Thưa Chơn sư kính mến,

Khi nhắc tới những Mảnh Vụn Chân lý số III mà ngài chẳng bao lâu nữa sẽ nhận được bản in thử, con xin nói rằng nó còn lâu mới thỏa đáng mặc dù con đã làm hết sức mình.

Ta cần phải xúc tiến giáo lý của Hội thêm một giai đoạn nữa để cho các nhà Thần linh học dần dần phải sáng mắt ra – vì vậy con xin giới thiệu vấn đề cấp thiết nhất là Kẻ tự tử v. v. . . , quan điểm về vấn đề này đã được trình bày trong bức thư của thầy gửi cho S.

Điều này dường như đối với con hoàn toàn không thỏa đáng và nó đưa tới một số vấn đề mà con cảm thấy rối trí khi phải trả lời.

Theo giáo lý sơ khởi của chúng ta thì đa số các hiện tượng nơi ngoại giới đều là do các ma hình, các ma hình chỉ có một nguyên khí rười tới hai nguyên khí rười, nghĩa là các nguyên khí hoàn toàn tách rời khỏi nguyên khí thứ 6 và nguyên khí thứ 7.

Nhưng trong một sự phát triển thêm nữa **(1)**, chúng ta thừa nhận rằng có *một số vong linh*, nghĩa là những nguyên khí thứ tư và thứ 5 không hoàn toàn cắt đứt với nguyên khí thứ 6 và thứ 7, chúng cũng có thể là có uy lực trong phòng lên đồng. Đây là vong linh của những người tự tử và người chết vì tai nạn hoặc bất đắc kỳ tử. Ở đây, theo giáo lý thì mỗi đợt sóng sinh hoạt đặc thù phải tiếp tục chạy hết cho tới bờ biển đã định, và ngoại trừ những kẻ *rất tốt* thì mọi vong linh bị cắt đứt quá sớm với các nguyên khí thấp phải vẫn còn ở lại trên trần thế cho tới tận giờ tiền định của điều ắt đã là cái chết tự nhiên.

Thế mà điều này coi thì hay vậy, nhưng nếu quả đúng như thế, thì rõ ràng là **ngược với giáo lý trước kia của ta, sẽ có ít ma hình và nhiều vong linh (2).**

Đó là vì thử xét trường hợp kẻ tự tử liệu có gì khác nhau cho dù đó là kẻ chết có ý thức hoặc vô ý thức, cho dù người ta bắn súng vào óc mình hoặc uống rượu hoặc chơi bài đàng điểm cho đến chết, hoặc học hỏi một cách ngập đầu ngập cổ ? Trong bất

^[1] Bức thư nguyên bản của A. O. H. gửi Chơn sư K. H. có một số đoạn do Chơn sư K. H. dùng bút chì xanh đánh số và gạch dưới dít. Những đoạn này đều được in ra thành những đoạn được gạch dít trong bản văn. Những con số đề cập tới những câu trả lời của Chơn sư K. H. mà ta thấy ở trong Bức thư 20 C. Chú thích của Ban Biên Tập.

kỳ trường hợp nào thì giờ chết thông thường tự nhiên cũng đã được tiên đoán trước do đó kết quả là một vong linh chứ không phải là một ma hình. Vả lại, có gì khác nhau cho dù một người bị treo cổ vì tội sát nhân, bị giết khi đang đánh trận, chết trong một chuyến xe lửa hoặc do vụ nổ tạc đạn, hoặc bị chết đuối hoặc bị chết thiêu, hoặc qua đời vì bệnh dịch tả, dịch hạch hay là bệnh sốt rét rừng hoặc bất kỳ bệnh nào trong cả ngàn lẻ một bệnh truyền nhiễm khác mà ngay từ đầu mầm mống không có trong sự cấu tạo của y, và chỉ được đưa vào trong cơ thể y do y tính cò tới viếng thăm một nơi đặc thù nào đó hoặc trải qua một kinh nghiệm đã định nào đó (y có thể tránh được cả hai điều này)? Cũng vậy, trong mọi trường hợp thì giờ chết tự nhiên đã được định sẵn và do đó kết quả là một vong linh thay vì là một ma hình.

Ở nước Anh, người ta tính toán rằng không tới 15% dân số đạt được thời kỳ chết bình thường của mình – và cùng với những cơn sốt, những trận đói kém và *di chứng* của chúng, con e rằng ở đây tỉ lệ phần trăm cũng chẳng lớn hơn là bao, nơi mà dân chúng hầu hết là ăn chay, và theo thông lệ, sống trong những hoàn cảnh vệ sinh không thuận lợi.

Vậy là đại đa số tất cả những hiện tượng vật thể của các nhà Thần linh học hiển nhiên là do các vong linh này chứ không phải do các ma hình. Con rất vui nếu có được thêm thông tin về vấn đề này.

Còn một điều thứ nhì nữa (3); theo như con hiểu, các vong linh của những người thường thường bậc trung chết một cái chết *tự nhiên* rất thường ở lại một thời gian nào đó trong bầu không khí của trái đất – từ một vài ngày cho tới một vài năm - , thế thì tại sao những người như vậy không thể giao tiếp với chúng ta được ? Và nếu họ có thể giao tiếp được, thì đây là một điểm quan trọng nhất mà ta không được bỏ qua (4).

Và ba là có một sự kiện theo đó hàng ngàn vong linh xuất hiện trong những câu lạc bộ thanh tịnh giảng dạy đạo đức cao siêu nhất, hơn nữa còn kể tỉ mỉ những sự thật về thế giới vô hình (bằng chứng là những cuốn sách của Alan Kardec ^[1], từng trang trong đó giống hệt như những điều mà thầy giảng dạy) và thật vô lý khi giả sử đó là những ma hình hoặc những vong linh xấu. Nhưng thầy đã không công bố cho chúng con bất kỳ một số lớn nào các vong linh cao cấp thanh tịnh – và chừng nào toàn bộ lý thuyết còn chưa xác lập một cách thỏa đáng và chưa dành một chỗ đứng thích đáng cho những điều mà đối với con dường như là một sự kiện đã được xác lập hoàn toàn, thì thầy sẽ chẳng bao giờ chiến thắng được những nhà Thần linh học. Con dám nói rằng đây là một câu chuyện xưa như trái đất – chỉ có *một phần* sự thật dạy cho chúng con, còn một phần bị giữ lại – nếu như vậy thì chẳng khác gì người ta đã cắt cổ Hội Thông Thiên Học. Chẳng thà dạy cho thế giới *bên ngoài không một điều gì cả* còn hơn là dạy cho họ những chân lý nửa vời mà họ khám phá ra ngay là không đầy đủ, kết quả là họ bác bỏ một cách khinh bỉ những điều vốn là sự thật và mặc dù ^[2] họ không thể chấp nhận nó trong tình trạng manh mún này.

Thân ái,

A. O. Hume

^[1] Nhà Thần linh học người Pháp, Tổng Biên Tập của tạp chí Vong Linh hoặc quyển sách về các Vong Linh (người ta biết tới nó như vậy). Tên thật của ông là Hippolite L. D. Rivail. Chú thích của Ban Biên Tập.

^[2] Không biết có phải là “vì” thay cho “và dù” hay chẳng ? Chú thích của Ban Biên Tập.

Bức Thư Số 20 B^[1]

Nhận tháng 8 năm 1882

Simla ngày 25 tháng 7.

Thưa quý phu nhân kính mến.

Tôi bắt đầu thử ra sức trả lời bức thư của N. D. K. ngay lập tức sao cho nếu Chon sư K. H. thực sự có ý muốn cho thông điệp xuất hiện trong số tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* sắp xuất bản ngay vào tháng 8, thì điều này sẽ là đúng lúc. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi bị vướng vào một điều rối rắm. Dĩ nhiên là chúng ta không nhận được thông tin nào rõ rệt là bao hàm câu hỏi được nêu ra ở đây, mặc dù tôi giả sử rằng chúng ta có thể phối hợp những mảnh nhỏ lại để tạo thành một câu trả lời. Điều khó khăn loanh quanh ở chỗ làm sao thực sự giải thích được câu đố của Eliphas Levi trong phần chú thích của bà ở tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* tháng 10.

Nếu y đề cập tới số phận của loài người hiện nay, thì phát biểu của y (theo đó đa số các Bản ngã trung gian bị thiên nhiên vứt bỏ hoặc hủy hoại) ắt mâu thuẫn trực tiếp với giáo lý của Chon sư K. H. ^[2]. Họ đâu có chết mà không nhớ gì, nếu họ còn giữ lại trí nhớ trong trạng thái Devachan và lại khôi phục trí nhớ (ngay cả về những phạm ngã đã qua giống như những trang sách của một quyển sách) vào thời kỳ tâm thức trọn vẹn của Chon ngã xảy ra trước thời kỳ tâm thức tuyệt đối nơi Bát Niết Bàn.

Nhưng tôi chợt nghĩ rằng E. L. có thể đã bàn tới nhân loại xét chung chứ không chỉ là **những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư. Theo như tôi hiểu, thì một số lớn các phạm ngã thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 có số mệnh phải bị diệt vong, và đây có thể là bộ phận nhân loại trung gian vô tích sự mà ông muốn nói.** Nhưng thế thì theo như tôi hiểu vấn đề này, các chơn thần tâm linh cá biệt không hề bị diệt vong cho dù có xảy ra điều gì đi chăng nữa và nếu một chơn thần đạt tới cuộc tuần hoàn thứ 5 với mọi phạm ngã trước kia của mình được bảo toàn trong trang giấy của quyển sổ bộ đời để chờ được nghiên cứu kỹ trong tương lai, thì y ắt không bị gạt bỏ và hủy diệt vì số trang sách thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 của y “không thích hợp để được công bố”. Như vậy ta lại có một điều khó khăn để dung hòa hai phát biểu này.

X. Nhưng lại nữa, có thể nào quan niệm được chẳng một chơn thần tâm linh, mặc dù sống sót qua việc loại bỏ những trang giấy thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư và thứ 3, lại không thể sống sót qua sự loại bỏ những trang giấy thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 và thứ 6. Cái sự thất bại muốn sống một cuộc đời tốt đẹp trong những cuộc tuần hoàn này phải chăng có nghĩa là sự hủy diệt toàn bộ cá thể mà lúc bấy giờ sẽ chẳng bao giờ đạt tới cuộc tuần hoàn thứ 7.

^[1] Bức thư của ông Sinnett gửi cho H. P. B. , ở đằng sau những trang thư có một phần bức thư dài của Chon sư K. H. (Bức thư 70 C - ML 20 C) liên quan tới những câu hỏi của ông Hume. Những đoạn được gạch dưới là do Chon sư K. H. gạch bằng mực xanh. Chú thích của Ban Biên Tập.

^[2] Xem Bức thư số 20 C.

Nhưng mặt khác, nếu như vậy thì trường hợp Eliphas Levi ắt không phù hợp với một giả thuyết như thế, vì rất lâu trước lúc đó, **những cá thể nào đã trở thành những kẻ hợp tác với thiên nhiên về điều ác, bản thân họ ắt đã bị hủy diệt do chu kỳ hoại không của hành tinh**. X. giữa cuộc tuần hoàn thứ 5 và thứ 6 – nếu không phải là chu kỳ hoại không giữa cuộc tuần hoàn thứ tư và thứ 5, vì ta được biết rằng mỗi cuộc tuần hoàn có một chu kỳ hoại không (5). Ở đây có một điều khó khăn nữa, vì một số người thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đã ở sẵn đây rồi, cho nên không rõ là chừng nào thì chu kỳ hoại không mới xảy ra. Liệu nó có xảy ra sau *những kẻ tiên phong* của cuộc tuần hoàn thứ 5, họ sẽ không kể là bắt đầu cuộc tuần hoàn thứ 5 vì thời kỳ này chỉ thực sự bắt đầu sau khi giống dân đang tồn tại đã hoàn toàn bị suy vong – nhưng ý tưởng này cũng chẳng có giá trị gì.

Hôm qua sau khi đã suy nghĩ mông lung như thế, tôi bèn đi tới nhà Hume để xem liệu ông có thể hiểu được câu đố này và khiến tôi có thể viết ra những gì cần thiết cho bức thư này. Như khi nhìn vào đó rồi nhìn lại vào tờ Nhà Thông Thiên Học số tháng 10, chúng tôi bèn đi tới kết luận rằng cách giải thích duy nhất có thể được là bài báo đăng trong tờ Nhà Thông Thiên Học hoàn toàn sai và hoàn toàn bất đồng với mọi giáo lý sau này của chúng tôi. Phải chăng đây thực sự là giải pháp? Tôi không nghĩ như vậy; Chơn sư K. H. cũng không thể khiến tôi phải dung hòa cả hai.

Nhưng bà thấy đấy, hiện nay mặc dù rất có thiện chí, tôi hoàn toàn không thể làm được cái công việc mà thầy đặt cho tôi, và nếu Sư phụ Giám sát kính mến chịu khó nhìn vào những nhận xét này thì ngài ắt thấy được tình trạng tiến thoái lưỡng nan mà tôi gặp phải. Và lúc bấy giờ theo cách thức ít rắc rối nhất cho ngài, hoặc là thông qua bà hoặc là một cách trực tiếp, có lẽ ngài sẽ vạch đường chỉ lối cho ta thấy được lời giải thích cần thiết. Rõ rệt là nó không thể được thực hiện cho số báo ra vào tháng 8, nhưng tôi có khuynh hướng tin rằng ngài chẳng bao giờ có ý định như vậy, vì giờ đây thời gian ngắn ngủi biết bao.

Tất cả chúng tôi đều thấy lấy làm tiếc cho bà vì đã phải làm việc hùng hục giữa khí trời oi bức và đàn ruồi nhặng bay ào ào. Khi bà làm xong số báo tháng 8, có lẽ bà nên bay tới đây để nghỉ ngơi một chút với chúng tôi. Bà biết rằng bất cứ lúc nào chúng tôi cũng rất vui khi gặp được bà. Trong khi đó, những kế hoạch của riêng tôi không được chắc chắn lắm. Tôi có thể phải quay về Allahabad để bỏ mặc cho Hensmen tự do đi tới Ai cập làm thông tin viên đặc biệt. Tôi đang chống cự với những chủ sở hữu của mình để tránh được kết quả này, nhưng trong vòng vài ngày vấn đề đấu tranh này còn chưa có kết quả rõ rệt.

Mãi mãi thương nhớ bà.

A. P. S.

Tái bút.

Vì bà có thể muốn in bức thư trong số này cho nên tôi giữ nó lại kèm theo đây, nhưng hi vọng rằng sự thực *không* phải như vậy, và bà sẽ gửi nó lại cho tôi để tôi có thể hoàn thành đúng mức nhiệm vụ bé nhỏ của mình nhờ vào một ít lời vạch ra đường lối mà tôi phải theo.

Bức Thư Số 20 C

Nhận được tháng 8 năm 1882.

‡ Ngoài trừ việc cho đến nay, Eliphas Levi thường dùng các từ “Thượng Đế” và “Đấng Christ” mà theo nghĩa bí truyền chỉ là “Điều Thiện” – xét theo khía cạnh lưỡng tính cả về mặt cụ thể lẫn trừu tượng chứ không có gì mang tính giáo điều – thì Eliphas Levi không hề xung đột *trực tiếp* với các giáo lý của chúng ta. Đây lại là một cộng rom bị gió thổi bay ra khỏi một đồng cỏ khô rồi bị cơn gió đó buộc tội là thuộc về một đồng cỏ khô khác. *Hầu hết* những người (mà con có thể gọi là, nếu con muốn) ứng viên của cõi *Devachan* đều chết đi và tái sinh nơi Kama Loka mà “không nhớ gì cả”, mặc dù (và cũng vì) họ có nhớ một chút gì đó nơi *Devachan*. Chúng ta không thể gọi nó là một trí nhớ trọn vẹn mà chỉ là nhớ *một phần* nào thôi. Con khó lòng mà gọi một giấc mơ của mình là “sự nhớ lại”; một số quang cảnh đặc thù mà bên trong những giới hạn hẹp hòi của nó con có thấy chen vào một vài người – những người mà con yêu thương nhất với một tình yêu bất diệt, đó là các xúc cảm thiêng liêng mà chỉ có nó mới sống còn được thôi – không phải là một sự nhớ lại loáng thoáng nhất về bất kỳ diễn biến và phong cảnh nào khác. *Yêu* và *Ghét* là hai xúc cảm duy nhất có tính *bất tử*, những thứ duy nhất còn sống sót từ tàn tích của *Ye-dhamma*, tức thế giới hiện tượng. Vậy thì con hãy tưởng tượng mình đang sống nơi *Devachan* với những người mà con có thể đã yêu thương bằng một tình thương bất tử như thế, mà bối cảnh là những khung cảnh quen thuộc mờ mờ ảo ảo có liên quan tới những người đó và chỉ là một tờ giấy trắng hoàn toàn đối với bất kỳ điều gì khác liên quan tới cuộc sống nội tâm, xã hội, chính trị và văn chương của con. Thế thì đối diện với cái trạng thái tồn tại tâm linh thuần túy suy niệm đó, cái sự diễm phúc không bị pha trộn tỉ lệ với cường độ của những xúc cảm đã *tạo ra* nó, tồn tại từ một vài năm cho tới hàng ngàn năm, nếu muốn thì con có thể gọi nó là “ký ức cá nhân của A. P. Sinnett”. Con có thể nghĩ rằng: thật là đơn điệu dễ sợ ! Ta xin đáp rằng tuyệt nhiên không. Liệu con có kinh nghiệm được sự đơn điệu chẳng hạn như trong lúc mà *thỉnh thoảng* con coi như đó là giây phút cực lạc nhất mà con đã từng cảm thấy hay chăng ? Dĩ nhiên là không. Được thôi, con cũng sẽ không cảm thấy nó ở đó, trong khi trải qua cái thời khoảng vĩnh hằng mà hàng triệu năm tựa như chẳng dài hơn một giây đồng hồ. Ở đó, nơi không hề có ý thức về một thế giới bên ngoài, không hề có sự phân biệt để đánh dấu những sự khác nhau, vì vậy không thể nhận thức được những sự tương phản như là đơn điệu hay biến thiên; nói tóm lại, chẳng có gì ngoài cái cảm xúc yêu thương bất diệt và sự thu hút đầy thiện cảm mà hạt giống đã được gieo trồng nơi nguyên khí thứ 5 với những cái cây nở hoa xinh tươi nơi và xung quanh nguyên khí thứ tư, nhưng gốc rễ lại thâm nhập sâu vào trong nguyên khí thứ 6, nếu nó còn sống sót qua các nhóm thấp hơn, (và giờ đây ta đề nghị một chuyện nhất cử lưỡng tiện: trả lời cho các câu hỏi của con và của ông Hume cùng một lúc). Cả hai nên nhớ rằng chính chúng ta *tạo ra* cõi *Devachan* cũng như cõi địa ngục *A Tỳ* của mình ngay khi còn sống trên trần thế, và hầu hết là trong những ngày cuối cùng, thậm chí là những giây phút cuối cùng của kiếp sống trí thức hữu tình của chúng ta. Các xúc cảm mạnh mẽ nhất nơi chúng ta vào giờ phút tối quan trọng đó, khi – giống như một giấc mơ – các diễn biến của một kiếp sống lâu dài với từng chi tiết tỉ

mỉ nhất được bố trí một cách thứ tự nhất hiện ra trước mắt ta chỉ trong vài giây^[1] - cái xúc cảm ấy sẽ tạo nên sự cực lạc hay sự cực khổ của chúng ta, nó chính là *nguyên sinh khí* của kiếp sống tương lai của chúng ta. Trong trường hợp kiếp sống tương lai, chúng ta chưa hề tồn tại thực sự, mà chúng ta chỉ tồn tại ngay bây giờ một cách phù du – thời gian tồn tại của kiếp sống này không có tác dụng lên, không ảnh hưởng gì, và cũng chẳng liên quan gì tới bản thể - giống như mọi thứ tác dụng khác của một nguyên nhân phù du nó cũng chỉ có tính chất thoáng qua và đến lượt nó biến mất không tồn tại nữa. Trí nhớ trọn vẹn thực sự trong kiếp sống của ta chỉ xảy ra vào cuối chu kỳ thứ yếu chứ không trước đó. Ở Kama Loka, những người nào còn giữ được trí nhớ thì lại không trải qua cái giờ phút tối quan trọng nhớ lại như nêu trên. Những người nào *biết* mình đang chết trong khi đang ở trong xác phàm thì chỉ có thể hoặc là một Chơn sư hoặc là một pháp sư phù thủy, và hai loại người này là ngoại lệ đối với *thông lệ*. Cả hai đều là “những cộng tác viên của thiên nhiên; các Chơn sư cộng tác với *điều thiện*, các pháp sư phù thủy cộng tác với *điều ác*. Khi thiên nhiên hoạt động sáng tạo và hủy diệt, hai loại người trên là những người duy nhất có thể được gọi là *bất tử* - dĩ nhiên là theo nghĩa bí truyền và theo kinh Kaballah. Sự bất tử chân chính hoặc hoàn toàn – nghĩa là một kiếp sống *hữu tình*, vô hạn – không thể nào làm đứt gãy, làm dừng lại hoặc làm gián đoạn tâm thức của *Chơn ngã*. Và ngay cả *ma hình* của những người tốt (những trang sách của họ sẽ không bị thiếu trong Quyển Sổ Bộ Đời khi đứng trước ngưỡng cửa Niết Bàn Vĩ Đại), ngay cả những người này cũng chỉ phục hồi được trí nhớ và tâm thức chơn ngã xuất hiện trở lại chỉ sau khi nguyên khí thứ 6 và thứ 7 cùng với tinh hoa của nguyên khí thứ 5 (nguyên khí thứ 5 phải cung cấp vật liệu cho ngay cả việc phàm ngã nhớ lại được phần nào, điều này cần thiết cho đối tượng đang sống trong Devachan) đã đạt tới thời kỳ tự sinh *chứ không thể trước đó được*. Ngay cả trong trường hợp những kẻ tự tử và những kẻ bị bắt đắc kỳ tử thì tâm thức cũng cần một thời gian nào đó để xác lập một trọng tâm mới và triển khai (theo cách diễn tả của ngài W. Hamilton) “trí thức riêng biệt” từ nay sẽ trở nên khác biệt với “cảm giác riêng biệt”. Như vậy là khi con người chết, “Anh hồn” của y (nguyên khí thứ 5) trở nên vô ý thức và mất hết mọi trí nhớ về những điều nơi nội giới cũng như ngoại giới. Cho dù việc y ở lại Kama Loka chỉ kéo dài một vài phút, một vài giờ, một vài ngày, một vài tuần, một vài tháng hoặc một vài năm, cho dù y chết tự nhiên hay bắt đắc kỳ tử, cho dù y chết trẻ hay chết già, cho dù Bản ngã tốt hay xấu hay vô thường vô phạt, thì ý thức rời bỏ y cũng đột ngột như ngọn lửa rời bỏ cái bấc đèn khi người ta thổi nó tắt phụt. Khi sự sống đã rút khỏi vi tử cuối cùng trong vật chất tạo nên bộ óc, thì năng lực nhận thức của y mãi mãi không còn nữa, tạm thời chỉ có những quyền năng tâm linh về nhận biết và ý chí (nói tóm lại là tất cả những năng lực không có sẵn nơi vật chất hữu cơ và vật chất hữu cơ không thể thu được những năng lực đó). *Áo thân* của y nhiều khi có thể trở thành hiện thực như trong trường hợp hiện hình sau khi chết, nhưng nó không được phóng chiếu ra với một kiến thức về^[2] (cho dù ẩn tàng hay tiềm tàng) hoặc là vì cường độ của lòng ham muốn gặp hoặc xuất hiện ra cho một người nào đó thấy, thì khi bắn ra khỏi bộ óc đang hấp hối, sự hiện hình này chỉ là có tính cách tự động. Nó không phải là do sự thu hút đầy thiện cảm hoặc một hành vi ý chí nào, cũng chẳng khác gì ảnh

[1] Linh ảnh này xảy ra khi một người đã được tuyên bố là chết rồi. Bộ óc là cơ quan cuối cùng bị chết.

[2] Chẳng biết có nên thêm vào “máy chiếu ảnh” hay chẳng. Chú thích của Ban Biên Tập.

phản chiếu của một người vô tình đi ngang qua một cái gương đâu phải là do ý muốn của cái gương đó.

Như vậy, sau khi đã giải thích lập trường, ta sẽ tổng kết và lại hỏi tại sao nên quả quyết rằng những gì mà Eliphas Levi đưa ra và những gì mà H. P. B. xiển dương lại “mâu thuẫn trực tiếp” với giáo lý của ta? E. L. là một nhà huyền bí học và một môn đồ kinh Kaballah, ông viết cho những kẻ nào giả sử là có biết những điều sơ cấp trong các giáo điều thuộc kinh Kaballah, ông dùng thuật ngữ đặc thù theo giáo thuyết của ông, và H. P. B. cũng làm theo như vậy. Điều sơ sót duy nhất mà bà phạm phải, đó là thêm từ “Tây phương” vào giữa hai từ “Huyền bí học” và giáo lý (Xem dòng thứ 3 trong *Chú thích của Ban Biên Tập*). Bà là một người cuồng tín theo cách của riêng mình và không thể viết bất cứ điều gì một cách có hệ thống và bình tĩnh; bà cũng không thể nhớ rằng công chúng cần những lời giải thích minh bạch mà đối với bà điều này dường như có vẻ là thừa. Và vì chắc chắn con sẽ nhận xét rằng: “nhưng đây là trường hợp của chúng con, và thầy dường như quên mất”. Cho nên ta sẽ cung cấp cho con một vài lời giải thích thêm nữa. Như ta đã nhận xét bên lề tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 10, từ “bất tử” có một ý nghĩa khác hẳn đối với các điểm đạo đồ và huyền bí gia. Chúng ta chỉ gọi là “bất tử” khi xét Sự Sống duy nhất dưới dạng tập thể đại đồng vũ trụ và sự Trừu tượng Tuyệt đối hoặc hoàn toàn; điều này là vô thủy vô chung và cũng không hề bị gián đoạn. Liệu thuật ngữ này có thể được áp dụng cho bất cứ điều gì khác hay chăng? Chắc chắn là không. Vì vậy những người Chaldea thời xa xưa nhất đã dùng nhiều tiền tố gắn vào từ “bất tử”, một trong những tiền tố đó tạo ra thuật ngữ tiếng Hi Lạp hiếm khi được sử dụng, đó là: sự bất tử qua *A tăng kỳ kiếp*, nghĩa là bắt đầu với *chu kỳ thành trụ* và kết thúc với *chu kỳ hoại không* của Thái dương hệ. Nó kéo dài một *A tăng kỳ kiếp*, tức là “thời kỳ” của “*toàn bộ thiên nhiên*”. Như vậy, chỉ người nào đạt được sự bất tử *A tăng kỳ kiếp* mới đáng được gọi là bất tử; tâm thức riêng biệt và nhận thức về *Chon ngã của ngài dưới bất kỳ dạng nào* không hề bị gián đoạn trong bất cứ lúc nào, dù chỉ là một giây trong thời kỳ tâm thức ngài tập trung vào Bản ngã. Có rất nhiều thời kỳ này, mỗi thời kỳ đều có tên gọi riêng theo giáo lý bí nhiệm của người Chaldea, người Hi Lạp, người Ai Cập và người Aryen, và nếu họ bắt buộc phải dịch ra – họ không làm như vậy, ít ra là chừng nào ý tưởng hữu quan vẫn còn có thể nghĩ bàn đối với đầu óc người Tây phương – thì ta có thể dịch dùm cho con. Hiện nay con chỉ cần biết rằng một người, một *Bản ngã* giống như con hoặc như ta, có thể bất tử từ một cuộc tuần hoàn này sang một cuộc tuần hoàn khác. Giả sử như ta bắt đầu được bất tử vào cuộc tuần hoàn thứ tư hiện nay – nghĩa là trở thành một *bậc Chon sư viên mãn* (tiếc thay ta chưa đạt đến mức đó) – thì ta sẽ tùy tiện chặn đứng được bàn tay của Tử thần, và khi rốt cuộc bắt buộc phải chịu chết, thì nhờ hiểu biết được cái bí mật của thiên nhiên, ta có thể giữ được nguyên vẹn ý thức của mình và nhận thức riêng biệt của mình về Chon ngã để làm một đối tượng suy gẫm và nhận biết. Như vậy, ta tránh được sự mất trí nhớ xét theo nguyên tắc và là *thông lệ* diễn ra sau khi phạm nhân chết trên cũi trần, ta vẫn còn là Chon sư Koothoomi trong *Chon ngã* của mình trải qua hàng loạt các kiếp sống xuyên qua 7 cõi và các *Vô Sắc giới* cho tới khi cuối cùng ta đổ bộ lên trái đất này trong đám những người thuộc giống dân thứ 5 của trọn vẹn Cuộc tuần hoàn thứ 5. Trong trường hợp như thế, ta ắt là “bất tử” trong một thời kỳ rất lâu dài mà con không thể quan niệm nổi, bao gồm nhiều tỉ năm. Thế nhưng như vậy có thể “ta” thực sự bất tử chăng? Nếu ta không thực hiện những nỗ lực giống như hiện nay, tìm

cho mình một kỳ nghỉ phép khác đối với Định luật của Thiên nhiên, thì Chon su Koothoomi sẽ biến mất và có thể trở thành một ông Smith hoặc một Babu vô tội nào đó, khi kỳ nghỉ phép của ông đã chấm dứt. Có những người đã trở thành những đấng đầy quyền năng như thế, có những người trong đám chúng ta có thể trở nên bất tử trong những Cuộc tuần hoàn còn lại, để rồi đạt được địa vị như mong muốn trong số các bậc Đế Quân cao nhất, các “Chon linh Chon ngã” *hữu thức* của Hành tinh. Dĩ nhiên là Chon thần “chẳng bao giờ bị tiêu diệt cho dù điều gì xảy ra đi chẳng nữa”, nhưng Eliphas chỉ nói tới *phạm ngã* chứ không nói tới Chon ngã, và con cũng phạm phải lỗi lầm (rất tự nhiên) giống như C. C. M. Mặc dù ta phải thú nhận rằng đoạn văn trong quyển *Nữ thần Isis lộ diện* đã diễn tả một cách rất vụng về, nhưng ta đã nhận xét với con về chính đoạn văn ấy ở một trong những bức thư của ta từ lâu rồi. Ta phải “vận dụng hết tài khéo của mình” – nói theo kiểu người Mỹ - mới vá được lỗ hổng (ta tin như vậy), vì ta e rằng mình còn phải làm nhiều lần như vậy nữa trước khi hoàn chỉnh được quyển sách *Nữ thần Isis lộ diện*. Thật ra nó cần phải được *viết lại* vì danh dự gia đình.

X. Điều này chắc chắn là *không thể quan niệm được*; vì vậy cũng chẳng ích gì bàn luận về đề tài này.

X. Con đã quan niệm sai lạc về giáo lý, vì con không biết hiện nay con đang được biết điều gì: (a) ai là những người thật sự *cộng tác* với thiên nhiên; (b) không phải *tất cả* những người cộng tác ác độc đều bị đọa vào cõi thứ 8 và bị hủy diệt ở đó [1].

Mãnh lực về *điều ác* biểu hiện nhiều hơn nơi con người – thật vậy nhiều hơn hẳn – tiềm năng làm *điều thiện*. Một ngoại lệ đối với thông lệ của thiên nhiên đó là trong trường hợp các vị Chon sư và các thầy phù thủy pháp sư đến lượt mình trở thành *thông lệ*, thì ngoại lệ đó lại có thêm ngoại lệ khác. Ta hãy đọc kỹ đoạn mà C. C. M. bỏ qua không trích dẫn ở các trang 352, 353 quyển I bộ *Nữ thần Isis lộ diện*, chương 3. Bà lại quên nêu rõ trường hợp vừa nói chỉ có liên quan tới những pháp sư nhiều quyền năng mà sự hợp tác với thiên nhiên về điều ác khiến cho họ có được những phương tiện cưỡng chế thiên nhiên, để rồi cũng có sự bất tử qua A tăng kỳ kiếp. Nhưng hồi ơi, cái loại bất tử đó, chẳng thà chịu thiệt mạng còn hơn ! Con đừng tưởng rằng mọi việc mà con tìm thấy trong bộ *Nữ thần Isis lộ diện* là đã được phác họa một cách kỹ lưỡng – trong đó chưa có điều gì hoàn chỉnh hoặc được tiết lộ một cách rõ ràng. Đã đến lúc để hoàn tất nó, nhưng biết tìm ở đâu ra những người thực hiện nhiệm vụ vĩ đại đó?

Ông Hume có nói (Xem bức thư đính kèm [2] có ghi dấu những đoạn 10 [X] và 1, 2, 3). Và giờ đây khi con đã đọc được những lời phản đối về cái giáo lý *không thỏa đáng* đó (ông Hume gọi nó như vậy, đó là một giáo lý mà con phải học trước hết là một cách tổng thể rồi mới tiến hành nghiên cứu nó từng bộ phận); nếu không thể thỏa mãn được con thêm nữa; ta sẽ tiến hành giải thích một phần thôi.

(1) Mặc dù không “hoàn toàn bị cắt rời khỏi các nguyên khí thứ 6 và thứ 7” và hoàn toàn “có uy lực” trong phòng lên đồng, song le, cho tới ngày kỳ hạn chết tự nhiên, họ vẫn cách xa các nguyên khí cao một trời một vực. Các nguyên khí thứ 6 và

[1] Bị *thình lình* hủy diệt với vai trò là các *Bản ngã* và *phạm ngã* của con người, tồn tại trong thế giới thuần túy vật chất đó dưới nhiều dạng vật chất khác nhau trong một thời gian ta không thể tưởng tượng nổi trước khi quay về dạng vật chất nguyên sơ.

[2] Xem ở phần trước trong Bức thư số 20 A. Chú thích của Ban Biên Tập.

thứ 7 vẫn còn thụ động và tiêu cực, trong khi mà trường hợp bị *bắt đắ* kỳ tử, các nhóm nguyên khí cao và nguyên khí thấp thu hút lẫn nhau. Hơn nữa, trong trường hợp các bản ngã tốt và vô tội, các nguyên khí thấp bị thu hút một cách không thể chống chỏi nổi về phía các nguyên khí thứ 6 và thứ 7; như vậy hoặc là người ta thiu thiu ngủ trong những giấc mơ sung sướng hoặc là ngủ say một giấc không mộng mị cho đến giờ tận số. Chỉ cần suy gẫm một chút thôi, có nhấm tới sự công bằng vĩnh cửu và sự ăn khớp của vạn vật, thì con sẽ hiểu tại sao lại như vậy. Nạn nhân cho dù là tốt hay xấu, thì đều *không chịu trách nhiệm* về cái chết của mình, ngay cả khi y chết là do một hành động trong kiếp trước; tóm lại, đó là một hành vi của Luật Báo Phục, thế nhưng nó không phải là kết quả *trực tiếp* của một hành vi mà *phạm ngã* cố tình phạm phải trong cái cuộc đời mà y ngẫu nhiên bị giết chết. Nếu y được phép sống lâu hơn, thì có thể đã chuộc tội cho những tội ác trước kia của mình, còn hữu hiệu hơn nữa; và ngay cả hiện nay Bản ngã vẫn phải chịu trả hết món nợ mà Bản ngã trước kia gây ra thì mới thoát được sự vui dập của công lý báo phục. Các đấng Dhyán Chohans, vốn không diu dắt bản ngã con người *còn sống*, lại che chở cho nạn nhân bơ vơ khi nó bị thô bạo xô đẩy ra khỏi cái khung của mình để nhập vào một cái khung mới, trước khi nó đã chín muồi và thích ứng sẵn sàng với điều đó. Chúng ta chỉ cho con biết *những gì mà ta biết* vì đó là do ta học hỏi qua kinh nghiệm cá nhân. Chắc con hiểu ta muốn nói gì và TA CHẴNG THỂ NÓI ĐƯỢC GÌ HƠN NỮA ! Đúng vậy, nạn nhân cho dù là tốt hay xấu vẫn cứ yên ngủ, *chỉ thức dậy vào giờ Phán xét cuối cùng*, tức cái giờ đấu tranh kịch liệt giữa một đảng là nguyên khí thứ 6 và thứ 7, một đảng là nguyên khí thứ 4 và thứ 5, trước thêm trạng thái tự sinh và ngay cả sau khi đó, khi nguyên khí thứ 6 và nguyên khí thứ 7 mang theo một phần nguyên khí thứ 5 nhập vào Tiên Thiên Tam Muội, thì vẫn có thể xảy ra trường hợp là chiến lợi phẩm của nguyên khí thứ 5 tỏ ra quá yếu không đủ sức tái sinh nơi Devachan; trong trường hợp này đôi khi nó lại khoác lấy một thể xác mới, một “Bản thể” nội giới do Nghiệp của nạn nhân tạo ra (hoặc cũng có thể gọi là kẻ không phải nạn nhân), và nó lại nhập vào một kiếp sống mới trên trần thế cho dù ở trên hành tinh này hoặc trên hành tinh nào khác. Như vậy, ngoại trừ trường hợp những người tự tử và các ma hình, không có trường hợp nào bất kỳ người chết nào khác có thể bị thu hút vào một phòng lên đồng. Rõ ràng là “giáo lý này *không* hề mâu thuẫn với giáo lý trước kia của chúng ta”, và trong khi các “ma hình” rất nhiều, thì các vong linh lại *rất ít*.

(2) Theo thiên ý của chúng ta thì khác nhau rất nhiều. Chúng ta xem xét nó theo một quan điểm mà các Công ty Bảo hiểm Nhân thọ không thể chấp nhận được, nghĩa là có rất ít người sa đà vào những thói xấu nêu trên, cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng một đường lối tác động như vậy rốt cuộc sẽ khiến cho y bị chết yểu. Đây là sự trừng phạt của *Hảo Huyền*. Những “thói xấu” sẽ không thể trốn khỏi sự trừng phạt; nhưng chỉ có *nguyên nhân* mới bị trừng phạt chứ *hậu quả* thì không, nhất là một hậu quả không tiên đoán trước được mặc dù có lẽ xảy ra. Cũng giống như vậy, một người bị chết trong cơn bão giữa biển, nếu ta gọi đó là một *kẻ tự tử* thì ta cũng phải gọi *kẻ học tập quá nhiều* là kẻ tự sát. Nước có thể làm một người chết đuối, việc lao tâm quá nhiều cũng có thể gây ra nhũn não làm y thiệt mạng. Trong trường hợp như thế, không ai dám băng qua sông *Kalapam*, thậm chí cũng chẳng dám tắm biển vì sợ biết đâu bị ngất rồi bị chết chìm (chúng ta đều biết có những trường hợp như thế); cũng chẳng một ai dám làm bốn phận của mình, chứ đừng nói tới hi sinh bản thân vì một chính

nghĩa rất đáng khen và vô cùng ích lợi, như nhiều người trong chúng ta đã làm (chẳng hạn như H. P. B.). Liệu ông Hume có gọi bà là một *kẻ tự tử* hay chẳng nếu bà gục xuống chết vì công việc hiện nay? *Ý nghiệp* là trên hết và con người bị trừng phạt trong trường hợp có trách nhiệm *trực tiếp* chứ không bao giờ trong trường hợp khác. Trong trường hợp mà giờ chết tự nhiên của nạn nhân đã được tiên đoán *một cách ngẫu nhiên* chẳng hạn như trường hợp tự tử, thì cái chết đã được tự nguyện gây ra và người ta biết rất rõ những hậu quả ngay trước mắt của nó. Như vậy, một người nào tự gây ra cái chết của mình trong một cơn điên loạn nhất thời *không phải là một kẻ tự tử*, mặc dù các Công ty Bảo hiểm Nhân thọ thường lấy làm phiền lòng và rất nuối tiếc. Y cũng sẽ không bị làm phiền cho những cơn cảm dỗ trong Kama Loka, mà sẽ *ngủ thiếp đi* giống như bất kỳ nạn nhân nào khác. Một người như Guiteau sẽ không ở trong bầu khí quyền của trái đất với các nguyên khí cao không hoạt động và bị tê liệt vẫn còn đó. Guiteau nhập vào một trạng thái trong thời kỳ đó, y sẽ *nhắm bắn vào Tổng thống*, ở đó y sẽ bị đem ra *xét xử* và *bị treo cổ*. Khi tắm mình trong những suy tư về hành vi và tư tưởng của mình – nhất là những điều mà y sa đà vào đó khi đang trên đoạn đầu đài ^[1] . . . đó là số phận của y. Còn về phần những kẻ “bị mất mạng do bệnh dịch tả, dịch hạch hoặc sốt rét rừng” thì họ đã không thể qua đời nếu họ không có mầm mống phát triển những căn bệnh đó ngay từ khi mới sinh ra đời.

Như vậy, con thân mến, “đại đa số các hiện tượng trên cõi trần mà các nhà Thần linh học quan sát được *không phải là do các Vong linh*”, mà thật ra là do các “ma hình”.

(3) “Các Vong linh của những người thường thường bậc trung chết một cách tự nhiên vẫn còn ở trong bầu khí quyền của trái đất từ vài ngày đến vài năm”, thời kỳ này còn tùy thuộc vào việc họ có sẵn lòng gặp gỡ *tạo vật* của mình, chứ không phải đáng sáng tạo ra mình hay chẳng, đây là một đề tài rất bí hiểm mà sau này con sẽ được học, khi con đã dọn mình nhiều hơn nữa. Nhưng mắc mớ gì mà họ phải “liên lạc”. Phải chăng những người mà con yêu thương có liên lạc với con trong khi họ ngủ lúc còn sống nơi ngoại giới? Các Chơn linh của con, trong những giờ phút nguy hiểm, hoặc đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu – trong những trường hợp như thế, một loại dây điện báo tâm linh được tạo ra giữa cơ thể của hai chúng con – có thể gặp gỡ và gây ấn tượng lên trí nhớ của các con, nhưng nếu thế thì các con là những cơ thể *còn sống* chứ chưa *chết*. Vậy thì làm sao nguyên khí thứ 5 *vô ý thức* (Xem phần trên) lại có thể gây ấn tượng hoặc giao tiếp với một cơ thể sống, nếu nó không trở thành một *ma hình* rồi? Nếu vì những lý do nào đó, mà chúng vẫn còn ở trong một trạng thái hôn thụy, trải qua nhiều năm, thì các chơn linh của người sống có thể thăng lên gặp chúng (con đã được biết điều này rồi); và điều này có thể xảy ra một cách còn dễ dàng hơn nữa nơi Devachan, khi *Chơn linh* quá bận bịu với cực lạc của riêng mình nên không thể quan tâm gì nhiều tới một yếu tố xen vào phá đám. Ta xin nói rằng *không thể được*.

(4) Ta rất tiếc rằng phải bác bỏ phát biểu của con. Ta không hề biết có *cả ngàn vong linh* xuất hiện trong những câu lạc bộ - hơn nữa ta lại càng không hề biết có “một câu lạc bộ hoàn toàn *thanh tịnh*” – và “dạy dỗ đạo đức cao siêu nhất”. Ta hi vọng rằng mình không đến nỗi bị liệt vào lớp người chuyên nói xấu người khác cùng với những tiếng tăm không tốt đẹp mà mới đây người ta gán cho ta nhưng sự thật buộc ta phải

^[1] Trong nguyên bản có hai dòng bị gạch đi ở đây. Chú thích của Ban Biên Tập.

tuyên bố rằng Allan Kardec không hoàn toàn là vô nhiễm trong buổi sinh thời, và từ đó trở đi cũng chưa bao giờ trở thành *một vong linh rất thanh tịnh*. Còn về phần có việc dạy “đạo đức cao siêu nhất” ta thấy có một vị Dugpa Shammar ở cách nơi ta ngụ không xa. Đây là một con người rất đáng chú ý. Y không có nhiều quyền năng như một pháp sư phù thủy, nhưng y vô cùng nổi tiếng là một kẻ say rượu, một tên trộm cắp, một kẻ nói dối và lại là một nhà hùng biện nữa chứ. Trong *vai trò* biện tài vô ngại y có thể thắng được các ông Gladstone, Bradlaugh và ngay cả tu sĩ khả kính H. W. Beecher, đến nỗi không có một nhà giảng đạo hùng biện nào hơn y khi nói về đạo đức và không có một kẻ nào vi phạm nhiều Giới răn của Chúa ở Mỹ hơn y. Vị Lạt ma Shapa-tung này khi khát nước, có thể khiến cho vô số thánh giả, những người tu tại gia theo phái mũ vàng khóc sụt mướt bằng lượng nước mắt dự trữ cả năm trời khi nghe y kể lại sự hối hận và đau khổ của mình vào buổi sáng, để rồi đến chiều lại say sưa và cướp bóc của cả làng bằng cách thôi miên họ ngủ một giấc chết người. Có rất ít người rao giảng và dạy về đạo đức với một mục tiêu đã định. Hãy đọc bài “của J. P. T.” trong tạp chí *Ánh Sáng* và điều ta nói sẽ được chứng thực.

(5) (dành cho A. P. S.) “Thời kỳ hoại không” chỉ xảy ra khi người cuối cùng của bất kỳ Cuộc tuần hoàn nào đã chuyển vào trong cõi hiệu quả. Thiên nhiên đã được điều chỉnh một cách chính xác như toán học nên không dễ gì có những lỗi lầm khi thực hiện các chức năng của mình. Dĩ nhiên là chu kỳ hoại không của hành tinh mà hiện tại các giống dân thuộc cuộc tuần hoàn thứ 5 đang tiến hóa “phải đến sau một ít *người tiên phong*” giờ đây đã có mặt nơi này rồi. Nhưng trước khi lúc đó xảy ra chúng ta phải chia tay, không còn gặp gỡ được nữa ông Tổng Biên Tập của báo *Tiên Phong* cùng với thông tin viên khôn khéo của mình.

Và giờ đây, sau khi đã chứng tỏ rằng số báo ra *tháng 10* của tờ *Nhà Thông Thiên Học* không hoàn toàn sai cũng chẳng “bất đồng với giáo lý sau này”, liệu Chơn sư K. H. có thể làm cho con “dung hòa được hai thứ đó” hay chẳng?

Để cho con hòa giải với Eliphas thêm nữa, ta sẽ gửi cho con một số bản thảo của y chưa từng được xuất bản, được viết bằng một chữ viết tay lớn rộng, rõ ràng, đẹp mắt có đủ lời bình luận của ta. Không điều gì tốt hơn nữa có thể cung cấp cho con một chìa khóa về các câu đố trong kinh Kaballah.

Tuần này, ta phải viết thư cho ông Hume, an ủi ông và chứng tỏ rằng nếu ông không yêu đời vô cùng thì ông cũng chẳng cần phải bận tâm về cõi *Devachan*. Nếu một người không yêu mãnh liệt hoặc ghét cay ghét đắng một điều gì, thì y sẽ chẳng ở trong *Devachan* mà cũng chẳng đọa địa ngục A tỳ. Câu “Thiên nhiên nôn những thứ âm ảm ra khỏi miệng mình” chỉ có nghĩa là thiên nhiên hủy diệt *phàm ngã* của những người đó (không phải là các ma hình, lại càng không phải là nguyên khí thứ 6) nơi Kama Loka và *Devachan*. Điều này không cản trở họ tái sinh ngay tức khắc, và nếu cuộc sống của họ không quá tồi tệ, thì chẳng có lý do gì mà chơn thần vĩnh cửu lại không thấy trang đời sống đó vẫn còn nguyên vẹn trong Quyền Sở Bộ Đời.

K. H.

Bức Thư Số 21 ^[1]

Nhận được ngày 22 tháng 8 năm 1882.

Ngày 12 tháng 8.

Thưa Chon sư Giám Sát thân mến,

Con e rằng những bức thư hiện nay viết về Thông Thiên Học không còn giá trị nhiều nữa, vì con đã hiểu theo nghĩa đen quá nhiều khi chấp nhận một số đoạn trong bức thư dài của thầy viết về Devahan. Theo ý nghĩa của nó thì dường như là những “kẻ bị bắt đắc kỳ tử” cũng như những kẻ tự tử có nguy cơ bị thu hút về phòng lên đồng. Thầy có viết rằng: “Nhưng có một loại vong linh khác mà chúng ta đã quên mất: đó là những kẻ tự tử và những kẻ bị bắt đắc kỳ tử. Cả hai loại đều có thể giao tiếp với chúng ta và cả hai đều phải trả giá đắt cho sự giao tiếp đó . . .” **Đúng vậy.**

Và sau này, khi nói tới trường hợp những người tự tử một cách tỉ mỉ, thầy có nói rằng: “Còn về phần kẻ bị bắt đắc kỳ tử, họ ở trong tình trạng còn tồi tệ hơn nữa . . . đây là những u hồn bất hạnh . . . bị dứt bỏ trong khi đang tràn đầy nỗi đam mê trần tục . . . họ chính là những hấp tinh quý v. v. . . họ chẳng những làm hại các nạn nhân của mình v. v. . .” **Lại đúng như vậy. Nên nhớ rằng những trường hợp ngoại lệ sẽ cưỡng chế qui luật theo đó.**

Và nếu họ không tốt cũng không xấu thì “những kẻ bắt đắc kỳ tử” sẽ thu được một tập hợp mới các uẩn từ người đồng cốt đồng thanh tương ứng với mình. **Ta đã giải thích tình hình này ở bên lề của bản in thử. Xin hãy xem phần chú thích.**

Con đã làm việc dựa vào bản văn này.

Nếu không phải là cần được khẳng định, hoặc nếu theo một cách nào đó mà cho đến nay con không hiểu nổi những từ này có ý nghĩa gì khác chẳng so với những ý nghĩa mà dường như chúng có, thì tốt hơn là nên hủy cả hai bức thư đi hoặc giữ chúng lại để sửa đổi hoàn toàn. Lời cảnh báo được đưa ra với một giọng quá long trọng và nguy cơ quá nhiều đối với những kẻ tự tử, cho nên trong bản in thử cuối cùng, nếu loại bỏ trường hợp “những kẻ bắt đắc kỳ tử”, thì phần còn lại sẽ trở nên rất lố bịch, vì lúc bấy giờ dường như chúng ta chỉ chia *những người tự tử* ra thành loại người *rất thanh tịnh và rất cao thượng* cùng với những người đồng cốt mà thôi.

Đối với con dường như khó lòng để riêng Bức thư số 1 sang một bên, mặc dù nó chẳng có gì sai lầm trong đó, vì nó chẳng có *lý do gì tồn tại* nếu kèm theo sau không phải là Bức thư số 2.

Cả hai bức thư đều đã được gửi về nhà Stainton Moses để chuyển sang cho tạp chí *Ánh Sáng*, bức thư thứ nhất được gửi theo đường bưu điện ở đây vào ngày 21 tháng 6, còn bức thư số 2 mới được gửi theo đường bưu điện ngày hôm qua. Bây giờ, nếu thầy quyết định là tốt hơn nên dừng tất cả lại và hủy bỏ những bức thư đi, thì con sớm muộn gì cũng sẽ đánh điện báo về nhà Stainton Moses với nội dung như trên và con sẽ làm ngay tức thì nếu con nhận được một tờ điện tín của thầy hoặc của Bà Già với nội dung như vậy.

^[1] Thư của ông Sinnett gửi cho Chon sư K. H. có lời chú giải của Chon sư K. H. in bằng khổ chữ to.

Nếu không có gì xảy ra, thì cả hai bức thư sẽ xuất hiện trên tờ tạp chí *Ánh Sáng* đúng như nó đã được viết ra – nghĩa là những bản thảo được gửi đi với bản in thử giống như hiện nay, chỉ bỏ đi một ít lỗi lầm mà con thấy vợ con đã gây ra khi sao chép lại những bức thư.

Đây hoàn toàn là một mớ lộn xộn. Xét theo bề ngoài, con đã vội vã gửi chúng về nhà, nhưng con nghĩ rằng con đã theo đúng những lời dạy của thầy trong bức thư dài viết về Devachan. Con đang đợi lệnh của thầy.

Lúc nào con cũng tận tụy với thầy.

A. P. S.

Ở bên lề, ta có nói “hiếm khi”, nhưng ta chưa bao giờ dùng từ “không bao giờ”. Các tai nạn xảy ra trong những hoàn cảnh rất khác nhau, người ta không chỉ bị chết vì *tai nạn*, mà còn bị chết do *tự tử* hoặc bị *ám sát* nữa – đây là một điều mà thậm chí chúng ta chưa đề cập tới. Ta có thể hiểu sự bối rối của con, nhưng chẳng giúp con được bao nhiêu. Con nên nhớ rằng mọi luật lệ đều có những ngoại lệ và chính những ngoại lệ này lại có những ngoại lệ nữa, có như vậy thì con mới luôn luôn sẵn sàng học được một điều gì mới thêm nữa. Ta có thể dễ dàng hiểu được việc thiên hạ tố cáo chúng ta *mâu thuẫn* và *tiền hậu bất nhất* – thật vậy, có ngày thì viết một điều nào đó rồi qua ngày hôm sau lại phủ nhận nó. Những điều mà ta dạy cho con là QUI LUẬT. “Những kẻ bất đắc kỳ tử” *tốt và thanh tịnh* sẽ ngủ yên trong Akasa, không biết gì tới sự thay đổi của mình; những kẻ rất độc ác và không thanh tịnh phải chịu mọi sự hành hạ của một cơn ác mộng khủng khiếp. Đa số kẻ bất đắc kỳ tử (kể cả những kẻ bị ám sát) không tốt mà cũng không xấu lắm, thì một số *ngủ yên*, một số trở thành các *hấp tinh quý của Thiên nhiên*, còn một thiểu số trở thành *nạn nhân* của những người đồng cốt và rút ra một tập hợp các uẩn mới từ người đồng cốt đồng thanh tương ứng với mình cho dù số lượng người này không nhiều nhưng số phận của họ lại đáng tiếc nhất. Những gì ta viết để chú thích cho bản thảo của con, chính là để trả lời những tính toán thống kê của ông Hume khiến ông suy diễn rằng “có nhiều Vong linh hơn nhiều ma hình ở các phòng lên đồng” trong trường hợp như thế.

Con có nhiều điều phải học và chúng ta cũng có nhiều điều để dạy, do đó chúng ta không từ chối việc đi tới cuối cùng. Nhưng chúng ta thật sự mong con không nên quá vội vã đi tới kết luận. Người bạn trung thành thân mến của ta ơi, ta không quả trách con đâu, đúng hơn là ta tự trách mình như bất kỳ người nào ở đây, cách suy tư và thói quen suy tư của chúng ta hoàn toàn đối nghịch với nhau. Chúng ta đã quen với việc dạy những đệ tử, họ đã biết đủ cho nên không cần trong bài học có những từ như “nếu” và “nhưng”; đến nỗi mà ta thường quên rằng ta đang làm với các con các công việc mà nói chung là nên phó thác cho những người đệ tử này. Từ nay trở đi, ta sẽ dành nhiều thời giờ hơn nữa để trả lời những thắc mắc của con. Những bức thư của con gửi về Luân đôn không có gì tai hại đâu, và con hãy tin chắc ngược lại nó còn mang lại nhiều điều lợi ích nữa. Chúng đã được viết ra một cách đáng khen và có đề cập tới những điều *ngoại lệ* cho nên toàn bộ lãnh vực này có thể được bao trùm trong một bức thư tương lai.

Ta không phản đối việc con trích dẫn từ đại tá Chesney; ngoại trừ một điều là ông ta không phải là người *Thông Thiên Học*. Chỉ cần con hãy thận trọng, đừng quên những chi tiết của mình và những trường hợp ngoại lệ bất cứ khi nào con cần giải thích những qui tắc. Con nên nhớ rằng, ngay cả trong trường hợp những người tự tử, cũng có nhiều người không bao giờ để cho mình bị thu hút vào trong vòng xoáy của thuật đồng cốt và con đừng buộc tội ta là “tiền hậu bất nhất” hoặc *mâu thuẫn* khi ta đề cập tới điều đó. Nếu con biết rằng ta đã viết thư như thế nào và ta bắt buộc phải dành thời giờ cho chúng như thế nào, thì may ra con mới cảm thấy ít muốn phê phán hơn, hoặc ít muốn sách nhiễu hơn. Được thôi, liệu con có thích ý tưởng và cách viết của Chơn sư Djual Khoool chẳng? Trong vòng mười ngày vừa qua, ta chưa hề để mắt tới Simla.

Thân ái,

K. H.

Bức Thư Số 22 ^[1]

Trích từ bức thư của Chơn sư K. H. gửi ông Hume. Tôi nhận được để nghiên cứu kỹ vào thời cuối năm 1882 (A.P.S.).

Liệu con có phát giác ra – và bây giờ xét theo quan điểm khoa học Tây phương của con, cũng như gợi ý của chính Bản ngã con vốn đã lĩnh hội được mọi điều cốt yếu của sự thật cho nên chuẩn bị chế giễu ý niệm sai lầm – liệu con có ngờ rằng giống như cái trí hữu hạn của con người, trí tuệ Vũ trụ cũng có thể có hai thuộc tính tức là một quyền năng lưỡng tính: một thuộc tính có tính tự ý và hữu thức còn thuộc tính kia có tính không tự ý và vô thức tức là quyền năng máy móc chẳng? Để dung hòa khó khăn của nhiều mệnh đề hữu thần và phản hữu thần, cả hai quyền năng này đều là một tất yếu triết học. Khả năng của thuộc tính đầu tiên (tức là tự ý và hữu thức) liên quan tới trí tuệ vô hạn, mặc dù đã được mọi Bản ngã ở khắp nơi trên thế giới sống động xác nhận, vẫn mãi mãi chỉ là một giả thuyết, trong khi đối với trí tuệ hữu hạn thì đó là một sự kiện khoa học đã được chứng tỏ. Chơn linh Hành tinh cao siêu nhất cũng chẳng biết gì về thuộc tính thứ nhất giống như chúng ta, và giả thuyết này vẫn còn là giả thuyết ngay cả khi ta đã nhập Niết Bàn, vì nó chỉ là một điều khả hữu suy diễn cho dù ở đây hay ở kia.

Ta hãy xét tới cái trí con người liên quan tới thể xác. Con người có hai bộ óc phàm riêng biệt; đại não với hai bán cầu ở phần trán trên đầu, là nguồn gốc của những dây thần kinh tự ý; còn tiểu não ở phần phía sau của xương sọ là cội nguồn của những dây thần kinh không tự ý vốn là những tác nhân mà các quyền năng vô thức tức máy móc của tâm trí phải tác động qua đó. Con người chỉ có thể kiểm soát một cách yếu ớt và không chắc chắn đối với những chức năng không tự ý của mình, chẳng hạn như sự tuần hoàn của máu, nhịp đập của tim và sự hô hấp, nhất là trong khi ngủ. Thế nhưng con người đã tỏ ra làm chủ và điều khiển được chuyển động phân tử mù quáng một

^[1] Được sao chép từ một bản sao có chữ viết tay của ông Sinnett.

cách mạnh mẽ và tiềm tàng đến mức nào thì *những qui luật* chi phối cơ thể của y (bằng chứng của điều này được thể hiện qua những quyền năng mâu nhiệm của Chơn sư và ngay cả của vị đạo sĩ yoga thông thường) hơn mức đầu mà con gọi là Thượng Đế thể hiện qua những định luật bất di bất dịch của Thiên nhiên. Trái với cái trí hữu hạn, cái trí “vô hạn” (ta gọi nó như vậy để cho hai bên đồng ý với nhau, vì đúng ra ta gọi nó là LỰC vô hạn) chỉ biểu lộ những chức năng của mình thông qua tiểu não, sự tồn tại của đại não được thừa nhận như nêu trên, nhưng dựa vào giả thuyết suy diễn từ thuyết trong Kinh Kabalah (đúng với mọi quan hệ khác) theo đó Đại Vũ trụ là nguyên kiểu của Tiểu Vũ trụ. Theo như *chúng con* biết thì sự chứng thực của điều này bằng Khoa học hiện đại không được quan tâm nhiều, còn theo chỗ mà các Chơn linh Hành tinh cao nhất nhận biết được (các ngài cũng nhớ kỹ rằng mình cũng có những mối quan hệ với thế giới xuyên vũ trụ, các ngài đã thâm nhập vào đằng sau bức màn nguyên sơ của vật chất vũ trụ, cũng giống như chúng ta phải thâm nhập vào đằng sau bức màn của thế giới vật lý thô sơ này) thì cái trí vô hạn bộc lộ ra với các ngài cũng như đối với chúng ta chẳng khác gì hơn nhịp đập vô thức đều đặn của mạch động vĩnh hằng và đại đồng thể giới trong Thiên nhiên, khắp cả vô số thế giới và đại đồng thể giới trong Thiên nhiên, khắp thế giới nguyên sơ của thái dương hệ chúng ta.

Chúng ta chỉ BIẾT đến đó thôi. *Bên trong* và đến mức giới hạn tối đa ở ngay tận rìa mép của bức màn vũ trụ thì chúng ta biết sự kiện này là chính xác, do kinh nghiệm cá nhân; còn về phần thông tin thu lượm được đối với những gì xảy ra bên ngoài bức màn đó, thì chúng ta chịu ơn của các Chơn linh Hành tinh và của Đức Phật. Dĩ nhiên điều này được coi là thông tin do vay mượn. Có những người thay vì chấp nhận bằng chứng của sự kiện, lại thích coi ngay cả các vị Chơn linh Hành tinh cũng là những triết gia thoát xác “sai lầm” nếu không phải thực sự là những người nói dối. Thôi thì cứ như thế đi. Một ngạn ngữ Tây tạng có nói “Mọi người đều là chủ nhân của sự minh triết chính mình” và y được toàn quyền tôn vinh hoặc hạ bệ kẻ nô lệ cho mình. Tuy nhiên ta sẽ tiếp tục vì ích lợi của những kẻ có thể lĩnh hội được lời giải thích của ta về vấn đề này và hiểu được bản chất của giải pháp đó.

Quyền năng không tự ý của cái trí vô hạn – mà chẳng ai buồn nghĩ tới gọi là Thượng Đế - là nó có một năng lực đặc thù cứ mãi mãi làm cho vật chất nội giới tiến hóa thành ra các nguyên tử ngoại giới (con làm ơn nhớ cho rằng người ta dùng hai tính từ này theo nghĩa chỉ tương đối thôi) tức là vật chất vũ trụ mà sau này sẽ phát triển thành ra hình tượng. Và cũng chính cái quyền năng máy móc không tự ý đó thể hiện cho ta thấy nó hoạt động tích cực và cực lực xiết bao trong mọi định luật của thiên nhiên vốn chi phối và kiểm soát cái mà ta gọi là Vũ trụ tức Càn khôn. Có một số triết gia hiện đại muốn chứng tỏ sự tồn tại của một Đấng Sáng tạo do sự vận động. Chúng ta xin nói và quả quyết rằng cái sự vận động đó – sự vận động vĩnh cửu của Vũ trụ vốn không bao giờ ngừng nghỉ, chẳng tăng tốc cũng chẳng giảm tốc, ngay cả trong những giây phút giữa cái chu kỳ hoại không, tức “đêm đen của Brahma”, nó cứ tiếp tục giống như một cái cối xay nước cứ chuyển động mãi cho dù có cái gì để nghiền hay không (đó là vì chu kỳ hoại không chỉ có nghĩa là tạm thời mất đi mọi hình tượng chứ tuyệt nhiên không phải tiêu hủy hết vật chất vũ trụ vì vật chất vũ trụ là vĩnh hằng) – chúng ta xin nói rằng chuyển động vĩnh cửu này là Đấng Thiêng liêng duy nhất vĩnh hằng và không do ai tạo ra mà chúng ta có thể nhận biết được. Nếu coi Thượng Đế là một chơn linh thông tuệ và đồng thời chấp nhận rằng ngài hoàn toàn phi vật chất, thì đó chính là

quan niệm ra một phi thực thể, một hư vô; nếu coi Thượng Đế là một Đấng, một Đại ngã và che đậy trí thông tuệ của ngài đi vì những lý do huyền bí nào đó thì đây là điều ngớ ngẩn cùng cực nhất; nếu phú cho ngài trí thông tuệ khi đứng trước điều Ái thô bạo và mù quáng thì chính là biến ngài thành một con yêu tinh, một vị thần linh đều giả nhất. Một đấng cho dù khổng lồ biết bao, có chiếm vị trí trong không gian có chiều dài, chiều rộng và chiều dày thì chắc chắn là Thượng Đế của thánh Moise; còn nếu ngài là “phi hữu” và chỉ là một nguyên lý thôi thì điều này khiến cho con trực tiếp xâm nhập vào thuyết vô thần của Phật giáo, hoặc là thuyết *Phi vũ trụ* nguyên thủy của phái Vedanta. Có điều gì nằm bên ngoài, vượt quá các thế giới của hình tướng và hiện hữu, có gì trong những thế giới ở trạng thái tâm linh hóa cao nhất (có lẽ con sẽ làm ơn cho chúng ta khi cho chúng ta biết liệu có thể có điều gì ở bên ngoài, vì Vũ trụ là vô hạn và vô biên mà) thì bất cứ người nào mưu tìm nó cũng hoài công thôi, vì ngay cả các Chơn linh Hành tinh cũng chẳng biết hoặc nhận biết gì về nó. Nếu các Chơn sư cao cấp nhất và Chư Bồ Tát chưa bao giờ thâm nhập ra bên ngoài thái dương hệ của chúng ta – Bạn đáng mến, ý tưởng này dường như thích hợp với cái thuyết hữu thần thích thú trong tiên kiến của mình – thì các ngài vẫn biết có tồn tại những thái dương hệ khác một cách chắc chắn về mặt toán học chẳng khác nào bất kỳ thiên văn gia Tây phương biết về sự tồn tại của những ngôi sao vô hình mà y chẳng bao giờ có thể đến gần hoặc thăm dò được. Nhưng về cái điều vốn nằm bên trong các thế giới và các hệ thống, không phải ở phía bên kia vô cực (tạm dùng một cách diễn tả kỳ quặc như thế) mà là ở phía bên này vô cực, hoặc đúng hơn là ở trạng thái phi vật chất tinh vi nhất không ai quan niệm nổi, thì chẳng ai đã từng biết hoặc thậm chí nghe nói tới, vì thế cho nên nó là một điều không tồn tại trong vũ trụ. Con tha hồ đặt nó (những quyền năng trí tuệ và ý chí của đấng thiêng liêng của con) vào trong cái chân không vĩnh hằng này nếu con có thể quan niệm ra được một điều như vậy.

Trong khi đó, ta có thể nói rằng chính sự vận động chi phối các định luật của thiên nhiên, và sự vận động chi phối các định luật này cũng giống như xung lực của máy móc được dành cho nước đang chảy sẽ đẩy nước đi hoặc là theo đường thẳng hoặc là dọc theo hàng trăm nhánh rẽ bên mà nước có thể tình cờ gặp gỡ trên đường chảy của mình, cho dù những nhánh rẽ này là những đường rãnh tự nhiên hay là những con kênh nhân tạo do bàn tay con người đào nên. Và chúng ta quả quyết rằng ở đâu có sự sống và sự hiện hữu, cho dù dưới một dạng tinh thần hóa đến mức nào thì cũng không hề có chỗ đứng về sự cai quản của đạo đức chứ đừng nói tới một Đấng Cai quản về đạo đức, một Đấng đồng thời vừa không có hình tướng vừa không chiếm chỗ trong không gian! Thật vậy, nếu ánh sáng chiếu sáng trong bóng tối và bóng tối hiểu rằng nó không chiếu sáng được, thì đó là vì luật thiên nhiên là thế, nhưng đối với *người hiểu biết* thì thật là có ý nghĩa gợi ý khi bảo rằng ánh sáng còn ít hiểu bóng tối hơn nữa, nó cũng chẳng bao giờ biết tới bóng tối, vì bất cứ khi nào nó thâm nhập vào bóng tối và hủy diệt bóng tối thì nó tức khắc xua tan bóng tối. Một Chơn linh thuần túy nhưng lại tự ý là một điều phi lý đối với cái trí tự ý. Kết quả của cơ thể không thể tồn tại độc lập với một bộ óc có tổ chức, và một bộ óc có tổ chức được làm ra từ hư vô là một điều còn đối trá hơn nữa. Nếu con hỏi ta “Thế ở đâu ra những định luật bất di bất dịch này? Các định luật vốn không thể tự mình làm ra mình mà”, thì đến lượt ta sẽ hỏi con: thế ở đâu ra cái Đấng mà người ta giả định rằng đã sáng tạo ra các định luật? Một đấng sáng tạo vốn không thể tạo ra chính mình được mà. Nếu bộ óc không làm ra được bản thân

nó thì điều này cũng giống như khẳng định rằng bộ óc hoạt động trước khi nó tồn tại, vậy thì làm thế nào mà trí thông minh (kết quả của một bộ óc có tổ chức) lại hoạt động được trước khi đang sáng tạo ra trí thông minh tồn tại?

Tất cả những điều này khiến người ta nhớ tới sự cãi cọ về quyền trường thượng. Nếu giáo lý của chúng ta đụng chạm quá nhiều tới các thuyết của con, thì chúng ta cũng dễ dàng bỏ đề tài này và nói tới một chuyện khác. Nếu nghiên cứu các định luật và giáo lý của phái Chơn Như (Nepaulese Swabhavikas, trường phái triết học Phật giáo chính yếu ở Ấn độ) thì con ắt thấy rằng họ là những biện bác lý luận nhiều học thức nhất xét về mặt khoa học trên thế giới. Chơn Như vô thức, toàn hiện, vĩnh hằng, vô hình và mềm dẻo của họ chính là Lực, tức *sự Vận động* bao giờ cũng sản sinh ra điện của mình tức là sự sống.

Thật vậy, có một lực vốn vô hạn như tư tưởng, mạnh mẽ như ý chí vô biên, tế vi như tinh hoa của sự sống, vô cùng dễ sợ khi tạo ra lực xé toạt vũ trụ hoặc làm vũ trụ co quắp về tâm điểm miễn là người ta dùng tâm điểm này để đặt một cái đòn bẩy, nhưng Lực này không phải là *Thượng Đế*, vì có những người đã học được bí quyết dùng ý chí của mình để khắc phục được nó khi cần thiết. Con hãy nhìn quanh mình để xem có vô số biểu lộ của sự sống với sự đa dạng vô biên về sinh hoạt, sự vận động và sự biến đổi. Cái gì gây ra những điều này? Chúng xuất phát từ cái nguồn vô tận nào và sử dụng tác nhân nào? Chúng xuất phát từ nội giới vô hình để thâm nhập vào vùng nhỏ bé là ngoại giới hữu hình của chúng ta. Vốn là các con của Akasa, là những sự tiến hóa cụ thể của hậu thiên khí, ether, chúng ta đã được Lực khiến cho trở nên có thể nhận biết được và sớm muộn gì Lực cũng làm cho chúng khuất mắt con người. Tại sao cái cây trong vườn con ở phía bên phải lại được tạo ra với một hình thù như vậy, còn cái cây ở phía bên trái lại có một hình thù khác hẳn? Chẳng lẽ đây không phải là tác động của thiên biến vạn hóa của Lực, không giống như những mối tương quan hay sao? Nếu các hoạt động ở khắp nơi trên thế giới mà có một sự đơn điệu hoàn toàn thì chúng ta ắt có một sự hoàn toàn đồng nhất về hình thù, màu sắc, hình thù và tính chất trong khắp mọi giới của thiên nhiên. Chính *sự vận động* mới tạo ra sự xung đột, sự trung hòa, sự cân bằng, sự tương quan, khiến cho sự đa dạng chiếm ưu thế. Con có nói tới một vị Cha thông minh và nhân từ (con đã chọn thuộc tính này một cách khá ư là đáng tiếc), một đấng diu dắt và cai quản vũ trụ cùng với con người về mặt đạo đức. Có một tình trạng sự vật nào đó tồn tại xung quanh chúng ta mà ta gọi là bình thường. Trong tình huống này, không một điều gì có thể xảy ra mà siêu việt được kinh nghiệm hằng ngày của chúng ta; đó là “những định luật bất di bất dịch của *Thượng Đế*”. Nhưng giả sử rằng chúng ta làm thay đổi được tình huống này và thắng lướt được ngài (nếu không có ngài thì ngay cả một sợi tóc trên đầu con cũng không rụng được, thiên hạ ở Tây phương bảo con như thế đó). Một luồng không khí mang^[1] tới ta từ cái hồ kế bên, giờ đây ta viết thư cho con bằng những ngón tay đã bị đông giá đến một nửa. Bằng một sự phối hợp nào đó, điện, từ, chất od hoặc những ảnh hưởng khác, ta làm thay đổi luồng không khí vốn làm ngón tay ta tê cứng thành ra một luồng gió hiu hiu ấm hơn, ta đã chống lại được ý định của Đấng Tối Cao và hạ bệ ngài tùy ý của mình ! Ta có thể làm được như vậy, hoặc khi ta không muốn Thiên nhiên tạo ra những hiện tượng kỳ lạ và quá hữu hình thì ta bắt buộc cái bản ngã ưa soi thấu thiên nhiên và chịu ảnh hưởng của

^[1] Không biết có phải là “đến” hoặc “mang khí lạnh đến” hay chăng.

thiên nhiên nơi ta đột nhiên thức tỉnh với những nhận thức mới và những cảm giác mới, vậy là ta đã trở thành một Đấng Sáng Tạo ra chính mình và cai quản chính mình.

Nhưng chẳng lẽ con không nghĩ rằng con có đúng chẳng khi thắc mắc: “các định luật ở đâu mà ra?” Các định luật bất di bất dịch vốn chẳng ở đâu mà ra cả vì chúng vốn vĩnh hằng và không do ai tạo ra, cứ bị thôi thúc trong Thời gian Vĩnh hằng và bản thân Thượng Đế (nếu một đấng như thế quả thật tồn tại) cũng chẳng bao giờ có quyền chặn đứng các định luật lại. Còn khi ta nói rằng *tự thân* những định luật này là ngẫu nhiên thì sao? Ta có ngụ ý muốn nói tới những mối tương quan mù quáng của chúng chứ không nói tới những định luật hoặc đúng ra là một định luật, vì chúng ta chỉ thừa nhận có một định luật duy nhất trong Vũ trụ đó là: định luật hài hòa tức QUÂN BÌNH *hoàn toàn*. Vậy thì, đối với một người đã được phú cho một lý luận tinh vi như thế và một sự hiểu biết sắc xảo như thế về giá trị của các ý tưởng nói chung, và giá trị của ngôn từ nói riêng, đối với một người có được tính chính xác như con nói chung đã đạt được, thì sự đả kích một tràng về “Đấng Thượng Đế minh triết, đầy quyền năng và bác ái” thì ít ra cũng có vẻ là kỳ cục. Ta không hề phản đối (vì con có vẻ nghĩ như vậy) thuyết hữu thần của con hoặc niềm tin vào một lý tưởng trừu tượng thuộc một loại nào đó, chúng ta không thể không nêu thắc mắc với con làm sao mà con biết được Thượng Đế là vô cùng minh triết, toàn năng và bác ái, khi mọi chuyện trong thiên nhiên, về mặt thể chất lẫn đạo đức, đều chứng tỏ rằng một đấng như thế (nếu ngài quả thật tồn tại) hoàn toàn trái ngược với mọi điều mà con nói về ngài? Một sự hão huyền dường như đã dè bẹp trí năng của con.

Khó khăn trong việc giải thích sự kiện “các Lực không thông minh có thể sản sinh ra những thực thể rất thông minh giống như chúng ta” được cân đáng bởi sự tiến triển vĩnh hằng của các chu kỳ và diễn trình tiến hóa bao giờ cũng làm cho công việc của mình trở nên hoàn hảo khi nó tiếp diễn. Nếu không tin vào các chu kỳ, thì con cũng chẳng cần học biết cái điều chỉ đề cung cấp thêm cho con cái cơ chiến đấu chống lại thuyết này và lập luận mãi về nó *không thôi* Huynh đệ thân mến ạ. Ta cũng chẳng bao giờ có lỗi là làm theo ngoại giáo khi ta bị buộc tội đề cập tới tinh thần và vật chất. Việc quan niệm tinh thần và vật chất là hoàn toàn tách biệt với nhau và cả hai đều vĩnh hằng, điều này chắc chắn chưa bao giờ lọt vào tâm trí của ta, cho dù ta có biết ít mấy đi chăng nữa về chúng, vì một trong những giáo lý sơ cấp và căn bản nhất về Huyền bí học cho rằng tinh thần và vật chất chỉ là một, chúng chỉ riêng biệt khi biểu lộ lần lượt qua những nhận thức hạn hẹp của thế giới giác quan. Vậy thì giáo lý của chúng ta đâu có “thiếu bề rộng về triết học”, nó cho thấy chỉ có một nguyên lý duy nhất trong thiên nhiên là: tinh thần–vật chất hoặc vật chất–tinh thần, còn nguyên lý thứ ba là Đấng Tuyệt Đối cuối cùng tức là tinh hoa của cả hai (tạm dùng một thuật ngữ sai lầm như vậy để áp dụng vào tình huống hiện nay) đã khuất khỏi tầm nhìn và nhận thức tâm linh của ngay cả “Chư Thần linh” hoặc ngay cả Chơn linh Hành tinh. Theo các triết gia phái Vedanta thì nguyên lý thứ ba này này là thực tại duy nhất; còn mọi thứ khác đều là Hão huyền, vì tất cả mọi sự biểu lộ thiên biến vạn hóa của tinh thần–vật chất (tức Purusha và Prakriti) bao giờ cũng được xem dưới chân tướng là những sự hão huyền phù du của các giác quan. Ngay cả trong triết lý mới được phác thảo chút ít của bộ *Nữ thần Isis lộ diện* thì người ta cũng nêu rõ ý tưởng này. Trong thánh thư Kiu te, thì Tinh thần được gọi là sự thăng hoa tối hậu của vật chất, còn vật chất là sự kết tinh của tinh thần. Ta không thể đưa ra một sự minh họa nào tốt hơn là cái hiện tượng rất đơn giản

gồm nước đá, nước lỏng, hơi nước và sự tản mát cuối cùng của hơi nước nếu hiện tượng này được đảo ngược lại với những biểu lộ lần lượt thì ta gọi đó là Tinh thần đọa lạc để sản sinh ra vật chất. Tam nguyên này rút gọn lại thành nhất nguyên, một giáo lý xưa như trái đất – một số Ki Tô hữu thời sơ khai đã lĩnh hội được điều này do học ở trường phái Alexandria, họ trình bày nó là ngôi Cha tức tinh thần sản sinh, ngôi Con tức con người vật chất và ngôi Thánh thần tức bản thể phi vật chất, đỉnh của tam giác đều, một ý tưởng mà mãi tới nay ta còn thấy ở Kim tự tháp Ai cập. Như vậy, một lần nữa, con tỏ ra là hiểu lầm hoàn toàn ngụ ý của ta, bất cứ khi nào mà vì lý do muốn ngắn gọn, ta dùng một cách diễn tả quen thuộc với người Âu Tây. Nhưng đến lượt ta phải nhận xét rằng ý tưởng của con theo đó vật chất chẳng qua chỉ là dạng thù hình nhất thời của tinh thần, vật chất khác với tinh thần cũng giống như than củi khác với hạt kim cương, ý tưởng này vừa phản triết học vừa phản khoa học khi xét cả theo quan điểm Đông phương lẫn Tây phương. Đó là vì theo than củi chẳng qua chỉ là một dạng tàn dư của vật chất, còn *bản thân* vật chất là bất hoại và như ta có nêu rõ vật chất cùng tồn tại với tinh thần, cái tinh thần mà chúng ta biết và có thể quan niệm được. Nếu không có Prakriti thì Purusha (Tinh thần) không thể biểu lộ được vì thế cho nên không còn tồn tại nữa – trở thành *hư vô*. Nếu không có tinh thần tức Lực, ngay cả điều mà Khoa học gọi là vật chất “không sống động” (cái gọi là thành phần khoáng chất nuôi dưỡng cây cối) cũng chẳng bao giờ có thể tạo thành hình hài được. Trong sự tồn tại của mỗi phân tử và nguyên tử vật chất có một lúc mà vì một nguyên nhân nào đó, tia lửa cuối cùng của tinh thần, tức sự vận động, tức sự sống (con muốn gọi nó bằng tên gì cũng được) bị triệt thoái, và cũng ngay lúc đó, với một sự nhanh chóng vượt quá cả tia chớp tứ tượng, nguyên tử hoặc phân tử hoặc một khối kết hợp các phân tử bèn bị hủy diệt để trở lại sự tinh nguyên ban sơ của vật chất nội vũ trụ. Nó được thu hút vào cội nguồn của mẹ với vận tốc của một giọt thủy ngân bị rút về khối trung tâm. Vật chất, lực, và vận động là bộ ba của thiên nhiên ngoại giới vật thể, còn nhất nguyên tạm vị tức là tinh thần–vật chất là bộ ba của thiên nhiên nội giới thuộc về tâm linh. Sự vận động là vĩnh hằng vì tinh thần vốn vĩnh hằng. Nhưng ta không thể quan niệm ra được bất kỳ cách thức vận động nào nếu không liên kết với vật chất.

Và bây giờ ta xét tới giả thiết dị thường của con theo đó điều Ác với đoàn tùy tùng là tội lỗi và sự đau khổ không phải là kết quả của vật chất, mà bắt đầu có thể là một kế hoạch của Đấng Quân trị Vũ trụ về mặt đạo đức. Cho dù ý tưởng này dường như có thể quan niệm được đối với con, vì con được rèn luyện theo sự đối trá độc hại của Kitô giáo: “Đường lối của Chúa thật khôn dò”; thì ta hoàn toàn không thể quan niệm được điều này. Ta phải lập lại rằng các bậc Cao đồ minh triết nhất đã lục tìm trong Vũ trụ cả ngàn năm mà chẳng tìm thấy ở nơi đâu có được vết tích nhỏ nhất của một đấng đưa ra đề án theo kiểu Machiavel như vậy, nhưng ở khắp nơi đều chỉ có một thiên luật bất di bất dịch mà không khoan nhượng. Vì vậy con phải thứ lỗi cho ta nếu ta dứt khoát không chịu mất thời giờ về những suy đoán ấu trĩ như vậy. Không phải là “đường lối của Chúa” mà đúng hơn là đường lối của một vài người cực kỳ thông minh về mọi chuyện ngoại trừ một số thủ tiêu khiếm đặc biệt nào đó, điều này quả thật là không thể hiểu nổi.

Con không bảo rằng nhu cầu này xét về mặt cá nhân “không tạo ra sự ngăn cách giữa chúng ta”. Nhưng nó ắt tạo ra một thế giới sai biệt nếu con đề nghị được học và đề nghị ta dạy dỗ. Trong cuộc đời của mình, ta không thể hiểu được làm sao mà ta

truyền thụ được cho con cái điều mà ta biết vì ta biết tận cả giai đoạn vỡ lòng tức là cái hòn đá tảng mà các bí mật của vụ trụ huyền bí học được khắc chạm trên đó, cho dù ở phía bên này hoặc phía bên kia bức màn bí mật; thế mà lúc nào con cũng cãi lại *một cách tiên nghiệm*. Huynh đệ thân mến, hoặc là chúng ta biết một điều gì đó hoặc là chúng ta chẳng biết gì cả. Trong trường hợp đầu tiên thì con học để làm chi, vì con nghĩ rằng mình biết nhiều hơn mà ? Còn trong trường hợp thứ nhì thì tại sao con lại phải mất thời giờ? Con bảo rằng chẳng có chi quan trọng cho dù những định luật này biểu hiện ý chí của “một đấng Thượng Đế” vô ý thức và không thông minh (theo như ta chủ trương). Ta xin nói rằng điều này rất quan trọng và vì con chân thành tin tưởng rằng những vấn đề căn bản này (về tinh thần và vật chất, về Thượng Đế và phi Thượng Đế) “được thừa nhận vượt ngoài phạm vi hiểu biết của cả hai chúng ta” – nói cách khác cả ta cũng như các bậc cao đồ minh triết nhất đều không thể biết điều gì hơn con – vậy thì ta có thể dạy con được điều gì trên trần thế bây giờ ? Con biết rằng muốn đọc sách thì trước hết con phải học đánh vần từng chữ một; thế mà con lại muốn biết diễn trình của các biến cố xảy ra trước và sau Chu kỳ Hoại không, của mọi biến cố ở đây trên trái đất này khi mở ra một chu kỳ mới, nghĩa là một điều bí nhiệm chỉ được truyền thụ vào một trong các cuộc điểm đạo cuối cùng (ta có bảo ông Sinett như vậy, vì bức thư của ta viết cho ông bàn về các Chơn linh Hành tinh chỉ có tính cách ngẫu nhiên do ông nêu câu hỏi về vấn đề này). Và bây giờ con ắt nói rằng ta đang lẩn tránh đề cập trực tiếp tới vấn đề. Ta đã giảng giải những điều phụ thuộc nhưng không giải thích cho con tất cả những điều mà con muốn biết và xin ta bảo cho con biết. Đúng là ta có “lẩn tránh” cũng giống như mọi trường hợp khác. Con hãy thứ lỗi cho ta vì đã cãi lại, nhưng không phải như thế đâu. Có hàng ngàn câu hỏi mà ta chẳng bao giờ được phép trả lời và ta sẽ lẩn tránh nếu ta phải trả lời cho con bằng cách khác. Ta xin nói thẳng thắn rằng con không thích hợp với việc học tập vì tâm trí con đã quá đầy tràn và không có một cái góc trống rỗng nào để từ đó một tư tưởng đã chiếm chỗ trước trong con có thể vươn lên đấu tranh với và trực xuất tư tưởng mới đến. Vì vậy ta không lẩn tránh mà dành cho con thời giờ để suy gẫm, để suy diễn và trước hết là học được đầy đủ những gì đã được ban cho con trước khi con lĩnh hội một điều gì khác nữa. Thế giới của lực là thế giới của Huyền bí học và là thế giới duy nhất mà bậc được điểm đạo cao nhất đi tới đó để dò tìm những bí mật của sự tự tại. Vì thế cho nên nếu không phải là một bậc được điểm đạo như vậy thì chẳng ai biết được điều gì về những bí mật này. Khi được Sư phụ dẫn dắt, người đệ tử trước hết khám phá ra thế giới này, rồi tới những định luật của nó, rồi tới những sự tiến hóa ly tâm của chúng để thâm nhập vào thế giới vật chất. Muốn trở thành một bậc cao đồ toàn bích thì người đệ tử phải mất những năm tháng dài đằng dặc, nhưng cuối cùng ngài sẽ trở thành một Chơn sư. Những điều ẩn tàng đã trở nên hiển lộ và mãi mãi ngài không còn băn khoăn về những điều bí nhiệm và phép lạ nữa. Ngài hiểu cách làm sao để hướng dẫn thần lực theo chiều hướng này hoặc chiều hướng kia để tạo ra những hiệu quả như mong muốn. Những tính chất bí mật về hóa học, về điện học hoặc sinh lực học của loài cây cối, được thảo, rễ cây, khoáng vật, mô động vật, đều quen thuộc với ngài cũng giống như bộ lông của những con chim đối với con. Không một sự thay đổi nào về những rung động của chất dĩ thái có thể thoát được tầm nhìn của ngài. Ngài ứng dụng tri thức của mình và xem kia một phép lạ đã xảy ra! Cái người mà thoát tiên bác bỏ ý niệm cho rằng có thể có phép lạ lại được ngay tức khắc xếp vào loại người làm ra phép lạ để rồi

hoặc bị những kẻ điên rồ sùng bái như một đấng bán thần linh, hoặc là bị những kẻ còn điên rồ hơn nữa chối bỏ như là một kẻ lang băm. Và muốn chứng tỏ cho con thấy huyền bí học là một khoa học chính xác đến cỡ nào, thì ta xin nói cho con biết rằng những phương tiện mà chúng ta vận dụng đều được trình bày trong một bộ luật một cách tỉ mỉ nhất và bộ luật này vốn xưa như trái đất, nhưng mọi người trong chúng ta đều phải bắt đầu từ A chứ không phải bắt đầu từ Z. Các định luật của chúng ta cũng bất di bất dịch như các định luật trong Thiên nhiên, và con người đã biết tới những định luật này từ lâu lắm rồi trước khi cái con gà chọi vênh váo (khoa học hiện đại) chào đời. Nếu ta không trình bày với con *cách thức vận hành* của nó hoặc ta bắt đầu từ một đầu mút sai lầm, thì ít ra ta cũng chứng tỏ cho con thấy rằng chúng ta xây dựng triết thuyết của mình dựa vào thực nghiệm và sự suy diễn, trừ phi con muốn thắc mắc và thảo luận về sự kiện này cũng như mọi vấn đề khác. Huynh đệ thân mến, trước hết con hãy học hỏi những định luật của chúng ta và rèn luyện những sự nhận thức của con. Con hãy kiểm soát những quyền năng không tự ý của mình và phát triển ý chí theo chiều hướng đúng đắn, nhiên hậu con sẽ trở thành một bậc thầy thay vì là một học trò. Ta ắt không từ chối điều mà ta có quyền giảng dạy. Chỉ có điều là ta phải học mất 15 năm thì mới học tới giáo lý về các chu kỳ và trước hết ta phải học những điều đơn giản hơn. Nhưng dù sao và bất cứ chuyện gì xảy ra thì ta vẫn tin rằng chúng ta sẽ không cãi lý với nhau nữa vì điều này vừa vô ích vừa bực mình.

Bức Thư Số 23 A

Nhận tháng 10 năm 1882.

Đính kèm theo đây (con xin lỗi vì số lượng quá nhiều), con có gửi một số câu hỏi. Có lẽ thầy sẽ từ từ tiết lộ bao khi thầy thỉnh thoảng xét tới chúng và trả lời một hai câu hỏi lúc thầy có thời giờ rảnh.

Xin thầy nhớ cho dễ thuận tiện thầy cứ gửi cho A. P. S. những bài viết chưa được xuất bản của Eliphas Levi do Chơn sư K. H. chú giải.

Đã gửi lâu rồi cho anh bạn “Jako” của chúng ta ^[1].

I

(1) – Trong bức thư vừa qua của thầy có một điều ám chỉ rất thú vị; khi nói tới ông Hume, thầy có nói đến một vài đặc tính mà ông kế thừa từ kiếp trước.

(2) – Liệu thầy có quyền năng soi kiếp cho những người hiện nay đang sống và xác định lai lịch của họ không.

(3) – Trong trường hợp đó liệu có phải là một sự tò mò khiếm nhã của cá nhân khi con xin thầy nói một vài chi tiết về những kiếp đã qua của con.

I

^[1] Tức là ông Hume.

(1) - Tất cả chúng ta đều kế thừa một vài đặc tính của những kiếp trước kia của mình. Điều này là *không thể tránh khỏi*.

(2) - Rất tiếc là có một số trong các Chơn sư có quyền năng đó. Nhưng ta là một người không thích dùng quyền năng đó.

(3) - Câu sấm truyền ở đền thờ Delphes có nói rằng: “Con người người hãy tự biết chính mình”. Chắc chắn là không có điều gì “*khiểm nhĩ*” nơi một sự tò mò như thế. Chỉ có điều là tốt hơn con nên nghiên cứu phạm ngã hiện nay của chính con trước khi thử ra sức học một điều gì đó về *kẻ đã sáng tạo* ra nó, là tiền bối của nó, là người uốn nắn nó; tức là phạm ngã của kiếp trước? Được thôi, một ngày nào đó, ta có thể khoả đãi con một câu chuyện ngắn gọn – hiện nay thì ta không có thời giờ - chỉ có điều là ta không hứa kể chi tiết; ta chỉ phác họa thôi; có một hai điều nói bóng gió để trắc nghiệm năng khiếu trực giác của con.

II

(1) – Liệu có chẳng bất cứ cách nào để giải thích việc con người dường như là tiến bộ một cách hồi hải kỳ diệu trong vòng 2.000 năm vừa qua, so với tình trạng tương đối ngưng trệ của các dân tộc thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư mãi cho tới khi bắt đầu có sự tiến bộ hiện đại?

(2) – Hoặc là vào bất kỳ thời nào trước kia trong khi có những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư ở trên trái đất, có chẳng những nền văn minh cũng vĩ đại như nền văn minh của chính chúng ta, xét về sự phát triển trí tuệ mà chúng ta vừa trải qua?

(3) – Ngay cả chính giống dân thứ 5 của chúng ta thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư cũng mới bắt đầu ở Châu Á cách đây một triệu năm. Thế thì 998 ngàn năm có trước 2.000 năm vừa qua sẽ ra sao đây? Trong thời kỳ đó, có chẳng những nền văn minh lớn hơn những nền văn minh của chúng ta đã xuất hiện rồi bị suy thoái.

(4) – Sự tồn tại của châu Atlantis thuộc về thời kỳ nào và sự thay đổi đầy thảm họa khiến cho nó bị diệt vong xảy ra vào một nơi đã định trong cuộc tiến hóa của cuộc tuần hoàn có tương ứng chẳng với nơi đã định là chu kỳ hoại không của trọn cả cuộc tiến hóa trong chu kỳ thành trụ?

(5) – Con thấy đây là thắc mắc thường xuyên nhất về triết học huyền bí mà những người rất thông minh mới bắt đầu nghiên cứu về khoa triết học này thường nêu ra “*Liệu có thể giải thích được nguồn gốc của điều ác chẳng?*”? Đây là một điều mà thầy trước kia đã từng đề cập tới, và chẳng bao lâu nữa điều này sẽ chẳng bỏ công.

(6) – Có liên quan mật thiết tới câu hỏi này là một câu hỏi khác mà người ta thường nêu ra: “*Liệu có ích lợi gì khi toàn bộ quá trình tiến hóa theo chu kỳ khiến cho tinh thần chỉ xuất lộ vào lúc cuối cùng khi vạn vật đã tinh nguyên và vô ngã cũng giống như lúc khởi đầu của nó trước khi nó giáng xuống vào trong vật chất?*” (**Còn những phần tử bị rút ra khỏi nguyên khí thứ 5 nữa**) Theo như con trả lời thì hiện nay con không dẫn thân vào việc biện hộ mà chỉ nghiên cứu về tác động của Thiên nhiên. Nhưng có lẽ là có thể có một câu trả lời tốt hơn.

(7) - Liệu thầy có được phép trả lời bất kỳ câu hỏi nào liên quan tới những vấn đề của khoa vật lý học chẳng? Nếu có thì sau đây là một vài điều mà con muốn đề cập tới.

(8) - Liệu tình trạng của từ trường có liên quan gì tới việc mưa rơi hay đó chỉ hoàn toàn do những dòng khí quyển ở những nhiệt độ khác nhau gặp những dòng khí

quyển khác có những độ ẩm khác nhau, toàn bộ những chuyển động như thế được xác lập bởi áp suất, sự bành trướng v. v. . . trước hết là do năng lượng của mặt trời ? Nếu tình trạng của từ trường có liên quan vào đó, thì chúng tác động như thế nào và có thể được trải nghiệm ra sao?

(9) - Phải chăng nhật hoa là một bầu khí quyển? Nó đã được tạo bằng loại khí nào mà ta đã biết? Và tại sao nó có dạng bức xạ mà ta luôn quan sát thấy trong những kỳ nhật thực.

(10) – Liệu trị số trắc quang của ánh sáng mà các ngôi sao phóng phát ra có phải là một hướng dẫn an toàn về độ lớn của các ngôi sao không ^[1] và có thật là vì thiếu một thuyết tốt hơn cho nên khoa thiên văn học đã giả định rằng bề mặt của mặt trời phóng phát ra nhiều ánh sáng (tính theo từng dặm vuông một) cũng nhiều như bất kỳ vật thể nào phóng phát ra ánh sáng?

(11) – Phải chăng Mộc tinh là một thiên thể vẫn còn sáng một phần và nóng bỏng, lý do tại sao (vì năng lượng mặt trời chẳng đáng gì tới vật chất) bầu khí quyển của Mộc tinh lại bị xáo trộn dữ dội như thế?

(12) - Liệu thuyết mới của Siemens về sự cháy của mặt trời có gì đúng sự thật chẳng – theo thuyết này khi đi qua không gian, mặt trời tụ tập nơi các cực của mình chất khí có thể cháy được (chất khí này vốn tản mát trong khắp không gian ở một tình trạng rất vi tế) rồi lại dồn khí ra chỗ xích đạo sau khi nhiệt mãnh liệt ở vùng xích đạo lại làm tản mát những nguyên tố mà sự cháy nhất thời đã kết hợp được?

(13) – Liệu có một manh mối nào chẳng có thể giải thích được nguyên nhân của sự biến thiên từ trường – nghĩa là những sự thay đổi hằng ngày ở một chỗ cho sẵn, cùng với đường cong xét theo biểu kiến là thất thường của những đường đồng độ từ khuynh vốn cho ta thấy những độ từ khuynh giống nhau chẳng hạn như tại sao lại có một vùng ở Đông Á mà kim la bàn chỉ cho thấy nó không biến đổi đối với cực Bắc, mặc dù người ta ghi nhận được sự biến thiên ở khắp nơi trong vùng đó? (liệu Chúa có liên quan gì tới tình trạng đặc biệt này chẳng?)

(14) – Liệu có thể có bất kỳ hành tinh nào khác ngoài những hành tinh mà khoa thiên văn học hiện đại có biết (Con không có ý muốn nói chỉ những tiểu hành tinh thôi) có thể được các dụng cụ vật lý khám phá ra nếu người ta chỉ hướng nó một cách thích hợp?

(15) – Khi thầy viết: “Liệu con có kinh nghiệm được sự đơn điệu trong cái lúc mà thỉnh thoảng con coi như vậy là lúc cực lạc nhất mà con đã từng cảm thấy?” Phải chăng thầy nhằm nói tới bất kỳ lúc đặc biệt nào và bất kỳ biến cố đặc biệt nào trong cuộc đời của con, hay phải chăng thầy chỉ đề cập tới một ẩn số x nào đó là cái lúc hạnh phúc nhất cho dù nó có thể ra sao đi chăng nữa?

(16) – Thầy có nói: “Nên nhớ rằng chính chúng ta tạo ra Devachan và A Tỳ và hầu hết là trong những ngày cuối cùng và ngay cả những giây phút cuối cùng của cuộc sống có cảm tính của ta”.

(17) – Nhưng phải chăng những tư tưởng mà tâm trí có thể dẫn thân vào lúc cuối *tất yếu* lại phụ thuộc vào cái tính cách chủ yếu trong cuộc sống vừa qua bằng không thì điều này dường như có nghĩa là tính chất của một Devachan và A Tỳ của một người nào đó dường như thể bị xác định một cách thất thường và bất công do sự may rủi mà một tư tưởng đặc biệt nào đó xảy ra vào phút chót gây ra?

^[1] Dĩ nhiên là ta có xét tới khoảng cách được phỏng đoán theo thị sai.

(18) – “Việc nhớ lại trọn vẹn các kiếp sống của chúng ta sẽ chỉ diễn ra vào *cuối chu kỳ thứ yếu*”. Ở đây, phải chăng “chu kỳ thứ yếu” có nghĩa là một cuộc tuần hoàn hoặc trọn cả Chu kỳ Thành trụ của dãy hành tinh chúng ta?

Điều này có nghĩa là, phải chăng chúng ta nhớ lại được các kiếp quá khứ của mình trong trạng thái Devachan thuộc thế giới Z vào cuối mỗi cuộc tuần hoàn hoặc chỉ vào cuối cuộc tuần hoàn thứ 7 thôi?

(19) – Thầy có nói rằng: “Và ngay cả ma hình của những người tốt mà cái trang giấy không bị thiếu sót trong sổ bộ đời – ngay cả những người này cũng chỉ nhớ lại và có được sự xuất hiện ngã thức sau khi nguyên khí thứ 6 và nguyên khí thứ 7 cùng với tinh hoa của nguyên khí thứ 5 đã đạt tới thời kỳ tự sinh”.

(20) – Và sau đó một chút thầy có nói: “Cho dù phạm ngã là tốt, xấu hay thường thường bậc trung, thì tâm thức của y cũng rời bỏ y đột ngột như ngọn lửa rời bỏ cái bấc đèn – *năng lực nhận thức của y* bị tắt ngúm mãi mãi”. **(Được thôi, chẳng lẽ một bộ óc phạm khi đã chết rồi mà còn giữ lại được năng lực nhận thức hay sao? Điều nhận thức được trong ma hình là một điều gì đó được nhận thức bằng một ánh sáng vai mượn hoặc phản chiếu. Xem chú thích)**

Vậy thì đâu là bản chất của sự nhớ lại và ngã thức của ma hình. Điều này có dính dáng tới một vấn đề mà con thường suy nghĩ – và con mong muốn được giải thích thêm nữa – đó là mức độ lai lịch cá nhân của các âm ma.

(21) – Chon ngã chạy vòng vòng qua các thế giới, chỉ giữ lại điều mà nó có (tức là tự tính và ngã thức) chứ không hơn không kém nữa. (a) Nhưng nó có luôn luôn tạo ra các phạm ngã chẳng, dù sao đi nữa thì nó vẫn còn phải kết hợp với tự tính trong phạm ngã đó dù là rất hoàn hảo. (b) Thế mà những phạm ngã này theo như con hiểu thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng là những sự tiến hóa hoàn toàn mới. Cho dù A. P. Sinnett có giá trị như thế nào đi chăng nữa, thì đó cũng là một sự sáng tạo hoàn toàn mới. Thế mà nó lại bỏ ở đằng sau một ma hình vẫn sống còn trong một thời gian. (c) Giả sử rằng Chon nhờn tạm thời dính líu vào kiếp lâm phạm này có đủ vật liệu vừa phải trong nguyên khí thứ 5 để chụp lấy. (d) Cái ma hình đó không trực tiếp có được tâm thức sau khi chết vì “cần phải mất một thời gian nào đó mới lập được một trọng tâm mới để triển khai được sự nhận thức thích hợp của mình”. (e) Nhưng thế thì nó sẽ có được bao nhiêu tâm thức khi nó bắt đầu nhận thức? (f) Liệu nó vẫn còn là A. P. Sinnett mà Chon ngã nghĩ rằng cho dù vào phút chót đó cũng là một người mình đã từng biết hoặc liệu nó chỉ ý thức được rằng mình đã mất cá tính rồi? Liệu nó có thể lý luận về điều này chẳng và nhớ được bất kỳ điều gì mà trước kia nó đã từng rất chú ý chẳng, liệu nó có nhớ được cái tên mà trước kia nó đã khoắc lấy? (g) Hay là nó chỉ bị nhồi nhét những hồi ức thuộc cái loại hiện diện nơi người đồng tử và vẫn yên ngủ vào những lúc khác? (h) Phải chăng nó có ý thức được việc mình có bị mất đi một điều gì đó phảng phất giống như sự sống khi nó dần dần bị tan rã?

(22) – Đâu là bản chất của sự sống vốn tiếp diễn trên “Hành tinh Chết”? Phải chăng đó là một kiếp lâm phạm trên cõi trần cùng với trí nhớ về phạm ngã đã qua, hay đó chỉ là một kiếp sống trên trung giới giống như ở Kama Loka? Phải chăng đó là một kiếp sống có sinh, thành, trụ, hoại diệt hoặc đó là một sự kéo dài đều đều của cái phạm ngã xưa cũ trên trái đất này trong tình trạng bị trừng phạt?

(23) – Ngoài Thủy tinh ra, có hành tinh nào khác mà khoa học thông thường biết tới thuộc về hệ thống thế giới của ta chẳng?

Liệu những hành tinh có tính cách tâm linh hơn (hành tinh A, B và Y, Z) là những thiên thể hữu hình trên bầu trời hay tất cả đều đã được thiên văn học biết tới thuộc một loại vật chất hơn?

(24) – Phải chăng Mặt Trời (theo như Allan Kerdec nói) là (a)- nơi cư ngụ của những thực thể tiến hóa rất cao về tâm linh? (b) Phải chăng nó là đỉnh của dãy hành tinh thuộc Chu kỳ Thành trụ của ta? Cũng như nó là đỉnh của mọi dãy hành tinh khác trong thái dương hệ này?

(25) – Thầy có nói rằng có thể là “chiến lợi phẩm tâm linh của nguyên khí thứ 5 tỏ ra quá yếu không thể tái sinh nơi Devachan được, trong trường hợp đó, nguyên khí thứ 6 sẽ khoác lấy một cơ thể mới ở đâu đó và nhập vào một kiếp sống mới trên trần thế, cho dù thuộc hành tinh này hay thuộc bất kỳ hành tinh nào khác”.

(26) – Điều này dường như cần phải soi sáng thêm nữa. Phải chăng những trường hợp ngoại lệ mà hai kiếp trên trần thế của cùng một chơn ngã có thể diễn ra gần kề nhau hơn 1.000 năm mà một số bức thư trước kia có nêu rõ là giới hạn nhỏ nhất không thể tránh được của những kiếp sống liên tiếp như vậy?

(27) – Việc đề cập tới trường hợp Guiteau thật là gây rối trí. Con có thể hiểu được việc ông ta ở trong một trạng thái mà tội ác do ông phạm phải bao giờ cũng ám ảnh óc tưởng tượng của ông, nhưng làm thế nào mà ông lại “gây rối tung và đảo lộn số phận của hàng triệu người?”

(28) – Chu kỳ hoại không là một đề tài hiện nay rất mù mờ.

Chu kỳ này diễn ra sau khi người cuối cùng thuộc bất kỳ cuộc tuần hoàn nào đã chuyển sang hành tinh kế tiếp. Nhưng con muốn hiểu các hình tượng của cuộc tuần hoàn cao hơn kế tiếp được triển khai như thế nào. Khi các chơn ngã của cuộc tuần hoàn thứ 5 giáng lâm, thì có những chỗ ở bằng xương bằng thịt nào đã sẵn sàng để đón tiếp họ ? Trở lại bức thư duy nhất trước kia mà thầy có đề cập tới chu kỳ hoại không, con tìm thấy có đoạn sau đây (a) “Chúng ta đã truy nguyên con người ra khỏi một cuộc tuần hoàn để nhập vào trạng thái Niết Bàn giữa hành tinh Z và hành tinh A. Trong cuộc tuần hoàn vừa qua, “hành tinh A” bị bỏ mặc cho chết (Xem chú thích). Khi cuộc tuần hoàn mới bắt đầu thì nó tiếp thu luồng lưu nhập mới của sự sống, làm thức tỉnh lại sinh lực mới và sản sinh ra mọi giới thuộc một cấp cao hơn so với cuộc tuần hoàn trước kia.”

(29) – Nhưng liệu nó có phải bắt đầu trở lại từ lúc bắt đầu mỗi cuộc tuần hoàn và khai triển ra những hình dạng con người mới từ hình dạng của loài thú và hình dạng của loài thú được khai triển từ hình dạng của loài thực vật v. v. . . Nếu như vậy thì những con người đã được khai triển một cách bất toàn đầu tiên thuộc về cuộc tuần hoàn nào? Theo giả thuyết thì đó là cuộc tuần hoàn thứ 5, nhưng trong cuộc tuần hoàn thứ 5 thì ta phải có một giống dân hoàn hảo hơn về mọi mặt.

Bức Thư Số 23 B^[1]*Nhận tháng 10 năm 1882.*

(1) Cái phần cuối chấm dứt một chu kỳ rất quan trọng. Mỗi Cuộc tuần hoàn, mỗi chu kỳ thế giới cũng như mỗi giống dân đều có các chu kỳ lớn và nhỏ của mình ở trên mỗi hành tinh mà nhân loại trải qua.

Nhân loại của Cuộc tuần hoàn thứ tư của chúng ta có một chu kỳ lớn của mình cũng như các giống dân và các giống dân phụ. “Sự hồi hã kỳ lạ” là do tác dụng kép của chu kỳ lớn – bắt đầu con đường đi xuống – và của chu kỳ nhỏ của “giống dân phụ” – bắt đầu đi đến tột đỉnh. Nên nhớ rằng con thuộc về Giống dân thứ 5, thế nhưng con chẳng qua chỉ là một giống dân *phụ phương Tây*. Cho dù con có nỗ lực đến đâu đi nữa, thì cái mà con gọi là văn minh chỉ giới hạn trong giống dân phụ này cùng với các nhánh nhóc của nó ở Châu Mỹ. Khi tỏa chiếu ra xung quanh, ánh sáng mờ ảo của nó có thể phóng ra những tia có khoảng cách xa hơn thực sự. Ở Trung Quốc không có một “sự hồi hã” như vậy, còn ở Nhật Bản thì ta chỉ có một bức biếm họa.

Một sinh viên huyền bí học không nên nói tới “tình trạng ngưng trệ của những người thuộc Giống dân thứ tư” vì *lịch sử* hầu như chẳng hề biết tới cái tình trạng ấy “mãi cho đến khi bắt đầu có sự tiến bộ hiện đại” của những quốc gia khác ngoài các nước Tây phương ra. Chẳng hạn như, con biết gì về Châu Mỹ trước khi người Tây ban nha xâm lăng xứ sở này, mới chỉ ít hơn hai thế kỷ trước khi người Cortex tới, đã có một “sự đổ xô” lớn lao hướng về sự tiến bộ trong số *các giống dân phụ* ở Peru và Mexico giống như tình trạng hiện nay ở Âu châu và Mỹ. Giống dân phụ của họ đã bị kết liễu hầu như hoàn toàn bị tiêu diệt do những nguyên nhân chính mình gây ra; giống dân phụ của con cũng sẽ như vậy vào cuối chu kỳ của nó. Chúng ta chỉ có thể nói về “tình trạng ngưng trệ” khi mọi giống dân chính và giống dân phụ - theo luật phát triển, tăng trưởng, trưởng thành rồi suy thoái – đều bị sa vào đó trong những thời kỳ chuyển tiếp. Lịch sử *Thế giới* của con cũng đã quen thuộc với tình trạng này, trong khi nó hoàn toàn không biết gì tới tình trạng ở Ấn độ cho khoảng một chục thế kỷ trước kia. Các giống dân phụ của con hiện nay đã đạt tới tột đỉnh chu kỳ riêng của mình, và lịch sử sẽ không quay trở lại những thời kỳ suy thoái của một vài giống dân phụ khác mà hầu hết đều thuộc về Giống dân thứ tư trước kia. Vậy thì *con mất lịch sử Thế giới* đã bao quát được bao nhiêu lãnh thổ và bao nhiêu thời gian ? Cùng lắm nó cũng trải dài ra được một vài chục thế kỷ ngắn ngủi. Thế mà nó quả thực đã là một chân trời mở rộng ! Còn bên ngoài biên giới đó thì tất cả đều là mờ mịt, chẳng có gì ngoại trừ các giả thuyết.

(2) Chắc chắn là có sử liệu của Ai cập và người Aryan nhất là cái bảng Hoàng đạo đều cung cấp cho chúng ta mọi bằng chứng về điều đó chưa kể tới kiến thức *nội môn* của chúng ta. Văn minh là một sự kế thừa, một di sản được truyền thừa từ một giống dân này sang một giống dân khác theo những con đường tuần hoàn đi lên rồi đi xuống. Trong khi một giống dân phụ còn là thiểu số, thì văn minh được bảo tồn bởi giống dân có trước nó, giống dân này biến mất, nói chung là tuyệt chủng khi giống dân tiếp theo nó “đã đến thời của mình”. Thoạt tiên, hầu hết các giống dân này đều lãng phí và quản lý sai lạc di sản của mình, hoặc bỏ mặc xác nó trong rương mà tổ tiên để

^[1] Những câu trả lời của Chơn sư K. H. đối với những câu hỏi trong Bức thư 23 A. Phần II.

lại. Họ khinh bỉ bác bỏ lời khuyên răn của các bậc trưởng thượng và giống như con nít, họ thích lêu lổng ngoài đường hơn là đi học và chẳng buồn rờ tới hầu hết vốn liếng mà sử liệu trong Quá khứ để dành cho họ. Như vậy, trong thời kỳ chuyển tiếp (thời trung cổ) Âu châu đã bác bỏ bằng chứng của những người thời xưa gọi những nhà hiền triết như Herodotus và những nhà bác học Hi Lạp khác là Cha đẻ của những Lời Nói Dối cho đến khi Âu châu biết rõ hơn mới chịu thay đổi tên gọi là “Cha đẻ của Lịch sử”. Thay vì thờ ơ bỏ qua thì giờ đây các con lại tích lũy và bỏ thêm vốn liếng vào. Cũng giống như mọi giống dân khác, con cũng có những sự thăng trầm, những thời kỳ vinh nhục, những đêm đen mù mịt và giờ đây con đã gần tới lúc mặt trời đứng ngọ chói lọi. Vì là đứa con trẻ nhất trong gia đình giống dân thứ 5 cho nên trong biết bao nhiêu thời đại dài đằng dặc, con đã bị hắt hủi không được thương yêu chăm sóc như cô Cendrillon trong căn nhà của mình. Giờ đây, khi biết bao nhiêu bà chị của con đã chết đi và những bà chị khác cũng gần chết rồi, trong khi một số ít những bà già nua còn sống sót và giờ đây vào lúc hồi xuân chỉ còn biết mong chờ Đấng Cứu Thế (tức là giống dân thứ 6) sẽ làm phục sinh một cuộc sống mới và lại bắt đầu trở lại tiến mạnh trên con đường của một chu kỳ mới, thì giờ đây cô Cendrillon của phương Tây đột nhiên trở mã thành một Công chúa kiêu kỳ sang trọng mà *sắc đẹp* của nàng tất cả chúng ta đều thấy và ngưỡng mộ - Vậy thì cô biết làm gì bây giờ? Vì không được tử tế bằng cô Công chúa trong câu chuyện thần tiên thay vì hiến mình cho bà chị già nua và xấu số hơn (thật vậy, bà già nhất hiện nay đã gần “một triệu tuổi” và là người *duy nhất* chưa bao giờ bác đãi cô, mặc dù bà có thể lờ tít cô đi), thay vì hiến dâng cho bà chị “cái Nụ hôn hòa bình”, thì cô lại áp dụng cho bà ta cái luật báo phục mà việc trả thù như vậy chẳng làm cho sắc đẹp của cô thêm kiêu diễm chút nào. Anh bạn và người anh em thân mến, đây không phải là một chuyện ả dụ viễn vông mà chính là *lịch sử*.

(3) Đúng vậy, giống dân thứ 5 của chúng ta đã bắt đầu ở Á châu cách đây một triệu năm. Thế còn 998.000 năm có trước 2.000 năm vừa qua thì chuyện ra sao? Đây là một thắc mắc đúng lúc, hơn nữa nó được nêu ra theo một tinh thần hoàn toàn Ki Tô Giáo vốn không chịu tin rằng trên đời có thể có cái chi là tốt đẹp xuất phát từ bất cứ nơi đâu *trước khi* và *ngoại trừ* Nazareth. Thế chuyện ra sao? Được thôi, thì nó cũng bận bịu giống như hiện nay thôi ấy mà – Xin ông Grant Allen hãy thứ lỗi, ông cho rằng tổ tiên sơ khai của chúng ta là một con người “khó giao thiệp” xuất hiện vào lúc bắt đầu Hạ tầng Đệ tam kỷ ! Vậy đó, ta thấy rằng các tác giả khoa học của con đã dừng cảm vượt qua những giả thuyết của mình. Ta thực sự thấy ái ngại khi con ngựa hung hăng của họ một ngày nào đó sẽ đá bể đầu họ; đây là một điều vốn không thể tránh khỏi dành sẵn cho họ. Vào Hạ tầng Đệ tam kỷ - ngay cả “lúc sơ kỳ nhất” – thì chu kỳ của những người thuộc Giống dân thứ tư tức người Atlant đã đạt tới tột đỉnh và lục địa lớn vốn là cha đẻ của hầu hết các lục địa hiện nay, đã có những triệu chứng đầu tiên là bị chìm – đây là một tiến trình mà nó còn bận bịu mãi cho tới cách đây 11.446 năm, khi đảo cuối cùng của nó (dịch theo tên bản xứ thì ta có thể gọi nó một cách đúng đắn là Poseidonis) bị đắm chìm xuống biển. Nhân tiện xin nói, *bất cứ ai* viết bài Điểm sách châu Atlantis của Donnelly đều đúng cả: ta không còn có thể lẫn lộn châu Lemuria với châu Atlantis, cũng như không thể lẫn lộn châu Âu với châu Mỹ. Cả hai châu đều bị chìm xuống nước cùng với những nền văn minh đạt tới tột đỉnh và những vị “thần linh” của mình, thế nhưng giữa hai thảm họa này chỉ có một thời kỳ ngắn 700.000 năm trôi qua; “châu Lemuria” đã thịnh vượng và chấm dứt đời sinh hoạt của mình ngay

đúng vào cái khoảng thời gian phù du trước sơ kỳ của Hạ tầng Đệ tam kỷ, vì giống dân của nó là *giống dân thứ ba*. Xem này, di tích của các quốc gia có một thời vĩ đại đó vẫn còn có nơi những người thổ dân đầu đẹp ở châu Úc. Cũng đúng thôi, khi phần điểm sách bác bỏ cái nỗ lực tử tế của tác giả nhằm đem những đồ phế thải của châu Atlantis cho nhập cư vào Ấn độ và Ai cập. Chắc chắn là các nhà địa chất học rất thông thái, nhưng tại sao họ không chịu nhớ rằng bên dưới những lục địa mà họ đã thăm dò và thám hiểm, (họ đã phát hiện ra Hạ tầng Đệ tam kỷ trong lòng những lục địa đỏ và bắt buộc nó phải tiết lộ những bí mật cho mình biết) thì có thể ẩn sâu bên dưới đáy biển khôn dò hoặc đúng hơn là *chưa được thăm dò*, còn có những lục địa khác xa xưa hơn nữa mà các địa tầng của nó khoa địa chất học chưa bao giờ thám hiểm tới. Một ngày nào đó, những lục địa này có thể làm đảo lộn hoàn toàn những thuyết hiện nay, minh họa cho tính đơn giản và cao quý của sự thật liên quan tới “sự tổng quát hóa” theo phép qui nạp đối lập với những sự phỏng đoán hoang đường của họ. Tại sao lại không thừa nhận – thật vậy, chẳng ai buồn nghĩ tới việc đó – rằng các lục địa *hiện nay* của ta cũng giống như “châu Lemuria” và “châu Atlantis”, *đã từng* bị chìm đắm nhiều lần rồi, lại có lúc xuất hiện trở lại mang theo các nhóm nhân loại mới và nền văn minh mới. Vào kỳ xáo trộn địa chất lớn lần đầu tiên trong đại thảm họa kế tiếp – trong hàng loạt các thảm họa theo chu kỳ diễn ra từ đầu tới cuối một Cuộc tuần hoàn – các lục địa của ta, vốn đã bị mổ xẻ rồi, sẽ chìm xuống để cho châu Lemuria và châu Atlantis lại nổi lên. Con hãy nghĩ tới những nhà địa chất tương lai thuộc các giống dân thứ 6 và thứ 7. Hãy tưởng tượng rằng họ đào sâu xuống lòng đất ở vùng nay là Tích lan và Simla, tìm thấy dụng cụ của người Veddahs hoặc tổ tiên xa xưa của người Pahari *văn minh* – mọi đối tượng của những bộ phận văn minh thuộc loài người ở những vùng đó đã bị nghiền thành tro bụi do khối lượng khổng lồ của các băng hà trôi qua trong thời kỳ băng hà sắp tới – Con hãy tưởng tượng rằng y chỉ tìm thấy những dụng cụ thô sơ mà giờ đây ta tìm thấy trong các bộ lạc dã man, y tức khắc tuyên bố rằng vào thời kỳ đó con người *nguyên sơ* leo lên trên cây rồi ngủ trên đó luôn, mút tủy xương thú vật sau khi bẻ gãy xương ra – ngay cả những người văn minh ở Âu châu cũng như vậy chứ đừng nói tới người Veddahs – rồi từ đó đi đến kết luận rằng vào năm 1882 sau công nguyên, loài người chỉ gồm những “con thú giống hình người”, mặt đen, râu quai nón, “hàm nhô ra, răng nanh nhọn và lớn”. Thật vậy, một ông Grant Allen thuộc giống dân thứ 6 có thể cũng chẳng xa sự thật bao nhiêu khi phỏng đoán rằng trong “thời kỳ Simla”, những chiếc răng này *được* dùng để cho những “người đàn ông” choảng nhau khi tranh giành những người đàn bà có chồng đi xa – như vậy thì phép ẩn dụ chẳng đáng gì mấy tới khoa nhân chủng học và địa chất học. Khoa học *của con* là như thế đấy. Bây giờ hãy trở lại câu hỏi của con.

Dĩ nhiên giống dân thứ tư có những thời kỳ văn minh cao tột. Nền văn minh của Hi Lạp, La mã và ngay cả Ai cập cũng chẳng thấm vào đâu so với những nền văn minh bắt đầu từ giống dân thứ ba. Những người thuộc giống dân thứ hai *không phải* là người dã man, nhưng cũng không thể gọi là văn minh. Và giờ đây, khi đọc một trong những bức thư đầu tiên của ta viết về các giống dân (một vấn đề mà Chơn sư M. đã đề cập tới đầu tiên), xin con đừng buộc tội ngài hoặc ta là có thêm vài điều mâu thuẫn mới. Con hãy đọc đi đọc lại nó thì mới thấy rằng nó hoàn toàn bỏ qua vấn đề các nền văn minh mà chỉ đề cập đến những tàn tích đã bị suy thoái của các giống dân thứ ba và thứ tư, cung cấp cho con một sự bổ chứng đối với những kết luận mới nhất của chính Khoa

học. Con đừng coi một *sự không hoàn chỉnh* không thể tránh được như thế là tiền hậu bất nhất. Bây giờ con hỏi ta một câu hỏi trực tiếp, và ta sẽ trả lời. Những người Hi Lạp và người La mã là những *giống dân phụ* nhỏ, còn người Ai Cập là một bộ phận của dòng giống “Caucase”. Ta hãy xem dòng giống Caucase và Ấn độ. Sau khi đã đạt được nền văn minh tốt đỉnh, hơn nữa *nền học vấn* cao tốt, cả hai đều bị suy thoái. Ai Cập là một giống dân phụ riêng biệt đã hoàn toàn tuyệt chủng (người Copts là một tàn tích lai căng). Ấn độ - là một trong những chi chủng đầu tiên hùng mạnh nhất của mẫu Chủng và bao gồm một số giống dân phụ - vẫn tồn tại cho đến ngày nay và đang phấn đấu để khôi phục lại địa vị của mình trong lịch sử tương lai. Lịch sử này chỉ thoáng thấy được một vài điều tản mạn mơ hồ về Ai Cập cách đây chừng 12.000 năm khi Ai Cập bắt đầu suy thoái sau khi nó đã đạt tới tốt đỉnh chu kỳ hàng ngàn năm trước đó. Liệu lịch sử *có thể* biết gì về Ấn độ cách đây 5.000 năm, hoặc về người Chaldea mà nó nhầm lẫn một cách dễ thương nhất với người Assyri, khi thì cho họ là người Akkadians, khi thì cho là người Turanians rồi còn gì nữa? Vậy thì chúng ta xin nói rằng Lịch sử *của con* đang hoàn toàn lúng túng.

Tờ *tạp chí Khoa học* – M. A. (Oxon) có lập lại và trích dẫn những lời lẽ trong tạp chí này một cách say mê đúng kiểu của một đồng tử lỗi lạc – từ chối không chấp nhận bất kỳ quả quyết nào là có những “sự hiểu biết thượng đẳng”. Người điếm báo có nói: “Giả sử rằng các bậc Huynh trưởng tuyên bố ‘hãy quay kính thiên văn của mình tới một điểm nào đó ở trên trời, rồi bạn sẽ thấy một hành tinh mà bạn chưa biết, hoặc hãy đào vào trong lòng đất v. v. . . và bạn sẽ thấy một khoáng chất’ v. v. . .” Quả thật là rất hay, và giả sử người ta làm như vậy thì kết quả sẽ ra sao đây ? Tại sao lại tố cáo đó là một sự đạo văn, vì mọi điều giống như thế (mọi hành tinh và khoáng chất tồn tại trong không gian hoặc bên trong lòng đất) đều được sách vở của chúng ta biết tới và ghi lại cách đây cả ngàn năm; hơn nữa có nhiều giả thuyết chân chính đã được bản thân các nhà khoa học rút rề nêu ra và thường xuyên bị đa số bác bỏ khi họ để cho những tiên kiến của mình len vào đó. *Ý định của con* thật là đáng khen, nhưng chẳng điều gì ta cung cấp để trả lời cho con sẽ được chúng ta chấp nhận. Bất cứ khi nào phát hiện ra rằng “sự thật đúng là như vậy”, thì khám phá này thường được qui cho người nào chứng thực được bằng chứng – chẳng hạn trong trường hợp Copernicus và Galileo, Galileo chẳng qua đã lợi dụng được bản thảo của Pythagore.

Nhưng ta hãy trở lại với “những nền văn minh”. Liệu con có biết chẳng người Chaldea đạt được tốt đỉnh danh vọng về Huyền bí học của mình *trước* cái thời kỳ mà con gọi là “Thời kỳ Đồng thau”. “Những đứa con của Ad” tức là các Con của Sương mù Lửa mà trước đó là hàng trăm thế kỷ trước Thời kỳ Đồ Sắt, đây đã là một thời kỳ xa xưa khi mà cái ngày nay con gọi là thời kỳ hữu sử (có lẽ vì điều mà ta biết về nó thường không phải là lịch sử mà chỉ là chuyện hư cấu) mới chỉ vừa bắt đầu. Chúng ta chủ trương rằng – như vậy thì có gì bảo đảm đối với thế giới rằng chúng ta là đúng ? – “những nền văn minh lớn hơn hẳn những nền văn minh của chúng ta đã thịnh rồi lại suy”. Điều này không đủ để quả quyết giống như các nhà viết sử thời hiện đại theo đó có một nền văn minh tồn tại trước thời La mã và Hi Lạp nhưng nay không còn dấu vết nữa. Chúng ta quả quyết rằng trước đó có *một loạt* những nền văn minh đã tồn tại *trước* và cả sau Thời kỳ Băng hà cũng có nữa, chúng tồn tại ở nhiều nơi khác nhau trên địa cầu, đạt tới tốt đỉnh vinh quang rồi lại bị diệt vong. Người ta đã mất hết mọi vết tích và mọi ghi nhớ về các nền văn minh Assyrian và Phoenician cho tới khi cách đây

vài năm mới bắt đầu có những khám phá về nó. Và giờ đây, chúng đã mở ra một trang sử mới, mặc dù cho đến nay không phải là trang sử sơ khai nhất trong lịch sử loài người. Thế mà liệu những nền văn minh này đã được bao xa khi sánh với nền văn minh xưa nhất ? Và ngay cả khi đó thì lịch sử cũng còn nghi ngại không muốn chấp nhận. Khoa địa chất học và khảo cổ học đã chứng minh đúng mức rằng trí nhớ của con người đã có thể được bảo tồn xa hơn mức lịch sử sẵn lòng chấp nhận, và những sử liệu linh thiêng của những quốc gia đã từng một thời oanh liệt mà còn được truyền lại cho hậu thế, vẫn còn đáng tin cậy hơn. Chúng ta có nói tới những nền văn minh của thời kỳ tiền băng hà và (chẳng những trong đầu óc của người bình dân và kẻ phàm phu mà ngay cả trong tâm tư của nhà địa chất học thông thái nhất) thì lời quả quyết này nghe ra cũng chẳng đâu vào đâu. Con bảo sao khi chúng ta quả quyết rằng người Trung hoa – ta muốn nói tới người Trung hoa thực sự ở lục địa chứ không phải sự pha trộn lai căng giữa các Giống dân thứ tư và thứ 5 giờ đây đang ngự trị trên ngai vàng – những người dân bản xứ mà quốc hồn quốc túy hoàn toàn thuộc về nhánh dân cao nhất và cuối cùng của giống dân thứ tư, họ đã đạt được nền văn minh cao tốt khi giống dân thứ 5 vừa mới xuất hiện ở châu Á và nhánh nhóc đầu tiên của nó vẫn còn là một chuyện của tương lai. Chuyện này xảy ra khi nào vậy? Con cứ tính đi. Con không thể cho rằng chúng ta, vốn có những tình thế rất bất lợi chống đối việc chấp nhận học thuyết của mình, lại cố tình tiếp tục *bịa ra* những Giống dân và những giống dân phụ (theo ý kiến của ông Hume) nếu những giống dân này không phải là một sự thật không thể chối cãi được. Quần đảo ở phía bên ngoài bờ biển Tây bá lợi á do Nordenskjold ở “Vega” phát hiện, có rải rác di tích hóa thạch của loài ngựa, loài cừu, loài trâu bò v. v. . . lẫn lộn với những chiếc xương khổng lồ của những con voi, con khổng tượng, loài tê giác và những quái vật khác thuộc về những thời kỳ mà con người (theo khoa học của con) chưa xuất hiện trên trái đất. Làm thế nào mà ta lại tìm thấy những con ngựa và những con cừu sống chung với những con vật khổng lồ “thời tiền hồng thủy”? Ở trường học có dạy chúng ta rằng loài ngựa là một sự sáng tạo gần đây của thiên nhiên và *chưa có người nào* đã từng thấy tổ tiên có móng của nó. Quần đảo ở Tây bá lợi á có thể cải chính cho cái thuyết dễ chịu này. Cái vùng giờ đây bị kẹp cứng trong xiềng xích của mùa đông vĩnh cửu mà con người – cái loài động vật mong manh nhất – không cư ngụ nổi, chẳng bao lâu sẽ tỏ ra là chẳng những có một khí hậu nhiệt đới (một điều mà khoa học có biết và không tranh cãi), mà còn là cái nôi của một trong những nền văn minh xa xưa nhất của giống dân thứ tư với những tàn tích cao tốt mà giờ đây ta tìm thấy nơi người Trung hoa đã bị suy thoái, những người thấp kém nhất thuộc loại này đã bị pha trộn một cách tuyệt vọng (đối với nhà khoa học phàm phu) với tàn tích của giống dân thứ ba. Trước đây ta có nói với con rằng, xét về mặt tâm linh, những người cao nhất trên trái đất thuộc về giống dân phụ thứ nhất của Giống dân *chính* thứ 5, đó là những người Aryen ở Á châu; còn giống dân cao nhất xét về mặt trí phàm lại là giống dân phụ cuối cùng của Giống dân *chính* thứ 5, tức là những người da trắng chuyên môn đi xâm lược giống như các con đò. Đại đa số loài người thuộc về giống dân phụ thứ 7 của *Giống dân chính* thứ tư, những người nêu trên bao gồm người Trung hoa, các nhánh nhóc và chi chủng của họ (người Mã lai, người Mông cổ, người Tây tạng, người đảo Java v. v. . . và v. v. . .) cùng với tàn tích của các giống dân phụ khác thuộc giống dân thứ tư và giống dân phụ thứ 7 của giống dân thứ ba. Tất cả những người này giống như loài người đã bị suy thoái, sa đọa đều là con cháu trực hệ của những quốc gia rất văn

minh mà tên tuổi và kỷ niệm về chúng chỉ còn tồn tại ở trong những quyển sách như *Popul Vuh* và một vài sách khác mà khoa học không biết tới.

(4) Thuộc Thời Trung tâm Đệ tam kỷ. Mọi chuyện diễn ra vào đúng chỗ và đúng lúc đã định trong sự tiến hóa của các Cuộc tuần hoàn, bằng không thì nhà thấu thị tài giỏi nhất cũng chẳng thể nào tính toán được ngày giờ và năm chính xác để cho những thảm họa lớn hoặc nhỏ như thế xảy ra. Một bậc Chơn sư cũng chỉ có thể tiên đoán được một thời gian *gần đúng*, trong khi đó giờ đây các biến cố với hậu quả là những thay đổi lớn về mặt địa chất có thể được tiên đoán một cách chính xác như toán học chẳng hạn như các kỳ nhật thực và những sự xoay vòng khác trong không gian. Sự đắm chìm của châu Atlantis (cả một nhóm lục địa và đảo) bắt đầu trong thời Trung tâm Đệ tam kỷ - cũng giống như giờ đây người ta quan sát thấy một vài lục địa *của con* đang dần dần chìm xuống - và nó đạt tới đỉnh: *một* là khi lục địa lớn nhất cuối cùng biến mất, biến cố này trùng hợp với việc dãy núi Alpes vươn cao lên khỏi mặt biển, *hai* là đảo cuối cùng trong những hòn đảo đẹp nhất mà Plato có nói tới bị chìm. Các vị lễ sư người Ai cập ở Sais có bảo tổ tiên của mình là Solon rằng châu Atlantis (nghĩa là hòn đảo lớn duy nhất còn lại) đã bị tiêu diệt 9.000 năm trước thời gian họ đang sống. Đây không phải là một ngày tháng hoang đường, vì họ đã bảo tồn được sử liệu của mình một cách kỹ lưỡng trong hàng ngàn năm. Nhưng vậy thì, như ta có nói, họ chỉ đề cập tới “đảo Poseidonis” chứ không tiết lộ niên đại học bí mật của mình ngay cả cho người lập pháp Hi Lạp lỗi lạc. Vì không có những lý do địa chất học nào để mà nghi ngờ ngược lại thì có cả đồng bằng chứng buộc phải chấp nhận truyền thuyết, cho nên cuối cùng Khoa học đành chấp nhận sự tồn tại của lục địa lớn và quần đảo này, vậy là biện minh cho sự thật về một “huyền thoại” nữa. Như con biết, giờ đây khoa học dạy rằng châu Atlantis hoặc những tàn tích của nó còn lại mãi tới thời sau đệ tam kỷ, và cuối cùng thì nó bị chìm trong thời cổ sinh của lịch sử châu Mỹ ! Tốt thôi, sự thật ắt cũng cảm thấy biết ơn những sự ưu ái nho nhỏ như thế, vì biết bao nhiêu thế kỷ đã trôi qua trước đó mà cũng chẳng hề được ưu ái như vậy. Những cuộc thám hiểm dưới biển sâu (nhất là sự thám hiểm của tàu Challenger) đã hoàn toàn xác nhận những báo cáo của địa chất học và cổ sinh vật học. Biến cố vĩ đại - sự chiến thắng của các “Con của Sương Mù Lửa” tức là cư dân ở “Shamballah” (khi đó còn là một hòn đảo trên biển Trung Á) đối với *những pháp sư* ích kỷ nhưng không hoàn toàn độc ác ở đảo Poseidonis đã diễn ra chỉ mới cách đây có 11.446 năm. Về vấn đề này, con hãy đọc truyền thuyết chưa đầy đủ và bị che giấu một phần trong quyển *Nữ thần Isis lộ diện*, quyển I, trang 558 tới 594, và con sẽ thấy rõ thêm một số điều nữa. Sự bổ chứng cho truyền thuyết và lịch sử mà Donnelly nêu ra ta thấy nói chung là chính xác; nhưng con sẽ tìm thấy tất cả những điều này và nhiều hơn nữa trong quyển *Nữ thần Isis lộ diện*.

(5) Chắc chắn là có, và ta sẽ đề cập tới đề tài này từ lâu rồi. Trong những chú thích của ta đối với bản thảo của ông Hume “Bản về Thượng Đế” - mà ông đã tử tế thêm vào cho Triết lý của chúng ta một điều gì đó mà triết lý này trước đó chưa bao giờ xét tới - đề tài này đã được đề cập tới rất nhiều. Chẳng lẽ ông không để cho con coi một chút. Ta có thể mở rộng những lời giải thích của mình dành cho con, nhưng không thể trước khi con đọc điều mà ta nói về nguồn gốc điều thiện và điều ác ở bên lề của những bản thảo này. Ta đã nói đủ cho mục đích hiện nay. Kỳ lạ thay, ta thấy có một tác giả Âu Tây - nhà duy vật vĩ đại nhất trong thời của mình, Nam tước Holbach -

có những quan điểm hoàn toàn trùng với quan điểm của ta – khi đọc quyển “*Hệ thống trong Thiên nhiên*” của ông, ta có thể tưởng tượng rằng thánh thư Kiu-te đang mở ra trước mắt ta. Dĩ nhiên là vì tính khí, nhà bác học thế giới của chúng ta sẽ rón bầm lấy những quan điểm đó và đã kích tôi bởi từng lập luận một. Cho đến nay, ông chỉ đe dọa ta là sẽ thay đổi *Lời nói đầu* và không công bố phần triết lý này mang tên y để ăn miếng trả miếng, ta có xin y đừng công bố trọn cả những bài tiểu luận này.

Chơn sư M. nghĩ rằng vì *mục đích của con*, tốt hơn là ta nên công bố thêm một vài chi tiết nữa về châu Atlantis vì nó có liên quan rất nhiều tới *điều ác* nếu không phải là nguồn gốc của điều ác. Trong số *Nhà Thông Thiên Học* sắp tới, con sẽ thấy một hoặc hai chú thích đính kèm vào bản dịch của ông Hume về bài *Lời nói đầu* của Eliphas Levi ^[1] liên quan tới lục địa đã bị thất tung. Và giờ đây vì ta quyết tâm biến *những câu trả lời* hiện nay thành một quyển sách, cho nên con hãy quả cảm theo Ki Tô Giáo mà mang thánh giá, để rồi có lẽ sau khi đã đọc hết cả, con sẽ không còn thắc mắc gì nữa trong thời gian tới, nhưng liệu ta có nói thêm gì nữa cho cái điều đã được nói tới rồi này. Ta không thể cung cấp cho con thông tin khoa học thuần túy, vì chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn đồng ý với những kết luận của phương Tây; còn những kết luận của chúng ta lại bị bác bỏ là “không có cơ sở khoa học”. Thế nhưng, cả địa chất học lẫn cổ sinh vật học đều chứng nhận cho những điều mà chúng ta phải nói. Dĩ nhiên, Khoa học của con thật là đúng về nhiều điều tổng quát, nhưng các tiên đề của nó thật là sai lầm hoặc ít ra là rất khiếm khuyết. Chẳng hạn như nó thật là đúng khi bảo rằng trong khi châu Mỹ mới đang được tạo lập, thì châu Atlantis cũ lại bị chìm đi và dần dần bị cuốn trôi mất; nhưng nó không đúng hoặc là về những thời kỳ mà nó đưa ra, hoặc là về việc tính toán thời gian kéo dài của sự chìm đắm này. Số phận tương lai của quần đảo Anh (nước đầu tiên trong danh sách các nạn nhân phải bị hủy diệt tức là do các núi lửa dưới đáy biển và nước) cũng là bị chìm; nước Pháp và những xứ khác cũng sẽ nổi tiếp. Khi chúng xuất hiện trở lại thì Chi chủng thứ 7 cuối cùng của Giống dân chính thứ 6 của nhân loại hiện nay sẽ đang thịnh vượng trên “châu Lemuria” và “châu Atlantis”, cả hai sẽ xuất hiện trở lại (sự tái xuất hiện này nổi tiếp ngay sau khi các đảo và lục địa hiện nay biến mất) bấy giờ trên bầu hành tinh của ta sẽ có rất ít biển và *đại dương*; nước cũng như đất liền xuất hiện rồi lại biến mất và cứ dịch chuyển theo chu kỳ.

Run sợ trước viễn ảnh lại bị tố cáo là “mâu thuẫn” về một số phát biểu không hoàn chỉnh trong tương lai, tốt hơn là ta nên giải thích, ta nói như vậy có nghĩa là gì. Mỗi khi có một “kỳ hoại không” mới sắp đến gần, thì luôn luôn có điềm báo là những đại họa, hoặc là do lửa hoặc là do nước. Nhưng ngoài những điều này ra, thì mọi “Chu kỳ thế giới” hoặc Giống dân chính đều có thể nói là bị chẻ làm đôi do tai họa lửa hay nước. Như vậy, sau khi giống dân thứ tư đã đạt được tột đỉnh của sự phát triển và vinh quang, thì người Atlante đều *bị nước* hủy diệt, hiện nay con chỉ còn thấy tàn tích đã bị suy thoái của họ; tuy nhiên, những giống dân phụ này quả thật từng giống dân phụ một đều có những ngày oanh liệt vàng son và tương đối vĩ đại. Tình trạng mà họ trải qua hiện nay, thì một ngày kia con cũng sẽ phải trải qua như vậy, luật chu kỳ chỉ có một và bất di bất dịch. Khi giống dân thứ 5 của con đã đạt tới tột đỉnh về trí *phàm* và đã phát triển được nền văn minh cao tột (nên nhớ sự khác nhau mà chúng ta cần phân biệt giữa nền văn minh *vật chất* và nền văn minh *tinh thần*). Không thể tiến cao hơn nữa trong

^[1] Xem tạp chí Nhà Thông Thiên Học số ra tháng 10 năm 1882.

chu kỳ của mình, thì sự tiến bộ của nó về phía điều ác *tuyệt đối* sẽ bị chặn lại (giống như các tiên bối của nó là người Lemuria và người Atlante, những người thuộc giống dân thứ ba và thứ tư bị chặn đường tiến bộ về điều ác *tuyệt đối*) bởi một trong những sự biến đổi đầy thảm họa như thế. Nền văn minh lớn của nó bị hủy diệt và ta sẽ thấy mọi giống dân phụ của giống dân này bị suy thoái đi qua những chu kỳ của riêng mình, sau một thời gian ngắn vinh quang và đầy học thức. Ta hãy xem tàn tích của người Atlante tức là những người Hi Lạp và La mã cổ (người Hi Lạp và La mã hiện đại thuộc về giống dân thứ 5); ta hãy xem thời kỳ lừng danh và oanh liệt của họ vĩ đại, ngắn ngủi và phù du biết là chừng nào ! Đó là vì họ chẳng qua chỉ là những giống dân phụ của bảy chi chủng của “căn chủng”. Không có một Mẫu chủng nào (chứ đừng nói tới các giống dân phụ và các chi chủng) được Thiên Luật duy nhất cai quản vạn vật cho phép xâm phạm sang các đặc quyền của Giống dân hoặc Giống dân phụ kế tiếp mình, chứ đừng nói tới xâm phạm sang trí thức và quyền năng được dành cho giống dân nối tiếp. “Con sẽ không ăn trái Tri thức điều Thiện và điều Ác của cái cây mọc ra cho những người kế thừa con”; chúng ta có thể nói một cách chính xác hơn nữa mà ông Hume sẵn sàng thừa nhận dành cho giống dân phụ của con. Cái “cây” này đang được chúng ta bảo quản, được giao phó cho chúng ta qua các đảng Dhyhan Chohans, các ngài là các đảng bảo vệ Giống dân chúng ta và Giám hộ những giống dân sắp tới. Con hãy cố gắng tìm hiểu ẩn dụ này và đừng quên những điều bóng gió dành cho con trong bức thư của ta bàn về các Chon linh Hành tinh ^[1]. Vào lúc bắt đầu mỗi *Cuộc tuần hoàn*, khi nhân loại tái xuất hiện trong những hoàn cảnh khác hẳn hoàn cảnh khi khai sinh ra mỗi giống dân mới và những giống dân phụ của nó, thì một “Chon linh Hành tinh” phải sống trà trộn với những người nguyên thủy và rèn luyện lại trí nhớ của họ, tiết lộ cho họ những sự thật mà họ đã biết trong Cuộc tuần hoàn trước kia. Vì vậy cho nên mới có những truyền thuyết hỗn độn về Jehovahs, Ormazds, Osiris, Brahms và *hết tất cả những đảng khác*. Nhưng điều đó chỉ xảy ra vì lợi ích của Giống dân *đầu tiên*. Bồn phận của giống dân đầu tiên là phải chọn trong đám con của mình những kẻ thích hợp được tách ra (tạm dùng một thành ngữ trong thánh kinh) để làm hiện thể chứa đựng *toàn bộ khối tri thức* sẽ bị chia cắt rải rác cho các giống dân và các thế hệ tương lai mãi cho tới khi hết Cuộc tuần hoàn đó. Tại sao ta phải nói nữa, vì con phải hiểu trọn cả ẩn ý của ta, và ta không *dám* tiết lộ hết. Mọi giống dân đều có các bậc cao đồ của mình, và mỗi khi có một giống dân mới thì chúng ta lại được phép cung cấp cho họ số lượng tri thức tối đa mà những người thuộc giống dân này xứng đáng được thừa hưởng. Giống dân thứ 7 cuối cùng cũng sẽ có một vị Phật của mình giống như các vị Phật của các giống dân trước nó; nhưng các bậc cao đồ của giống dân thứ 7 sẽ tiến hóa cao hơn hẳn so với bất kỳ cao đồ nào thuộc giống dân hiện nay, vì trong số đó sẽ có Chon linh Hành tinh tương lai, bậc Dyhan Chohan có nhiệm vụ giáo huấn hoặc “rèn luyện lại trí nhớ” của giống dân thứ nhất trong số những người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ 5 sau khi hành tinh này sẽ bước vào chu kỳ hoại không trong tương lai.

Nhân tiện xin nói điều này cho con thấy rằng chẳng những ta không hề *phía ra* “các giống dân”, mà các giống dân này còn là giáo điều chủ yếu đối với các Phật tử theo Lạt ma giáo và đối với tất cả những người nào nghiên cứu giáo lý bí truyền của chúng ta. Để chứng tỏ điều đó, ta xin gửi cho con một lời giải thích về một hoặc hai

^[1] Ta tin rằng bức thư trả lời cho con trong đó con có nêu thắc mắc với ta về C. C. M., S. M. và bà K.

trang giấy trong quyển “*Phật giáo*” của Rhys Davids, nếu không có lời giải thích này thì các trang nêu trên không thể hiểu nổi, vô nghĩa và phi lý. Nó đã được viết ra và được Đức Văn Minh Đại Đế (Thầy của *ta*) đặc biệt cho phép vì lợi ích của con. Không một nhà Đông phương học nào đã từng phỏng đoán được sự thật bao hàm trong đó, và con là người Tây phương đầu tiên (bên ngoài Tây Tạng) hiện nay nhận được lời giải thích này.

(6) Điều xuất lộ vào lúc kết thúc của vạn vật không chỉ là “tinh thần thuần túy và vô ngã”, mà là những ký ức “cá nhân” tập thể đã được gạn lọc mọi nguyên khí thứ 5 mới trong chuỗi hiện tồn dài dằng dặc. Và nếu vào lúc kết thúc của vạn vật (nghĩa là trong cả triệu, cả triệu năm sắp tới), Tinh thần vẫn phải ở trong một tình trạng *phi* hiện tồn, *vô ngã* và thuần túy giống như đấng NHẤT NHƯ hoặc đấng Tuyệt Đối, thì vẫn phải có một điều gì đó “có ích lợi” trong tiến trình tuần hoàn này, vì trong những cuộc hành hương dài để tồn tại nơi ngoại giới trên các hành tinh, thì mọi Bản ngã đã được tẩy trước đều có cơ may tồn tại trên cương vị là một đấng Dhyana Chohan – từ “kẻ nhập Devachan” thấp nhất cho tới Chơn linh Hành tinh cao nhất – và đều hưởng được thành quả của những kiếp sống tập thể của mình.

Nhưng *tự thân* “Tinh thần” thuần túy và vô ngã có nghĩa là gì ? Liệu con có nhận ra được ngụ ý của chúng ta chẳng ? Tại sao một *Tinh thần* như thế lại là một phi thực thể, một điều trừu tượng thuần túy, một hư vô tuyệt đối so với các giác quan của ta, ngay cả đối với những giác quan có tính chất tâm linh nhất. Nó chỉ trở thành *một điều gì đó* khi kết hợp với vật chất, cho nên nó luôn luôn là *một điều gì đó*, vì vật chất vốn vô hạn và bất diệt, và vật chất *không tồn tại* nếu không có Tinh thần, còn tinh thần ở trong vật chất chính là *Sự Sống*. Khi tách rời khỏi vật chất, Tinh thần trở thành sự phủ nhận tuyệt đối của *sự sống* và *tự tại*, trong khi vật chất không thể tách rời khỏi tinh thần. Con cứ hỏi những kẻ chống đối xem liệu họ có biết điều gì gọi là “sự sống” và “tâm thức” vượt ngoài phạm vi mà hiện nay họ cảm thấy trên trần thế. Nếu bản thân không phải là những nhà thấu thị bẩm sinh thì liệu họ có thể quan niệm được chẳng trạng thái và tâm thức cá tính của người ta sau khi nó đã tách khỏi xác phàm thô trước ? Đến lượt con có thể hỏi họ, toàn thể diễn trình sự sống trên trần thế, *liệu có ích lợi gì* nếu chúng ta chỉ là những thực thể *vô ý thức* vừa tốt vừa “thuần túy” ngay từ trước khi sinh ra cũng như trong khi đang ngủ và khi đã kết liễu đời sinh hoạt của mình ? Theo giáo huấn của Khoa học phải chăng sự chết được nối tiếp bởi cũng cái trạng thái vô ý thức giống như trạng thái trước khi *sinh ra đời* ? Khi sự sống rời bỏ thể xác, phải chăng nó cũng trở nên *vô ngã* giống như trước khi nó làm linh hoạt cái phôi thai ? Xét cho cùng, sự sống (cái vấn đề lớn nhất mà con người có thể nghĩ bàn được) vẫn là một điều bí nhiệm mà Khoa học gia lỗi lạc nhất cũng chẳng bao giờ giải quyết được ? Muốn hiểu chính xác được sự sống thì người ta phải nghiên cứu nó trong toàn bộ chuỗi biểu lộ của nó, bằng không thì người ta chẳng bao giờ (chẳng những là thăm dò được) hiểu được nó dưới dạng dễ hiểu nhất tức là sự sống với vai trò một trạng thái *tồn tại* trên trái đất. Người ta không bao giờ hiểu thấu được nó chừng nào người ta chỉ nghiên cứu nó một cách riêng biệt tách rời khỏi sự sống vũ trụ. Muốn giải quyết được vấn đề lớn này người ta phải trở thành một nhà huyền bí học; bản thân người ta phải phân tích và trải nghiệm nó qua mọi giai kỳ như là sự sống trên trần thế, sự sống vượt ngoài giới hạn cái chết ở cõi trần, sự sống của loài khoáng vật, thực vật, động vật và sự sống tâm linh; sự sống kết hợp với vật chất cụ thể cũng như sự sống hiện diện nơi

nguyên tử không cân, đong, đo, đếm được. Nếu người ta thử cố gắng khảo sát hoặc phân tích sự sống tách rời khỏi cơ thể, thì sự sống còn lại là cái gì? Chỉ còn là một cách thức chuyển động; trừ phi giáo lý của ta về sự sống thấm nhuần vạn vật, vô hạn và hiện diện khắp nơi được chấp nhận – mặc dù người ta chẳng chấp nhận nó chẳng qua là một giả thuyết hơi hơi có lý hơn những giả thuyết *khoa học* vốn hoàn toàn vô lý – thì vấn đề này vẫn không bao giờ giải quyết được. Liệu họ có phản đối chăng? Được thôi, chúng ta sẽ dùng gậy ông đập lưng ông. Chúng ta sẽ bảo rằng nó tồn tại và sẽ mãi mãi tồn tại vì người ta đã chứng tỏ được chuyển động vốn thấm nhuần tất cả và không thể quan niệm được sự yên nghỉ tuyệt đối; cho dù chuyển động có dạng thức hoặc hình thức nào đi chăng nữa, cho dù đó là ánh sáng, nhiệt, từ, ái lực hóa học hoặc điện – thì tất cả những thứ này đều chẳng qua chỉ là các giai kỳ của một Lực toàn năng vũ trụ duy nhất, một thực thể thiên biến vạn hóa mà họ phải cúi đầu chấp nhận là một “Ấn số” vĩ đại (Xem Herbert Spencer). Còn chúng ta chỉ đơn giản gọi là “Sự Sống Duy Nhất”, “Luật Duy Nhất” và “Nguyên Tổ Duy Nhất”. Những đầu óc lỗi lạc nhất của khoa học trên trần thế đang ráo riết chạy đua để tìm giải pháp cho bí nhiệm này, không một lối mòn nào không được thám hiểm, không một manh mối lỏng lẻo hoặc mong manh nào trong cái mê hồn trận âm u này mà không được bám sát, và tất cả đều phải đi đến cùng một kết luận (kết luận của các Huyền bí gia khi họ chỉ trình bày có một phần) đó là: sự sống dưới những biểu lộ cụ thể nhất là kết quả và hậu quả hợp thức của ái lực hóa học; còn sự sống theo ý nghĩa trừu tượng, sự sống đơn thuần thì được thôi, ngày nay họ cũng chẳng biết gì nhiều hơn mức mà họ đã biết ở giai đoạn đầu tiên khi thành lập Hội Hoàng Gia. Họ chỉ biết rằng trong một vài dung dịch trước đó không hề có sự sống, các vi sinh vật lại hóa sinh một cách tự phát (bất chấp Pasteur và lòng sùng đạo theo thánh kinh của ông) do một vài sự hỗn hợp của những chất trong dung dịch đó. Ta hi vọng rằng trong vài năm tới, nếu ta hoàn toàn làm chủ được mình thì ta rất vui vẻ mà chứng minh cho con thấy trên cái bàn viết của con sự sống đúng nghĩa chẳng những có thể biến đổi được thành ra các khía cạnh hoặc giai kỳ khác của Lực thấm nhuần vạn vật, mà ta còn có thể thực sự phả sự sống đó vào trong một con người nhân tạo. Frankenstein chỉ là một nhân vật thần thoại, chùng nào mà y còn là anh hùng trong một câu chuyện thần bí; còn trong thiên nhiên thì y có thể là hiện thực; các nhà vật lý và y sĩ của giống dân phụ cuối cùng thuộc Giống dân thứ 6 sẽ tiêm chích sự sống và làm hồi sinh những xác chết giống như hiện nay họ tiêm chủng bệnh đậu mùa và những bệnh dữ dằn hơn nữa. Tinh thần, sự sống và vật chất không phải là những nguyên khí tự nhiên tồn tại độc lập với nhau mà là những hiệu quả của các tổ hợp do chuyển động vĩnh hằng trong Không gian tạo ra và tốt hơn là họ nên học điều này.

(7) Dứt khoát là ta được phép như vậy. Nhưng bây giờ đến điều quan trọng nhất; làm thế nào mà những lời giải đáp của ta dường như thỏa mãn con đến mức nào? Chính cái ác ý khiến cho mọi sự việc đều không được khoa học hoan nghênh vì một lý do nào đó, theo đó không phải bất kỳ một định luật mới mẻ nào khi được phát hiện đều được coi là tạo thêm một mắt xích cho chuỗi dây xích tri thức của con người thì chính những giáo sư khoa học phải tiếp nhận lấy số phận hẩm hiu đó. Tuy nhiên, *bất cứ khi nào ta có thể* trả lời được cho con, thì ta sẽ cố gắng làm hết sức mình, chỉ hi vọng rằng con sẽ không gửi câu trả lời này tới cho *Tạp chí Khoa học* là phần đóng góp văn tài của ta.

(8) Chắc chắn là chúng có. Người ta có thể tạo được mưa trong một vùng không gian nhỏ hẹp – một cách nhân tạo và không có chi giống như phép lạ và các quyền năng siêu nhân, mặc dù bí mật của điều này ta không tiện tiết lộ. Hiện nay ta đang xin phép để được làm như thế. Trong thiên nhiên chúng ta chẳng biết có một hiện tượng nào mà không hề liên quan tới từ hoặc điện – vì ở đâu có chuyển động, có nhiệt, có ma sát, có ánh sáng, thì ở đó từ và *đổi ngẫu* của nó (theo thiên ý của chúng ta) tức là điện sẽ luôn luôn xuất hiện với vai trò hoặc là nhân hoặc là quả - hoặc đúng hơn là cả hai nếu chúng ta chỉ cần thăm dò biểu lộ của nó tới tận cội nguồn. Mọi hiện tượng về dòng điện của trái đất, từ trường trái đất và điện trong khí quyển đều do sự kiện trái đất là một vật dẫn đã được điện hóa, điện thế của nó bao giờ cũng thay đổi do nó tự quay quanh trục và chuyển động theo quỹ đạo của mặt trời hằng năm, do không khí lần lượt được đun nóng lên rồi lại nguội đi, do sự tạo lập các đám mây và mưa, do có bão và có gió v.v . . . Có lẽ con sẽ tìm thấy điều này trong một quyển sách giáo khoa nào đó. Nhưng thế thì Khoa học ắt không sẵn lòng thừa nhận rằng tất cả sự biến đổi này đều do từ khí của *akasa* không ngừng sinh ra những dòng điện có khuynh hướng phục hồi sự cân bằng bị rối loạn. Bằng cách điều khiển những bình ắc quy điện mạnh nhất, bộ khung của con người đã bị điện hóa bằng một tiến trình nào đó, con có thể làm cho mưa *ngưng lại* ở một nơi nào đó đã được định bằng cách tạo ra “một lỗ hồng trong đám mây mưa” (theo cách nói của các nhà huyền bí học). Bằng cách dùng những dụng cụ khác đã được từ hóa mạnh mẽ bên trong một vùng có thể nói là cách điện, ta có thể tạo ra mưa nhân tạo. Ta rất tiếc rằng không thể giải thích được tiến trình này cho con một cách rõ rệt hơn nữa. Con có biết những hiệu quả mà cây cối đã tạo ra đối với các đám mây mưa và bản chất từ mạnh mẽ của cây cối đã hút và thậm chí nuôi dưỡng những đám mây trên đỉnh của cây như thế nào chẳng. Có thể khoa học sẽ giải thích điều này bằng cách khác. Được thôi, ta không thể không giải thích như vậy, vì đó là sự hiểu biết của chúng ta, là thành quả của hàng ngàn năm quan sát và trải nghiệm, nếu bức thư này mà lọt vào tay của Hume, thì y thế nào cũng nhận xét rằng ta đang biện minh cho lời tố cáo mà y đưa ra đối với chúng ta. “Bất cứ khi nào không trả lời được những lập luận của chúng tôi (?) thì các Chơn sư lại bình tĩnh trả lời rằng luật lệ của các ngài không công nhận điều này hoặc điều nọ”. Mặc dù bị tố cáo như vậy, song ta bắt buộc phải trả lời rằng vì bí mật này không phải của ta, cho nên ta không thể biến nó thành một món hàng hóa rao bán trên thị trường. Xin một số nhà vật lý hãy tính toán thử lượng nhiệt cần thiết để làm bốc hơi một số lượng nước nào đó. Thế rồi họ hãy thử tính toán lượng mưa cần thiết để bao phủ một vùng – chẳng hạn như một dặm vuông với một bề sâu là *một* inch. Dĩ nhiên là muốn có được cái lượng nước bốc hơi cần thiết, thì lượng nhiệt cần thiết ắt phải bằng ít ra là 5 triệu tấn than ^[1] thế mà số lượng năng lượng của sự tiêu thụ nhiệt này ắt tương đương với (bất kỳ nhà toán học nào cũng có thể cho con biết điều đó) số lượng năng lượng cần thiết để nâng cao một trọng lượng 10 triệu tấn lên một chiều cao là một dặm. Làm thế nào mà *một người* có thể sản sinh ra được một lượng nhiệt và năng lượng như thế ? Chuyện chẳng đâu vào đâu, phi lý! – tất cả chúng ta đều là đồ điên, và con, nếu con cứ lắng nghe chúng ta thì cũng sẽ bị xếp vào cùng loại như vậy, nếu con dám lập lại mệnh đề này. Thế nhưng, ta quả quyết rằng chỉ có *một người thôi cũng làm được điều đó*, và điều này rất dễ dàng, chỉ cần y làm quen với một cái đòn bẩy “vật lý tâm linh” nào đó nơi bản thân, đòn bẩy

^[1] Đường như là “5.000 ”.

này còn mạnh hơn đòn bẩy của Archimedes. Ngay cả những sự co cơ đơn giản nhất bao giờ cũng có kèm theo những hiện tượng điện và từ; có một mối liên hệ mật thiết nhất giữa từ trường của trái đất, những sự thay đổi thời tiết và chính *con người*, y là cái phong vũ biểu sống động tốt nhất, chỉ cần y biết cách giải mã nó một cách thỏa đáng; và lại, trạng thái của bầu trời bao giờ cũng có thể được nhận biết qua những biến thiên được biểu hiện nơi những dụng cụ từ. Cách đây nhiều năm, ta có dịp được đọc những suy diễn của khoa học về đề tài này; vì vậy nếu ta không chịu mất công cập nhật hóa những gì mà ta còn chưa biết, thì có thể ta cũng không biết hết những kết luận mới nhất của Khoa học. Nhưng đối với chúng ta, có một sự kiện đã được xác lập đó là: chính từ trường của trái đất tạo ra gió, mưa và bão. Điều mà khoa học dường như biết về điều này chỉ là những triệu chứng thứ cấp bao giờ cũng do từ trường đó cảm ứng và chẳng bao lâu nữa nó có thể tìm ra những sự sai lầm hiện nay của mình. Ta tin rằng cho đến tận ngày nay vẫn còn chưa giải quyết được vấn đề lực hút từ khí của trái đất đối với bụi vãn thạch và ảnh hưởng trực tiếp của bụi vãn thạch đối với những sự thay đổi đột biến về nhiệt, nhất là về vấn đề nóng và lạnh ^[1]. Người ta còn nghi ngờ chẳng biết sự kiện trái đất đi qua một vùng không gian có ít nhiều khối lượng các vãn thạch thì có tác dụng gì không đối với cao trình khí quyển của chúng ta hoặc tăng hoặc giảm hoặc thậm chí có tác dụng đối với trạng thái thời tiết. Nhưng chúng ta nghĩ rằng mình có thể dễ dàng chứng tỏ được điều này; và vì họ chấp nhận sự kiện, sự phân bố và tỉ lệ tương đối của đất liền và nước trên hành tinh ta *có thể là do* sự tích tụ rất nhiều bụi vãn thạch trên đó, vì tuyết – nhất là ở vùng Bắc bán cầu – vốn chứa đầy các hạt từ tính và các hạt sắt vãn thạch; ngay cả dưới đáy biển và đáy đại dương ta cũng thấy có trầm tích là những hạt từ tính. Ta tự hỏi chẳng biết cho đến nay Khoa học có hiểu được chẳng mọi sự thay đổi và xáo trộn bầu khí quyển đều do từ trường tổ hợp của hai khối vật chất lớn này mà bầu khí quyển của ta bị ép lại bên giữa chúng. Ta gọi bụi vãn thạch này là một “khối” vì quả thật nó là như vậy. Cao cao bên trên bề mặt trái đất, không khí thấm nhuần và không gian *chứa đầy* bụi vãn thạch có từ tính, chúng thậm chí không thuộc về thái dương hệ của ta nữa. Khoa học đã may mắn khám phá ra rằng khi trái đất cùng với các hành tinh khác chuyển động xuyên qua không gian, thì nó nhận được phần lớn vật chất bằng bụi này ở phía Bắc bán cầu hơn là so với Nam bán cầu, vì biết rằng điều này là do Bắc bán cầu có nhiều lực địa hơn Nam bán cầu cũng như có nhiều tuyết và hơi ẩm hơn. Hằng năm và hằng ngày, có hằng triệu những vãn thạch như thế và ngay cả những hạt nhỏ nhất đến với chúng ta; tất cả những con dao trong thánh điện của ta đều được làm ra từ sắt “trên trời” rớt xuống này, nó đến với ta mà không chịu bất kỳ sự thay đổi nào vì từ trường của trái đất đã kết dính chúng lại với nhau. Vật chất ở thể hơi luôn luôn được thêm vào bầu khí quyển của ta do vật chất vãn thạch có từ tính mạnh không ngừng rơi xuống, thế nhưng các khoa học gia dường như vẫn còn để bỏ ngỏ vấn đề, liệu tình trạng từ trường có đáng gì chẳng tới việc mưa rơi. Ta không hề biết có bất kỳ “tập hợp các chuyển động nào được tạo lập do áp lực, sự bành trướng v.v. . . *trước hết là của năng lượng mặt trời*”. Đồng thời khoa học cũng sử dụng quá ít và quá nhiều “năng lượng mặt trời”, thậm chí ngay cả Mặt Trời nữa; và Mặt Trời chẳng đáng gì tới mưa và có rất ít liên hệ với nhiệt. Ta có cảm tưởng rằng khoa học có biết những thời kỳ băng hà cũng như những thời kỳ mà nhiệt

^[1] Tiến sĩ Phipson năm 1867 và Cowper Ranyard đều có đề ra lý thuyết về vấn đề này, nhưng sau đó nó lại bị bác bỏ.

độ “giống như thời đại thán kỷ” là do sự tăng hoặc giảm hay đúng hơn là do sự bành trướng của bầu khí quyển, thế mà bản thân của sự bành trướng này cũng là do sự hiện diện của các vẩn thạch ? Dù sao đi nữa, *tất cả chúng ta đều biết* rằng nhiệt mà trái đất nhận được do mặt trời bức xạ ra cùng lắm cũng chỉ bằng một phần ba (nếu không phải là ít hơn nữa) lượng nhiệt mà nó nhận được trực tiếp từ các vẩn thạch.

(9) Con có thể gọi nó là sắc cầu hoặc bầu khí quyển vì nó chỉ là bầu hào quang từ khí bao giờ cũng hiện diện của mặt trời, các nhà thiên văn học *chỉ* thấy nó trong một vài giây phút ngắn ngủi trong kỳ nhật thực, còn một số đệ tử của ta cũng thấy được nó bất cứ khi nào họ muốn, dĩ nhiên là trong một trạng thái cảm ứng nào đó. Ta có thể thấy các tinh thể của Reichenbach hoặc bất kỳ vật nào có từ tính mạnh là đối thể của cái mà các nhà thiên văn học gọi là các ngọn lửa đỏ trong “nhật hoa”. Cái đầu của một người trong trạng thái xuất thần nhập hóa cực độ, khi mọi dòng điện trong hệ thống của y đều tập trung xung quanh bộ óc, sẽ biểu diễn – nhất là trong đêm tối – một sự mô phỏng trọn vẹn Mặt Trời trong những thời kỳ đó. Người họa sĩ đầu tiên vẽ các vòng hào quang xung quanh đầu Đức Chúa Trời và các vị Thánh ắt không hề được linh cảm mà chỉ biểu diễn nó dựa vào thẩm quyền của những bức tranh trong đền thờ, các truyền thuyết trong thánh điển và các phòng điểm đạo nơi diễn ra các hiện tượng như thế. Luồng phóng phát (theo khoa học là do khí hydrogen phóng ra trong trường hợp có những ngọn lửa) càng mạnh và càng rực rỡ khi nó càng ở gần đầu hoặc gần vùng cơ thể phát ra hào quang; vì vậy mới có những ngọn lửa đỏ không đều xung quanh Mặt Trời tức là “nhật hoa *phía bên trong*”. Sự kiện luồng này không luôn luôn hiện diện với số lượng bằng nhau chỉ chứng tỏ rằng mãi mãi có một sự thăng giáng vật chất từ cùng với năng lượng của nó; vô số các đốm đen trên mặt trời vốn tùy thuộc vào hiện tượng này. Trong thời kỳ từ tính bị ngưng trệ thì các đốm đen biến mất hoặc đúng hơn là trở nên vô hình. Các luồng phóng phát càng bắn ra xa thì nó càng mất đi cường độ cho đến khi nó dần dần tàn lụi vì thế mới có “nhật hoa ở bên ngoài”, cái dạng bức xạ của nó hoàn toàn là do hiện tượng vừa nêu với sự rực rỡ bắt nguồn nơi bản chất từ của vật chất và điện năng chứ không phải do những hạt vô cùng nóng theo như một số nhà thiên văn học khẳng định. Tất cả những điều này thật là không hợp với khoa học, tuy nhiên đó lại là *sự thật*; ta xin nói thêm bằng cách nhắc cho con nhớ rằng Mặt Trời mà ta thấy tuyệt nhiên không phải là hành tinh trung ương của Thế giới bé nhỏ của ta, mà chỉ là bức màn che phủ hoặc *bóng dáng phản ánh* của nó. Khoa học đã gặp bất lợi rất nhiều khi nghiên cứu cái hành tinh mà may mắn là chúng ta không có; hơn nữa sự chập chờn liên tục bầu khí quyển của ta khiến cho các nhà khoa học không đánh giá chính xác được những gì mà họ thấy. Tuy nhiên trở ngại này không có đối với các nhà thiên văn học thời xưa của Chaldees và Ai cập; chúng ta cũng không gặp trở ngại này, vì chúng ta có những phương tiện làm chặn lại hoặc hóa giải những sự chập chờn đó, do chúng ta đã quen thuộc với mọi tình trạng của *akasa*. Bí mật về *mưa* cũng chẳng có gì là bí mật; giả sử ta có tiết lộ nó ra thì điều này cũng chẳng có ích lợi thực tế gì cho các nhà Khoa học nếu họ không trở thành các Huyền bí gia và hi sinh những năm trời dài dằng dặc để đạt được các quyền năng huyền bí. Ta cứ tưởng tượng một ông Huxley hoặc một ông Tyndall mà lại nghiên cứu *Yoga vidya*! Vì thế cho nên họ mới vấp phải nhiều sai lầm và những người có thẩm quyền nhất cũng đưa ra những giả thuyết mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn như Mặt Trời có đầy hơi sắt, một sự kiện được chứng tỏ qua kính quang phổ, cho thấy rằng ánh sáng của nhật hoa chủ yếu là bao gồm

một vạch ở phần màu xanh lá cây của quang phổ, gần như trùng với vạch của nguyên tố sắt. Thế nhưng nếu ta nhớ không lầm thì lấy cứ rất là trí xảo, giáo sư Young và Lockyer bác bỏ điều này, cho rằng nếu nhật hoa bao gồm các hạt nhỏ xíu giống như một đám mây bụi (chính điều này mà chúng ta gọi là “vật chất từ tính”), thì những hạt này ắt phải [1] rơi xuống bề mặt mặt trời, [2] được biết các sao chổi có đi ngang qua phần chất hơi này mà không có tác dụng rõ rệt nào đối với chúng [3] kính quang phổ của giáo sư Young cho thấy rằng vạch quang phổ của nhật hoa không đồng nhất với vạch quang phổ của nguyên tố sắt v. v. . . Vậy thì tại sao họ lại gọi những lời phản đối này là “hợp khoa học” hơn mức chúng ta có thể nói.

[1] Lý do tại sao các hạt (vì các nhà khoa học gọi chúng như vậy) *không* rơi xuống bề mặt mặt trời thật là hiển nhiên. Có những lực cùng tồn tại với lực hấp dẫn mà họ chẳng biết gì cả, ngoài ra còn có một sự kiện khác là không hề có lực hấp dẫn tự thân nó, mà chỉ có lực hút và lực đẩy. [2] Làm thế nào mà các sao chổi lại không bị ảnh hưởng khi chúng “đi ngang qua” phần bằng hơi này, đó là do một ảo giác về quang học; chúng không thể đi ngang qua cái vùng hấp dẫn đó mà không ngay tức khắc bị hủy diệt bởi cái lực mà thuật ngữ *vril* cũng không thể cho ta một ý niệm đúng đắn, vì không có một điều gì trên trái đất có thể sánh với nó. Vì các sao chổi chỉ đi qua “vùng phản ánh”, cho nên chẳng lấy gì làm lạ khi vùng hơi nói trên “không có tác dụng rõ rệt đối với những thiên thể này”. [3] Vạch quang phổ của nhật hoa *dường như* không thể đồng nhất với vạch quang phổ sắt khi ta dùng kính quang phổ lưới sợi tốt nhất; tuy nhiên, nhật hoa có chứa sắt cũng như chứa những hơi khác. Ta chẳng mất công nói cho con biết nó chứa cái gì, vì ta không thể dịch được những từ mà ta mô tả nó và ngoại trừ ở mặt trời ra thì loại vật chất như thế không tồn tại ở đâu (dù sao đi nữa thì cũng không ở trong hệ thống hành tinh của ta). Nói cho đúng sự thật thì cái con gọi là Mặt Trời chỉ là phản ánh của cái “kho chứa” khổng lồ thuộc Thái dương hệ ta mà **TẤT CẢ** các lực đều được sản sinh và bảo tồn bên trong đó; Mặt Trời là trái tim và bộ óc của Vũ trụ người lùn của ta. Ta có thể so sánh *những đốm sáng* của nó (đây là hàng triệu các đốm nhỏ sáng rực tạo thành bề mặt của Mặt Trời tách biệt với các đốm đen) với các huyết cầu của bầu tinh tú này, mặc dù Khoa học đã phỏng đoán chính xác là một số đốm sáng này lớn bằng cỡ Âu châu. Các huyết cầu chính là vật chất từ và điện ở trạng thái thứ 7 và thứ 6. Thế còn những sợi dài màu trắng xoắn lại giống như những sợi dây thừng cấu tạo thành *bán ảnh* của Mặt Trời thì sao? Thế còn cái phần trung tâm trông giống như một đám lửa khổng lồ tận cùng bằng những sợi dây xoắn ốc chói sáng cùng với những đám mây trong suốt, hoặc đúng hơn là những hơi được tạo thành bởi những sợi ánh sáng mỏng manh óng ánh như bạc treo lơ lửng trên những ngọn lửa này, cái *niên tổ* đó của Mặt Trời thật ra là gì nếu chẳng phải là hào quang từ điện của nó? Khoa học có thể tiếp tục suy đoán mãi mãi, thế nhưng chừng nào mà nó chưa từ bỏ hai, ba điều sai lầm chủ yếu của mình thì nó sẽ thấy mình cứ mò mẫm hoài trong đêm tối. Ta thấy một số những quan niệm sai lầm lớn nhất của khoa học chính là những ý niệm hạn hẹp của nó về luật hấp dẫn, nó chối bỏ rằng không thể có vật chất *không có khối lượng*, nó còn mới phát minh ra cái thuật ngữ “lực” rồi ngấm ngấm chấp nhận cái ý tưởng phi lý rằng lực có thể tồn tại *một cách tự thân nó* hoặc cũng giống như sự sống tác dụng ở *bên ngoài* và độc lập với vật chất chứ không thông qua vật chất; nói cách khác, *lực chẳng qua chỉ là vật chất* ở một trong các *trạng thái* cao nhất, ba trạng thái cuối cùng trên nấc thang đi lên bị khoa học chối bỏ vì nó chẳng biết gì về

điều này. Khoa học cũng hoàn toàn mù tịt về thực thể thiên biến vạn hóa đại đồng vũ trụ cùng với những chức năng của nó đóng tầm quan trọng trong cơ cấu tổ chức thiên nhiên thể hiện ra thành từ tính và điện. Nếu bảo Khoa học rằng, ngay cả vào thời Đế quốc La mã đã suy vong, khi ông Britisher xâm mình thường dâng lên cho Hoàng đế Claudius những vật triều cống electron dưới dạng một chuỗi hạt bằng hổ phách – ngay cả lúc bấy giờ cũng đã có những người hoàn toàn xa lạ với đám quần chúng vô luân vốn biết nhiều về điện và từ hơn mức các nhà khoa học biết về chúng hiện nay, thì khoa học ắt sẽ chế nhạo con một cách cay đắng cũng giống như giờ đây nó chế nhạo con vì con đã tử tế cúng dường cho ta. Thật vậy, khi các nhà thiên văn học nói tới *vật chất của mặt trời*, gọi những ánh sáng và ngọn lửa này là “những đám mây bằng hơi” và “những chất khí mà khoa học chưa biết tới” (khá đúng!) bị những cơn gió lốc và những cơn trốt mạnh mẽ xua đuổi – trong khi chúng ta biết rằng đó chỉ là vật chất từ tính hoạt động một cách bình thường – thì chúng ta cảm thấy buồn cười cho những cách diễn tả như vậy. Làm thế nào người ta có thể tưởng tượng ra được “lửa của Mặt Trời có nhiên liệu là loại vật chất *khoáng vật thuần túy*” và các vẩn thạch có chứa nhiều khí hydrogen cung cấp cho “Mặt Trời một bầu không khí nóng cháy rực vượn xa ra”? Chúng ta *biết* rằng Mặt Trời *vô hình* bao gồm một điều mà không ai có thể gọi tên hoặc so sánh nó với bất cứ điều gì mà khoa học biết được trên trần thế; phản ánh của mặt trời vô hình cũng chẳng chứa đựng điều gì giống như “các chất hơi”, vật chất khoáng vật hoặc *lửa*; tuy vậy khi bàn tới nó bằng ngôn ngữ văn minh của các con thì chúng ta cũng bắt buộc phải dùng những cách diễn tả như “hơi” và “vật chất từ tính”. Để kết luận đề tài này, ta xin nói, những thay đổi của nhật hoa không có tác dụng gì đối với khí hậu trên trái đất mặc dù *các vết đen trên mặt trời* có tác dụng và giáo sư N. Lockyer đã sai lầm nhiều nhất về những suy diễn của mình. Mặt Trời cũng không phải là *chất đặc* cũng không phải là *chất lỏng*, cũng chẳng phải là một bầu chất hơi, mà là một bầu không lồ các Lực điện từ, là kho chứa *sự sống* và *chuyển động* của vũ trụ, sự sống và chuyển động này từ mặt trời mạch động ra khắp mọi hướng, cấp dưỡng cho nguyên tử nhỏ nhất cũng như cho thiên tài vĩ đại nhất cùng một loại vật liệu mãi cho tới cuối *Maha Yuga*.

(10) Ta không tin. Các ngôi sao ở cách chúng ta ít nhất là 500.000 lần xa hơn Mặt Trời và có một số ngôi sao còn nhiều lần xa hơn nữa. Sự tích tụ mạnh mẽ của vật chất vẩn thạch cùng với sự chập chờn của bầu khí quyển bao giờ cũng gây trở ngại. Nếu các nhà thiên văn có thể leo cao hơn *đám bụi* vẩn thạch đó và quan sát bằng kính thiên văn thì kết quả mới đáng tin cậy hơn hiện nay khi họ đang dùng quang kế. Họ có thể làm như vậy bằng cách nào? Trên trái đất ta không thể biết được thực sự cường độ đó – vì không có cơ sở đáng tin cậy nào để tính toán độ lớn và khoảng cách của nó – cho đến nay người ta cũng chưa chắc chắn được một trường hợp nào (ngoại trừ trường hợp một ngôi sao của chòm sao Thiên Hậu) theo đó các ngôi sao chiếu sáng do sự phản chiếu hay do ánh sáng của chính mình. Sự vận hành của các quang kế sao kép tốt nhất cũng gây nhiều sai lệch. Ta có thể chắc chắn được điều này mãi cho tới tận mùa xuân năm 1878 khi ta theo dõi những quan sát thiên văn được thực hiện theo một quang kế Pickering. Độ lệch về những sự quan sát đối với một ngôi sao (gần sao Gamma Ceti) đôi khi lên tới một nửa bậc độ lớn. Cho đến nay người ta chưa hề khám phá ra một hành tinh nào (ngoại trừ một hành tinh) bên ngoài thái dương hệ nhờ vào các quang kế, thế mà chỉ cần nhờ vào mắt tâm linh của chúng ta không thôi, thì chúng ta cũng

biết được một số hành tinh, thật vậy, giống như thái dương hệ của ta, mỗi ngôi sao (Mặt Trời) đã hoàn toàn trường thành đều có nhiều hành tinh đồng hành. Cuộc trắc nghiệm nổi tiếng về “sự phân cực ánh sáng” thì cũng đáng tin cậy như những cuộc trắc nghiệm khác. Dĩ nhiên là chỉ nội sự kiện chúng xuất phát từ một tiên đề sai lầm, cũng không thể vô hiệu hóa được những kết luận hoặc những tiên tri về thiên văn của họ, vì cả hai đều chính xác về mặt toán học trong những mối tương quan và đều phù hợp với đối tượng đã định. Người Chaldees cũng như các bậc Hiền triết xưa kia của chúng ta đâu có kính thiên văn hoặc quang kế giống như các con, thế nhưng những sự tiên tri về thiên văn của họ đều không hề sai lầm, còn những lỗi lầm – quả thật là rất nhỏ mà các đối thủ hiện đại đổ lỗi cho họ, thì lại chính là do lỗi của các đối thủ này.

Con không được phàn nàn vì ta trả lời quá dài cho những câu hỏi rất ngắn của con; đệ tử “tại gia” của ta ời, ta trả lời để dạy dỗ con trở thành một sinh viên huyền bí học chứ không phải để trả lời cho tờ *Tạp chí Khoa học*. Ta không phải là một khoa học gia có kiến thức hiện đại. Thật vậy, sự hiểu biết của ta về Khoa học Tây phương rất hạn chế; con nên nhớ rằng mọi lời giải đáp của ta đều dựa vào và bắt nguồn từ giáo lý huyền bí Đông phương, bất kể chúng có đồng ý hay không đồng ý với học thuyết của khoa học hiện đại. Vì vậy ta mới nói rằng:

“Bề mặt của Mặt Trời phóng phát ra mỗi dặm vuông cũng nhiều ánh sáng khi so sánh tỉ lệ với mức ánh sáng mà bất kỳ một vật thể nào khác có thể phóng phát ra được”. Nhưng trong trường hợp này, con dùng từ “ánh sáng” với ngụ ý gì? Ánh sáng không phải là một nguyên khí độc lập và ta rất vui khi được giới thiệu một quan điểm làm dễ dàng việc quan sát được “quang phổ nhiễu xạ”. Đó là vì khi bỏ đi tất cả những sự tồn tại độc lập tưởng tượng này (chẳng hạn như nhiệt, tác dụng hóa quang, ánh sáng v. v. . .) thì ta đã giúp cho Khoa học Huyền bí nhiều hơn hết bằng cách biện minh trước mặt cô em tân thời của mình cái thuyết rất cổ xưa của chúng ta theo đó mọi hiện tượng chẳng qua chỉ là hiệu quả của hằng hà sa số những chuyển động của cái mà chúng ta gọi là Akasa (không phải là chất ether của các con). Thật vậy, đó chính là nguyên tố duy nhất, nguyên lý sinh ra tất cả những thứ khác. Nhưng vì thắc mắc của con nhằm mục đích giải quyết một điều đang tranh chấp trong khoa học hiện đại, cho nên ta sẽ cố gắng trả lời nó một cách càng minh bạch càng tốt. Thế thì ta sẽ bảo là *không* và sẽ giải thích lý do với con tại sao như vậy. Họ không thể biết được nó vì lý do đơn giản là từ trước cho tới nay họ thực ra chưa tìm được một phương tiện chắc chắn nào để đo lường tốc độ ánh sáng. Những cuộc thí nghiệm của Fizeau và Cornu (được biết là hai nhà nghiên cứu ánh sáng lỗi lạc nhất trong thế giới khoa học) mặc dù có những kết quả nói chung là thỏa mãn, song lại không hoàn toàn đáng tin cậy hoặc là về tốc độ ánh sáng di chuyển hoặc là về lượng ánh sáng đo được. Những phương pháp mà cả hai người Pháp này đều dùng chỉ cho ta những kết quả chính xác (dù sao thì cũng chỉ gần đúng, vì có một độ lệch 227 dặm/giây giữa kết quả quan sát của hai cuộc thí nghiệm, mặc dù nó được thực hiện bởi cùng một dụng cụ). Xét về tốc độ ánh sáng giữa trái đất và vùng thượng tầng khí quyển. Bánh xe có răng của họ dĩ nhiên là quay với một tốc độ kỷ lục *đã biết*, khi tia sáng mạnh mẽ đi qua một trong những khe hở của bánh xe để rồi một điểm ánh sáng lại bị che khuất tới đi bất cứ khi nào răng bánh xe đi ngang qua nó; dụng cụ này cũng đủ chính xác, dụng cụ này rất tài tình và không thể không cung cấp những kết quả rục rờ đối với hành trình đi đi lại lại của ánh sáng qua vài ngàn mét; giữa đài thiên văn Paris và các công sự của nó không hề có bầu khí

quyển hoặc các khối vắn thạch nào cản trở bước tiến của tia sáng. Và vì tia sáng đó đi qua một môi trường có tính chất khác hẳn ether của không gian (chất ether ở giữa Mặt Trời và *đại lục* vắn thạch ngay trên đầu chúng ta) cho nên tốc độ ánh sáng dĩ nhiên phải đạt được chừng 185.000 lẽ máy dặm một giây; thế là các nhà vật lý học reo hò mừng rỡ! Bất cứ dụng cụ nào khác mà khoa học sáng chế ra được để đo lường tốc độ đó từ năm 1878 đến nay đều không tốt hơn thế nữa. Các nhà khoa học chỉ còn biết nói rằng, cho đến nay, những tính toán của họ là chính xác. Nếu họ có thể đo lường được ánh sáng *vượt bên trên* bầu khí quyển của ta, thì chẳng bao lâu họ ắt phát hiện ra rằng mình đã lầm.

(11) Cho đến nay thì đúng là như vậy, nhưng điều này đang nhanh chóng thay đổi. Ta tin rằng khoa học có một thuyết theo đó nếu trái đất được thành linh đặt vào một vùng cực lạnh (chẳng hạn như nó phải đổi chỗ với Mộc tinh), thì tất cả mọi sông biển của nó sẽ đột nhiên biến thành những ngọn núi rắn chắc; còn không khí (hoặc đúng hơn là cái phần các chất ở thể hơi hợp thành không khí) ắt sẽ bị biến hình từ một trạng thái lưu chất không thấy được biến thành chất lỏng vì không còn nhiệt nữa (hiện nay trên Mộc tinh có tồn tại trạng thái chất lỏng này mà con người trên trái đất không hề có ý niệm về nó). Con hãy thực hiện và cố gắng tưởng tượng tình trạng *ngược lại*, thì đó chính là tình trạng của Mộc tinh hiện nay.

Toàn thể thái dương hệ đang dời chỗ trong không gian mà ta không cảm nhận được. Khoảng cách tương đối giữa các hành tinh bao giờ cũng giống như vậy và tuyệt nhiên không bị ảnh hưởng do sự dời chỗ của toàn bộ hệ thống; và khoảng cách giữa thái dương hệ với các ngôi sao cũng như các mặt trời khác chẳng tạo ra được bao nhiêu (nếu có thì cũng là chút xíu không ai cảm nhận được) sự thay đổi trong hàng thế kỷ hoặc thiên niên kỷ sắp tới. Không một nhà thiên văn học nào có thể *dùng kính thiên văn* nhận thức được điều này, mãi cho tới khi Mộc tinh và một số hành tinh khác (những điểm hơi sáng sáng của nó hiện nay che khuất mắt ta cả triệu, cả triệu ngôi sao ít nhất cũng phải từ 5.000 tới 6.000), chúng thành linh khiến cho ta liếc nhìn thấy được một vài *Mặt Trời Vương Giả* mà chúng hiện nay đang che khuất. Có một Ngôi Sao Vua như thế ở ngay phía sau Mộc tinh mà không một con mắt trần tục nào có thể trông thấy được trong Cuộc tuần hoàn này. Nếu dùng những kính thiên văn tốt nhất với độ khuếch đại đường kính lên tới cả chục ngàn lần và nếu thấy được nó, thì nó vẫn còn là một điểm nhỏ hầu như không có kích thước, bị che khuất bởi ánh sáng của bất kỳ hành tinh nào khác; tuy nhiên thế giới này lại lớn hơn Mộc tinh cả ngàn lần. Sự xáo trộn dữ dội của bầu khí quyển Mộc tinh và ngay cả đốm màu đỏ của nó làm cho khoa học gần đây rất thắc mắc vốn là do [1] sự dời chỗ trong không gian nêu trên, [2] ảnh hưởng của Ngôi Sao Vua nói trên. Ở vị trí hiện nay trong không gian, mặc dù nó rất nhỏ thì những chất kim loại phần lớn cấu thành nó lại đang bành trướng và dần dần biến thành các lưu chất ở dạng thể khí – đây là trạng thái của trái đất và sáu hành tinh chị em của nó trước Cuộc tuần hoàn thứ nhất – để rồi trở thành bầu khí quyển của Mộc tinh. Đệ tử “tại gia” thân mến của ta ơi, con hãy suy luận và suy diễn từ điều này đi, nhưng con hãy coi chừng kéo khi làm như thế, con sẽ hi sinh vị huân sư khôn khéo và chính giáo huân huyền bí học được đưa lên bàn thờ hiến tế cho vị Nữ thần giận dữ của con tức là *khoa học hiện đại*.

(12) Ta e rằng không nhiều, vì Mặt Trời chỉ là một phản ánh. Điều duy nhất mà Siemens phát biểu đúng, đó là không gian liên tinh tú chứa đầy vật chất vô cùng tế vi,

giống như thứ ta có thể bỏ vào trong những ống chân không và trải dài từ hành tinh này sang hành tinh khác, từ ngôi sao này sang ngôi sao khác. Nhưng sự thật này không ảnh hưởng gì tới những sự kiện chính yếu của y. Mặt trời ban ra *tất cả* và *không* nhận gì trở lại từ thái dương hệ của mình. Mặt trời không hề thu thập bất cứ điều gì “ở hai cực” – lúc nào thì hai cực này cũng không hề có “những ngọn lửa đỏ” nổi tiếng, chứ đừng nói trong khi có nhật thực. Làm thế nào mà dùng những kính thiên văn thật mạnh, các nhà khoa học cũng không thể nhận ra được, bất kỳ “sự thu thập” vật chất nào như thế, bởi vì kính thiên văn của họ cho thấy ngay cả “những đám mây rất giống như lông cừu” ở trên quang cầu. Chẳng có điều gì từ bên ngoài biên giới thái dương hệ có thể đến với mặt trời dưới dạng vật chất *thô trước* giống như “các chất khí tinh vi”. Chỉ cần một chút vật chất ở đủ cả *bảy* trạng thái cũng có được sinh lực cung cấp cho hàng hà sa số các thái dương hệ - đó là những thế giới đang được tạo lập, những mặt trời được khơi hoạt trở lại v.v. . . Và chúng không có điều gì để dành cho những người láng giềng gần nhất và những người bà con gần nhất của mình. Đây là những bà mẹ ruột chứ không phải mẹ ghẻ, cho nên họ sẽ không lấy đi một mẫu chất dinh dưỡng nào của đám con mình. Thuyết mới nhất về năng lượng bức xạ cho thấy rằng trong thiên nhiên, nói đúng ra là không có một điều gì giống như ánh sáng hóa học, còn tia nhiệt chỉ là biểu hiện gần đúng. Thật vậy, chỉ có một điều duy nhất, tức là năng lượng bức xạ vốn *không thể bị cạn kiệt*, vốn bất tăng bất giảm và sẽ tiếp tục công việc tự sinh hóa của mình mãi cho đến khi hết chu kỳ thành trụ của thái dương hệ. Trái đất hấp thụ rất nhiều Lực Mặt Trời, thế nhưng ta có thể chứng tỏ rằng trái đất chỉ nhận được vào khoảng 25% hóa năng của các tia mặt trời, vì hóa năng này bị hủy diệt hết 75% trong khi chúng đi qua theo chiều thẳng đứng xuyên thấu bầu khí quyển vào lúc chúng đạt tới biên giới bên ngoài của “bầu đại dương không khí”. Và chúng ta được biết rằng ngay cả những tia mặt trời này cũng mất bớt 20% cho việc chiếu sáng và tỏa nhiệt. Với một *sự lãng phí* như vậy, khả năng thu hồi năng lượng của Mặt Trời vốn vừa là Cha vừa là Mẹ của chúng ta ắt lớn lao biết chừng nào ? Thật vậy, nếu muốn con cứ gọi nó là “Năng lượng Bức xạ”, còn chúng ta gọi là Sự Sống vốn thấm nhuần *tất cả*, hiện diện ở khắp mọi nơi, cứ mãi mãi làm việc trong phòng thí nghiệm lớn của mình tức là MẶT TRỜI.

(13) Các nhà Khoa học không thể trình bày được điều gì, sự “tự đắc” của họ khiến cho họ tuyên bố rằng chỉ những kẻ nào thấy từ tính là một tác nhân bí mật, mới có thể giả sử rằng Mặt Trời là một nam châm khổng lồ để giải thích việc nó sản sinh ra ánh sáng, nhiệt và là nguyên nhân của những biến thiên từ trường mà ta nhận thức được trên trái đất. Họ quyết tâm lờ đi và bác bỏ cái thuyết mà Jenkins thuộc Hội Thiên văn học Hoàng gia đã nêu lên, theo đó trên bề mặt quả địa cầu có tồn tại những cực từ rất mạnh. Nhưng thuyết này lại đúng và một trong những cực từ này quay xung quanh bắc cực theo một chu kỳ tuần hoàn nhiều trăm năm. Ngoài Jenkins ra, Halley và Hansteen là những nhà khoa học duy nhất đã từng phỏng đoán được điều này. Ta lại giải đáp cho câu hỏi của con bằng cách nhắc con nhớ tới một giả thuyết khác *đã bị chứng minh là sai*. Cách đây chừng 3 năm, Jenkins đã làm hết sức mình để chứng tỏ rằng đầu bắc của kim la bàn chính là cực bắc từ trường, chứ không phải đầu ngược lại như thuyết khoa học hiện hành chủ trương. Người ta cho ông biết rằng địa điểm ở Boothia (nơi ngài James Ross xác định là cực bắc từ của trái đất) chỉ có tính chất hoàn toàn tương tượng; *cực này không ở đó*. Nếu ông ta và *chúng tôi* đều sai, thế thì các

thuyết trong môn từ học (theo đó các cực giống nhau đẩy nhau, còn các cực khác nhau thì hút nhau) ắt cũng phải bị tuyên bố là sai, vì nếu đầu phía bắc của cái kim địa bàn treo chính là *một cực nam*, thì việc nó chúc xuống dưới đất ở Boothia (theo cách gọi của con) *ắt phải là do lực hấp dẫn*? Và nếu ở đó chẳng có thứ gì hút nó, thì tại sao kim địa bàn ở Luân đôn lại không bị hút về vùng đất ở Boothia hoặc bị hút về tâm trái đất? Ta có thể lập luận một cách rất chính xác rằng, nếu cực bắc của kim địa bàn hầu như chỉ thẳng góc với mặt đất ở Boothia, thì đó chỉ là vì cực bắc của từ trường đã đẩy nó khi ngài J. Ross ở đó cách đây chừng một nửa thế kỷ.

Không đâu, “Chúa” chẳng dính dáng gì tới quán tính của cái kim địa bàn. Đó là do ở nơi địa điểm ấy có một vài kim loại đang bị nóng chảy. Sự gia tăng nhiệt độ làm giảm sức hút của từ trường và nếu nhiệt độ đủ cao, thì từ trường thường bị hủy diệt hoàn toàn. Trong trường hợp này, nhiệt độ mà ta đang nói tới đúng hơn chính là một hào quang, một sự bức xạ mà khoa học chưa hề biết tới. Dĩ nhiên là lời giải thích này sẽ *chẳng bao giờ* tỏ ra là xác đáng đối với kiến thức hiện nay của khoa học. Nhưng ta có thể chờ xem. Ta cứ nghiên cứu từ học nhờ vào các giáo lý huyền bí học; thế rồi, những điều hiện nay không thể hiểu nổi, *phi lý* dưới ánh sáng của khoa vật lý học, sẽ trở nên rõ rệt hoàn toàn.

(14) Chúng ắt phải như vậy. Tất cả những hành tinh Bên trong Thủy tinh cũng như những hành tinh bên ngoài Hải vương tinh chưa hề được phát hiện, mặc dù người ta phỏng đoán về chúng rất nhiều. Chúng ta biết chúng có tồn tại và tồn tại ở *đâu*; có vô số hành tinh đã “bị thiêu đốt” (theo cách nói của khoa học) tức là thuộc *chu kỳ hoại không* (theo cách nói của chúng ta); có những hành tinh đang được tạo lập và chưa phát sáng v.v. . . Vậy thì những điều mà “ta biết” không ích lợi gì mấy cho khoa học khi các nhà Thần linh học không chịu công nhận kiến thức của ta. Khi được điều chỉnh tới mức nhạy lớn nhất và được gắn liền vào một kính thiên văn lớn, thì biến nhiệt kế của Edison có thể tỏ ra hữu dụng rất nhiều nếu ta hoàn chỉnh được nó. Khi được gắn liền như thế, “biến nhiệt kế” sẽ cung cấp cho ta chẳng những khả năng đo lường được nhiệt của những ngôi sao xa nhất trong số những ngôi sao mà ta thấy được bằng mắt trần; nó còn cung cấp cho ta khả năng dựa vào những bức xạ vô hình của các ngôi sao mà dò ra được những điều không thấy được và không thể dò ra được do đó là những hành tinh mà ta chưa dò ra được. Người phát minh ra nó ^[1], một hội viên Thông Thiên Học được Chơn sư M. bảo trợ rất nhiều, nghĩ rằng nếu ở bất kỳ điểm nào đó trong vùng không gian trống rỗng trên trời (vùng không gian dường như trống rỗng ngay cả khi ta nhìn qua một kính thiên văn có độ phóng đại lớn nhất), *biến nhiệt kế* cho ta thấy nhiệt độ gia tăng và cứ như thế mãi, thì đây ắt là một bằng chứng chính qui cho ta thấy rằng dụng cụ này đang cộng hưởng với một thiên thể hoặc là không phát sáng, hoặc là ở xa đến nỗi vượt ngoài tầm nhìn của kính thiên văn. Ông bảo rằng *biến nhiệt kế* của mình “chịu ảnh hưởng của một tầm mức rộng lớn các ba động của chất ether hơn mức mắt phàm có thể nhận biết được”. Khoa học sẽ *nghe được* âm thanh xuất phát từ một vài hành tinh trước khi *trông thấy* được các hành tinh đó. Đây là một *điều tiên tri* ^[2]. Tiếc thay ta không phải là một Hành tinh, thậm chí cũng chẳng phải là một “Chơn linh Hành tinh”. Bằng không thì ta ắt khuyên con hãy kiểm lấy một *biến nhiệt kế* của ông ta

^[1] Edison là một hội viên danh dự của Hội Thông Thiên Học.

^[2] Điều tiên tri này đã trở thành hiện thực khi người ta phát hiện ra các chuẩn tinh.

để cho ta khỏi mất công viết thư cho con. Lúc bấy giờ, ta sẽ xoay sở để “cộng hưởng” với con.

(15) Không đâu anh bạn thân mến, ta không hề bép xép về tất cả những điều đó. Ta chỉ để cho con tự nhớ lại thôi. Mọi tạo vật phàm tục cho dù là những kẻ kém may mắn nhất, đều có những lúc tương đối hạnh phúc trong cuộc đời của mình. Tại sao con lại không có ? Đúng vậy đó là một ẩn số X mà ta đề cập tới.

(16) Trong số mọi người Ấn độ, người ta tin tưởng thoải mái rằng trạng thái trước khi sinh và kiếp lai sinh của một người đều bị uốn nắn theo sự ham muốn cuối cùng mà y có thể có được vào lúc lâm chung. Nhưng người ta cho rằng cái sự ham muốn cuối cùng này tất nhiên cứ loanh quanh dưới cái dạng thức mà con người gán cho những ham muốn, những đam mê v. v. . . của mình trong kiếp đã qua. Chính vì lý do này – nghĩa là ham muốn cuối cùng của chúng ta có thể bắt lợi cho sự tiến bộ trong tương lai của chúng ta – cho nên chúng ta mới phải cảnh giác với những hành động của mình, phải kiểm soát những đam mê và dục vọng của mình suốt cả một kiếp sinh hoạt trên trần thế.

(17) Điều này *không thể* khác đi được. Kinh nghiệm của những người chết hụt (do bị chết đuối hoặc vì những tai nạn khác) rồi lại hồi sinh, đã chứng thực cho giáo lý của chúng ta hầu như về mọi trường hợp. Những tư tưởng như thế là *không tự ý* và chúng ta không thể kiểm soát được chúng nhiều hơn mức vô ý thức của mắt khiến cho nó không thấy được cái màu ảnh hưởng tới mắt nhiều nhất. Vào giây phút cuối cùng, trọn cả cuộc đời được phản ánh vào trí nhớ của ta rồi xuất lộ từ mọi xó xỉnh và mọi ngóc ngách đã bị lãng quên, hết hình ảnh này đến hình ảnh khác, hết diễn biến này đến diễn biến khác. Bộ óc đang hấp hối trực xuất trí nhớ ra với một xung lực vô cùng mạnh mẽ, và trí nhớ phục hồi một cách trung thực mọi ấn tượng được ghi khắc vào nó trong thời kỳ bộ óc còn hoạt động. Ấn tượng nào và tư tưởng nào mạnh mẽ nhất dĩ nhiên là phải trở nên sống động nhất và có thể nói là còn sống sót so với những thứ còn lại, những thứ đó giờ đây đã mờ nhạt đi để rồi mãi mãi biến mất, chỉ xuất hiện trở lại nơi Devachan^[1]. Không ai chết mà đang bị điên hoặc mất ý thức như một số nhà sinh lý học khẳng định. Ngay cả một *người điên*, hoặc một người bị *lão hóa về bộ óc* (lú lẫn) cũng có những giây phút hoàn toàn sáng suốt vào lúc lâm chung mặc dù không thể nói với những người đang hiện diện xung quanh mình. Người này có vẻ dường như chết rồi. Thế nhưng, từ cái mạch động cuối cùng, từ cái nhịp đập thoi thóp cuối cùng của trái tim mãi cho tới lúc tia nhiệt động vật cuối cùng đã rời bỏ thân xác, thì trong khoảng thời gian đó, *bộ óc vẫn còn suy nghĩ* và *Bản ngã* sống trải qua trọn cả cuộc đời quay trở lại chỉ trong một vài phút giây ngắn ngủi. Kẻ nào đang có mặt bên giường người chết để chứng kiến cái giờ phút nghiêm trang đó của việc sinh ly tử biệt thì làm ơn xin nói khe khẽ dùm. Đặc biệt là con phải giữ im lặng ngay đúng lúc thần Chết đã đặt bàn tay nhám nhúa của mình lên trên cái xác phàm. Ta nhắc lại, con phải nói khe khẽ thôi, kẻo con sẽ làm rộn cái tia tư tưởng lẫn lộn và cản trở cái công việc bận rộn của Quá khứ đang chiếu những tia phản ánh của mình lên Bức màn Tương lai.

(18) Đúng vậy, việc nhớ lại “trọn vẹn” các kiếp sống của chúng ta (các kiếp sống *tập thể*) sẽ trở lại vào lúc cuối *tất cả bảy Cuộc tuần hoàn*, vào lúc ở trước thềm của trạng thái Niết Bàn dài đằng đặc ắt chờ đợi chúng ta sau khi ta đã rời bỏ Bàu hành tinh

^[1] Tội nghiệp thay! Nếu trong khi vội vã mà ta quên (ghi thiếu) 5 chữ cuối cùng vừa rồi, thì thiên hạ ắt đã tố cáo ta rõ ràng là mâu thuẫn.

Z. Còn vào cuối một Cuộc tuần hoàn riêng biệt, thì chúng ta chỉ nhớ lại được toàn bộ những ấn tượng cuối cùng của mình, nghĩa là những thứ mà chúng ta đã tuyển lựa, hoặc đúng hơn là chúng ta *đổ ập* lên chúng ta rồi bám theo gót chúng ta vào *Devachan*. Đây là những kiếp “tập sự” mà chúng ta luôn sa đà theo cuộc sống với những cuộc thử thách mới đưa ta tới những cuộc sống mới. Nhưng vào cuối một chu kỳ thứ yếu, sau khi đã kết thúc trọn cả bảy Cuộc tuần hoàn, thì chẳng còn một điều từ bí nào khác chờ đợi chúng ta, ngoại trừ việc cái chén phước (bao gồm những *hành vi thiện*) nặng hơn cái chén tội (bao gồm những *hành vi ác*) khi đặt lên cái cân Công lý Báo phục. Kẻ xấu không thể cứu vãn ắt chẳng vớt vát được chút nào từ Nguyên khí thứ 5 của mình và cái *Bản ngã* đó phải bị tiêu diệt, phải biến mất trong *cõi thứ tám*. Ta có dạy rằng chỉ cần vớt vát được chút đỉnh của Phạm ngã cũng đủ cứu người này thoát khỏi cái Số phận dễ sợ đó. Nhưng sau khi hoàn tất chu kỳ lớn thì không được như vậy, chỉ có một cõi Niết Bàn Cực lạc dài dài mặc dù theo quan niệm thô thiển của con thì đó là tình trạng vô ý thức; sau đó thì sẽ có một sự sống trên cương vị là một đáng Dhyana Chohan trong trọn cả một Chu kỳ thành trụ, bằng không thì sẽ là một “*Niết Bàn A Tỳ*” tức là một Chu kỳ thành trụ khôn khổ và Khủng khiếp (con ắt *cũng chẳng* nghe nói tới thuật ngữ này và ta cũng chẳng nói tới hoặc viết tới nó làm chi). Nhưng “các đáng này” chẳng dính dáng gì tới kẻ phạm phu tiến hóa trải qua bảy bầu hành tinh. *Cộng Nghiệp* của một Chơn linh Hành tinh tương lai dễ thương bao nhiêu, thì cộng Nghiệp của một ... cũng khủng khiếp bấy nhiêu. Như thế cũng đủ rồi. Ta nói như vậy là quá nhiều rồi.

(19) Đúng là như vậy. Mãi cho tới khi sự đấu tranh giữa lưỡng nguyên thượng đẳng và lưỡng nguyên trung gian bắt đầu (*ngoại trừ trường hợp những kẻ tự tử, không chết một cách tự nhiên mà chỉ giết chết tam nguyên thể chất của mình và trường hợp những Tinh linh ngũ hành ký sinh do đó không được tách rời một cách tự nhiên khỏi Bản ngã giống như trường hợp chết thật*), ta nhắc lại mãi cho tới khi cuộc đấu tranh đó bắt đầu và chấm dứt thì không một ma hình nào có thể trở thành hiện thực được. Chỉ khi nguyên khí thứ 6 và nguyên khí thứ 7 đã ra đi, mang theo mình những bộ phận tâm linh tinh vi của cái đã từng một thời là tâm thức *phạm nhân* của nguyên khí thứ 5, chỉ lúc bấy giờ thì ma hình mới dần dần phát triển được một loại ý thức mù mờ của riêng mình bắt nguồn từ tàn dư của u hồn thuộc phạm nhân. Bản thân mền, ở đây không có chi là mâu thuẫn, chỉ có nhận thức của chính con là mù mờ.

(20) Tất cả những gì thuộc về các cảm giác và thuộc tính vật chất - tâm lý của 5 uẩn hạ đẳng, tất cả những gì bị Bản ngã mới tái sinh nơi *Devachan* vứt bỏ coi như đồ phế thải vì thấy là không xứng đáng và không đủ liên hệ tới những cảm xúc, xúc động, nhận thức *thuần túy* tâm linh của nguyên khí thứ 6 đã được tăng cường và có thể nói là *kết dính* một phần với nguyên khí thứ 5; nơi *Devachan*, cái bộ phận của nguyên khí thứ 5 đó là cần thiết để bảo tồn một ý niệm về “*Bản ngã*” (đã được tâm linh hóa một cách thiêng liêng) nơi *Chơn thần* (bằng không thì Chơn thần ắt chẳng ý thức được gì về khách thể hoặc chủ thể); tất cả những thứ này “đều bị *tiêu diệt mãi mãi*”, nghĩa là vào lúc chết của thể xác để rồi trở lại một lần nữa, bày ra trước mắt Bản ngã mới đứng trước thềm *Devachan* để bị Nó vứt bỏ đi. Những điều này sẽ trở lại lần thứ ba một cách *trọn vẹn* vào cuối chu kỳ thứ yếu, sau khi đã chấm dứt bảy Cuộc tuần hoàn, khi *toàn bộ* các kiếp tập thể đã được cân, đong, đo, đếm – một cái ly chứa “phước”, một cái ly chứa “tội” trên cán cân công lý. Nhưng ở nơi một cá nhân, một *bản ngã* cô lập dù là tốt dù là xấu hay thường thường bậc trung, thì tâm thức đột ngột rời khỏi người

này chẳng khác nào “ngọn lửa rời khỏi cái bắc đèn”. Bạn thân mến, con cứ thổi cái ngọn nến đi xem. Ngọn lửa đã “mãi mãi” rời bỏ cái ngọn nến *đó*, nhưng liệu những hạt đã di chuyển (mà chuyển động của chúng tạo ra cái ngọn lửa *nơi ngoại giới*) có bị hủy diệt hoặc bị tán tác đi đâu chăng ? *Không bao giờ đâu*. Con cứ thắp sáng ngọn nến trở lại, thì cũng chính những hạt đó do ái lực với nhau sẽ lại bị thu hút trở về cái bắc đèn. Con hãy đặt một dãy dài các ngọn nến ở trên bàn. Con hãy thắp sáng một ngọn nến lên đi rồi lại thổi tắt phụt nó; rồi con lại thắp sáng ngọn nến khác và cứ như vậy mãi tới ngọn nến thứ ba, thứ tư v. v. . . Trong trường hợp của con cùng một loại vật chất (nghĩa là cùng một loại hạt chất khí) ắt biểu diễn *Nghiệp* của phàm nhân, nó sẽ được thu hút trở lại do những điều kiện mà que diêm của con cung cấp cho chúng để tạo ra một ánh sáng mới; nhưng liệu chúng ta có thể nói rằng ngọn lửa của cây nến thứ nhất đã tắt mãi mãi chăng? Ngay cả trong những trường hợp của “sự thất bại trong thiên nhiên” – khi những đứa trẻ và những kẻ điên bầm sinh luân hồi *ngay tức khắc* (điều này đã làm cho C. C. M. phải nổi giận, thì ta cũng có thể gọi đó là những phàm ngã xưa cũ *giống như nhau* – thì ngọn lửa cũng không hề tắt mãi mãi, *mặc dù trọn cả nguyên sinh khí giống như vậy và cả MANAS (nguyên khí thứ 5) hoàn toàn giống như vậy có nhập trở lại một cái xác mới* – ta có thể gọi điều này là một “kiếp luân hồi của phàm ngã”, trong khi đó lúc các Bản ngã tái sinh từ cõi *Devachan* và *A Tỳ* vào dòng sống theo Nghiệp Báo, thì chỉ có các thuộc tính tâm linh của Chơn thần cùng với Buddhi là tái sinh thôi. Về những “sự thất bại” trong kiếp luân hồi đó, thì ta chỉ có thể nói được rằng đây là *Manas* (nguyên khí thứ 5 của ông Smith hoặc cô Grey) luân hồi chứ chắc chắn đó không phải là những kiếp luân hồi của ông S. và cô G. Vì vậy, lời giải thích rất rõ ràng và ngắn gọn (mặc dù có lẽ ít bay bướm văn hoa hơn con) dành cho C. C. M. đăng trên *Tạp chí Nhà Thông Thiên Học* để đáp lại sự đả kích đầy hờn oán của y trong tờ *Ánh Sáng*, chẳng những là chính xác mà còn *chân thật* nữa và cả con lẫn C. C. M. đều tỏ ra bất công với Upasika cũng như ngay cả với chính ta (vốn bà viết như vậy) và ngay cả con cũng hiểu lầm lời than thở và phàn nàn của ta vì những lời giải thích lẫn lộn và bị xuyên tạc trong quyển *Nữ thần Isis lộ diện* (chẳng ai ngoại trừ chúng ta – những người đã gọi linh hứng cho bà – phải chịu trách nhiệm về sự *không hoàn chỉnh* của quyển sách này) chính ta có ý muốn nói mình phải vận dụng mọi “sự khéo léo” để làm cho sự việc được rõ rệt hơn; lời phàn nàn của ta lại bị hiểu lầm là sự thú nhận cố ý xảo trá và dùng mảnh lời, trong khi thực ra ta không khéo léo lắm mặc dù thành thật muốn (bất chấp việc rất khó thực hiện) vá vúi và làm sáng tỏ cho sự hiểu lầm này. Ngay từ khi chúng ta bắt đầu liên lạc thư từ, chưa có một điều nào khác làm cho *Đức Văn Minh Đại Đế* bất mãn nhiều như vậy. Nhưng chúng ta phải trở lại đề tài này.

Con có hỏi “vậy thì bản chất của sự nhớ lại và cái ngã thức của ma hình là gì? Ta có nói trong lời giải thích cho con rằng nó chẳng khá gì hơn một ánh sáng phản chiếu hoặc vay mượn. “Trí nhớ” là một chuyện, còn “năng lực nhận thức” là một chuyện khác hẳn. Một người điên có thể nhớ rất rõ ràng một bộ phận nào đó trong kiếp sống đã qua của mình. Thế nhưng y không thể nhận thức được bất cứ điều gì vốn là chân tướng của nó vì phần cao siêu của *Manas* và *Buddhi* đã bị tê liệt nơi bản thân y và đã rời bỏ y. Nếu một con thú – chẳng hạn như một con chó – biết nói, thì nó có thể cho con thấy rằng trí nhớ của nó liên hệ trực tiếp với phàm ngã chó của nó thì cũng mới tinh khôi như trí nhớ của con; tuy nhiên ta không thể gọi trí nhớ và bản năng của nó là

“năng lực nhận thức”. Một con chó chỉ nhớ rằng người chủ đã từng đánh đập mình, khi thấy người chủ cầm lăm lăm cái roi trên tay, còn vào những lúc khác thì nó không nhớ tới chuyện đó. Một ma hình cũng giống như vậy; một khi ở trong vòng hào quang của một người đồng cốt và những người đồng thanh tương ứng với người đồng cốt ắt khiến cho ma hình nhận thức được rất rõ rệt. Nhưng nhận thức này *không vượt quá* mức ma hình tìm thấy được nơi năng lực nhận thức và trí nhớ của người đồng cốt và đám *người tương cận* với đồng cốt; vì thế những câu trả lời thường rất hợp lý và đôi khi rất thông minh; cũng vì thế cho nên ma hình hoàn toàn quên hết những sự việc nào mà mọi người đều biết ngoại trừ người đồng cốt và đám người tương cận là không biết. Ma hình của một người rất thông minh, rất có học thức, nhưng hoàn toàn không tiến bộ về mặt tâm linh và chết một cách tự nhiên, sẽ tồn tại lâu hơn nhờ có *u hồn* do trí nhớ của chính mình giúp đỡ - *u hồn* này chính là phần phế thải do nguyên khí thứ 6 bỏ lại trong nguyên khí thứ 5 - *y* có thể thuyết pháp thông qua một đồng tử xuất thần và lập lại giống như con vẹt những gì mà *y* đã biết và đã suy nghĩ rất nhiều trong buổi sinh thời. Nhưng trong biên niên sử của thần linh học, con hãy tìm cho ta *chỉ một* ví dụ thôi, có một ma hình trở lại nào của ông Faraday hoặc ông Brewster (giả sử chúng có thể bị rơi vào bẫy do người đồng cốt thu hút tới) mà có nói một lời nhiều hơn mức mình biết trong buổi sinh thời hay chẳng. Đâu rồi cái ma hình đầy khoa học bao giờ cũng cung cấp bằng chứng cho điều được quả quyết nhân danh “*Vong linh* đã thoát xác” nghĩa là một Linh hồn tự do, một Vong linh đã được giải thoát khỏi xiềng xích của thể xác của mình, có thể nhận thức và thấy được những điều mà mắt phàm của người còn sống không thấy được? Ta e rằng đây là một thách đố đối với những nhà Thần linh học chẳng biết sợ là gì. Con cứ thách đố những người đồng cốt lồi lạc nhất, đáng tin cậy nhất – chẳng hạn như Stainton Moses – hãy cung cấp cho con thông qua cái ma hình cao cấp đã thoát xác mà ông hiểu lầm là “Hoàng đế” vào thời kỳ đầu hành nghề đồng cốt; con hãy thách *y* nói cho con biết ở trong cái hộp đóng kín có cái gì nếu chính S. M. không hề biết điều này; hoặc con hãy thách nó lập lại cho con nghe một dòng chữ bản thảo bằng tiếng Bắc phạt mà người đồng cốt không biết đọc, hoặc con thách đố bất cứ điều gì khác thuộc loại này. Xấu hổ thay ! họ mà dám tự xưng là các *Vong linh* à ? Họ mà dám tự xưng là các vong linh có trí nhớ của *phàm nhân* à ? Những câu mà con vẹt xỏ ra có thể gọi là trí nhớ của phàm nhân chẳng ? Tại sao con không yêu cầu C. C. M. hãy thử trắc nghiệm vong linh mang dấu + ? Tại sao con không làm cho tâm trí của *y* và tâm trí của chính mình được thanh thản bằng cách gợi ý cho *y* yêu cầu một người bạn hoặc một người quen biết (mà S. M. *không hề biết*) hãy chọn lựa một vật có bản chất mà chính C. C. M. cũng không biết được, để rồi xem liệu vong linh mang dấu + có thể gọi tên được cái vật đó chẳng – đây là một điều mà một nhà thần nhân có năng lực có thể làm được. Xin “Vong linh” Zöllner (giờ đây *y* đã ở trong “chiều đo thứ tư của không gian” và đang dạy bảo nhiều đồng tử) - hãy nói cho những người đồng tử này biết khám phá cuối cùng của mình để hoàn tất triết lý về cõi trần và cõi trung giới của *y*. Không đâu, khi đang thuyết pháp qua một người đồng cốt thông minh, được bao bọc xung quanh bởi những người có đọc tác phẩm của Zöllner và có quan tâm tới những tác phẩm đó thì Zöllner chỉ lập lại bằng nhiều giọng khác nhau điều mà những người khác biết (rất có thể là không phải chỉ những điều ông ta biết); khi đó công chúng dốt nát và cả tin đã lẫn lộn *hậu quả* với *nguyên nhân* và tin chắc lại lịch của Vong linh này là Zöllner. Thật vậy, con cũng bỏ công nếu chịu khảo cứu theo

chiều hướng này; đúng vậy, tâm thức của phạm nhân đều rời bỏ mọi người lúc lâm chung, và ngay cả khi trung tâm ký ức đã được tái lập nơi ma hình, thì nó cũng chỉ nhớ và nói ra được những hồi ức của mình thông qua bộ óc của một người *còn sống* nào đó. Vì thế cho nên -

(21) Một sự nhớ lại ít nhiều hoàn chỉnh song vẫn còn mơ hồ về phạm ngã của mình và về sự sống thuần túy *trên cõi trần*. Trong trường hợp người bị điên hoàn toàn, việc cuối cùng cắt đứt liên lạc giữa hai lưỡng nguyên thượng đẳng (nguyên khí thứ bảy và nguyên khí thứ sáu đứt liên lạc với nguyên khí thứ năm và nguyên khí thứ tư) vào lúc nguyên khí thứ bảy và nguyên khí thứ sáu bước vào giai đoạn tự sinh, ắt đào một hố sâu không thể vượt qua được giữa hai lưỡng nguyên này. Ngay cả một phần nguyên khí thứ năm cũng không hề bị mang đi – chứ đừng nói đến hai nguyên khí rười mà ông Hume đã trình bày một cách thô thiển trong bài *Những mảnh vụn chân lý* của mình – để rồi nhập vào Davachan, bỏ lại đằng sau chỉ còn một nguyên khí rười. *Manas* bị xén bớt những thuộc tính tinh vi nhất, trở nên giống như một đóa hoa mà mọi hương thơm đã thành linh biến mất, một hoa hồng bị nghiền nát và đã phải cung cấp hết mọi tinh dầu của mình cho xưởng chế biến *tinh dầu hoa hồng*; những gì còn lại chỉ là mùi hôi thối của cỏ đã bị nát rữa và đất bị mục thối.

(a) Ta tin rằng câu hỏi thứ hai đã được trả lời đúng mức rồi (đó là đoạn thứ hai của con). *Chon ngã* tiếp tục triển khai ra các phạm ngã có “ý thức về bản ngã” *rất hoàn chỉnh* trong buổi sinh thời. Sau khi *chon ngã* đã tách rời với phạm ngã, thì ý thức này trở nên mờ nhạt hẳn và hoàn toàn thuộc về những hồi ức của con người *trên cõi trần*. Ma hình có thể là ông Sinnett hoàn hảo khi đang bận tâm đánh bạc ở câu lạc bộ lúc đó hoặc là thua hoặc là thắng một món tiền lớn; ma hình cũng là một Babu Smut Murky Dass đang ra sức lừa gạt người ủy quyền cho mình để lấy một số tiền rupi. Trong cả hai trường hợp thì trên cương vị là các ma hình, cả người đã từng là Tổng Biên Tập lẫn vị Babu đều nhắc cho bất kỳ kẻ nào (có đặc quyền trải qua một tiếng đồng hồ trò chuyện với các thiên thần đã thoát xác) nhớ tới việc những kẻ bị nội trú trong một nhà thương điên được phép đóng vai trò trong một vở kịch riêng tư để làm liệu pháp giải trí vệ sinh nhiều hơn mức mà những nhân vật Caesar và Hamlet được họ biểu diễn. Chỉ cần một cú sốc nhỏ cũng khiến cho những diễn viên tài tử này trật đường rầy và lại đâm ra mê sảng điên rồ.

(b) Đây là một sai lầm. A. P. Sinnett *không phải* là “một điều hoàn toàn phía ra mới”. Y là đứa con và là tạo vật phạm ngã trước kia của mình, y chỉ biết rằng đó là con cháu do Nghiệp báo của Nonius Asprenas, người Chấp chính của Hoàng đế Domitian – (năm 94 sau Công nguyên) cùng với Arricinius Clemens^[1] và bạn của vị Thượng Tế của thần Jupiter, là thủ lĩnh của các vị *Lễ sư cao cấp* vào thời đó hoặc chính là vị *Thượng Tế* đó – điều này sẽ giải thích cho việc A. P. Sinnett đột nhiên đâm ra yêu thích thần bí học. A. P. S. – là bạn và huynh đệ của Chon sư K. H. sẽ nhập *Devachan*; còn A. P. S. là Tổng Biên tập tờ báo và là con người chuyên môn chơi quần vợt trên sân cỏ, một Don Juan tương đối lành mạnh vào thời vàng son của “những vị Thánh, những kẻ Phạm tội và những Vở kịch” sẽ tự đồng nhất hóa mình qua việc thường đề cập tới các mọt ruồi hay cái vết sẹo do hóa trang – có lẽ sẽ chửi mắng các vị Babu thông qua một người đồng tử để liên lạc với một người bạn cũ nào đó ở California hay Luân đôn.

^[1] Có lẽ là Clemens Arretinus.

(c) Nó sẽ tìm thấy “đủ tài liệu vừa đúng mức” và sẽ để dành. Một vài năm Thông Thiên Học sẽ cung cấp đủ tài liệu.

(d) Định nghĩa hoàn toàn chính xác.

(e) Trong hình phản ánh của A. P. S. qua gương soi cũng có nhiều *phàm ngã* của y giống như A. P. S. thực đang sống.

(f) Chơn ngã sẽ không nghĩ tới *ma hình* của A. P. S. cũng chẳng khác gì nó chẳng nghĩ tới bộ quần áo cuối cùng mà nó mặc; nó cũng chẳng có ý thức rằng cá tính đã mất đi, vì lúc bấy giờ nó chỉ thấy nơi bản thân là *cá tính* duy nhất và *phàm tính* *Thiên* *liêng* duy nhất. *Trở lại với chính mình* là mệnh lệnh trực tiếp của câu sấm truyền dành cho *Chơn thần* nơi *Devachan*, còn “tà thuyết về Cá tính” là một giáo lý mà bậc *Như Lai* đã tuyên thuyết nhằm vào *Ma hình*. *Ma hình* mà sự tự đắc vốn khét tiếng giống như sự tự đắc của người đồng cốt khi nhắc nhở rằng nó chính là A. P. S., sẽ nói lên dư âm như sau: “Dĩ nhiên là chắc chắn khi người ta đưa tôi một số quả đào đã đóng hộp thì tôi sẽ dùng nó để ăn sáng một cách ngon lành cùng với một ly rượu vang đỏ !” Và sau lời tuyên bố đó thì người nào có quen biết A. P. S. ở Allahabad mà lại dám nghi ngờ lai lịch của *ma hình* ? Thế mà khi bị bỏ mặc một mình trong một lúc ngắn ngủi do nhóm người lên đồng bị rối loạn gì đó hoặc do tư tưởng của người đồng cốt có lúc vẫn lơ đãng tới một người nào khác, thì chính *ma hình* đó lại bắt đầu suy nghĩ do dự chẳng biết mình là A. P. S., S. Wheeler, hoặc Ratigan; và cuối cùng, nó tự khẳng định mình là Julius Caesar.

(g) Và cuối cùng bằng cách vẫn yên ngủ.

(h) Không đâu, nó không có ý thức về sự mất cố kết này. Ngoài ra một cảm giác như thế hoàn toàn vô ích cho mục đích của thiên nhiên đối với một *ma hình*; nó khó lòng có thể nhận biết được một điều gì mà người đồng cốt hoặc những người tương cận chưa hề mơ tới. Nó chỉ mơ hồ có ý thức về sự chết trên cõi trần của chính mình (mặc dù phải sau một thời gian dài) thế là đủ rồi. Một vài trường hợp ngoại lệ đối với qui tắc này (trường hợp những thầy phù thủy thành công nửa chừng hoặc những người rất ác độc đam mê bám chặt lấy *Bản ngã*) gây ra một sự nguy hiểm có thật cho người sống. Chính những *ma hình* duy vật này (tư tưởng cuối cùng của nó lúc chết là “*Bản ngã*, *Bản ngã* và *Bản ngã*; sống, sống và sống”) ắt thường cảm thấy điều này theo bản năng. Một số người tự tử cũng vậy, mặc dù không phải ai tự tử cũng như thế. Điều xảy ra lúc bấy giờ thật là khủng khiếp vì đó là một trường hợp của chứng điên ngớ mình là chó sói *sau khi chết*. *Ma hình* sẽ bám cứng lấy cái điều giống như sự sống mà nó tìm cách tị nạn ở một cơ thể mới nơi một con thú nào đó – nơi một con chó, một con linh cẩu, một con chim khi không có một cơ thể con người nào gần kề ngay tâm của mình – hơn là chịu bị hủy diệt.

(22) Đây là một câu hỏi ta không có quyền trả lời.

(23) Hỏa tinh và bốn hành tinh khác mà khoa thiên văn học không biết gì hết. Người ta không hề biết các hành tinh A, B, hoặc Y, Z, cũng không thể dùng bất kỳ một phương tiện trên cõi trần nào (cho dù hoàn toàn đến đâu đi chăng nữa) để thấy được các hành tinh này.

(24) Dứt khoát là không. Ngay cả một bậc Dhyán Chohan cấp thấp cũng không thể tới gần mặt trời mà *cơ thể* của mình không bị thiêu rụi hoặc đúng hơn là bị tiêu diệt. Chỉ những “Chơn linh Hành tinh” cao cấp nhất mới có thể dò xét được nó. (b) Không trừ phi chúng ta gọi nó là đỉnh của một góc. Nhưng đây là đỉnh của mọi “dãy”

hành tinh xét chung. Tất cả chúng ta đều ở trên dãy hành tinh – chúng ta sẽ phải tiến hóa, sinh sống và chạy lên chạy xuống cái thang dẫn từ dãy hành tinh cao nhất và cuối cùng trong các dãy hành tinh gồm bảy bầu hành tinh (xét theo thang tiến hóa hoàn hảo) trước khi Chu kỳ hoại không của Thái dương hệ tiêu diệt hệ thống nhỏ bé của ta.

(25 & 26) . . . “trong trường hợp đó, nó” - ở đây “nó” có liên quan tới các nguyên khí thứ sáu và thứ bảy chứ không phải là nguyên khí thứ năm, vì trong mỗi trường hợp *Manas* chỉ còn là một ma hình, có điều là trong trường hợp mà ta đang xét, thì nó không đủ thời giờ lui tới các người đồng cốt vì nó hầu như tức khắc bắt đầu chìm xuống cõi thứ tám. “Bấy giờ và ở đó” trong thời gian vĩnh hằng có thể là một thời kỳ rất dài. Nó chỉ có nghĩa là chơn thần không có thể *Nghiệp quả* nào hướng dẫn sự tái sinh của mình sẽ ở trong tình trạng *không biểu hiện* trong một thời gian để rồi lại luân hồi – chắc chắn là không sớm hơn 1 hoặc 2 ngàn năm. Không đâu, đây không phải là một “trường hợp ngoại lệ”. Ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ của các bậc đã được điểm đạo, chẳng hạn như các vị Ban thiền Lạt ma, chư Bồ tát và một vài người khác, còn không một chơn thần nào lại luân hồi trước chu kỳ đã định.

(27) “Làm thế nào mà y lại gây ra sự xáo trộn”. . . Nếu thay vì hôm nay con phải làm một điều gì đó, mà con lại trì hoãn nó mãi cho tới ngày hôm sau thì liệu điều này có thể - thoát đầu là một cách không thấy được và không cảm nhận được, kể đó là một cách mạnh mẽ - gây xáo trộn cho nhiều việc; và trong một số trường hợp, thậm chí còn làm đảo lộn số phận hàng triệu người, vì điều tốt hay điều xấu cho dù chỉ liên quan tới một sự thay đổi thôi, sự thay đổi này bản thân nó chẳng có chi là quan trọng song vẫn còn là một *sự thay đổi*. Và con có ý muốn nói gì khi cho rằng một sự sát nhân khủng khiếp và bất ngờ như vậy lại không gây ảnh hưởng tới số phận hàng triệu người?

(28) Ở đây chúng ta lại gặp vấn đề này. Thật vậy ngay từ khi ta điên rồ đề cập tới vấn đề này – nghĩa là đặt cái cày trước con trâu – thì những đêm đen của ta từ đó trở đi đã không còn là những giấc ngủ ngon nữa! Cầu Trời con hãy xét tới những sự kiện sau đây và nếu có thể được con hãy tập hợp chúng lại. [1] Các đơn vị cá biệt của loài người lưu trú trong các bầu hành tinh nhất thời về *hiệu quả* cả trăm lần lâu hơn lưu trú trong các hành tinh trần thế. [2] Một ít người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ 5 không sinh ra những đứa con thuộc Cuộc tuần hoàn thứ 5 mà chỉ sinh ra những đứa con thuộc Cuộc tuần hoàn thứ tư. [3] Các “kỳ hoại không” chẳng phải là *Pralayas* và chúng chỉ kéo dài theo tỉ lệ 1 so với 10. Điều này có nghĩa là nếu một Chu kỳ thế giới (ta có thể gọi nó là bất cứ điều gì, đó là thời kỳ mà bảy Giống dân Chính đã phát triển và cuối cùng biến mất khỏi bầu hành tinh trong một Cuộc tuần hoàn) chỉ kéo dài chẳng hạn như 10 triệu năm – dĩ nhiên là nó kéo dài lâu hơn nhiều – thì “kỳ hoại không” kéo dài không hơn *một triệu* năm. Khi bầu hành tinh của ta không còn những người cuối cùng thuộc Cuộc tuần hoàn thứ tư nữa và ít (rất ít những người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ 5) đã yên ngủ trong thời kỳ này thì những người của Cuộc tuần hoàn thứ 5 đó sẽ yên nghỉ nơi cõi Devachan và các cõi Tâm linh, dù sao đi nữa thì cũng lâu hơn so với sự yên ngủ của các “thiên thần” của Cuộc tuần hoàn thứ tư vì những người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ 5 *hoàn hảo hơn nhiều*. Ông Hume có nói đây là một sự mâu thuẫn và một sự lờ lờ của Chơn sư M.; vì Chơn sư M. viết điều gì thì cũng hoàn toàn chính xác mặc dù ngài cũng không thể chẳng bao giờ sai lầm hơn mức của ta; và ngài có thể diễn tả rất đại khái trong nhiều trường hợp.

“Con muốn hiểu được những hình tướng của Cuộc tuần hoàn cao siêu kế tiếp sẽ được triển khai như thế nào”. Bạn của ta ơi, con hãy rán hiểu rằng con đang đặt cho ta những câu hỏi thuộc về những cuộc điểm đạo cao cấp nhất. Ta chỉ có thể cung cấp cho con một *tổng quan*, nhưng ta không dám và cũng không đi vào chi tiết mặc dù nếu có thể thì ta rất muốn thỏa mãn ý con. Chẳng lẽ con không cảm thấy rằng đó là một trong *những điều bí mật cao siêu nhất* đến nỗi chẳng còn điều nào cao hơn nữa?

(a) “Chết” nhưng lại phục sinh một cách vinh quang hơn. Chẳng lẽ ta không nói như vậy sao?

(29) Dĩ nhiên là không, vì nó *không* bị hủy diệt, mà có thể nói là chỉ bị kết tinh ở *nguyên trạng*. Vào mỗi Cuộc tuần hoàn, càng ngày càng có ít con thú tiến hóa lên những hình thái cao siêu hơn. Trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất, chính những con thú là “vua của sự *sáng tạo*”. Trong Cuộc tuần hoàn thứ 7 thì con người sẽ trở thành các vị *Thần linh*, còn con thú trở thành một sinh linh có trí tuệ. Con hãy suy diễn ra đi. Bắt đầu từ Cuộc tuần hoàn thứ 2 thì sự tiến hóa đã diễn ra theo một kế hoạch khác hẳn. Vạn vật đều tiến hóa và phải tiến theo lộ trình tuần hoàn của mình để đạt tới mức hoàn hảo. Chỉ vào Cuộc tuần hoàn thứ nhất thì con người mới trở thành một người thực sự trên bầu hành tinh B, rồi lại trở qua loài khoáng vật, loài thực vật, loài động vật trên hành tinh C. Phương pháp này thay đổi hoàn toàn kể từ Cuộc tuần hoàn thứ 2 trở đi, nhưng ta đã học được cách phải thận trọng đối với con và *sẽ chẳng* nói điều gì trước thời gian đã định. Và giờ đây con có cả một quyển sách rồi, thế thì khi nào con mới tiêu hóa được nó ? Ta ngờ rằng có biết bao nhiêu điều mâu thuẫn trước khi con hiểu được chính xác trọn cả câu chuyện.

Tuy nhiên ta vẫn là thầy của con.

Thân ái,
K. H.

Bức Thư Số 24 A ^[1]

NHỮNG “SỰ MÂU THUÃN” NỘI TIẾNG

Nhận vào giữa tháng 9 năm 1882.

Con hi vọng rằng thầy sẽ tin cậy con hơn vì con đã ngoan ngoãn lao động cần cù bất chấp mệt mỏi, cố gắng biên soạn một vụ kiện mà nguyên cáo có liên quan tới những điều mâu thuẫn được trích dẫn. Con có nói ở đâu đó rằng đối với con thì những điều này dường như là “chuyện không có gì mà âm ỉ”; mặc dù vậy hiện nay, chúng lại làm cho con cảm thấy u uất khi nghĩ tới cõi Devachan và những kẻ bất đắc kỳ tử. *Đó là vì chúng không làm con băn khoăn nếu cho đến nay con chưa bao giờ hành động theo gợi ý của thầy là con nên ghi chú chúng lại đầy đủ.*

(1)

^[1] Những số trong ngoặc đơn nhằm ám chỉ những câu trả lời của Chơn sư K. H. mà ta sẽ thấy có trong *Bức thư 24 B*.

Ông Hume có khuynh hướng truy nguyên những sự mâu thuẫn trong một số bức thư đề cập tới sự tiến hóa của con người, nhưng khi đàm luận với ông, con luôn luôn chủ trương rằng chẳng có gì mâu thuẫn hết trơn – chỉ là vì có lẫn lộn về các cuộc tuần hoàn và các giống dân – đây là một vấn đề thuật ngữ. Thế rồi ông giả vờ nghĩ rằng thầy đã dựng nên các triết lý mà thầy tiếp tục quăng diển rồi thoát ra khỏi sự khó khăn bằng cách phịa ra thêm nhiều giống dân hơn dự tính ban đầu, đây là giả thuyết mà con luôn luôn chế nhạo là phi lý.

(2)

Ở đây con không chép lại những đoạn viết về những kẻ bất đắc kỳ tử được trích dẫn trong bức thư của con đề ngày 12 tháng 8 và xét theo biểu kiến, mâu thuẫn với điều sửa sai trên bản in thử *bức thư về Thông Thiên Học* của con. Thầy đã kịp thời đề cập tới những lời trích dẫn này ở phía sau lưng tờ giấy viết thư của con đề ngày 12 tháng 8.

(3)

“Ta có thể dễ dàng hiểu được việc chúng ta bị tố cáo là mâu thuẫn và tiền hậu bất nhất, thậm chí bữa nay viết một điều rồi ngày mai lại bác bỏ nó. Chẳng biết con có hiểu rõ ta đã viết thư như thế nào chẳng; nếu biết ta có thể dành bao nhiêu thời gian cho chúng thì may ra con mới cảm thấy ít phê phán hơn nếu không phải là ít sách nhiễu hơn”.

(4)

Chính đoạn này khiến con nghĩ rằng có thể một số bức thư trước kia đã là “nạn nhân của việc gặp tai nạn”.

Nhưng con tiếp tục vụ kiện của nguyên cáo:

(5)

“Hầu hết những người mà – nếu muốn – con có thể gọi là các ứng viên của cõi Devachan đều chết đi và tái sinh vào Kama loka mà chẳng nhớ gì cả . . . Con khó lòng có thể gọi một giấc mơ của con là sự nhớ lại một vài phong cảnh đặc biệt nào đó mà con thấy có một ít người được chèn vào bên trong khuôn khổ nhỏ hẹp của những phong cảnh này . . v. v. . . nếu có thể con cứ gọi nó là trí nhớ cá nhân của A. P. Sinnett”. *Đây là những chú thích viết đằng sau bức thư của con gửi cho Bà Già.*

(6)

“Chắc chắn rằng Bản ngã mới, một khi đã tái sinh vào cõi Devachan, đều giữ được sự nhớ lại trọn vẹn nếp sống tâm linh của mình trên Trần thế trong một thời gian nào đó tỉ lệ với sinh hoạt trên cõi trần”. *Đây là bức thư dài về Devachan.*

(7)

“Tất cả những người nào không trượt vào vũng lầy tội lỗi và thú tính không thể nào cứu chuộc nổi (thập ác ngũ nghịch) đều nhập vào Devachan”. *Như trên.*

(8)

“Nó (cõi Devachan) là thiên đường được lý tưởng hóa mà trong mọi trường hợp đều là sản phẩm của chính Bản ngã chứa đầy những phong cảnh đặc nghệt những sự cố và nhun nhúc những con người mà y mong rằng mình sẽ tìm thấy ở một cõi cực lạc bù trừ như thế”. *Như trên.*

(9)

“Chúng ta cũng không thể gọi nó là việc nhớ lại trọn vẹn mà chỉ là việc nhớ lại một phần. Tình thương và sự hận thù là những xúc cảm duy nhất bất tử, những xúc cảm duy nhất còn sống sót qua tàn tích của Ye-dhamma tức là cõi hiện tượng. Vậy thì con hãy tưởng tượng mình đang ở cõi Devachan với những người mà con đã có thể yêu thương bằng một tình thương bất tử với những phong cảnh quen thuộc mờ mờ ảo ảo liên kết với họ giống như một bối cảnh, ngoài ra tất cả những điều gì khác liên quan tới cuộc sống nội tâm về văn học, xã hội và chính trị của con đều hoàn toàn trống rỗng”. *Bức thư nêu trên tức là các Chú thích.*

(10)

“Vì tri giác hữu thức về phạm ngã của con người trên Trần thể chẳng qua chỉ là một giấc mơ phù du, cho nên cũng ý thức đó nơi cõi Devachan ắt là một giấc mơ *chỉ* có điều đã được tăng cường gấp cả trăm lần”. *Bức thư dài về Devachan.*

(11)

“... một kẻ sành điệu trải qua vô lượng kiếp mê đắm lắng nghe những bản hòa tấu thiêng liêng do dàn nhạc và đội đồng ca tưởng tượng của các thiên thần tấu lên”. *Bức thư dài nêu trên. Xem câu số 9 ở phía trước. Xem những chú thích của con về câu 10 và câu 11 nói tới Wagner v. v. ...*

Thầy có nói :

(12 A)

“Vậy thì ngoại trừ những kẻ tự tử và những ma hình, chẳng có trường hợp nào mà có khả năng cho bất kỳ kẻ nào khác bị thu hút vào một phòng lên đồng”. *Các Chú thích.*

(12 B)

“Ở bên lề, ta có nói là hiếm khi nhưng ta chưa bao giờ nói tới từ *không bao giờ*”.
Có đính kèm vào bức thư của con ngày 12 tháng 8.

Bức Thư Số 24 B

Nhận giữa tháng 9 năm 1882.

[A]

Vào giai đoạn này trong việc liên lạc thư từ của chúng ta, ngay cả con, người bạn trung thành của ta dường như cũng thường hiểu lầm chúng tôi, vì vậy có thể cũng bỏ công cho chúng ta và hữu ích cho cả đôi bên, nếu ta thông tin cho con về một số sự kiện - đây là những sự kiện rất quan trọng - liên quan đến quả vị Chơn sư. Vậy thì con hãy nhớ kỹ những điều sau đây:

(1) Một Chơn sư – từ cấp cao nhất cho tới cấp thấp nhất – chỉ là *Chơn sư khi ngài đang vận dụng những quyền năng huyền bí của mình*.

(2) Bất cứ khi nào cần tới những quyền năng này, thì ý chí tối cao mới mở cửa cho Chơn nhơn (tức là Chơn sư) có thể xuất lộ và tự do hành động nhưng với điều kiện là kẻ cai tù – phạm nhơn - hoặc là hoàn toàn hoặc là một phần bị tê liệt tùy theo trường hợp; cụ thể là: (a) bị tê liệt cả về tâm trí lẫn thể chất. (b) bị tê liệt về tâm trí nhưng không bị tê liệt về thể chất. (c) bị tê liệt về thể chất nhưng hoàn toàn không bị tê liệt về tâm trí. (d) không bị tê liệt về tâm trí mà cũng không bị tê liệt về thể chất, nhưng có một cuộn phim akasa len vào giữa chơn nhơn với phạm nhơn.

(3) Vậy thì giờ đây con sẽ hiểu rằng dù chỉ triển khai một chút quyền năng huyền bí cũng cần phải có nỗ lực. Ta có thể so sánh điều này với việc vận dụng cơ bắp của một lực sĩ để chuẩn bị sử dụng sức mạnh thể chất của mình. Vì không một lực sĩ nào có thể luôn luôn giải trí bằng cách gồng lên giống như khi sắp sửa phải cử tạ; cho nên cũng không một Chơn sư nào có thể được người ta giả sử rằng vẫn luôn luôn nhất tâm bất loạn để cho Chơn nhơn vận hành trọn vẹn khi chẳng có điều gì cấp thiết ngay trước mắt cần như vậy. Khi Chơn nhơn yên nghỉ, thì Chơn sư cũng giống một người thường, chỉ hạn chế trong năm giác quan của thể xác và bộ óc phàm. Thói quen sẽ làm cho trực giác của bộ óc phàm nhạy bén hơn, nhưng nó không thể làm cho giác quan của thể xác của ngài trở thành siêu giác quan. Chơn nhơn của Chơn sư bao giờ cũng sẵn sàng, bao giờ cũng cảnh giác, như thế cũng đủ cho mục đích của chúng ta rồi. Như vậy, vào những lúc yên nghỉ, năng khiếu của ngài cũng yên nghỉ theo. Khi ta ngồi dùng bữa hoặc khi ta đang mặc quần áo, đang đọc sách hoặc bận rộn điều gì khác, thì ta cũng chẳng nghĩ tới ngay cả những người thân cận nhất với mình; cho nên Chơn sư Djual Khool mới dễ dàng bị lỗ mũi ăn trầu khi trong đêm tối, ngài va vào một cái xà nhà trong một đêm nào đó. Đó là vì lẽ ra nên che chắn một “cuộn phim” akasa giữa chơn nhơn và phạm nhơn, thì ngài lại điên rồ làm tê liệt mọi giác quan thể xác của mình

trong khi nói chuyện với một người bạn ở xa. Thế mà ta vẫn điềm nhiên chẳng biết gì về sự kiện này; vì *ta không nghĩ tới ngài*, cho nên ta mới không biết.

Từ những điều nêu trên, con có thể suy đoán ra rằng một Chơn sư là một người thường vào những lúc trong sinh hoạt hằng ngày ngoại trừ những lúc Chơn nhơn của ngài đang hoạt động.

Kết hợp điều này với sự kiện không dễ chịu theo đó chúng ta bị cấm không được dùng một phần nhỏ quyền năng của mình liên quan tới những hội viên Hội Chiết Trung (về điều này con phải cảm ơn ông Hội trưởng Hội Chiết Trung, và chỉ cảm ơn *một mình ông thôi*); và có thể nói một chút xíu quyền năng đó lại chỉ được thực hiện theo kiểu lậu; thì con sẽ suy luận theo tam đoạn luận như sau:

Khi viết thư cho chúng ta, Chơn sư K. H. *không phải là một Chơn sư*.

Nếu ngài *không phải* là Chơn sư thì ngài có thể sai lầm.

Do đó, Chơn sư K. H. rất dễ dàng có thể sai lầm.

Chỉ cần những lỗi lầm về chấm câu cũng đủ làm thay đổi hoàn toàn trọn cả ý nghĩa của một câu văn; còn những lỗi lầm về thành ngữ rất có thể sẽ xảy ra, nhất là khi ta phải viết vội vã; những lỗi lầm do việc đôi khi lẫn lộn những thuật ngữ mà *ta phải học của con* vì chính con là tác giả của những thuật ngữ “cuộc tuần hoàn”, “chu kỳ thế giới”, “chu kỳ trái đất” v. v. . . Thế thì với tất cả những điều nêu trên ta xin phép được tuyên bố rằng sau khi đã kỹ lưỡng đọc đi đọc lại những điều Mâu thuẫn Nổi tiếng mà con viết. Sau khi đã đưa chúng cho Chơn sư M. đọc, rồi đưa cho một *Chơn sư cao cấp* mà quyền năng không thuộc thẩm quyền của Đức Văn Minh Đại Đế đã ký thác cho ngài để ngài khỏi phí phạm vào những điều vô giá trị do sự ưa thích phàm tục; sau khi đã làm tất cả những điều đó, ta được vị Chơn sư cao cấp nói trên phán bảo rằng: “Điều này hoàn toàn chính xác. Vì đã biết ngụ ý của ngài như bất kỳ người nào khác đã quen thuộc với giáo lý của chúng ta, cho nên tôi chẳng tìm thấy trong những đoạn trích vụn vặt này có bất cứ điều gì mâu thuẫn với nhau. Nhưng vì nhiều câu viết không hoàn chỉnh, và vì những đề tài rải rác không theo một thứ tự nào hết, cho nên tôi cũng chẳng lấy gì làm lạ nếu các “đệ tử tại gia” của ngài bối rối tìm vết chúng. Đúng vậy, những điều này cần được trình bày minh bạch và rõ rệt hơn nữa”.

Đây là phán quyết của *một Chơn sư* và ta sẽ chấp hành nó; ta sẽ cố gắng hoàn chỉnh thông tin để giúp cho con.

Chỉ trong *mỗi một* trường hợp – được đánh dấu ở trên các trang viết của con và những câu trả lời của ta (12 A và 12 B) tức là trường hợp cuối cùng – thì bên “nguyên cáo” mới có quyền được nghe điều trần về *những thiệt hại mà mình phải chịu (chứ không phải là chuyện tâm phào)*; đó là vì cũng như trong luật pháp, không ai (cho dù là nguyên cáo hay bị cáo) có quyền biện hộ là mình không biết luật pháp; cũng vậy, trong Khoa học Huyền bí, đệ tử tại gia bắt buộc phải dành ưu tiên cho sự phụ quyền được nghi ngờ trong những trường hợp mà vì hoàn toàn không biết khoa học này, cho nên họ rất có thể giải thích sai lạc ý nghĩa, thay vì họ được thẳng thừng bác bỏ và buộc tội sự phụ là *mâu thuẫn*! Giờ đây ta xin nói rõ rằng đối với hai câu được đánh dấu lần lượt là 12 A và 12 B, có một sự mâu thuẫn rõ ràng chỉ đối với những kẻ nào *không* quen thuộc với giáo điều đó; vì vậy con không có lỗi và ta xin nhận “lỗi” là đã sơ xuất, nhưng “không có lỗi” là mâu thuẫn. Và ngay cả trong trường hợp ta có lỗi, thì *sự sơ xuất* đó cũng nhỏ đến nỗi mà, giống như cô gái bị buộc tội là giết con, đến khi đứng trước Quan tòa lại biện hộ rằng đứa bé nhỏ đến nỗi mà chẳng bỏ công quan tòa gọi nó

là một “đứa bé”, cũng vậy ta có thể biện hộ như thế về sự sơ xuất của mình, nếu ta không đọc thấy việc xác định khủng khiếp của con là ta “đang vận dụng tài khéo léo”. Được thôi, con hãy đọc lời giải thích trong “phần Chú giải và Trả lời” của ta rồi hãy phán xét.

Nhân tiện xin nói, con thân mến, cho đến nay ta chưa hề nghi ngờ việc con có khả năng biện hộ và bào chữa cho trường hợp *không thể bào chữa* được mà con đã biểu diễn để *biện hộ cho ta* giờ đây qua “sự vận dụng khéo léo” nổi tiếng. Nếu bài báo (trả lời cho C. C. Massey) đã được viết theo tinh thần mà con gán cho ta trong bức thư của con; và nếu ta hoặc bất kỳ người nào trong số chúng ta có “khuyh hướng dung thứ cho *những mảnh khoe tinh vi hơn* nhằm theo đuổi một mục đích đến cùng” hơn mức mà những người Âu Tây *thẳng thắn, yêu chân lý* (phải chăng ông Hume cũng được bao gồm trong loại người này ?) thường công nhận là khả kính – thì thật vậy, con không có quyền bào chữa cho một mảnh khoe như thế, ngay cả *khi ta* sử dụng nó, con cũng không được coi nó “chỉ là có bản chất những vết đen trên mặt trời”, vì một vết đen vẫn là *một vết đen* cho dù ta thấy nó trên mặt trời chói lọi hoặc trên đế cây đèn cây bằng đồng thau. Nhưng bạn thân mến ơi, con đã sai lầm rồi. Chẳng có một mảnh khoe *tinh vi* nào giúp bà thoát ra khỏi khó khăn do bà tạo ra vì một cách hành văn mơ hồ và vì không biết tiếng Anh, chứ *không phải vì bà không biết rõ đề tài* này – hai điều này là khác nhau và làm cho vấn đề thay đổi hoàn toàn. Ta cũng chẳng biết sự thật là trước đó Chon sư M. có viết cho con về đề tài này, vì trong một bức thư của ngài (bức thư áp chót trước khi ta đảm nhiệm công việc thay cho ngài) ngài có đề cập tới đề tài “các giống dân” lần đầu tiên và có nói tới những sự luân hồi. Nếu Chon sư M. bảo con hãy coi chừng, đừng tin cây tuyết đối vào bộ sách *Nữ thần Isis lộ diện* thì đó là vì ngài *đang dạy cho con sự thật và sự kiện*, và vào lúc đoạn văn này được viết ra, thì chúng ta còn chưa quyết định về việc dạy tùm lum cho công chúng. Ngài đã cung cấp cho con nhiều ví dụ như thế - chỉ cần con đọc lại thư của ngài – và có nói thêm rằng, nếu những câu như thế được viết ra theo một cách như thế, thì chúng đã giải thích được các sự kiện rõ ràng hơn nhiều so với mức hiện nay người ta chỉ nói bóng gió.

Dĩ nhiên là đoạn văn “gửi cho C. C. M.” phải dường như là sai và mâu thuẫn vì Chon sư M. có nói rằng nó “gây hiểu lầm”. Có nhiều đề tài được bàn đến trong quyển *Nữ thần Isis lộ diện* mà ngay cả H. P. B. cũng không được phép hoàn toàn thấu triệt, thế nhưng chúng không mâu thuẫn, chẳng qua chỉ là “gây hiểu lầm”. Việc để cho bà nói – ta đã khiến bà nói như vậy – rằng đoạn văn bị chỉ trích là “không hoàn chỉnh, hỗn độn, mơ hồ . . . vụng về cũng giống như nhiều đoạn văn khác trong tác phẩm này”, chính là một “sự công nhận thẳng thắn” đúng mức mà ta nghĩ rằng sẽ thỏa mãn được những nhà phê bình khó tính nhất. Mặt khác việc công nhận “rằng đoạn văn là sai” ắt té ra là một sự sai trái, không đúng, vì ta *quá quyết* rằng nó *không* sai; đó là vì nếu nó hàm chứa *toàn bộ* sự thật thì nó đã không làm xuyên tạc những mảnh vụn chân lý được trình bày trong bộ *Nữ thần Isis lộ diện*. Luận điểm của sự phê phán và phản nân của C. C. M. không phải là toàn bộ sự thật chưa được trình bày mà đó là: sự thật và những sự kiện được trình bày năm 1877, thì đến năm 1882 lại té ra là sai và mâu thuẫn; chính luận điểm này vốn gây thiệt hại cho toàn thể Hội Thông Thiên Học, các đệ tử “tại gia” và các đệ tử xuất gia cũng như giáo lý của chúng ta – phải được hiện nguyên hình, nghĩa là có một quan niệm sai lầm hoàn toàn do sự thật là vào lúc mà bộ *Nữ thần Isis lộ diện* được viết ra thì giáo lý về các “bộ bảy” chưa được tiết lộ cho thế

gian, và như vậy là sự thật đã rõ ràng rồi. Ta lấy làm tiếc là con không thấy câu trả lời của bà được viết theo sự cảm ứng trực tiếp của ta là “rất thỏa đáng”, vì nó chứng tỏ cho ta thấy rằng mãi cho tới nay, con vẫn chưa thấu triệt được sự khác nhau giữa nguyên khí thứ 6, nguyên khí thứ 7 và nguyên khí thứ 5, tức là giữa chơn ngã *bất tử* với phàm ngã còn mang thú tính. Điều nghi ngờ này được chứng thực qua việc H – X có chỉ trích lời giải thích của ta ở cuối “bức thư” của y đăng trong số báo ra tháng 9; bức thư của con mà ta có trước mặt đã bổ sung bằng chứng này. Chắc chắn là “Chơn ngã vốn cố hữu trong các nguyên khí cao sẽ luân hồi” một cách định kỳ mỗi một ngàn, hai ngàn, ba ngàn năm hoặc nhiều hơn nữa. Nhưng Chơn ngã *bất tử* không phải là phàm ngã vốn chỉ là nguyên khí thứ 5 thôi; và đoạn văn trong bộ *Nữ thần Isis lộ diện* không nhằm trả lời cho những nhà nghiên cứu về luân hồi phương Đông; cũng trong bộ *Nữ thần Isis lộ diện* đó (nếu có đọc toàn bộ phần này), thì những nhà nghiên cứu luân hồi này có quả quyết rằng cá tính tức chơn ngã *bất tử* phải tái xuất hiện trong mỗi chu kỳ, còn những nhà nghiên cứu luân hồi phương Tây, nhất là những người Pháp, thì lại dạy rằng chính phàm ngã tức bản ngã có thú tính, tức “cái ta linh động”, tức *manas* (trí tuệ), tóm lại là nguyên khí thứ 5 mới luân hồi trong mỗi trường hợp. Như vậy nếu con đọc lại một lần nữa đoạn văn mà C. C. M. trích dẫn từ bộ *Nữ thần Isis lộ diện* có quan điểm ngược với quan điểm của “Người Điềm sách Con đường Toàn bích”, thì có lẽ con ắt thấy rằng H. P. B. và chính ta đều hoàn toàn đúng khi quả quyết rằng trong đoạn văn nêu trên, người ta chỉ có ý muốn nói tới “phàm ngã”. Và có một “cú sốc bất mãn” hơn nữa đối với tâm trí ta khi phát hiện ra rằng con không chịu nhìn nhận cái bản ngã còn thú tính đó chính là phàm ngã, trong khi mà tất cả chúng ta đều dứt khoát gọi nó bằng tên gọi này và đã gọi như vậy trong cả ngàn năm. Có lẽ là con còn gặp cái bản ngã đó với tên gọi đúng đắn của nó trong đoạn văn của E. Levi bàn về Sự Chết.

“Bản ngã còn thú tính” chính là “phàm ngã” và vì vậy nó *chẳng bao giờ* luân hồi theo như các nhà Thần linh học người Pháp chủ trương, ngoại trừ trong “những trường hợp ngoại lệ”. Trong trường hợp đó, khi luân hồi, nó không trở thành một ma hình mà nếu thành công trong lần luân hồi *thứ nhì* thì nó mới trở thành một ma hình, để rồi dần dần mất đi phàm tính của mình sau khi có thể nói là đã rút cạn hết những thuộc tính tâm linh tốt đẹp nhất và cao siêu nhất hiển dăng cho Chơn thần *bất tử* tức Chơn ngã trong cuộc đấu tranh cuối cùng và tối cao. Vậy thì việc bị chạm lòng tự ái lẽ ra phải ở phía ta, và quả thật đây chỉ là “một sự minh họa khác của sự khác nhau giữa những phương pháp của Đông phương và Tây phương”, nhưng trong trường hợp này thì tuyệt nhiên không phải như vậy. Bạn thân mến, ta có thể dễ dàng hiểu được rằng trong tình trạng băng giá mà con thấy tâm trí mình ở trong đó, thì con sẵn sàng *phơi nắng* ngay cả trong những tia lửa của một giàn hỏa táng mà trên đó một bà *quả phụ* còn sống nhăn phải tự thiêu theo chồng do tập tục; nhưng tại sao con lại gọi nó, cái xác chết này, là Mặt Trời và dung thứ cho những vết đen của nó?

Bức thư được gửi cho ta mà con tể nhị không dám đọc trộm, chính là để cho con đọc kỹ và đã được gửi vì mục đích này. Ta muốn con hãy đọc kỹ nó.

Việc con gợi ý liên quan đến thử thách sắp tới của G. K. về phương diện nghệ thuật thật là khéo léo, nhưng nó không đủ che giấu được những manh mối chính đạo đằng sau mê hồn trận âm u bằng môn tả đạo. Tuy nhiên G. K. lại bị mắc bẫy: như bài hát của người Pháp có nói “Chúng ta sẽ thấy, chúng ta rồi sẽ thấy”.

Khi trình bày lời chào cúi rạp người khiêm tốn nhất, G. Khood có nói rằng con đã “không mô tả *chính xác* diễn biến của các sự việc đối với bức chân dung đầu tiên”. Ông ta nói như sau : (1) – “cái ngày mà bà đến”, thì bà *không* yêu cầu con “đưa cho bà một mẫu” v. v. . . (trang 300), nhưng sau khi con đã nói với bà về bức chân dung của ta, thì bà mới nghi ngờ rất nhiều chẳng biết con có bức chân dung đó thật không. Nhưng chỉ sau nửa tiếng đồng hồ nói chuyện về bức chân dung đó ở phòng khách thì cả hai người trong chúng con đã tạo thành hai đỉnh bên trên của hình tam giác ở ngay cửa văn phòng của con, còn vợ của con tạo thành đỉnh ở dưới (y bảo rằng y ở đó) đến nỗi mà bà bảo con là bà sẽ thử làm như vậy. Đến lúc bấy giờ thì bà mới hỏi xin con “một tờ giấy trắng *dày*”, thế mà con lại đưa cho bà một tờ giấy viết thư *mỏng* đã bị một số người nặng vĩa sờ tay vào. Tuy nhiên ông ta có nói rằng ông sẽ làm hết sức mình. Vào ngày hôm sau khi bà S. nhìn vào nó, 27 *phút* trước khi hết thời hạn, thì ông ta đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chứ không phải là “một hoặc hai giờ trước” theo như con nói, vì ông ta đã bảo “Bà Già” để cho bà thấy nó *ngay trước khi ăn sáng*. Sau khi ăn sáng bà hỏi xin con một tờ giấy bìa Bristol và con đưa cho bà *hai* tờ, cả hai tờ đều có đánh dấu và không có tờ nào giống như con nói. Lần đầu tiên mà bà chia nó ra thì đó là một *sự thất bại*, ông ta bảo rằng “có lông mày giống như con đĩa” và điều này chỉ hoàn thành nội trong bữa chiều, trong khi con đang ở Câu lạc bộ để ăn tối mà bà già *Upasika* không chịu đi tới đó. Lại chính ông ta, “nhà họa sĩ lỗi lạc” G. K. đã làm biến mất “con đĩa”, sửa lại *cái mũi* và những đặc điểm trong đó để khiến cho bức tranh “trông giống như *Chon su*” (ông ta cứ khẳng khẳng gọi ta bằng tên gọi này mặc dù thực ra ông ta không còn là đệ tử của ta nữa), vì sau khi Chon su M. đã làm hỏng bức tranh, Ngài không buồn mất công sửa lại nó mà thay vì vậy lại thích đi ngủ. Và cuối cùng ông ta có bảo ta rằng dù sao thì ta cũng có thể vui đùa với bức chân dung này, nó cũng khá giống, nhưng ắt sẽ đẹp tốt hơn nếu ngài M. không can thiệp vào đó, và ông ta tức là G. K. được phép thi thố hết khả năng “nghệ thuật” của chính mình. Câu chuyện theo lời ông ta kể là như vậy, vì thế ông ta không thỏa mãn với sự mô tả của con, ông ta cũng nói như vậy với *Upasika*, bà ta lại nói với con một điều gì khác hẳn. Bây giờ tới những chú thích của ta.

(1) ^[1]

Đặc biệt là chúng cũng không làm cho ta bức mình. Nhưng vì chúng cung cấp cho người bạn chung của chúng ta một lợi khí để chống lại chúng ta, mà rất có thể là một ngày nào đó y sẽ sử dụng nó một cách xấu thôi (đó là đặc điểm của y) cho nên ta giải thích chúng một lần nữa, nếu con vui lòng cho phép.

(2)

Dĩ nhiên, dĩ nhiên; đó là cách thức mà chúng ta thường sử dụng để thoát khỏi những khó khăn. Sau khi đã “phịa ra” chính mình thì chúng ta thường công cho những người phịa ra đó bằng cách phịa ra những giống dân tưởng tượng. Người ta còn buộc

^[1] Đây là những câu trả lời của Chon su K. H. cho bài “Những Mâu thuẫn Nổi tiếng”; những con số tương ứng với con số trong bản văn gồm những câu hỏi của ông Sinnett. Xem Bức thư 24 A ở phần trước.

tội chúng ta phịa ra nhiều điều nữa. Tốt thôi, dù sao đi nữa cũng có một điều mà người ta chẳng bao giờ có thể buộc tội chúng ta là phịa ra; đó là *bản thân ông Hume* muốn phịa ra ông ta thì phải siêu việt được những *Thần thông* cao nhất mà chúng ta biết được.

Và bây giờ bạn thân mến, trước khi tiến thêm nữa, xin con hãy đọc phần số [A] đính kèm vào đây. Đã đến lúc con phải biết *chân tướng của chúng ta*. Chỉ có điều là để chứng minh *cho con* (chứ không phải cho y) rằng chúng ta không *phịa ra* các giống dân này, thì ta sẽ cung cấp vì lợi ích của con những điều mà từ trước đến nay ta chưa hề đưa ra. Ta sẽ giải thích cho con trọn cả một chương trong tác phẩm của Rhys Davids bàn về Phật giáo, hoặc đúng hơn là Lạt ma giáo mà ông ta coi là *sự bại hoại* của Phật giáo vì dĩ nhiên là ông ta chẳng biết gì! Vì những nhà quý tộc này (những nhà Đông phương học) tự cho là mình cung cấp cho thế giới *cái gọi là* những bản dịch và phần bình phẩm về các thánh thư của chúng ta, cho nên các nhà Thông Thiên Học hãy chứng tỏ sự dốt nát vô cùng của các nhà bác học “thế giới” này qua việc cung cấp cho công chúng những lời giải thích và giáo lý đúng đắn về điều mà họ ắt coi là một thuyết hoang đường phi lý.

(3)

Và vì ta thừa nhận xét theo biểu kiến hoặc hời hợt thì có sự tiền hậu bất nhất – và chỉ trong trường hợp một kẻ hoàn toàn không quen thuộc với giáo lý của chúng ta giống như con – thì phải chăng đó là một lý do tại sao ta lại coi chúng là thực sự mâu thuẫn? Giả sử trong một bức thư trước, ta có viết rằng: “mặt trăng *không* có bầu khí quyển” rồi tiếp tục nói về những điều khác; qua một bức thư khác, ta lại nói với con rằng: “vì mặt trăng có một bầu khí quyển của riêng mình” v. v. . . , thì chắc chắn rằng người ta sẽ tố cáo là ngày hôm nay ta nói *đen* rồi ngày mai lại nói *trắng*. Nhưng liệu một môn đồ kinh Kaballah có thể thấy hai câu nêu trên là mâu thuẫn chẳng? Ta có thể đoán quyết với con rằng y sẽ không thấy như vậy. Đó là vì một môn đồ kinh Kaballah *biết* rằng mặt trăng không có bầu khí quyển tương ứng với bầu khí quyển của trái đất về bất kỳ phương diện nào, nhưng có một bầu khí quyển *của riêng nó*, khác hẳn cái mà các nhà khoa học gọi là bầu khí quyển; họ cũng biết rằng giống như người phương Tây, chúng ta (những người phương Đông nhất là các Huyền bí gia) có những cách thức của riêng mình để diễn tả tư tưởng mà hàm ý đối với chúng ta cũng rõ rệt như hàm ý của con đối với chính con. Chẳng hạn như con có ý định dạy môn thiên văn học. Nếu ngày hôm nay con bảo với người ta rằng “xem kia mặt trời lặn trông rực rỡ biết bao nhiêu; hãy xem nó *di chuyển* nhanh biết bao nhiêu, hãy xem nó mọc và lặn như thế nào v. v. . .”, và qua ngày hôm sau con lại cố gắng nhồi nhét vào đầu y sự kiện là mặt trời tương đối đứng yên, chỉ có trái đất của chúng ta là có lúc thấy rồi có lúc không thấy mặt trời do chuyển động xoay quanh trục mình trong một ngày đêm; thì rất có thể là, nếu học trò của con có cái đầu biết suy nghĩ thì y sẽ thẳng thừng buộc tội con là mâu thuẫn với chính mình. Phải chăng đây là một bằng chứng của việc con không biết tới hệ thống nhất tâm? Và nếu con bị buộc tội (nhân danh bất cứ điều gì giống như công lý) là “ngày hôm nay viết một điều này rồi ngày mai lại chối bỏ nó”, thì óc công bằng của con ắt thúc đẩy con thừa nhận rằng con “có thể dễ dàng hiểu” lời buộc tội đó.

Vậy thì khi viết thư theo cách mà ta viết, lúc này viết được một vài hàng rồi hai tiếng đồng hồ sau lại viết được một vài chữ; vì phải duy trì sự mạch lạc của toàn bộ đề tài mà có lẽ bị ngắt đoạn một tá lần hay hơn nữa giữa lúc bắt đầu và lúc kết thúc, cho nên ta không thể hứa hẹn với con có được một điều gì giống như sự chính xác của người phương Tây. *Vì vậy cho nên*, trong trường hợp này, “nạn nhân duy nhất của tai nạn” là chính ta. Sự kiểm tra chéo một cách vô tội mà con bắt ta phải chịu – và ta không phản đối điều này – cùng với chủ đích đã được dự tính sẵn một cách tích cực của ông Hume nhằm bới lông tìm vết ta bất cứ khi nào có thể được – đây là một thủ tục mà luật pháp phương Tây coi là rất thẳng thắn và có giá trị pháp lý cao, nhưng chúng ta, những người đã man ở Á đông lại phản đối mạnh mẽ nhất – đã khiến cho các đồng nghiệp và Huynh đệ của ta đánh giá cao việc ta có khuynh hướng là thánh tử đạo. Dưới con mắt của các ngài, ta đã trở thành một loại tu sĩ sám hối Simeon, người Ấn độ-Tây tạng; khi bị bắt giữ trong cái lưới liềm ở phía bên dưới dấu chấm hỏi của Hội Chiết trung Simla rồi bị đóng đinh trên đó, ta thấy mình có số phận phải đu đưa thăng bằng trên đỉnh của cái hình bán nguyệt vì e rằng chỉ cần lão đảo hoặc là về phía trước hoặc là về phía sau là sẽ bị rớt xuống. Đây là tình hình hiện nay của người bạn khôn khổ của con. Ngay từ khi ta đảm đương cái nhiệm vụ phi thường là dạy cho hai học trò người lớn có những bộ óc mà phương pháp khoa học của phương Tây đã làm kết tinh trong nhiều năm – một kẻ thì sẵn sàng nhường chỗ cho giáo lý mới bài trừ việc sùng bái ngẫu tượng, tuy nhiên cần phải xử trí hết sức cẩn thận; còn kẻ kia thì chẳng chấp nhận điều gì ngoại trừ việc sắp xếp các đề tài thành từng nhóm theo như ý thích, bất chấp thứ tự tự nhiên của chúng – ta đã bị tất cả các Chơn sư coi là một người điên. Ta đang nghiêm túc tự hỏi liệu việc trước kia ta liên kết với “những người Peling” của phương Tây có làm cho ta cũng trở thành một nửa Peling và biến ta thành một kẻ hoang tưởng “dzing dzing” như vậy. Ta vẫn trông mong tất cả những điều này. Ta chẳng phàn nàn đâu; ta chỉ kể lại một sự thật, và khiêm tốn đòi rằng người ta phải tin như vậy, chỉ hi vọng rằng người ta sẽ lại không hiểu lầm nó là một mảnh lời *tinh vi* nhằm thoát ra khỏi một sự khó khăn mới.

(5)

Mọi thực thể *gồm bốn nguyên khí* vừa mới thoát xác – cho dù chết một cái chết tự nhiên hoặc chết thảm thiết, cho dù tự tử hay chết bất đắc kỳ tử, cho dù tỉnh táo hay là điên, cho dù già hay trẻ, cho dù tốt hay xấu hay thường thường bậc trung – thì ngay khi chết đều mất hết mọi trí nhớ, nó đã *bị hủy diệt* về mặt tâm trí, nó đã ngủ một giấc akasa trong Kama loka. Trạng thái này kéo dài từ một vài giờ, (hiếm khi ít hơn) một vài ngày, một vài tuần, một vài tháng – đôi khi kéo dài tới vài năm. Tất cả mọi điều này đều tùy thuộc vào thực thể đó, tùy theo trạng thái tâm trí của nó vào lúc chết, tùy theo tính chất sự chết của nó v. v. . . Trí nhớ sẽ dần dần và từ từ trở lại vào lúc cuối thời kỳ tự sinh (của thực thể tức Bản ngã) nó còn trở lại chậm chạp hơn nữa, ít hoàn hảo và ít *hoàn chỉnh* hơn nữa đối với *ma hình*, và nó trở lại *trộn vện* với Bản ngã vào lúc nhập Devachan. Thế mà Devachan là một trạng thái được xác định và sinh ra do kiếp sống đã qua của nó, bản ngã không té chúi đầu mà chìm dần vào nó qua những giai đoạn êm đềm.

Khi trạng thái này vừa xuất lộ thì có xuất hiện cái cuộc sống (hoặc đúng hơn là bản ngã *lại sống một lần nữa trải qua*) tâm thức của mình từ ngày đầu cho tới ngày chót. Từ biến cố quan trọng nhất xuống mãi biến cố tầm thường nhất, tất cả đều bày ra trước mắt tâm linh của bản ngã; có điều là không giống như những biến cố trong cuộc sống thực, chỉ còn lại những biến cố nào mà kẻ mới *sống lại* (Xin lỗi vì đã dùng từ này) chọn lựa vì bám vào một vài phong cảnh và một vài diễn viên thì mới tồn tại *mãi mãi*, còn tất cả những biến cố khác đều mờ nhạt đi để rồi biến mất mãi mãi, hoặc trở về với người tạo ra nó, tức là *ma hình*. Vậy thì con rón hiểu cái điều cực kỳ quan trọng này, vì hậu quả của nó rất công bằng và mang tính quả báo theo luật. Trong số những diễn biến Quá khứ được phục sinh lại, chỉ những điều gì mà bản ngã cảm thấy *về mất tâm linh* – tức là những điều được triển khai và trải nghiệm do những năng khiếu tâm linh của y – thì mới sống còn, cho dù đó là *yêu* hay *ghét*. Tất cả những gì mà bây giờ ta đang cố gắng diễn tả quả thật là không thể mô tả được. Cũng giống như hai người, thậm chí hai bức ảnh của cùng một người, hai chiếc lá không bao giờ giống nhau từng nét một, cũng vậy, hai trạng thái Devachan không bao giờ hoàn toàn giống nhau. Trừ phi ngài là một cao đồ chứng ngộ được một trạng thái như thế nơi cõi Devachan *theo chu kỳ* của mình, thì làm thế nào mà người ta có thể trông mong là sẽ hình dung chính xác được cõi Devachan đó ?

(6)

Vì vậy, không có điều gì là mâu thuẫn khi bảo rằng bản ngã, một khi tái sinh vào Devachan, sẽ giữ lại “được trong một thời gian nào đó tỉ lệ với sinh hoạt trên trần thế của mình. Việc *hoàn toàn nhớ lại* sinh hoạt (Tâm linh) của mình trên trần thế”. Ở đây chỉ vì bỏ sót từ “Tâm linh” thôi mà lại gây ra sự hiểu lầm nữa !

(7)

Tất cả những kẻ nào không trượt vào cõi thứ 8 *đều nhập Devachan*. Ở đây có gì là mâu thuẫn đâu ?

(8)

Ta lập lại, khó lòng có thể mô tả hoặc giải thích *trạng thái* Devachan cho dù ta có thể mô tả một cách tỉ mỉ và mỹ lệ biết bao nhiêu đi chăng nữa về cái trạng thái mà một bản ngã ngẫu nhiên trải qua, vì xét chung thì tất cả cuộc đời của mọi người đều có thể mô tả qua “Cuộc đời của Napoleon” hoặc cuộc đời của bất kỳ người nào khác. Có hàng triệu các trạng thái khác nhau về hạnh phúc và sự đau khổ, những trạng thái *xúc cảm* bắt nguồn từ những năng khiếu của *thể xác* cùng với những năng khiếu và giác quan tâm linh, và chỉ những xúc cảm nào dựa vào tâm linh thì mới sống còn. Một người lao động ngay thẳng sẽ xúc cảm khác với người *triệu phú* ngay thẳng. Trạng thái của cô Nightingale (mẹ đẻ của khoa điều dưỡng) sẽ khác xa trạng thái của một cô dâu trẻ tuổi chết trước khi hoàn thành được điều mà cô coi là hạnh phúc. Cả hai người nêu trên đều yêu thương gia đình của mình, nhà nhân ái tức Nightingale thì yêu thương

nhân loại, còn cô gái thì tập trung toàn bộ thế giới của mình nơi người chồng tương lai; *kẻ mê âm nhạc* chẳng hề biết tới một trạng thái cực lạc và hạnh phúc nào *cao hơn* là âm nhạc – đối với y, đó là nghệ thuật thiêng liêng nhất và có *tính chất tâm linh* nhất. Trạng thái Devachan hòa lẫn từ cấp cao nhất tới cấp thấp nhất với sự phân cấp hầu như không cảm thấy được; đến nỗi mà ở bước cuối cùng của *Devachan*, thì bản ngã thường thấy mình ở trạng thái *A Tỳ* mơ hồ nhất, đến lúc cuối ‘sự tuyển lựa tâm linh’ về các biến cố thì trạng thái này có thể trở thành một *A Tỳ đích thực*. Nên nhớ rằng mọi xúc cảm đều có tính cách tương đối. Không hề có *điều thiện* hoặc *điều ác*, *hạnh phúc* hoặc *đau khổ tự thân nó*. *Trạng thái cực lạc siêu việt và phù du của một kẻ ngoại tình* (do hành vi đó, y đã bóp chết hạnh phúc của một người chồng) cũng không kém phần *tâm linh* cho dù nó sinh ra từ một bản chất tội phạm. Nếu sự cắn rứt lương tâm (điều này *luôn luôn xuất phát từ nguyên khí thứ 6*) đã từng được cảm thấy trong thời kỳ cực lạc và thực sự yêu thương có tính cách tâm linh, nảy sinh ra nơi nguyên khí thứ 5 và thứ 6, cho dù bị ô nhiễm bởi những ham muốn của nguyên khí thứ 4 tức *Kamarupa*; thì sự cắn rứt này *phải* sống còn và *không ngừng đi kèm theo các phong cảnh của tình yêu thuần túy*. Ta không cần đi sâu vào chi tiết, vì một chuyên gia về sinh lý học (ta cho rằng con là như vậy), cần phải khó khăn thúc đẩy óc tưởng tượng và trực giác của mình do một quan sát viên thuộc loại tâm lý như ta. Con hãy tìm kiếm trong sâu thẳm lương tâm và trí nhớ của con để cố tìm xem đâu là những phong cảnh rất có thể gây ảnh hưởng sâu đậm đối với con, đến nỗi mà một khi chúng hiện diện, con lại thấy mình *sống trở lại* phong cảnh đó. Khi bị cuốn hút như vậy con sẽ quên hết đi mọi thứ khác (kể cả bức thư này) vì trong diễn trình của các sự việc, nó sẽ xảy ra sau này trong toàn cảnh sinh hoạt phục sinh của con. Ta *không có quyền* nhìn vào cuộc sống *đã qua* của con. Bất cứ khi nào ta thoáng nhìn thấy nó, thì ta luôn luôn ngoảnh mặt đi, vì ta phải giao du với ông A. P. Sinnet *hiện nay* (cũng là một “sự phịa ra mới mẻ” so với A. P. S. thời xưa) chứ không phải là con người quá khứ.

Đúng vậy, *yêu* và *ghét* là những xúc cảm duy nhất bất tử, nhưng có vô số những cấp độ của các tông nổi theo từng âm giai gồm 7 nốt một của trọn cả bàn phím cây đàn cuộc đời. Và vì chính hai xúc cảm này (hoặc nói cho đúng, liệu ta có nên liều mạng để bị hiểu lầm một lần nữa bằng cách nói rằng đó là hai cực của “Hồn” người mà thực ra hồn này chỉ là một ?) uốn nắn trạng thái tương lai của con người, cho dù đó là *Devachan* hay *A Tỳ*, cho nên những trạng thái như thế phải biến thiên một cách bất tận, và điều này lại khiến cho chúng ta xét tới lời phản nân hoặc tố cáo của con mang số 9.

(9)

Đó là vì sau khi đã loại khỏi cuộc đời quá khứ của con những ông Ratigans và Reeds mà cùng với con chưa bao giờ siêu việt được biên giới của cái phần thấp thỏi trong nguyên khí thứ 5 của con cùng với hiện thể của nó là *kama*; vậy thì “việc nhớ lại một phần” một kiếp sống thực ra là gì? Những đường mà con đánh dấu bằng bút chì *đó* cũng đã bị loại bỏ. Đó là vì làm sao con có thể chối cãi được sự kiện đối với Wagner, Paganini, Vua xứ Bavaria và biết bao nhiêu nghệ sĩ chân chính khác, thì âm nhạc và hòa âm là một đối tượng được yêu thương và tôn kính sâu sắc nhất về mặt tâm linh ? Nếu con vui lòng, ta sẽ không thay đổi một chữ nào trong mục 9.

(10)

Tiếc thay con không theo dõi những điều con trích dẫn cùng với những bình luận cá nhân. Ta không hiểu con chống đối thuật ngữ “những giấc mơ” ở chỗ nào. Dĩ nhiên sự cực lạc cũng như sự khốn khổ đều chẳng qua chỉ là một giấc mơ, và vì chúng có tính chất thuần túy tâm linh cho nên chúng đã được “tăng cường”.

(11)

Đã trả lời rồi.

(12 A và 12 B)

Khi trả lời cho những lời phản đối của ông Hume (sau khi tính toán bằng thống kê với ý định rõ rệt là *bác bỏ* giáo huấn của chúng ta, ông quả quyết rằng rốt cuộc thì những nhà thần linh học là đúng và đa số các âm ma trong phòng lên đồng đều là các “Vong linh”) nếu ta chỉ viết “vậy thì không có trường hợp nào, ngoại trừ những người tự tử và những ma hình” cùng với *những người chết bất đắc kỳ tử trong khi còn tràn đầy nhựa sống đam mê những điều trần tục*, “thì có chẳng bất kỳ khả năng nào cho bất kỳ người nào khác v. v. .” thì ta ắt hẳn không hoàn toàn đúng và *đích thị* là một “ông thầy” hay sao? Vì con rất nôn nóng muốn chấp nhận mọi giáo lý, phủ nhận một số điều quan trọng nhất của khoa học vật lý từ đầu chí cuối, cho nên con mới nghĩ rằng mình nên đồng ý với việc gợi ý của ông Hume nhằm bới lông tìm vết một sự sơ xuất nhỏ nhoi! Bạn thân mến, ta xin nhận xét rằng chỉ nội lương tri không thôi cũng đã thì thào cho con biết rằng một kẻ mà bữa nay thì nói rằng vậy thì “không có trường hợp nào v. v. .” rồi vài ngày sau lại chối bỏ việc mình đã từng nói lên từ ngữ *không bao giờ*; người đó chẳng những *không phải là Chơn sư* mà còn có thể bị bệnh nhũn não hoặc bị một “tai nạn” nào khác. “Ồ bên lẽ, ta có nói rằng hiếm khi nào ta dùng tới từ *không bao giờ*, chính là nhằm nói tới *cái lẽ* của bản in thử trong bức thư số II của con; cái lẽ đó – hoặc đúng hơn, để tránh một sự buộc tội thêm nữa, đó là mảnh giấy mà ta đã viết lên trên đó một số nhận xét về đề tài này rồi dán vào bên lẽ bản in thử của con – con đã cắt ra cũng như 4 dòng thơ. Tại sao con làm như vậy thì con phải biết hơn ta chứ. Nhưng từ ngữ *không bao giờ* nhằm nói tới cái lẽ này.

Ta chỉ có một lỗi mà ta *xin* nhận “lỗi”. Lỗi đó chính là một cảm xúc nổi bật khi cảm thấy bức mình đối với ông Hume lúc ta nhận được bức thư đầy chiến thắng với những con số thống kê của ông; câu trả lời cho bức thư này, con thấy có được kèm trong bức thư của con khi ta viết thư cho con cung cấp tài liệu để con trả lời cho bức thư của ông Khandalawala mà con đã gửi trả lại cho H. P. B. Nếu ta không cảm thấy bức mình, thì có lẽ ta đã không mắc phải lỗi lầm là sơ xuất; đây chính là Nghiệp của ta. Ta chẳng việc gì mà phải cảm thấy bức mình hoặc mất bình tĩnh; nhưng ta tin rằng cái bức thư ấy của ông ta là bức thư thứ 7 hoặc thứ 8 thuộc loại này mà ta đã nhận được nội trong nửa tháng vừa qua. Ta buộc phải nói rằng người bạn của chúng ta có một cái cách đều giả nhất nhằm dùng cái trí của mình để nêu lên những thuật quỷ biện bất ngờ nhất nhằm châm chọc thần kinh người khác, một điều mà ta chưa từng bao giờ biết tới ! Lấy cớ là hoàn toàn lý luận theo logic, ông ta giả vờ thọc vào đối thủ của

mình bất cứ khi nào không tìm thấy một chỗ dễ bị tổn thương, để rồi khi bị bắt quả tang và lật tẩy, thì ông ta lại trả lời một cách ngây thơ nhất: “Tại sao ư? đó là vì lợi ích của chính bạn và lẽ ra bạn phải cảm ơn tôi mới phải chứ ! Nếu tôi là một Chon sư thì tôi luôn luôn biết người liên lạc thư từ với tôi có ý muốn nói gì” v. v. . . và v. v. . . Vì chỉ là một “Chon sư” về những vấn đề nhỏ cho nên ta cũng chẳng biết ông ta thực sự có ý muốn nói gì, và ngụ ý của ông ta té ra là như sau: nếu chúng ta có tiết lộ hết cho ông ta trọn cả triết lý của mình mà không có một *điều tiên hậu bất nhất* nào không được giải thích thì điều đó cũng chẳng ăn thua gì. Đó là vì giống như nhận xét được thể hiện qua đoạn thơ sau đây của Hudibras:

“Những con bọ chết này lại bị những con bọ chết khác cắn,
Rồi những con khác lại bị những con bọ chết khác nữa cắn, *cứ thế mãi mãi . . .*”

cũng vậy, những sự phản đối và lập luận của ông ta cũng giống như vậy. Khi ta giải thích cho ông một điều nào đó, thì ông ta lại bới lỗi ra trong lời giải thích đó, khi ta làm vừa lòng ông bằng cách cho ông thấy rằng lời giải thích rất cuộc là chính xác, thì ông lại nhảy bổ vào đối thủ của mình tố cáo là người ta nói quá chậm hoặc nói quá nhanh. Đây là một nhiệm vụ KHÔNG THỂ thực hiện được và ta phải từ bỏ nó. Cứ để cho nó tồn tại cho đến khi nào toàn bộ sự việc sụp đổ do sức nặng của chính nó. Ông ta bảo rằng: “Tôi không thể hôn chân Đức Giáo Hoàng”, nhưng quên mất rằng có ai yêu cầu ông làm như thế đâu; ông bảo ta rằng “Con có thể yêu thương nhưng con không thể sùng bái”. Ôi thật chứa chan tình cảm, thực ra thì ông không thể yêu ai và chẳng bao giờ yêu ai ngoại trừ A. O. Hume. Và đó thực sự là điều mà người ta có thể kêu lên “Hỡi ông Hume, tên tuổi của ông thật chứa chan tình cảm !”; điều này được thể hiện qua đoạn sau đây mà ta chép lại từ một trong những bức thư của ông: “Nếu không vì lý do nào khác, thì con ắt yêu thương Chon sư M. do ngài hoàn toàn tận tụy đối với thầy, và *lúc nào con cũng yêu thương thầy (!)*. Ngay cả khi hầu hết mọi việc đã xảy ra đối với thầy (vì người ta luôn luôn nhạy cảm nhất với những người mà mình quan tâm nhất) – *ngay cả khi con hoàn toàn tin chắc rằng thầy chỉ là một nhân vật thần thoại thì ngay cả lúc đó, trái tim của con cũng luôn luôn thổn thức vì thầy, cũng giống như nó thường thổn thức như vậy, đối với một nhân vật chính rành rành là hư cấu.*” Một Becky Sharp đa cảm, viết cho một người tình tưởng tượng, cũng khó lòng diễn tả được những xúc cảm của mình một cách bay bướm hơn thế!

Tuần tới ta sẽ xét đến những câu hỏi về khoa học của con. Hiện nay ta không ở nhà, nhưng ở rất gần Darjeeling, trong tu viện Lạt ma nơi mà H. P. B. tội nghiệp rất mong ước. Ta nghĩ rằng đến cuối tháng 9 mình sẽ rời khỏi nơi đây, nhưng ta thấy điều này hơi khó, vì có đứa con trai của Nobin. Cũng có thể là ta sẽ đích thân tiếp kiến Bà Già nếu Chon sư M. mang bà tới đây. Và ít ra ngài cũng phải mang bà tới – bằng không thì là sẽ mất bà mãi mãi – xét về bộ ba trên cõi trần. Và bây giờ đã đến lúc tạm biệt, ta lại yêu cầu con đừng làm cho kẻ tiểu nhân sợ; một ngày nào đó y sẽ trở nên hữu dụng đối với con; chỉ có điều là con đừng quên rằng *y chỉ có được bề ngoài*.

Thầy của con

K. H.

Bức Thư Số 25***Nhận ngày 2 tháng 2 năm 1883.*****TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI MỚI NHẤT LIÊN QUAN
TỚI CÔI DEVACHAN.**

(1) Tại sao con lại giả sử rằng *Devachan* là một tình trạng đơn điệu chỉ vì một lúc nào đó của cảm giác trên trần thế cứ được kéo dài vô tận, có thể nói là trải dài qua A tăng kỳ kiếp. Không đâu, *không thể* như thế được. Điều này ắt trái với mọi sự tương tự và ngược với luật nhân quả, theo đó hậu quả bao giờ cũng tỉ lệ với các năng lượng là nguyên nhân của nó. Để làm cho rõ hơn, con phải nhớ rằng có hai địa hạt để biểu lộ nguyên nhân đó là: ngoại giới và nội giới. Như vậy các năng lượng thô (nghĩa là những năng lượng hoạt động trong tình trạng vật chất trọng trực hoặc thô trực) sẽ biểu lộ trên cuộc sống ở cõi trần, kết quả là có một phàm nhân mới sinh ra bao hàm trong chu kỳ lớn của chơn nhân đang tiến hóa. Còn các hoạt động về mặt đạo đức và tâm linh thì lại biểu hiện các hiệu quả của mình nơi “cõi *Devachan*”. Ví dụ như: các thói xấu, các sự hấp dẫn về thể xác v. v. . . chẳng hạn như của một triết gia sẽ có hậu quả là sinh ra một triết gia mới, một ông vua, một thương gia, một phú ông theo khoái lạc chủ nghĩa, hoặc bất kỳ phàm nhân nào khác mà vốn liếng ắt không tránh khỏi những xu hướng chiếm ưu thế nơi thực thể sinh ra trong kiếp trước. Chẳng hạn như Bacon (một thi sĩ gọi ông là “kẻ khôn ngoan nhất, vĩ đại nhất và *đê tiện nhất* trong loài người”) có thể tái xuất hiện trong kiếp luân hồi tiếp theo là một kẻ tham lam chuyên môn kiếm tiền nhưng lại có những năng lực trí thức phi thường, còn những đặc tính tâm linh và đạo đức của Bacon trước kia ắt cũng phải tìm được một địa hạt để cho năng lượng của mình có thể bành trướng trong đó. *Devachan* là một địa hạt như thế. Vì vậy cho nên mọi kế hoạch vĩ đại về cải cách đạo đức, mọi sự khảo cứu bằng trí tuệ và tâm linh về những nguyên lý trừu tượng của thiên nhiên, mọi đạo tâm thiêng liêng đều phải đơm hoa kết trái nơi *Devachan*; và thực thể trừu tượng mà trước kia ta biết là vĩ đại chừng ắt phải bận rộn trong nội giới này do chính mình chuẩn bị ra; y sống nếu không phải là hoàn toàn cái mà người ta có thể gọi là một kiếp sống hữu thức, thì ít ra là cũng trải qua một giấc mơ sống động thực sự đến nỗi mà không một thực tại nào trên cõi đời có thể sánh kịp. Và “giấc mơ” này tồn tại mãi cho tới khi Nghiệp đã được thỏa mãn theo chiều hướng đó, đợt sóng lẫn tẩn của lực đã đạt tới bờ mép lưu vực tuần hoàn của mình để rồi thực thể bèn chuyển sang địa hạt nguyên nhân kế tiếp. Y có thể tìm thấy địa hạt này ở nơi chính thể giới trước kia hoặc ở nơi một thể giới khác tùy theo giai đoạn tiến hóa của mình trải qua những chu kỳ thể giới và cuộc tuần hoàn cần thiết cho sự phát triển của con người.

Vậy thì làm sao con lại có thể nghĩ rằng đó “chỉ là một phút giây cảm giác trên trần thế được tuyển lựa để kéo dài mãi”? Đúng vậy, “phút giây” đó kéo dài từ đầu đến cuối, nhưng thế thì nó chỉ kéo dài giống như nốt chủ âm của toàn thể hòa âm, là một tông nhất định có một cao độ nhất định, xung quanh đó có tụ tập và phát triển theo những biến thiên lũy tiến của sự du dương và sự biến thiên vô tận về một đề tài. Tất cả mọi hoài bão, ham muốn, hi vọng, mơ ước có liên quan tới cái “giây phút” đặc biệt đó đều đã băng qua bộ óc của *kẻ mơ mộng* trong buổi sinh thời của y mà không thể trở

thành hiện thực trên trần thế; thì giờ đây y thấy chúng trở thành hiện thực trọn vẹn với mọi sự sống động nơi Devachan, y chẳng bao giờ ngờ rằng mọi thực tại cực lạc này chẳng qua chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng của chính mình, là hậu quả của những nguyên nhân tâm trí mà chính y đã gây ra. Cái “giây phút” đặc biệt vốn mãnh liệt nhất và nổi trội nhất trong hàng loạt tư tưởng của bộ óc đang hấp hối vào lúc sắp tan rã tất nhiên sẽ chi phối mọi “giây phút” khác; thế nhưng mọi giây phút khác – cho dù chúng chỉ là thứ yếu và ít sống động hơn – vẫn còn ở đó, có một địa vị nhất định trong cái vỏ tuồng ma quái mơ mộng về kiếp đã qua và mang lại cho toàn thể một sự biến thiên nào đó. Chẳng một con người trên trần thế nào mà lại không có một sự ưa thích đặc biệt nào đó nếu chẳng phải là nỗi đam mê không chế; tuy nhiên không có một người nào - cho dù là nghèo nàn và khốn khổ đến đâu đi chăng nữa - (và cũng thường vì như vậy) mà lại không sa đà vào những sự mơ mộng về những ham muốn không thỏa mãn được trên trần thế. Liệu điều này có phải là sự đơn điệu chăng? Chẳng lẽ con lại gọi những sự biến thiên này *đến vô tận* về cùng một đề tài và cái đề tài đó lại được uốn nắn để có thêm sắc thái và hình thù nhất định từ cái nhóm ham muốn mãnh liệt nhất trong cái buổi sinh thời, “chẳng lẽ con lại gọi nó là việc hoàn toàn không có mọi tri thức của cái trí đang nhập Devachan hay chăng”; trong một chừng mực nào đó điều này dường như là *rất dễ tiện*? Vậy thì quả thật, hoặc là theo như con nói con không hiểu được ngụ ý của ta, hoặc là chính ta lại đáng trách. Ta ắt không thể truyền đạt được ý nghĩa đúng đắn và phải thú nhận rằng mình không thể mô tả được cái điều *chẳng ai miêu tả được*. Bạn thân mến, đây là một nhiệm vụ khó khăn. Nếu một đệ tử lão luyện không cầu cứu tới những nhận thức trực giác, thì không một số lượng miêu tả nào – cho dù sống động đến đâu đi chăng nữa – có thể giúp ích được y. Thật vậy, không có một từ thỏa đáng nào diễn tả được những sự khác nhau giữa một trạng thái tâm trí trên trần thế và một trạng thái tâm trí ngoài phạm vi trần thế, trong tiếng Anh không có một thuật ngữ nào tương đương với những thuật ngữ của chúng ta, *không có* – ngoại trừ những tiên kiến không thể tránh được (do đã được giáo dục trước kia theo đường lối Tây phương) vì thế cho nên – đường lối tư tưởng nào theo chiều hướng sai lầm trong tâm trí của người học hỏi giúp chúng ta làm cho những tư tưởng mới mẻ này hoàn toàn tiếm nhiễm vào người khác! Con thật chí lý. Chẳng những “người thường” (các độc giả của con) mà ngay cả những người có lý tưởng và rất trí thức như ông C. C. M. cũng không thể (ta e rằng như vậy) thấu triệt được ý tưởng đúng đắn và chẳng thăm dò được ý tưởng này một cách thật sâu sắc. Có lẽ là một ngày nào đó, con có thể nhận ra được nhiều hơn mức hiện nay, đây là một trong những lý do chính yếu khiến cho chúng ta không sẵn lòng truyền thụ Tri thức *của mình* cho những ứng viên người Âu Tây. Có điều con hãy đọc những lời khảo luận và châm biếm của ông Roden Noel ^[1] đăng trong tạp chí *Ánh Sáng*. Thật vậy, con phải trả lời những điều đó theo lời khuyên của ta thông qua H. P. B. Sự im hơi lặng tiếng của con chính là sự toàn thắng ngắn gọn dành cho người quý tộc sùng đạo đó và có vẻ giống như *bỏ rơi* ông Massey tội nghiệp.

“Một người đang học được một điều gì đó về những bí mật của thiên nhiên trong một trạng thái tồn tại cao siêu dường như bắt đầu trên trần thế nhiều hơn mức mà thiên nhiên cung ứng cho y một trạng thái xét theo biểu kiến là phần thưởng của y dành cho những hành vi tốt đẹp nhất”.

^[1] Một thi sĩ người Anh. Tác giả của bài thơ *Đằng sau bức màn che* và những bài thơ khác.

Có lẽ là chỉ một cách “biểu kiến” chứ không *thực sự*, khi ta đã nêu chính xác *cách thức vận hành* của thiên nhiên. Rồi tới những sự quan niệm sai lầm khác: “Phước càng nhiều thì thời gian ở Devachan càng dài. Nhưng thế mà ở Devachan . . . mọi ý thức về sự trôi chảy của thời gian đều không còn nữa; một phút cũng giống như thiên thu . . . vậy thì có ích gì v.v. . .”

Nhận xét này và những cách xem xét sự vật như thế cũng có thể được áp dụng cho trọn cả Chu kỳ Vĩnh hằng, cho Niết Bàn, Chu kỳ Hoại không v.v. . . Ta phải nói ngay rằng trọn cả hệ thống tồn tại, hiện hữu một cách riêng biệt và tập thể có bản chất ngoại giới và nội giới, chẳng qua chỉ là những sự kiện ngu đần chẳng có mục đích gì, một sự đối gạt vĩ đại mà thiên nhiên dùng để đối phó với những sự thiếu thiện cảm đối với triết học Tây phương, hơn nữa lại còn độc ác không đồng ý với những kẻ “đệ tử tại gia” ưu tú nhất. Trong trường hợp như thế việc rao giảng giáo lý của chúng ta *có ích lợi gì đâu*, tất cả chỉ là việc leo lên núi và bơi *ngược dòng*. Vậy thì tại sao người phương Tây lại cứ nôn nóng như thế, muốn học hỏi một điều gì đó của người phương Đông, khi họ rõ ràng là không thể tiêu hóa điều chẳng bao giờ đáp ứng được những yêu cầu thị hiếu đặc biệt về Thẩm mỹ của họ. Đây là một viễn ảnh đáng tiếc cho chúng ta, vì ngay cả con cũng không nhận thức được trọn cả tầm vóc lớn lao của triết học chúng ta, thậm chí con cũng chẳng bao trùm được tầm mức của một góc nhỏ (tức là cõi Devachan) của những chân trời cao cả và vô tận “bên kia cửa tử”. Ta không muốn làm cho con phải nản chí. Ta chỉ muốn cho con chú ý tới những khó khăn ghê gớm mà chúng ta gặp phải khi thử ra sức giải thích siêu hình học của chúng ta cho đầu óc của những người phương Tây, ngay cả trong đám những người thông minh nhất. Bận thân mến, tiếc thay con dường như cũng không thể tiêu hóa được cách thức suy nghĩ của chúng ta hoặc thưởng thức được những bản nhạc du dương của chúng ta!

Không đâu đệ tử yêu quý, nơi Devachan không có một chiếc đồng hồ nào và cũng chẳng có khoảng thời gian nào, mặc dù toàn thể Vũ trụ là một đồng hồ đếm giờ khổng lồ theo một nghĩa nào đó. Chúng ta *ngay cả ở dưới đây* vốn là những kẻ phạm phu cho nên không thể ý thức được nhiều (nếu có) về *khoảng thời gian* trong những lúc hạnh phúc và cực lạc; bao giờ chúng ta cũng nhận thấy rằng chúng quá ngắn ngủi, đây là một sự kiện tuyệt nhiên không thể ngăn cản chúng ta hưởng thụ cái hạnh phúc đó khi chúng đến với mình. Nếu con đã từng nghĩ tới cái khả năng bé xiu đó thì có lẽ vì cái chén hạnh phúc của họ đã đầy tràn rồi cho nên những “người nhập Devachan” mới mất hết “mọi ý thức về khoảng thời gian trôi qua”; đó là một điều mà những người dưới *A Tỳ* không có được mặc dù cũng giống như những *người nhập Devachan*, những *người ở dưới A Tỳ* không ý thức được về thời gian, nghĩa là những tính toán trên trần thế của ta về khoảng thời gian trôi qua? Ta cũng có thể nhắc cho con nhớ rằng về vấn đề này, *thời gian là một điều gì đó hoàn toàn do chúng ta tạo ra* nghĩa là một phút giây đau đớn cực độ trên trần thế dường như kéo dài cả thiên thu đối với một người, còn đối với một người khác may mắn hơn thì hàng giờ, hàng ngày và đôi khi hàng năm dường như cũng lướt qua giống như một phút giây ngắn ngủi. Nói cho cùng thì trong tất cả những chúng sinh hữu tình và hữu thức trên trần thế, con người là động vật duy nhất có ý thức về thời gian, mặc dù điều này khiến cho ý chẳng hạnh phúc hơn mà cũng chẳng khôn ngoan hơn. Vậy thì làm sao ta có thể giải thích cho con hiểu được cái điều *không thể* cảm nhận được vì con dường như không thể hiểu nổi nó? Những chuyện ẩn dụ hữu hạn không thích hợp để diễn tả điều vô hạn và trừu tượng, điều

khách quan không thể phản ánh được điều chủ quan. Muốn nhận ra được cái cực lạc nơi *Devachan* hay cái cực khổ nơi *A Tỳ* thì con phải tiêu hóa được chúng giống như chúng ta vậy. Chủ nghĩa duy tâm phê phán của Tây phương (được biểu hiện qua sự công kích của ông Roden Noel) vẫn còn phải học cách phân biệt giữa *thực tại* của những đối tượng siêu giác quan và tính chủ quan mù mờ của những ý tưởng mà chủ nghĩa duy tâm đã rút gọn chúng lại. *Thời gian* không phải là một quan niệm xác định, vì vậy nó không thể được chứng tỏ hoặc phân tích theo những phương pháp triết học hời hợt. Và nếu chúng ta không học cách đối phó lại với những kết quả tiêu cực của các phương pháp rút ra kết luận theo những giáo huấn của cái gọi là “hệ thống lý trí thuần túy”, và nếu chúng ta không học cách phân biệt giữa vật thể và hình thức trong sự hiểu biết của chúng ta về những sự hiểu biết giác quan cảm nhận được, thì chúng ta chẳng bao giờ có thể đạt được những kết luận chính xác và xác định. Trong trường hợp đang xét mà ta bênh vực để chống lại những quan niệm sai lầm (rất tự nhiên) của con, thì đây là một bằng chứng điển hình của tính hời hợt và ngay cả sự sai lầm của cái “hệ thống lý trí thuần túy (duy vật)” đó. Không gian và thời gian có thể - theo như Kant diễn tả - không phải là sản phẩm của các cảm giác, mà chỉ là những yếu tố điều tiết cảm giác, nhưng điều này chỉ đúng xét về các cảm giác của ta trên *trần thế* chứ không phải các cảm giác nơi *Devachan*. Ở nơi đây, chúng ta không thể tiên nghiệm tìm thấy những ý niệm về “không gian và thời gian” vốn chi phối nhận thức của những người nhập *Devachan* liên quan tới những đối tượng giác quan của họ; nhưng trái lại, chúng ta khám phá ra rằng chính *người nhập Devachan* mới hoàn toàn sáng tạo ra không gian lẫn thời gian để rồi lại cùng một lúc làm cho chúng biến mất. Như vậy cái gọi là “những trạng thái sau khi chết” chẳng bao giờ có thể được lý trí thực tiễn phán đoán một cách chính xác, vì lý trí này chỉ có thể hoạt động trong địa hạt của những nguyên nhân *tối hậu* tức là những cứu cánh, và khó lòng có thể được Kant coi là quyền năng tâm linh cao nhất nơi con người vì có phạm vi hoạt động là Ý CHÍ (đối với Kant, ở một trang này nó có nghĩa là lý trí, còn ở trang kia thì nó có nghĩa là ý chí). Nói như vậy không phải là muốn dây dưa – theo như con nghĩ – để cho có được một lập luận dây cà dây muống, nhưng muốn nhằm tới một sự thảo luận ở tương lai “trong nội bộ” (theo cách diễn tả của con) với những người nghiên cứu và hâm mộ Kant cùng với Platon mà thế nào con cũng phải đụng độ.

Nói một cách rõ rệt hơn, thì bây giờ ta có thể cho con biết điều sau đây, và ta ắt không có lỗi nếu con vẫn còn không hiểu được trọn vẹn ý nghĩa của nó. Cũng giống như kiếp sống trên cõi trần đã tích lũy được cường độ của mình từ buổi ấu thơ cho tới tuổi thanh xuân, để rồi năng lượng tích lũy đó giảm dần bắt đầu từ lúc đó cho tới tuổi già lâm cảm rồi chết, cũng vậy cuộc sống mộng mơ trên *Devachan* cũng diễn tiến tương ứng như vậy. Vì vậy cho nên con có lý khi bảo rằng “Linh hồn” chẳng bao giờ nhận ra được lỗi lầm của mình và thấy mình bị “thiên nhiên lừa gạt” hơn mức (nói cho thật chính xác) trọn cả cuộc sống con người cùng với những thực tại mà nó khoe khoang bị coi là “lừa gạt”. Nhưng con đã sai lầm khi kích động những thành kiến và tiên kiến của các độc giả phương Tây (chẳng một người Á đông nào sẽ đồng ý với con về điều này) khi nói thêm rằng “có một ý thức *phi thực* nào đó về trọn cả những việc vốn thật khó chịu cho tâm trí”; vì con là người đầu tiên cảm thấy rằng đó chắc chắn là do “không lĩnh hội đầy đủ được bản chất của kiếp sống” nơi *Devachan* hơn là bất kỳ khiếm khuyết nào trong hệ thống của chúng ta. Vì vậy cho nên ta đã ra lệnh cho một

đệ tử hãy chép lại trong một Phụ lục bài báo của con trích dẫn bức thư này cùng với những lời giải thích được dự tính để làm cho độc giả tinh ngộ và nếu có thể được, xóa đi cái ấn tượng khó chịu mà lời thú nhận của con chắc chắn là gây nên nơi người ấy. Trọn cả đoạn trên thật là nguy hiểm. Ta cảm thấy mình không nên gạch bỏ nó đi, vì đó hiển nhiên là lời phát biểu những cảm xúc thực của con, thật tử tế mặc dù – ta xin lỗi vì đã nói như sau – đã minh oan một cách khá vụng về và có vẻ muốn biện hộ cho những nhược điểm (theo ý của con) trong hệ thống của chúng ta. Nhưng con hãy tin ta đi, không phải như thế đâu. Thiên nhiên không hề lừa gạt *kẻ nhập Devachan* nhiều hơn mức lừa gạt kẻ đang sống trên cõi trần. Ở Devachan, thiên nhiên cung ứng cho y hạnh phúc và cực lạc chân thực nhiều hơn mức dưới trần thế, nơi mà mọi tình trạng ác độc cũng như cơ may đều bất lợi cho y và cái sự chơi với cổ hữu của y – giống như một cọng rơm bị thổi bắn tung lên đây đó do một cơn gió vô tình – đã khiến cho hạnh phúc tinh nguyên trên trần thế là một điều hoàn toàn không thể có được đối với một con người, cho dù y ở trong hoàn cảnh nào và may mắn biết chừng nào. Nếu con gọi cõi đời này là một cơn ác mộng xấu xa và khủng khiếp thì chẳng thà như vậy con còn đúng hơn. Còn nếu con gọi kiếp sống trên Devachan là một giấc mơ theo bất kỳ ý nghĩa nào khác do qui ước vốn thích hợp trong ngôn ngữ của con với đầy những sự giả danh, thì đó chỉ là chối bỏ mãi mãi cái tri thức của giáo lý bí truyền vốn độc quyền nắm giữ chân lý. Vậy thì ta sẽ cố gắng một lần nữa giải thích cho con một vài trong nhiều trạng thái của Devachan và A Tỳ.

Cũng giống như cuộc sống thực trên trần thế, đối với Bản ngã nhập Devachan thì sự rộn ràng đầu tiên của cuộc sinh hoạt tâm linh rồi đạt tới tuổi thanh xuân, rồi dần dần bị cạn kiệt sức lực để rồi chuyển sang trạng thái bán ý thức, rồi dần dần quên lãng, lơ mơ rồi quên hẳn, trạng thái đó không phải chết mà là sinh, sinh vào một phạm ngã mới để rồi lại tiếp tục những hành động cứ ngày này sang ngày khác lại sản sinh ra một nhóm nguyên nhân mới; những thứ này lại phải được thanh toán trong một thời gian khác nơi Devachan để rồi lại tái sinh nữa thành một phạm ngã mới khác. Những kiếp sống nơi *Devachan* và trên trần thế tùy trường hợp đều được xác định do Nghiệp. Và cái vòng luân hồi đầy mệt mỏi này cứ phải xoay chuyển mãi mãi cho tới khi chúng sinh đó đã đến cuối cuộc tuần hoàn thứ 7; hoặc trong thời gian đó nếu chúng sinh này đã đạt được trước hết là sự minh triết của một vị La hán, rồi sự toàn tri của vị Phật, thì ngài sẽ thoát được cái vòng luân chuyển này trong một hoặc hai cuộc tuần hoàn vì ngài đã học cách giải thoát sinh tử luân hồi và nhập vào Đại Niết Bàn theo chu kỳ.

Nhưng giả sử đó không phải là một ông Bacon, một ông Goethe, một ông Shelley, một ông Howard mà là một người tầm thường nào đó, không đặc sắc mà cũng chẳng gai góc, chẳng tạo được một ấn tượng nào lên thế giới, thì chuyện gì xảy ra? Đơn giản là trạng thái Devachan của y cũng không đặc sắc, tẻ nhạt như phạm ngã của y. Làm thế nào có thể khác hơn được vì nhân nào quả nấy mà. Nhưng giả sử trường hợp có một con quái vật độc ác, tham dục, đầy tham vọng, keo kiệt, kiêu mạn, ưa lừa gạt v. v. . . Tuy nhiên y lại có một hay nhiều mầm mống của một điều gì đó tốt đẹp hơn, những tia chớp lóe của một bản chất thiêng liêng hơn, thì y sẽ đi đâu bây giờ? Cái tia lửa âm ỉ vừa nói trên ẩn bên dưới một đồng bụi trần cũng đủ để chống cự lại sức hút của cõi thứ 8 – kẻ nào rơi xuống đây đều là *những phi thực thể* tuyệt đối, là “những thất bại của thiên nhiên” phải được cải tạo lại hoàn toàn, vì Chơn thần thiêng liêng đã tách rời khỏi 5 nguyên khí thấp ngay trong buổi sinh thời (cũng có thể trong một kiếp kế trước đó

hoặc vài kiếp trước đó vì những trường hợp như thế cũng được ghi nhận trong sổ sách của chúng ta) và họ đã sống như những người *mất linh hồn* ^[1], những người nào mà nguyên khí thứ 6 đã rời bỏ họ (nguyên khí thứ 7 nếu *mất hiện thể* của mình, tức là nguyên khí thứ 6, thì không còn có thể tồn tại *độc lập* được nữa), thì nguyên khí thứ 5 tức Sinh Hồn dĩ nhiên sẽ rớt xuống “cái hố sâu không đáy”. Điều này có lẽ sẽ làm cho những lời bóng gió của Eliphas Levi trở nên rõ rệt đối với con hơn nếu con đọc lại những gì mà ông ta nói và những nhận xét của ta ở bên lề (Xem tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 10 năm 1881, bài “Sự Chết”) và suy gẫm về những từ được dùng ở trong đó chẳng hạn như *kẻ vô tích sự* v. v. . . Được thôi, thực thể vừa nêu trên cho dù độc ác như vậy cũng không thể bị rớt xuống cõi thứ 8, vì sự độc ác của y *có một bản chất rất tinh vi và rất tâm linh*. Y là một *con quái vật* chứ không phải chỉ là con thú *mất linh hồn*. Y chẳng những phải bị *hủy diệt* mà còn phải bị TRỪNG PHẠT, vì sự hủy diệt chỉ có nghĩa là quên lãng hoàn toàn, và sự kiện bị *dập tắt* mất sự sống hữu thức, bản thân nó không phải là sự trừng phạt đúng như Voltaire đã từng diễn tả: “*cái hư vô* chẳng để lại điều gì tốt đẹp”. Ở đây, cái ngọn nến cháy leo lét không hề bị cơn gió hiu hiu thổi tắt mà đó là một năng lượng mạnh mẽ, chủ động, đầy ác ý, nó được hoàn cảnh nuôi dưỡng và phát triển, một số hoàn cảnh có thể thực sự đã vượt khỏi tầm kiểm soát của y. Đối với một bản chất như thế thì phải có một trạng thái tương ứng với Devachan tức là *A Tỳ*, hoàn toàn là phản đề của *Devachan* mà các quốc gia Tây phương đã bình dân hóa thành ra Địa ngục và Thiên đường, chính con đã hoàn toàn quên mất điều này trong quyển “Các Mảnh Vụn Chân lý” của con. Nên nhớ rằng “Muốn bắt tử về điều thiện, người ta phải đồng nhất hóa mình với Điều Thiện tức Thượng Đế; còn muốn bắt tử về điều ác thì người ta phải đồng nhất hóa mình với Điều Ác tức Quỷ Sa Tăng”. Những quan niệm sai lầm về chân giá trị của những thuật ngữ như “tinh thần”, “linh hồn”, “chơn ngã”, “phàm ngã”, và nhất là “sự bất tử”; đã gây ra những trận bút chiến giữa rất nhiều người tham gia bàn luận thuộc về chủ nghĩa duy tâm, không kể ông C. C. M. và Roden Noel. Và để hoàn tất “Những Mảnh Vụn Chân lý” của con mà không sợ nguy cơ lại bị rớt vào nanh vuốt chỉ trích của các nhà quý tộc khả kính nêu trên, ta thấy cần viết thêm về Devachan và A Tỳ để lấy A Tỳ bổ sung cho Devachan và áp dụng chính những luật của Devachan cho A Tỳ. Con đã đồng ý để cho điều này được thực hiện trong phần *Phụ lục* ^[2].

Sau khi đã giải thích tình hình một cách đầy đủ, bây giờ ta có thể trả lời trực tiếp câu hỏi của con. Đúng vậy, chắc chắn là có “một sự thay đổi về sự quan tâm”, một sự thay đổi liên tục nơi Devachan, cũng nhiều và thậm chí còn hơn cả sự thay đổi trong cuộc đời của một người nam hoặc nữ tình cờ đã theo trọn cả một sự quan tâm *suốt kiếp sống* của mình cho dù đó là gì đi chăng nữa; chỉ có một sự khác biệt là đối với *kẻ nhập Devachan*, sự quan tâm đặc biệt của y bao giờ cũng dễ chịu và khiến cho sự sinh hoạt của y đầy những mê. Vậy thì ắt phải có sự thay đổi, vì cái cuộc sống mơ mộng đó chẳng qua chỉ là kết quả, là mùa gặt hái những hạt giống tâm linh đã rớt xuống từ cái cây trồng ở kiếp sống trên trần thế trong những lúc chúng ta mơ màng hi vọng thoáng tưởng tượng ra cái sự cực lạc và hạnh phúc vốn bị bóp nghẹt trong cái mảnh đất xã hội

^[1] Xem *Nữ thần Isis lộ diện*, quyển II, trang 368-369- ở đây từ *Linh hồn* dĩ nhiên là biểu diễn Hồn “Thiên Lương”, bất cứ khi nào hồn thiêng liêng rời bỏ một kẻ “mất linh hồn” thì đó là nguyên nhân của việc nguyên khí thứ 5 (Sinh Hồn) trượt vào cõi thứ 8.

^[2] Ta thấy Phụ lục này trong tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 3 năm 1883, trang 137.

bạc bẽo và chỉ có thể đơm hoa kết trái trong ánh bình minh ửng hồng của cõi Devachan vì nó đã chín muồi trên bầu trời để có thể kết thành quả. Ở đó, không hề có thất bại mà cũng chẳng hề có thất vọng. Nếu người ta chỉ một phút nghĩ tới cái hạnh phúc lý tưởng và cái kinh nghiệm trong kiếp sống của mình – theo như con nghĩ – thì nếu cõi Devachan quả thật tồn tại nó ắt không giống như con giả sử một cách sai lầm. Đó chỉ là sự kéo dài vô hạn của “cái phút giây duy nhất” ấy mà thật ra nó là những sự phát triển vô hạn với đủ thứ diễn biến và biến cố bắt nguồn từ và đặt cơ sở trên “cái phút giây duy nhất” đó hoặc những phút giây đó (có thể có trường hợp này); tóm lại, tất cả những điều gợi ý cho óc tưởng tượng của “kẻ mơ màng”. Như ta đã nói, chỉ một nốt bấm được khảy lên từ cây đàn lyre của kiếp sống cũng đủ tạo ra cái nốt Chủ âm của trạng thái nội tâm của một chúng sinh để rồi được triển khai thành vô số tông và nửa tông hài âm, trong cơn huyền tưởng tâm linh; ở đó, mọi hi vọng, hoài bão, giấc mơ không được thực hiện đều được trọn vẹn trở thành hiện thực và *những giấc mơ* khi sống nơi cõi ngoại giới biến thành *các thực tại* khi sống trong cõi nội giới. Ở đó, đằng sau cái bức màn Hào huyền thì bậc Chơn sư đã thấy được những bóng dáng hư ảo lơ mơ vì ngài học được cái bí mật lớn lao làm thế nào thâm nhập được vào những Điều huyền nhiệm của kiếp sinh tồn.

Chắc chắn rằng lời giải đáp của ta theo đó liệu con có kinh nghiệm được hay chẳng cái sự đơn điệu nơi điều mà con coi là cái giây phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời của mình; lời giải đáp này đã làm con hiểu lầm hoàn toàn. Vì vậy bức thư này cũng giống như lời sám hối của ta vì đã làm biếng không giải thích dài dòng hơn nữa.

(2) Chu kỳ có nghĩa là gì?

Dĩ nhiên “chu kỳ thứ yếu” ngụ ý là đã hoàn tất *Cuộc tuần hoàn* thứ 7, điều này đã được xác định và giải thích rồi. Ngoài ra vào lúc cuối mỗi cuộc tuần hoàn trong số bảy cuộc tuần hoàn, còn có một sự nhớ lại ít “trọn vẹn” hơn, chỉ là những kinh nghiệm Devachan đã trải qua giữa nhiều kiếp sống vào lúc cuối mỗi kiếp sống của *phàm nhân*. Nhưng việc *hoàn toàn* nhớ lại mọi kiếp sống - ở trên trần thế và nơi cõi Devachan – tóm lại là *túc mạn thông* – chỉ xảy ra vào lúc cuối cùng của trọn cả bảy Cuộc tuần hoàn (trừ phi trong thời gian đó, người ta đã trở thành một vị Bồ tát hoặc La hán) ở “trước thềm” Niết Bàn có nghĩa là đã trải qua một thời gian vô hạn. Cố nhiên là một người thuộc *Cuộc tuần hoàn thứ 7* (vốn đã hoàn tất những sự di trú trên cõi trần của mình vào lúc bắt đầu giống dân cuối cùng và chu kỳ thế giới cuối cùng) sẽ phải chờ đợi lâu hơn trước thềm Niết Bàn so với kẻ thuộc chu kỳ chót trong bảy Cuộc tuần hoàn. Cái *kiếp sống* của người được Ưu tuyển giữa Chu kỳ Hoại không – chính là Phần Thưởng Lớn, quả thật là phần thưởng lớn nhất, vì nó khiến cho Chơn ngã (mặc dù ngài có thể chưa bao giờ là một chơn sư, mà chỉ là một người có đức hạnh khả kính trong *hầu hết* mọi kiếp sống) hầu như là một Thượng Đế, một đáng toàn tri một cách hữu thức, một người đã được thọ ký – để trong A tăng kỳ kiếp nữa – sẽ trở thành bậc Như Lai Dhyana Chohan . . . Cũng đủ rồi, ta đang tiết lộ những điều bí nhiệm của điểm đạo. Nhưng NIẾT BÀN có dính dáng gì tới những hồi ức kiếp sống nơi ngoại giới? Niết Bàn là một trạng thái còn cao siêu hơn nữa, trong đó mọi chuyện nơi ngoại giới đều bị quên tuốt. Đây là một Trạng thái An dưỡng tuyệt đối và đồng hóa với Parabrahman – chính là Parabrahman luôn. Ôi thật đáng buồn khi nền triết học Tây phương không biết được sự thật này và những nhà trí thức lỗi lạc nhất của các con không thể hiểu được cốt tủy của loại giáo huấn này. Thôi thì chúng ta làm được gì thì cứ làm.

(3) Con phải giả định là có một sự liên lạc giữa các thực thể đang nhập Devachan vốn chỉ áp dụng cho sự liên lạc hỗ tương trên cõi trần. Hai linh hồn có thiện cảm với nhau thì mỗi linh hồn đều đào luyện ra cảm giác nơi cõi Devachan của riêng mình và khiến cho linh hồn kia cũng chia xẻ cái cực lạc nội giới của mình, thế nhưng mỗi linh hồn đều tách biệt với nhau vì không thực sự tương tác với nhau. Làm thế nào mà có sự đồng hành giữa hai thực thể nơi nội giới mà cơ sở vật chất chẳng có gì khác hơn là một cái ảo thân *Mayavi rupa* ?

(4) Devachan là một trạng thái chứ không phải là một nơi chốn. Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới là ba cõi mà tính linh đang thăng lên theo đó nhiều nhóm thực thể nội giới sẽ bị thu hút về. Dục giới (cõi bán vật thể) là nơi cư ngụ của các ma hình, những kẻ bất đắc kỳ tử và những người tự tử. Cõi này được chia ra thành vô số vùng và vùng nhỏ tương ứng với trạng thái tâm trí (tâm trạng) của kẻ đã đến giờ lâm chung. Đây là “thế giới Trường hạ” vinh diệu của những nhà Thần linh học, chân trời của cõi này bị hạn chế bởi tầm nhìn của những nhà thấu thị khá nhất trong đám những người Thần linh học; tầm nhìn này vốn không hoàn hảo và đầy lừa dối vì không được rèn luyện và không được dẫn dắt bởi *A lại da Thức* (tức tri thức bí nhiệm). Có ai ở phương Tây mà biết chút ít gì *Thế giới Ta bà* chân thực chẳng, cái Tam thiên Đại thiên Thế giới bí nhiệm với biết bao nhiêu vùng trong đó chỉ có ba cõi được công truyền tức là *Tam giới*: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thế nhưng chỉ mới đề cập có ba cõi này mà đã làm cho tâm trí của người Tây phương lộn tung phèo lên, thật đáng buồn khi thấy cảnh tượng này. Xem tạp chí “Ánh Sáng” số ra ngày 6 tháng giêng.

Hãy xem người bạn của con, (ông M. A. Oxon) loan báo cho thế giới độc giả của mình biết lời giả định của con trong “Giáo lý bí truyền” - “không một lời buộc tội nặng nề bất kỳ kẻ nào” (do bởi những kẻ thù không đội trời chung nhất của y) vượt hơn mức lời buộc tội khi con gán cho chúng ta là “những điều bí ẩn và không thể biết nổi”. Đó đâu phải là một sự chỉ trích cay đắng để có thể bòn rút thêm tri thức của chúng ta hoặc khiến cho “điều không biết” được trở nên *dễ biết hơn*. Thế rồi cái niềm vui khi giảng dạy cho công chúng do một trong những người có thẩm quyền lớn (là Roden Noel) có nói cách đây vài trang theo đó những nhà Thông Thiên Học gán cho “các ma hình” có một tâm thức *giả trang*. Hãy xem người ta dùng từ này với ý nghĩa khác như thế nào. Nếu thay vì dùng từ *giả trang* mà người ta viết là *đồng hóa* thì có lẽ người ta đã diễn tả đúng được việc ý thức của ma hình chẳng qua chỉ là *sự đồng hóa* ý thức của người đồng cốt và những người sống có mặt nơi đó, thế còn bây giờ - ! Nhưng dĩ nhiên không phải những nhà phê bình Âu Tây của chúng ta mà chính sự trình bày của những đệ tử Á đông của chúng ta mới “đường như hoàn toàn thiên biến vạn hóa vì họ cứ thay đổi liên tục”. Dù sao đi nữa thì cũng phải trả lời và chinh đốn người ta, cho dù là con hay ông Massey làm điều đó. Nhưng tiếc thay ông Massey chẳng biết được bao nhiêu, còn con thì cái quan niệm của con về Devachan thật “chẳng thoái mái” tí nào. Nhưng chúng ta hãy tiếp tục.

Vậy thì, kể từ Kama Loka trong Tam thiên Đại thiên Thế giới, một khi đã thức tỉnh khỏi cái sự thần thờ sau khi chết, “các linh hồn” mới được tân trang (*ngoại trừ các ma hình*) đều tùy theo sự hấp dẫn mà hoặc là nhập Devachan hoặc là xuống A Tỳ. Cả hai *trạng thái* này lại biến dị đến *vô tận*, mức độ gia tăng tính linh của chúng khiến ta suy ra được tên tuổi của các cõi mà chúng ta bị qui kết về đó. Chẳng hạn như những cảm giác, sự nhận thức và sự tạo ý của một *người nhập Devachan ở Sắc giới* dĩ nhiên

sẽ có ít tính chất nội giới hơn so với kẻ nhập Devachan nơi Vô Sắc giới. Nơi cả hai cõi này, kinh nghiệm Devachan sẽ có đáng về biến thiên đối với chủ thể chẳng những xét về hình tướng, màu sắc và chất liệu, mà còn về những tiềm năng tạo hình nữa. Nhưng ngay cả cái kinh nghiệm cao siêu nhất của một Chơn thần trong trạng thái Devachan cao siêu nhất nơi *Vô Sắc* giới (trạng thái cuối cùng trong bảy trạng thái) cũng không thể so sánh được với trạng thái hoàn toàn nội giới có tính linh thuần khiết mà Chơn thần xuất lộ từ đó để “giáng xuống nhập vào vật chất” và phải trở về đó sau khi đã hoàn tất chu kỳ lớn. Bản thân Niết Bàn cũng không thể so sánh được với Bát Niết Bàn.

(5) Tâm thức sống lại bắt đầu sau khi có cuộc đấu tranh ở Kamaloka trước ngưỡng cửa Devachan và chỉ *sau* khi có “thời kỳ tự sinh”. Làm ơn xem lại những lời giải đáp của ta về đề tài này trong bài “Những mâu thuẫn nổi tiếng”.

(6) Những suy diễn của con về việc kéo dài vô hạn một giây phút nào đó hạnh phúc trên cõi trần diễn ra nơi Devachan là không có cơ sở; ta không cần xét tới câu hỏi của con trong chương cuối cùng của loạt câu hỏi. Việc cư trú ở Devachan vốn tỉ lệ với những xung lực tâm linh còn dang dở bắt nguồn nơi cuộc sống trên trần thế: những người nào mà lực hút vật chất chiếm ưu thế chẳng bao lâu sẽ bị *Tanha* (ái) hút trở lại vào vòng tái sinh luân hồi. Đối thủ ở Luân đôn của chúng ta có nhận xét rất đúng rằng những đề tài (siêu hình học) này chỉ được người ta hiểu phần nào thôi. Muốn hiểu thì phải có một năng khiếu thượng đẳng thuộc về một sinh hoạt thượng đẳng, và quả thật là người ta không thể áp chế năng khiếu này lên sức hiểu biết của mình chỉ bằng vào ngôn ngữ không thôi. Người ta phải trông thấy bằng mắt tâm linh, phải nghe bằng tai của Pháp thân, phải cảm giác thông qua những cảm giác của *Ashta-vijnāna* (Linh Ngã thức) trước khi người ta có thể hiểu trọn vẹn được giáo lý này; bằng không thì điều này chỉ tổ làm cho người ta thêm “khó chịu”, chứ chẳng giúp cho y hiểu thêm được bao nhiêu.

(7) “Phần thưởng mà thiên nhiên cung cấp cho người nào vốn có thiện tâm một cách phóng khoáng và đầy hệ thống” (y không tập trung sự luyện ái của mình vào một cá nhân hoặc một chuyên ngành), đó là: nếu thật thanh tịnh, người này có thể di chuyển xuyên qua Dục giới và Sắc giới nhanh hơn để nhập vào cõi cao trong *Tam giới*, vì cõi Vô Sắc giới này là nơi đào luyện ra những ý tưởng trừu tượng và người nào ở trên đó chỉ chuyên chú nghiên cứu những nguyên tắc tổng quát. Phạm ngã vốn đồng nghĩa với sự giới hạn, và ý tưởng của con người càng hẹp hòi bao nhiêu, thì y càng bám khư khư lấy những cõi thấp bấy nhiêu. Dĩ nhiên địa vị xã hội của một người là kết quả của Nghiệp, theo luật này thì “nguru tầm nguru, mã tầm mã”. Kẻ mới sinh ra bị cuốn hút vào cái dòng sinh tồn mà những hấp lực chiếm ưu thế trong kiếp trước còn truyền thừa lại cho y. Như vậy một người khi chết đi là một dân quê Ấn độ lại có thể tái sinh thành một ông vua, còn một vị quân vương khi băng hà lại có thể chào đời trong cái lều của một kẻ cu li. Luật hấp dẫn này được xác nhận qua cả ngàn “biến cố sinh nở” hơn mức mà ta có thể thấy được sự giả danh rành rành ra đó. Khi con nhận ra được ít nhất là điều sau đây: các *uẩn* chỉ là những yếu tố của sự sống hạn hẹp, thì bấy giờ con cũng nhận ra được một trong những tình huống của Devachan mà giờ đây con cảm thấy là một viễn ảnh khiến con bất mãn sâu sắc. Khi được áp dụng một cách tổng quát thì những sự suy diễn của con (cho rằng sự hưởng thụ giàu sang phú quý của giai cấp thượng lưu là do họ có được một Nghiệp tốt hơn) cũng không hoàn toàn chính xác. Giai cấp thượng lưu vốn say sưa với chủ nghĩa hạnh phúc cho nên khó lòng thấy mình

dung hòa với Luật Nghiệp báo, vì những “sự hưởng thụ giàu sang phú quý” này thường là nguyên nhân của một Nghiệp mới nặng nề treo lơ lửng trên đầu họ, chứ không phải là hậu quả của nghiệp tốt đẹp trong quá khứ. Ngay cả xét theo “qui tắc tổng quát” thì tình trạng nghèo khó và khốn khổ trên đời cũng ít khi là nguyên nhân gây ra đau khổ hơn tình trạng giàu sang thuộc gia cấp thượng lưu, nhưng ta sẽ bàn về điều này sau. Những lời giải đáp của ta một lần nữa lại có vẻ là một quyển sách hơn là một bức thư có dung lượng phải chăng. “Tại sao không viết một quyển sách mới hoặc viết cho tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*”. Được thôi, chẳng lẽ con lại không nghĩ rằng (vì con muốn không những là thu phục được những đầu óc nhạy cảm *nhất* mà con thu phục được tất cả mọi người, cho nên) tốt hơn con nên viết quyển sách mới cũng như viết cho tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* sao ? Con có thể đưa vào trong quyển *Phật giáo Bí truyền* – nhân tiện xin nói đây là một tựa đề tuyệt vời – đề tài này vốn nối tiếp với hoặc mở rộng điều đã trình bày trong tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*; đây là một sự trình bày đầy suy tư và có hệ thống về những gì đã và sẽ được phổ biến trong Tạp chí nêu trên dưới dạng Những Mảnh vụn ngăn ngui đăng từng kỳ. Nể lời Chơn sư M. ta đặc biệt bản khoản không biết Tạp chí này có thành công được như mong muốn chẳng, nếu nó được phát hành rộng rãi, lưu hành xa hơn tình trạng ở trong nước Anh như hiện nay. Chắc chắn là quyển sách mới của con sẽ thu hút được một bộ phận công luận Tây phương có giáo dục và biết suy tư nhiều nhất hướng về cơ quan ngôn luận *tuyệt vời* của “Phật giáo Bí truyền”; nếu nó làm được cho họ vô số điều tốt đẹp như thế thì cả hai bên đều chứng tỏ được sự hỗ tương của mình. Con đừng quên quyển sách “*Đức Phật và Phật giáo Nguyên thủy*” của Lillie khi con viết quyển sách mới này. Mặc dù có hàng đồng những điều sai lầm, những giả định vô căn cứ và những sự xuyên tạc sự thật ngay cả về tiếng Bắc phạn và Nam phạn, song le quyển sách hóm hỉnh này vẫn là thành công lớn nhất đối với nhà Thần linh học và ngay cả những Ki Tô hữu có khuynh hướng thần bí. Ta đã ra lệnh cho Subba Row hoặc H. P. B. duyệt sơ lại quyển sách này, thêm những chú thích của chính ta vào đó, nhưng ta sẽ nói tới điều này trong bức thư tương lai. Con sẽ có nhiều tài liệu dưới dạng những chú thích và bài viết của ta để tha hồ biên tập. Con chỉ mới nêu ra một vài trong nhiều điều mà ta có đề cập tới, rồi mở rộng đi mở rộng lại qua hàng đồng thư từ như hiện nay. Con có thể sử dụng chúng để viết một số bài báo mới và Những mảnh vụn chân lý cho tờ tạp chí, còn dư lại bao nhiêu thì để dành viết sách. Sau này, sẽ có một quyển sách thứ ba đến lượt nó nối tiếp cho hai phần trên. Con luôn luôn nhớ kỹ kế hoạch này.

Bạn thân mến, “kế hoạch nông cuồng” của con ở Darjeeling xét về mục tiêu của nó thì chẳng có gì là *ngông cuồng*, mà chẳng qua chỉ là không thực hiện được. Chưa tới lúc đó thôi. Nhưng năng lượng con đang bị trôi dạt dờ, ắt từ từ và đều đều sẽ kéo con đi theo cái hướng giao thiệp cá nhân đó. Ta không nói rằng ta cũng muốn nó giống như con vậy, vì ta thấy con hầu như hàng ngày, cho nên ta cũng chẳng quan tâm mấy tới việc giao thiệp nơi *ngoại giới*, nhưng vì con muốn như vậy, nếu có thể, ta sẽ xúc tiến cuộc hội kiến này. Tuy nhiên -? Trong khi đó con nên vui vẻ mà biết rằng con đã làm được nhiều điều thực sự tốt đẹp cho dòng giống của con chỉ nội trong hai năm vừa qua hơn cả nhiều năm trước kia và cũng làm được nhiều điều tốt đẹp cho bản thân con nữa.

Ta hoàn toàn tin chắc rằng con không có thiện cảm với cái cảm xúc ích kỷ vốn thúc đẩy Chi bộ Luân đôn muốn giữ lại ngay cả một tỉ lệ nhỏ phần hỗ trợ tài chính của

mình – mỗi năm chỉ được có vài đồng guineas – không chịu nộp cho Hội Thông Thiên Học Quốc tế. Có người hội viên Thông Thiên Học nào mà lại nghĩ tới việc từ chối hoặc cố tình trốn tránh việc đóng lệ phí cho bất kỳ một Hiệp hội nào khác, một Câu lạc bộ hoặc một Hội Khoa học mà y có thể tình cờ thuộc về chẳng ? Chính sự thờ ơ và ích kỷ này đã khiến cho họ rung đùi hưởng nhàn và điềm nhiên đối với Hội Thông Thiên Học Quốc tế, để xem hai người phụ trách ở Ấn độ phải dốc túi ra những đồng rupies cuối cùng của mình (Upasika thực sự phải bán những đồ nữ trang cũng vì danh dự của Hội) mặc dù nhiều người hội viên ở Anh quốc thừa sức cung cấp số tiền cần thiết hơn mức mà hai người phụ trách ở Ấn độ hi sinh. Chị của ông Olcott thực ra đang đói kém ở bên Mỹ và người đàn ông nghèo khổ này (vốn yêu chị cũng như chính bản thân mình) tuy nhiên không thể để dành 100 rupies trong quỹ của Hội (hoặc đúng hơn là quỹ của tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*) để cứu trợ cho bà ta cùng với sáu đứa con thơ nếu H. P. B. không đốc thúc và Chơn sư M. không tặng một số tiền nhỏ.

Tuy nhiên, ta đã bảo ông Olcott cứ ủy nhiệm cho con cái quyền cần thiết chính thức để thanh toán chi phí hoặc thỏa hiệp về mặt tài chính với Luân đôn theo như con thấy thế nào là tốt nhất. Nhưng huynh đệ thân mến của ta ơi, con nên nhớ rằng nếu người ta mong đợi những người thư ký nghèo khổ ở Ấn độ lĩnh lương chỉ có 20 hoặc 30 rupies một tháng sẽ phải còng lưng gánh vác chi phí này cho Hội, thì thật là hoàn toàn bất công khi người ta miễn đóng lệ phí hoàn toàn cho những hội viên giàu có hơn nhiều ở Luân đôn. Con cứ làm *điều công bằng*, “dù cho trời có sụp đi chẳng nữa”. Thế nhưng nếu cần phải nhượng bộ với những thành kiến của *địa phương*, thì con chắc chắn là có đủ tư cách hơn chúng ta để xem xét và (vì vậy) thương lượng cho mọi việc ổn thỏa. Bằng bất cứ giá nào, con cũng phải lập lại “trật tự tốt hơn về những quan hệ tài chính” so với lúc hiện nay, nếu sự ngoắt ngoéo về mặt tài chính phải giảm bớt đi đối với con chiên Peling vừa mới bị xén lông. Bạn thân mến, ta tin tưởng vào sự khôn ngoan của con, mặc dù con có quyền (trong một chừng mực nào đó) nhanh chóng mất tin tưởng vào sự minh triết của ta, xét vì cuộc thương lượng để gây vốn cho tờ *Phượng Hoàng* đã tỏ ra căng thẳng biết là dường nào. Con phải hiểu rằng mặc dù Đức Văn Minh Đại Đế có ủng hộ cho “Đệ tử Tại gia” của ta, thì ta cũng vẫn còn bị nhiều hạn chế giống như năm vừa qua và không thể vận dụng mọi thần thông của mình ứng xử với các bên hữu quan; bằng không thì ta đã giải quyết được rồi. Hơn nữa, luật lệ và những qui định của chúng ta về vấn đề tiền bạc hoặc bất kỳ một dịch vụ tài chính nào khác, cho dù ở bên trong hay bên ngoài Hội, đều vô cùng nghiêm khắc – có một số điểm còn rất ư khắc khe. Chúng ta phải xúc tiến mọi việc rất thận trọng, vì vậy cho nên mới bị chậm trễ. Nhưng ta hi vọng rằng chính con cũng nghĩ rằng một điều gì đó đã được thực hiện theo hướng nêu trên.

Đúng vậy, “Chơn sư K. H. có” ngụ ý là bài điểm sách của “ông Isaacs nên xuất hiện trong tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*” và do Tác giả của quyển “Thế giới Huyền bí” phụ trách, vậy thì con hãy gửi bài này trước khi con lên đường. Và vì ích lợi của ông già “Sam Ward”, ta muốn thấy nó được *quảng cáo* trong tờ “Tiền Phong”. Nhưng chuyện này không còn quan trọng nữa vì con đã từ nhiệm ở tờ báo đó rồi.

Tiện đây ta xin gửi lời chào và những lời chúc tốt đẹp nhất cho con. Ta đang rất bận rộn để chuẩn bị cho những cuộc điểm đạo. Có nhiều đệ tử của ta (trong số đó có Chơn sư Djual Khool) đang nỗ lực đạt đến bờ bên kia.

Thân ái,

K. H.